

**LƯỢC GIẢI  
NHỊ THỜI KHÓA TỤNG**



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM



Biên dịch: TT. THÍCH TRÍ HẢI

LƯỢC GIẢI  
NHỊ THỜI KHÓA TỤNG

略解二時課誦

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



**LƯỢC GIẢI**  
**NHỊ THỜI KHÓA TỤNG**

略解二時課誦



# MỤC LỤC



Lời Nói Đầu .....	09
Tổng Luận.....	11
Triều Thời Khóa Tụng - Hán .....	35
Thời Khóa Công Phu Khuya - Âm .....	57
Lược giải Công Phu Khuya.....	81
Phụ Chú Kệ Hồ Thiên .....	131
Phần Chú Thích .....	133
Văn Thời Khóa Tụng - Hán .....	171
Thời Khóa Công Phu Chiều - Âm .....	195
Yếu giải Công Phu Chiều .....	221
Chú Thích Hán Văn .....	245
Lược giải Kinh A Di Đà .....	251
Lược giải Hồng Danh Bảo Sám .....	337
Lược giải Mông Sơn Thí Thực .....	391
Thư Mục Tham Khảo .....	439





## LỜI NÓI ĐẦU



*Phật pháp từ Nhất Hoa Hiện Thoại, được chư Tổ sư kế thừa truyền giáo, đặc thù mang tính khế lý, khế cơ, khế thời, khế xứ, làm lợi lạc chúng sinh, tùy thuận căn cơ chủng tánh của những tầng lớp con người, mà Phật pháp thấy có cao thấp, rộng hẹp, cạn sâu... Lại có tánh tướng, chân vọng, hiển mật, sự lý... Trong quá trình chuyển tải Phật pháp, đặc tính Bất biến tùy duyên là sự chuyển đổi từ một trật tự xã hội truyền thống sang một trật tự xã hội công nghệ hiện đại. Như chư Phật khai bày phương tiện, chư Tổ sư đã vận hành tính chất bất biến tùy duyên, hay tùy duyên bất biến, để đưa chúng sanh, từ thấp đến cao, từ tướng đến tánh, từ vọng về chơn, từ mê đến ngộ, từ sự đến lý, và rốt ráo đến chỗ an vui giác ngộ giải thoát. Tất cả các quy trình phương thức, phép tắc lễ nghi, khoa giáo đọc tụng thọ trì, dẫn đến ứng dụng tu tập trau dồi đạo đức tự thân, gọi đó là Tông lâm Nghi thức.*

*Tông lâm, Thiền lâm hay Thiền môn là nơi chốn, trú xứ của những người dốc lòng tu học Phật; Nghi thức thời khóa là những lễ nghi, cách thức ứng dụng hành trì Phật pháp, không chỉ Lễ nghi truyền thọ giới, Pháp kiết hạ an cư, Đàn tràng pháp sự... mà còn bao hàm phương pháp lễ nghi cách thức sống (Học đạo, Hành đạo, Hóa đạo và lúc Trụ thế cũng như khi Viên tịch) dẫn đến thành tựu thánh đạo, gọi đó*

*là Chánh Độ Môn. Những phương pháp lễ nghi mang tính tập tục kế thừa, gọi đó là Khánh Tiết Môn; và những lễ nghi cách thức tùy thuận chúng sanh, làm nhân duyên hóa độ mọi người, lần quy hướng về với Phật pháp, gọi đó là Tín Nguyện Môn, những lễ nghi đọc tụng khuyến tấn tu hành tinh tấn, gọi đó là Cảnh Sách Môn...*

*Nhận đảm nhiệm môn Nhị Khóa Hiệp Giải, thuộc Chánh Độ Môn trong Khoa Tụng giáo, hướng dẫn cho Tăng Ni sinh các khóa IV, V (2001-2005; 2005-2009) trường Phật Học Đồng Tháp. Với tinh thần truyền bá giáo pháp của Phật theo hướng cô đọng, mang an lạc đến cho mọi người, đặc biệt là Tăng Ni sinh, khi thâm nhập chánh pháp Phật giáo, phù hợp với hiện trạng của xu thế hội nhập toàn cầu.*

*Chúng tôi mạo muội biên soạn, lược giải, với nhan đề: Lược giải Nhị Thời Khóa Tụng. Trong quá trình biên soạn chúng tôi thành kính đánh lễ tri ân các bậc Tôn túc đã dày công phiên dịch, giảng giải, chú sớ cho ra đời các pho sách quý giá, mà chúng tôi đã tham khảo, học hỏi, trích dẫn. Vì là giáo trình là lược giải đại cương; còn rất nhiều điều phải nói, nên không sao tránh khỏi những sơ sót. Kính mong các bậc Tôn túc thạc đức, chư vị Thức giả cao minh, các vị đồng tu từ bi hoan hỷ.*

Nam mô Công Đức Lâm Bồ tát, Ma ha tát.

Khê thủ

**Tỳ kheo THÍCH TRÍ HẢI**

## TỔNG LUẬN



*(Trích y nguyên văn Phần Tổng Luận quyển Tông Lâm Nghi Thức của cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Thiện Tài, (Nhà Xuất Bản Tôn giáo – 2004 do Thành Hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành) chúng tôi lược bớt phần Câu chuông mõ, chuông trống Bát Nhã và các bài Xướng, Tán, Thỉnh, Vịnh, Bạch)*

Nói đến những Thời Khóa tụng Niệm tức Nghi lễ, là nói đến những Lễ Nghi Phép Tắc hình thức bên ngoài, nhưng xét nghĩ nếu không có sự tương thì người học Phật khó có thể thấu triệt, lãnh hội và thể nhập vào lý tánh cao siêu của Phật Pháp. Dụ như muốn hiểu mà không học thì khó có thể hiểu được. Học là sự tương mà hiểu là tánh. Lễ nghi phép tắc là một trong vô lượng pháp môn phương tiện tối cần, mà đức Thích Tôn khi còn tại thế đã ứng dụng để cứu độ, giáo hóa quần sinh.

Thế nên, đức Thích Tôn sau khi chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ Đề, suốt bốn mươi chín năm Ngài không ngừng chuyển bánh xe pháp, vận dụng vô số phương tiện, giáo độ nhơn sinh, và được chư vị Tổ sư kết tập thành Tam tạng; Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng; Luật nhiếp về giới, Kinh nhiếp về định, Luận nhiếp về huệ. Giới đối trị tâm tham dục, Định

dứt trừ tâm sân hận, Huệ phá trừ tâm si mê, nơi ba nghiệp thân, khẩu, ý của con người; dựa trên cơ sở đó con người tu tập, hành trì, chứng ngộ, thể nhập Phật tri kiến, dẫn đến thành tựu giác ngộ giải thoát.

Thật vậy, suốt 49 năm vân du thuyết pháp, đức Thế Tôn đã dùng vô lượng pháp môn và mỗi pháp môn đều có một qui trình, cách thức, lễ nghi riêng biệt tùy thuận căn cơ tâm tánh của nhân quần, kể cả các bậc Thánh Đệ Tử của Ngài, tùy duyên mà hóa độ. Thí như lễ nghi truyền trao giới pháp Phật dạy ngài Xá Lợi Phất vì ông La Hầu La làm Đường đầu Hòa thượng mà thuyết giới (Trong Giới Kinh); Lễ Sám Thù Ân, Đức Phật đã dạy Ngài Thiện Sanh qua bài Kinh Thi Ca La Việt (Lễ bái Lục Phương) hay Nghi Khánh Đản được rút từ Kinh “*Phật Thuyết Dục Tượng Công Đức*” ... cho đến việc trai đàn chẩn tế gọi là “*Diệm Khẩu Phổ Thí Pháp Hội*”; hội về Phật Pháp bố thí thức ăn cho các loài quý đỏi, được thực hành căn bản với tác phẩm “*Thí Chư Ngạ Quỷ Ẩm Thực Cập Thủy Pháp*” do Ngài Bất Không Pháp Sư dịch vào thế kỷ thứ tám, đời Đường được trích từ Kinh “*Phật Thuyết Cứu Bạt Diệm Khẩu Ngạ Quỷ Đà La Ni*” ... Qua đó, cho chúng ta thấy rằng giáo pháp của Đức Phật, không những làm cho người sống được an vui mà còn làm cho kẻ thác được nhiều điều lợi lạc, không chỉ hòa hài tùy thuận căn cơ tập quán con người từng xứ, từng nơi mà còn mang đầy một Triết Lý linh hoạt sống, làm cho Dương thới Âm siêu thoát cảnh mê làm đau khổ.

Tiếp nối truyền thống linh hoạt ấy, Đạo Phật du nhập

vào Việt Nam, đầu tiên do các Ngài: Ma Ha Kỳ Vực, Khương Tăng Hội, Chi Cương Lương, Mâu Bác... (bằng đường biển cùng các thương gia người Ấn). Trong các chuyến đi xa hàng nhiều năm tháng lên đênh trên biển, các thương gia cũng đã thờ cúng cầu nguyện Đức Phật (Phật Nhiên Đăng) và các vị Bồ Tát (như Quán Thế Âm) cùng sức gia trì kinh chú của các vị Thánh Tăng (được thỉnh đi theo đoàn) khiến cho trời yên bể lặng mọi sự an lành. Như vậy vào đầu Kỷ Nguyên Tây Lịch tại Giao Chỉ - Việt Nam đã có Phật giáo hoằng sanh với tinh thần tùy duyên bất biến, mà trước tiên là nghi lễ thờ cúng cầu an, cầu siêu... và sau đó là chân lý chánh truyền. Trong Nghi Lễ đã bao gồm sự lý viên dung góp phần tạo nên những Trung Tâm Phật Giáo thịnh hành nơi Đất Việt.

Đến thế kỷ thứ mười, Thiền Sư Diên Thọ - Vĩnh Minh đã phát huy mạnh mẽ phương pháp Tịnh - Mật Song tu. Sự kiện sách “Phật Giáo Pháp Sự Đạo Tràng Công Văn Cách Thức” ấn hành năm 1299 nói rõ về những Nghi thức, hành lễ Thọ Giới, Cầu An, Cầu Siêu, Chúc Thọ, Chuẩn Tế... và những văn bản như Sớ, Điệp, Trạng, Thiếp để dùng trong những lễ lược đã trở thành thông dụng. Nhưng đến năm 1302 khi Hứa Tông Đạo từ Trung Hoa sang Việt Nam, pháp sự ấy mới trở nên rườm rà nghi thức, đầy dẫy văn chương cùng ấn quyết và thần chú, đã làm lợi lạc quần sinh và là một phương tiện cảm hoằng quan trọng của Phật Giáo trong thời kỳ ấy.

Nhưng Tịnh - Mật song hành mà thiếu sự định tĩnh của tâm tư, không khéo có thể biến dạng trở thành phù thủy,

mê tín dị đoan làm lu mờ sắc thái của Phật Giáo. Nói khác sự biến chất của những người thực hành nghi lễ một cách lạm dụng hình thức bên ngoài sẽ phủ lên sinh hoạt tín ngưỡng bình dân một lớp màn vô minh dày đặc, để rồi bị sự phê phán của mọi người được căn cứ trên những hình thức sinh hoạt rườm rà, lễ nghi của người Phật tử. Đó cũng là một nguyên nhân khiến cho Phật Giáo Việt Nam trải qua những giai kỳ lịch sử suy đồi thoái hóa.

Thế nên, thực hành nghi lễ chúng ta cần phải quán triệt, tính sự lý viên dung, quyền thật song hành và ý nghĩa của nghi lễ, cùng với điều trọng yếu không thể thiếu, là hành giả phải có một đời sống tịnh tức giới hạnh, sức an lập của nội tâm mới có thể phát huy đúng tầm quan trọng của nghi lễ Phật Giáo.

### **1 – Ý Nghĩa Nghi Lễ:**

Nghi lễ là tiếng nói tắt, nói đủ là Nghi Thức Hành Lễ (bao gồm: Lễ nghi, lễ phép, lễ giáo, lễ nhạc, khuôn phép, oai nghi, lễ bái, tôn thờ, cúng kinh...). Nghi thức hành lễ của một buổi lễ Kỳ An, Kỳ Siêu hay Đạo Tràn Trường Hương, Trường Kỳ, Kiết Hạ An Cư... cho đến sinh hoạt tín ngưỡng của một Tôn Giáo nói riêng và mọi Hệ Thống Triết Học nói chung, đều phải có những nghi thức hành lễ của mình, để tiêu biểu tinh thần đoàn kết, tinh thần tri ân, tinh thần hiếu kính, tinh thần đạo vị... mặc dù trên phương diện nghi lễ có tùy thuộc hệ thống, tập quán dân tộc mỗi nơi, mỗi miền, nhưng tựu trung không ngoài mục đích chí thành cầu nguyện, tri ân báo ân,

tán dương công đức các bậc Tiên Nhân hay vị Giáo Chủ mà mình đang qui ngưỡng tôn thờ.

Theo phong tục dân gian Việt Nam cho rằng “Dương gian âm cảnh đồng nhất lý”. Thế nên, lễ nghi cúng tế là sự liên quan mật thiết, là sự gặp gỡ của thế giới hữu hình và vũ trụ siêu nhân, cùng những ý nghĩa trên nên nghi thức lễ bái là điều không thể thiếu của một con người.

Hơn nữa, trong quá trình Đạo Phật được hình thành ở Miền Nam nói riêng và đất nước Việt nói chung. Nghi lễ đã được chư vị Tổ Sư làm phương tiện hoằng pháp trước tiên, theo các đoàn thương gia hay dấu chân người đi khai hoang lập ấp, mái am tranh cùng hình bóng từ hòa của các vị Tăng đã làm chỗ dựa tinh thần cho quần chúng khi họ hằng ngày phải đương đầu với rừng hoang thú dữ, đầm sâu nước độc hoặc biển cả lênh đênh. Lời kinh tiếng kệ thiền vị của quý Ngài đã làm an lòng người khi họ gặp ách nạn, tai ương, cũng như an ủi họ khi tang sự đau buồn đã giúp họ có đủ nghị lực đối đầu với nguy hiểm. Thế nên, nhận định về “Đạo Phật góp phần quan trọng trong việc hình thành và bảo tồn 300 năm Sài Gòn”. Nhà văn Sơn Nam đã nói: “... từ 300 năm trước trong việc khẩn hoang hình thành nên vùng đất Nam Bộ ngày nay, các Nhà Sư Phật Giáo đã thực hiện đúng tinh thần của đạo Phật là chỗ dựa của dân về mặt tinh thần cũng như trong cuộc sống ... dù vai trò “Nhà Sư” lúc đó cũng chỉ mới là “Thầy Cúng” nhưng đã góp phần to lớn cho dân cho nước...” (Trích tuần báo Giác Ngộ - số 92 Cơ quan ngôn luận

của Thành Hội Phật Giáo TP. HCM ra ngày 03/01/1998).

Vì thế Nghi lễ là một trong những pháp môn quan trọng có nhiều lợi lạc, góp phần lớn cho sự nghiệp Hoàng pháp lợi sanh mang đầy Triết lý linh hoạt sống của Phật Pháp.

## **2 - Ý Nghĩa Thỉnh Chuông - Mõ:**

\* Tiên khởi nhi (trước chập hai):

Ý nói đây là phương tiện pháp môn nhưng người hành lễ phải quán triệt “*Quyền Thật Song Hành*” từ quyền giáo phương tiện này mở bày, khai ngộ “*Thật Tướng Chân Như*” của các pháp. Như người muốn qua sông tạm mượn thuyền bè.

\* Thứ đả tam (tiếp đánh ba):

Tiêu biểu cho Tam Bảo (Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo) mà người học Phật phải quy hướng, phải diệt trừ kỳ được Tam Độc (Tham lam, Sân hận, Si mê), thoát ly ba đường, tu pháp Tam Thừa (Thỉnh văn, Duyên giác và Bồ Tát) thành tựu Tam Đức (Pháp thân đức, Bát nhã đức và Giải thoát đức).

\* Kế lôi thất (kế đánh bảy):

Ý nói hành giả khi thực hành nghi lễ phải thoát ly phiền não, thất tình (Hỷ - nộ - ái - ố - ai - lạc - dục; mừng - giận - ghét - yêu - buồn - vui - muốn) để chứng đắc Thất Thánh Tài (Tín - giới - tâm - quý - đa văn - trí huệ và xả ly; lòng chánh tín - giới hạnh thanh tịnh - biết hổ thẹn - nghe nhiều - hiểu rộng và giải thoát) của hàng Thánh giả.

\* Trung đả bát (giữa đánh tám):

Tiêu biểu cho tám Thức Tâm Vương (Nhãn, Nhĩ, Tỷ,



Thiệt, Thân, Ý, Mạt Na và Alaya Thức) của mỗi con người chúng ta, khi thực hành pháp Phật với tâm niệm luôn trở về với con đường Thánh Đạo Tám Ngành (Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định).

\* Hâu diệt tứ (sau dứt bốn):

Thoát ly Tứ tướng (sinh, lão, bệnh, tử) thành tựu Tứ trí (Thành sở tác, Diệu quan sát, Bình đẳng tánh và Đại viên cảnh trí).

\* Những điểm tương đồng về cách đánh chuông mõ thì ý nghĩa cũng giống nhau, chỉ sai biệt ở chỗ Trung đã bát (giữa đánh tám - ở Miền Nam) và Trung đã thập (giữa đánh mười ở Miền Trung) theo quyển Nghi Lễ Phật Giáo của Thượng Tọa Thích Trí Giác do Tỉnh Hội Phật Giáo Quảng Nam - ấn hành năm 1972 thì giữa đánh mười mang ý nghĩa như sau:

\* Trung đã thập (giữa đánh mười):

Là để tiêu trừ mười ác nghiệp nơi Thân, Khẩu, Ý (Thân tam: Sát sanh, trộm cướp, tà dâm. Khẩu tứ: Lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ. Ý tam: Tham lam, sân hận và si mê) để chứng mười thân phần của Phật (Bồ Đề Thân, Nguyên Hạnh Thân, Ứng Hóa Thân, Diệu Lực Thân, Trang Nghiêm Thân, Oai Thế Thân, Ý Sanh Thân, Phước Đức Thân, Trí Huệ Thân và Pháp Sanh Thân).

**3 - Ý Nghĩa Kệ Chuông - Mõ:**

Khi đánh (thỉnh) chuông mõ hành giả nhiếp thân, nhiếp thân thàm nguyện (Kệ chuông):

Chánh văn:

Nguyện thử chung tinh siêu pháp giới  
 Thiết vi u ám tất giai văn  
 Văn trần thanh tịnh chứng Viên Thông  
 Nhứt thiết chúng sanh thành chánh giác  
 Ấn Đà Ra Đế Da Ta Bà Ha.

Tạm dịch:

Cầu tiếng chuông này thấu các pháp giới  
 Cả Thiết Vi tối tăm tẩy điều nghe  
 Việc thấy nghe thanh tịnh chứng bậc Viên Thông  
 Tất cả chúng sanh trọn nên quả giác.

(Ấn Mật Ngữ)

Chánh văn:

Gia trì mật ngữ tẩy trần tâm  
 Mộc ngư khuyến hướng chuyển tam tinh  
 Tứ chúng lục hòa tuyên bối diệp  
 Tứ sanh cứu hữu xuất phàm trần  
 Ấn Kim Cang Trang Nghiêm Tá Ha.

Tạm dịch:

Trì thêm mật ngữ giũ lòng trần  
 Cá cây ba tiếng chuyển tâm thân  
 Bốn chúng kính hòa ôn bối diệp  
 Tứ sanh cứu hữu thoát luân hồi.

Phương tiện mượn tiếng chuông đồng - mõ gõ bằng thân thanh tịnh trang nghiêm, tâm gia trì mật ngữ có công năng chấn động thiên địa, từ sự đạt lý, lý sự dung thông đem đến sự an vui giải thoát Bất Tư Nghì cho những ai thấy nghe,

tu tập qua tiếng mõ - hồi chuông.

Theo truyền thuyết Trung Quốc cho rằng: *“Sợ cá Kinh khi gõ vào vang thành âm điệu và nghe xa nên khi được sợ cá ấy người ta thường sử dụng làm mõ hiệu lệnh”*. Đến nay loài cá ấy rất hiếm, các Nghệ Nhân đã dụng gỗ làm mõ và hầu hết các mõ trong chùa đều có chạm hình con cá, với Sự - Lý như sau:

- Thường các loài cá trong khi ngủ và thức, mắt luôn luôn mở, biểu thị ý nghĩa người hành giả tu tập Phật Pháp, bất cứ trong hoàn cảnh nào tâm tư cũng luôn khai mở và tịch tĩnh.

- Dùng tiếng mõ để điều hòa âm thanh của đại chúng.

- Tiếng mõ khắc chế tiếng động bên ngoài, tâm trí không duyên ngoại cảnh, âm điệu hài hòa thân tâm tịch tĩnh... người đánh mõ được gọi là *“Duyệt chúng tâm”* hay *“Ông Duyệt Chúng”*.

#### **4 - Ý Nghĩa Tán - Tụng - Thỉnh - Bạch:**

**Tán:** Nói đủ là Tán thán, Tán dương hay xưng tán (bao gồm: Tán ca, tán tụng, tán đẩu vừa đánh tan (đẩu) vừa đọc bài tán, tán mõ, tán khánh, tán trống ... Với ý nghĩa xưng danh ca ngợi, đức tướng trang nghiêm, thâm ân giáo hóa, hạnh nguyện cao sâu của chư Phật, chư vị Bồ Tát và các bậc Tiên Nhân đạo cao đức trọng, hành trạng phi phàm, cốt để tri ân báo ân hay tri tân ôn cố, lập hạnh cho mình.

**Tụng:** Nói đủ là phúng tụng, tụng niệm. Tụng là đọc tụng, phúng tụng có âm điệu bổng trầm đầy thiền vị ; Niệm là suy nghĩ nhớ tưởng.

Tụng niệm là miệng đọc tụng, tâm nhớ nghĩ; Tâm miệng hợp nhất chú định vào lời kinh tiếng pháp, hiển lý: Thân hành Phật hạnh, khẩu tụng Phật ngôn, ý niệm Phật ý (thân thực hành theo hạnh của chư Phật, miệng tụng lời Phật dạy và tâm ý suy nghĩ như ý nghĩ của Phật). Từ đó dẫn đến ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh. Tam nghiệp hằng thanh tịnh thì sự tụng niệm sẽ đem lại an lạc cho kẻ còn người mất phước quả vô biên.

**Thỉnh:** Bao gồm kính thỉnh, Phụng thỉnh, Cung thỉnh, Cầu thỉnh và Mời thỉnh. Vì theo quan niệm của Dân Việt ta: *Tình thương và kính thuận là sức sống duy nhất của con người; Thi ân và báo ân là bổn phận cao cả nhất của đạo làm người.* Thế nên, sự cung kính, mời thỉnh qua lại là lễ đạo phải làm, và khi chết chưa phải là hết, mà ngoài thế giới hiện tượng vật chất hữu hình, còn có vũ trụ vô hình, cảnh giới siêu nhân, nên khi thực hành nghi lễ cúng tế với tất cả lòng thành cung kính thỉnh mời các bậc Thánh Hiền, Tổ Đức, Gia Tiên sẽ về chứng minh, lân mẫn gia hộ hoặc thù từ tiếp độ.

**Vịnh - Bạch:** Bạch là thưa, lời bày tỏ với người trên trước. Vịnh: Ngâm, đọc, làm thơ nói về phong cảnh (cảnh gió mát trăng thanh, tiêu dao ngoạn mục nào đó) phong cách, hành trạng (các bậc vĩ nhân, đấng siêu phàm) để tán dương, nguyện thỉnh. Trong nghi lễ ta thường gặp các bài Vịnh - Bạch (như Vịnh Bạch Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Phổ Hiền . . . )

\* Nhận xét về: Tán, Tụng, Thỉnh, Bạch được các vị Tổ Sư rút từ kinh văn Phật thuyết, rồi hòa hài cùng bản sắc văn hóa của dân tộc ở mỗi nơi và mỗi thời điểm, mà hình thành âm này, giọng nọ, điệu kia... nên có Thỉnh Bạch Tụng Tán a... à... i... í... có người cho rằng các điệu nhịp ấy là do Tổ Thần

Tú vào đời Đường Cao Tôn - Trung Quốc ở thế kỷ thứ tám đề xướng ra “*Ứng phú khoa nghi*” với các điệu tán hê... hà... a... í... Thuyết này vô căn cứ và chẳng thấy sách nào ghi.

\* Thuyết thứ hai, tương truyền vào đời Tam Quốc nhà Ngụy, Tào Thực (con của Tào Tháo) bất mãn vì em cường quyền, buồn cho nhơn tình thế thái, qua cuộc “*Thất bộ thành thi*” ông đi vân du đến các núi non tiên động, sau khi nghe phúng, vịnh, ngâm ca của các vị tu tiên, Ông mới chế ra các giọng tán tụng bổng trầm, ngâm ca... a... í... và truyền đạt cho đến ngày nay. Thuyết này được các nhà học giả đồng ý (trích Sự Lý Lễ Tụng).

### **5 - Ý Nghĩa Chuông - Trống Bát Nhã:**

Thông thường Trống Chuông - Trống Bát Nhã là hiệu lệnh sắp tiến hành một buổi lễ nào đó, báo cho mọi người được biết, nhưng ở bên trong thâm ý của tiếng chuông - trống mang đầy một Triết lý Phật giáo rất cao, nên phải đánh đúng cách phân định và thể hiện tương đồng với ý nghĩa của nó.

Chập hai, đánh ba, đánh ba, kể đánh bảy sau dứt tứ, ý nghĩa tương đồng với chuông - mõ.

Mở hội lớn, thỉnh Phật thượng đường, Đại chúng đều nghe được tiếng Bát Nhã, nguyện khắp mọi nơi các loài hữu tình cả thủy, đều được vào cửa trí tuệ rất ráo viên mãn.

### **Tinh tam, cửu (đều Tam luân - Cửu chuyển):**

Tiêu biểu cho Tam Tự Quy Y hay Tam Hồi Hướng (Hồi hướng vô thượng Bồ Đề, Hồi hướng pháp giới chúng sanh và Hồi hướng chân như tự tánh). Nhập (chuyển) Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Chỗ tương đồng của hai Miền là đều: “*Nhập Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa*”. Nên gọi Chuông - Trống ấy là Chuông Trống Bát Nhã, và khi có trai đàn lễ sám mới trỗi lên. Về sau với quan niệm “*Nhứt Tăng đáo, nhứt Phật lai*” nên chùa nào khi lễ có Chư Tăng đến đều trỗi chuông trống Bát Nhã để đón rước.

Chông trống chúng ta không rõ đã xuất hiện từ thời nào, nhưng theo Kinh Lăng Nghiêm có đoạn Phật dạy Ông A Nan (sau khi Phật gọi La Hầu La thỉnh một tiếng chuông).

Đức Phật hỏi: Ông có nghe không?

Ngài A Nan đáp: Bạch Thế Tôn, con có nghe.

Qua bấy lần, nơi đoạn Thất Xứ Trưng Tâm của Kinh Thủ Lăng Nghiêm, và khi Đức Phật bảo ngài La Hầu La đánh Chuông để thể nghiệm tính nghe của ngài A Nan, chúng ta nhận thấy Chuông Trống đã có khi Đức Phật còn tại thế, về hình dáng Chuông đúc ra sao không rõ và Trống lúc ấy chế bằng gì có thể làm bằng đồng chứ không phải da thuộc.

Còn chuông có hình dáng như ngày nay, được xuất xứ từ ngài Chí Công Hòa Thượng đời vua Lương Võ Đế, sau khi chỉ bày cảnh khổ nơi chốn Tam đồ (Địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh trong U Minh Địa Ngục) mà Lương Võ Đế đã nương oai thần diệu nhãn của ngài Chí Công thấy được. Vua hỏi: Làm thế nào cho chốn ấy giảm bớt khổ đau? Ngài Chí Công dạy: Chỉ có tiếng Chuông ngân (với tâm gia trì mật ngữ) mới có thể thức tỉnh họ, nhờ đó mà họ dịu bớt khổ đau. Vua liền xuống chiếu, đúc hàng ngàn quả chuông đồng giao cho mỗi Chùa để đóng, gọi là Đóng Chuông U Minh cốt để cho các loài nơi cõi U Minh địa ngục được nghe mà giải khổ.

Gọi Chuông Trống Bát Nhã là phản nghĩa của U Minh Địa Ngục (nơi tối tăm mờ ám khổ đau không có lúc nào được tự tại). Duy có Trí tuệ Bát Nhã (Thứ trí huệ rộng lớn sáng soi khắp trùm phàm thánh, đạt chỗ an nhàn giải thoát) mới có thể phá tan màn vô minh u ám, hiển bày thật tướng các pháp, thoát ngoài vòng đối đãi nơi lục đạo tam đồ, dẫn đến chỗ siêu phàm nhập thánh. Thế nên, chúng ta Khai Chuông Bản - Cổ: Cũng có nghĩa là mở bày trí huệ vô lậu Bát Nhã ba la mật của người học Phật vậy.

### **6 - Ý nghĩa nội dung của một buổi lễ:**

Thông thường một lễ cúng, chúng ta tạm chia nội dung làm ba phần.

A – Nguyên Hương Lễ Tam Bảo.

B - Khai - Tụng Kinh

C - Hồi hướng - Tự Quy y

#### **A. Nguyên hương**

Nguyên cầu dâng hương cúng Phật, khi đốt hương đèn ta có những câu mật ngữ: Chú Đốt Đèn, Chú đốt Hương, Chú Tịnh Pháp Giới, Chú Tịnh Tam Nghiệp . . . với khói hương quyện tỏa đàn tràng khiến cho chướng khí tiềm tiêu, diệu nghiêm bảo điện.

Hơn nữa về mặt Lý: Bằng giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến hương (tức Ngũ Phần Hương) của hành giả dâng lên cúng dường mười phương Chư Thánh Hiền, thể hiện qua lòng chí thành, chí kính, quán sát, tu tập, dẫn đến thành tựu Ngũ Phần Pháp Thân.

Tích xưa, có một vị Đồng Tử. Sau khi nghe lời Đức Phật

dạy thực hành phương thức quán các pháp hữu vi, Đồng Tử bèn lắng lặng tu tập. Một hôm chợt thấy quý thầy Tỳ Kheo đốt hương trầm thủy, mùi hương ngạt ngào, khói tỏa lan ra vào mũi. Đồng Tử quán mùi thơm: Không màu, không sắc, không trong, không ngoài, không đến, không đi, không phải không, không phải có... Nó không từ đâu đến và cũng không đi về đâu, như đó tổ ngộ lý tánh chơn thường (từ các pháp Hữu Vi - Vô Thường; Sự - Lý) bất sanh bất diệt, đặc quả A La Hán. Phật bèn ấn chứng cho Đồng Tử với danh hiệu Hương Nghiêm. Do đó, Tổ Từ Vân có làm bài Nguyện - Tán Hương và nói rõ hạnh quả của Hương Nghiêm Đồng Tử bằng danh hiệu Hương Yên như sau:

**Nguyên văn:**

Tâm nhiên ngũ phận, phổ biến thập phương  
 Hương Yên Đồng Tử tổ lý chơn thường  
 Tỷ quán thiệt nan lường  
 Thụy ái tường quang  
 Kham hiển Pháp Trung Vương  
 Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát.

**Tạm dịch:**

Hương lòng năm món biến khắp mười phương  
 Hương Yên Đồng Tử tổ lý chơn thường  
 Diệu lực của mũi thật khôn lường  
 Sáng tốt đẹp lành quý như Khuê - Bích  
 Xin dâng cúng dường Đấng Pháp Vương  
 Cung kính dâng mây hương  
 Khấp lạy lạc Giác Hữu Tình.  
 Vạy nguyện tán hương cúng dường Chư Phật mang



nhieu ý nghĩa, từ sự hiển lý, không những làm cho tăng vế uy nghiêm, phá tiêu chướng khí nơi chốn Đạo Tràng, mà còn làm cho người tổ ngộ chơn thường, đạt thể tánh tịnh minh.

Tiếp đến tán dương pháp tướng nghiêm thân tịnh đức giới hạnh của Phật, để tỏ lòng tôn kính bậc Đại Từ Bi Phụ cứu độ muôn loài thoát cảnh mê lầm trong vô lượng sanh tử luân hồi.

Tham Lễ Phật (cung kính lạy Phật cùng học đòi đức tánh cao siêu). Vấn đề thờ Phật, Lễ Phật, Cúng Phật được khởi xướng do Ưu Điền Vương quá thương kính Phật, trong thời gian ba tháng Phật thuyết pháp nơi cung Trời Đao Lợi, vua đã sai người tạc tượng Phật để tôn thờ lễ cúng.

B. Khai - Tụng Kinh (khai diễn tuyên bày đọc tụng Pháp bảo) Phần mở đầu của Khóa Kinh, chúng ta nhận thấy (qua Chánh Văn Nghi Thức gồm các bài tán dương công đức Tam Bảo, cung thỉnh Tam Bảo cùng các vị Hộ Pháp Vi Đà, Hộ Giáo Già Lam... chứng minh, rồi sau đó mới tụng kinh (tùy theo buổi lễ).

Điều cần lưu ý trước khi khai, tụng kinh: Là những lễ Kỳ phước, Kỳ bệnh, Kỳ an, Kỳ siêu hay Cúng Phật, đối trước Tam Bảo trước khi khai kinh phải tán (hoặc đọc, tụng) một bài gì có ý nghĩa "*cúng hương*" và cuối bài với câu Hương Vân Cái hoặc Hương Cúng Dường như tán bài (tùy chọn một bài):

- Lư hương sạ nhiệt pháp giới mông huân...
- Giới hương định hương dữ huệ hương..
- Hương vân nhi bố Thánh Đức chiêu chương
- Hương tài nhiệt lư phần bảo đánh trung...

- Tâm nhiên ngũ phạm phổ biến thập phương.

Còn như Lễ An Vị, Khánh Thành, Nhập Quan, Hạ Khoán... thì chúng ta phải khởi tán một bài gì có ý nghĩa “Cam Lồ Sái Tịnh” thì cuối bài phải có câu Cam Lồ Vương hoặc Thanh Lương Địa, như tán bài.

- Dương chi tịnh thủy biến sái tam thiên...

- Tào khô thủy nhất phái hướng đông lưu

- Diêu thiên ngọc lộ giác hải kim ba...

*(tùy chọn một bài)*

Sau đó tiếp khai tụng kinh cho đến phần hồi hướng.

C. **Hồi hướng** (Hướng về) gồm Thập Hồi Hướng theo kinh Hoa Nghiêm; nhưng ở đây chúng tôi nhận thấy không ngoài ba phần chủ yếu, được gọi là Tam Hồi Hướng:

Hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề

Hồi hướng Pháp Giới Chúng Sinh

Hồi hướng Chân Như Thật Tướng.

### **Chú Thích Từ Ngữ:**

**Linh Thứu Sơn:** Cũng gọi Thứu Lĩnh 鷲嶺, Thứu Đài 鷲臺, Thứu Đầu Sơn 鷲頭山, Thứu Phong 鷲峰, gọi tắt của Linh Thứu Sơn 靈鷲山, phiên âm của nguyên ngữ Sanskrit là Kỳ Xà Quật Sơn (S: Gr̥dhra-kūṭa, P: Gijjhakūṭa H: 耆闍崛山), tên ngọn núi nằm ở phía Đông Bắc Thành Vương Xá thuộc nước Ma Kiệt Đà (S, P: Magadha H: 摩竭陀), hiện tại nằm ở phía Đông Rajgir của Ấn Độ. Đây là một trong những Thánh địa của Phật Giáo, là nơi đức Phật đã từng thuyết pháp; cho nên người ta cho rằng phần lớn các kinh điển Đại Thừa như Pháp

Hoa (法華), Bát Nhã (般若), Đại Bảo Tích (大寶積), Vô Lượng Thọ (無量壽), v.v., và cũng như câu chuyện Niêm Hoa Vi Tiếu (拈花爲笑) của Thiền Tông đều phát xuất từ đây. Trong bộ Long Hưng Phật Giáo Biên Niên Thông Luận (隆興佛教編年通論 卅 tục Tạng Kinh Vol. 75, No. 1512) quyển 12 do Thạch Thất Sa Môn Tổ Tú (石室沙門祖琇) ở phủ Long Hưng (隆興府) soạn, có đoạn: Huyền Trang... sưu dương Tam Tạng tậ Long Cung chi sở trữ, nghiên cứu Nhất Thừa cùng Thửu Lãnh chi di chỉ, tinh dĩ tải ư Bạch Mã hoàn hiến Tử Thần, tầm môn hạ chiếu sắc sứ phiên dịch 玄奘。。。搜揚三藏盡龍宮之所儲，研究一乘窮鷲嶺之遺旨，并已載於白馬還獻紫宸，尋蒙下詔敕使翻譯。Huyền Trang... tìm tòi Tam Tạng kinh điển tàng trữ tậ chốn Long Cung, nghiên cứu giáo lý Nhất Thừa soi rõ yếu chỉ của Thửu Lãnh, cùng để lên Bạch Mã mang về dâng Hoàng triều, mong trên hạ chiếu cho người phiên dịch). Trong bài thơ Linh Ẩn Tự (靈隱寺) của thi sĩ Tống Chi Vấn (宋之問 khoảng 656-712) đầu thời nhà Đường có câu trữ danh là: Thửu Lãnh uất thiêu nghiên, Long Cung kiêu tịch liêu, lâu quán thương hải nhật, môn đối Triết Giang triều, quế tử nguyệt trung lạc, thiên hương vân ngoại phiêu (鷲嶺鬱岩峽，龍宮矯寂寥，樓觀滄海日，門對浙江潮，桂子月中落，千香雲外飄，Thửu Lãnh rậm vút cao, Long Cung mờ tịch liêu, trên lầu biển xanh ngấm, cửa tựa Triết Giang triều, hàng quế trắng thăm rưng, hương trời mây trắng bay). Hoặc trong bài Hòa Vương Ký Thất Tùng Triệu Vương Xuân Nhật Du Đà Sơn Tự (和王記室從趙王春日遊陀山寺) của Lạc Tân Vương (駱賓王 khoảng 619-687) nhà Đường cũng có câu: Điểu dư bồi phủng đạo, Thửu Lãnh

hiệp thê chơn, Tứ Thiên minh tĩnh nghiệp, Tam Không quảng thắng nhân, tường hà sơ điệp giản, huệ nhật kiểu trùng luân, điệp ám Long Cung mật, hoa minh Lộc Uyển xuân ( 鳥旗陪訪道, 鷲嶺狎棲眞, 四禪明靜業, 三空廣勝因, 祥河疏疊澗, 慧日皎重輪, 葉暗龍宮密, 花明鹿苑春。 Cờ xí lên vấn đạo, Thửu Lãnh dưỡng nuôi chơn, Bốn Thiên sáng nghiệp lắng, Ba Không rõ duyên nhân, sông từ trong khe mát, trời tuệ tỏ thế nhân, lá che Long Cung thắm, hoa tươi Lộc Uyển xuân). Trong Đại Đường Đại Từ Ân Tự Tam Tạng Pháp Sư Truyện ( 大唐大慈恩寺三藏法師傳 Taishō Vol. 50, No. 2053) quyển 6, bài Đại Đường Tam Tạng Thánh Giáo Tự ( 大唐三藏聖教寺) lại có đoạn: Song Lâm, Bát Thủy, vị đạo xan phong; Lộc Uyển, Thửu Phong, chiêm kỳ ngưỡng dị 雙林, 八水味道餐風, 鹿苑, 鷲峰, 譚奇仰異, (Song Lâm, Tám Sông [của Ấn Độ], nếm đạo ăn phong; Lộc Uyển, Thửu Phong, nhìn kỳ trông lạ). Ngoài ra, từ Thửu Phong còn từ dùng thay thế cho tự viện Phật Giáo. Như trong bài thơ Tái Tập Chu Lâm Tu Trạch ( 再集朱林修宅) của Đỗ Giới ( 杜芥 1617-1693) nhà Thanh có câu: Tửu hát thi nhân ái vũ thiên, hồi quang tháp hỏa Thửu Phong yên ( 酒喝詩人愛雨天, 迴光塔火鷲峰煙 rượu uống thi nhân thích trời mưa, chiều tà tháp rực chùa khói mờ).

**Pháp Thân:** (S: Dharma-kāya, H. 法身): Tôn danh một trong 3 thân của Phật, gồm Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Thân (法身, 報身及應身). Với ý nghĩa là Thân thể của chân lý (pháp), Pháp Thân là đương thể chân lý vĩnh viễn bất biến, là đức Phật lý tánh không sắc không hình, đem lại ý nghĩa mang tính nhân cách cho lý thể của chân như,

còn được gọi là Pháp Thân Phật (法身佛), Pháp Tánh Thân (法性身), Tự Tánh Thân (自性身), Như Như Phật (如如佛), Như Như Thân (如如身), Đệ Nhất Thân (第一身), v.v. Đây là nhân cách hóa Phật tánh, tượng trưng cho Phật pháp tuyệt đối, chân lý không nơi đâu mà không hiện hữu, bao hàm khắp tất cả mọi nơi. Đức Phật là đấng giác ngộ, nên Pháp Thân là Giác Tánh (tánh giác ngộ), Báo Thân là Giác Tướng (tướng giác ngộ) và Ứng Thân là Giác Dụng (sự diệu dụng của giác ngộ). Lại nữa, ngài Cư Ma La Thập (S: Kumārajīva, H. 鳩摩羅什 TL. 344-413) có lập ra Tam Pháp Thân (三法身 ba loại Pháp Thân), gồm Pháp Hóa Sinh Thân (法化生身), Ngũ Phần Pháp Thân (五分法身) và Thật Tướng Pháp Thân (實相法身). Pháp Hóa Sinh Thân là hóa thân Phật do pháp tánh hóa hiện; Ngũ Phần Pháp Thân (五分法身) là thân thể có 5 phần công đức như Giới, Định, Tuệ, Giải Thoát và Giải Thoát Tri Kiến (戒, 定, 慧, 解脫及解脫知見法身功德). Thật Tướng Pháp Thân là thật tướng của các pháp vốn có tánh Không. Ngoài ra, cũng có Tam Pháp Thân do Thiên Thai Tông lập ra, gồm Không Pháp Thân (空法身 Pháp Thân của Tiểu Thừa), tức Giả Pháp Thân (假法身 Pháp Thân của Đại Thừa Biệt Giáo) và tức Trung Pháp Thân (中法身 Pháp Thân của Đại Thừa Viên Giáo). Như trong Niệm Phật Khởi Duyên Di Đà Quán Kệ Trực Giải (念佛起緣彌陀觀偈直解 . Tục Tạng Kinh Vol. 62, No. 1195) có giải thích về Pháp Thân rằng: Pháp Thân giả, tức Như Lai Tạng Đại Niết Bàn thể, sanh diệt tâm diệt, chơn như tâm hiện, tức danh Pháp Thân; thử thân vô độ khả lai, vô độ khả khứ, bổn Pháp Giới Thân, châu biến nhất thiết. 法身者, 即如來藏大涅槃體, 生滅心滅, 眞

如心現，卽名法身。此身無土可來，無土可去，本法界身，周遍一切。 Pháp Thân tức là thể của Như Lai Tạng Đại Niết Bàn, tâm sanh diệt mà diệt, thì tâm chơn như hiển hiện, tức gọi là Pháp Thân; thân này không quốc độ nào có thể đến, không quốc độ nào có thể đi, vốn là thân của Pháp Giới, biến khắp tất cả). Hay trong Phật Tam Thân Tán (佛三身贊. Taishō Vol. 32, No. 1678) có bài kệ về Pháp Thân rằng: Ngã kim khể thủ Pháp Thân Phật, vô dụ nan tư phổ biến trí, sung mãn pháp giới vô quái ngại, trạm nhiên tịch tĩnh vô đẳng đẳng, phi hữu phi vô tánh chân thật, diệc phi đa thiểu lý số lượng, bình đẳng vô tướng như hư không, phước lợi tự tha diệc như thị. 我今稽首法身佛。無喻難思普變智。充滿法界無罣礙。湛然寂靜無等等。非有非無性真實。亦非多少離數量。平等無相如虛空。福利自他亦如是。 Con nay cúi lạy Pháp Thân Phật, chẳng sánh khó lường trí rộng khắp, đầy tròn pháp giới không ngăn ngại, sáng trong vắng lặng không so sánh, chẳng có chẳng không tánh chân thật, cũng chẳng nhiều ít lìa tính lượng, bình đẳng không tướng như hư không, phước lợi ta người cũng như vậy. Trong Tứ Phần Luật Sư Huyền Lục (四分律搜玄錄. Tục Tạng Kinh Vol. 41, No. 732) quyển 1 cho biết rằng: Pháp Thân danh Tỳ Lô Giá Na (法身名毘盧遮那 Pháp Thân có tên gọi là Tỳ Lô Giá Na). Do đó mà có câu cúng dường: Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Phật (供養清淨法身毘盧遮那佛).

**Báo Thân:** (S: Saṃbhoga-kāya, H. 報身): chỉ cho thân quả báo của Phật; còn gọi là Báo Phật (報佛), Báo Thân Phật (報身佛), Thọ Pháp Lạc Phật (); hoặc được dịch là Thọ Dụng Thân (受用身), Thực Thân (食身), Ứng Thân (應身), là một

trong 3 thân (法身, 報身, 化身 Pháp Thân, Báo Thân và Hóa Thân) và 4 thân (法身, 報身, 應身, 化身 Pháp Thân, Báo Thân, Ứng thân và Hóa Thân) của Phật; tức là thân Phật có quả báo nhân vị vô lượng nguyện hạnh, vạn đức viên mãn. Đây cũng là thân kết quả của sự báo ứng các nguyện hạnh đầy đủ của vị Bồ Tát mới phát tâm tu tập cho đến tròn đầy Mười Địa (十地). Như A Di Đà Phật (阿彌陀佛), Dược Sư Như Lai (藥師如來), Lô Xá Na Phật (毘盧遮那佛), v.v., đều là Báo Thân Phật (報身佛). Báo Thân lấy Đại Trí (大智 tức trí tuệ không phân biệt của bậc Thánh), Đại Định (大定 nghĩa là không tác ý) và Đại Bi (大悲 tâm từ bi có thể giúp cứu bạt nỗi khổ của chúng sanh) làm thể; có đầy đủ vô lượng sắc tướng, muôn công đức của Thập Lực (S: daśa-bala, P: dasa-bala, H. 十力), Tứ Vô Úy (S: catur-vaiśāradya, P: catu-vesārajja, H. 四無畏), v.v. Theo Đại Trí Độ Luận (大智度論。 Taishō Vol. 25, No. 1509) quyển 9 cho biết rằng đức Phật có hai thân là Pháp Tánh Thân (法性身。 Thân Pháp Tánh) và Phụ Mẫu Sanh Thân (父母生身。 thân do cha mẹ sanh ra). Pháp Tánh Thân thì biến khắp cùng hư không, tướng hảo trang nghiêm, có vô lượng hào quang sáng rực và vô lượng âm thanh. Quyển 30 cùng điển tịch này còn nêu rõ rằng đức Phật lại có hai thân là: Chơn Thân (眞身) và Hóa Thân (化身). Chơn Thân thì cùng khắp hư không, âm thanh thuyết pháp của thân này cũng biến khắp mười phương vô lượng thế giới, nhưng chỉ có vị Bồ Tát ở địa vị Thập Trụ mới có thể lấy trí lực phương tiện không thể nghĩ bàn mà nghe được. Quyển 33 lại nêu ra hai loại thân khác là Pháp Tánh Sanh Thân (法性生身) và Tùy Thế Gian Thân (隨世間身). Pháp Tánh Sanh Thân thường có vô lượng vô số không thể tính đếm các vị

Bồ Tát Nhất Sanh Bổ Xứ (菩薩一生補處) theo hầu. Thông thường thân này chỉ cho Thật Báo Thân của Phật. Đối với nội chứng cũng như ngoại dụng của Báo Thân, căn cứ trên nghĩa thọ dụng, Thiên Thai học giả chia Báo Thân thành Tự Thọ Dụng Báo Thân (自受用報身) và Tha Thọ Dụng Báo Thân (他受用報身); rồi căn cứ trên quốc độ cư trú của Báo Thân mà phân thành Chơn Báo Thân Độ (真報身土) và Ảnh Hiện Báo Thân Độ (影現報身土). Chơn Báo Thân Độ chính là nơi chư vị Bồ Tát thị hiện trên mặt đất, là cõi nước Báo Thân để dùng phương tiện giáo hóa, truyền đạo. Thọ Dụng Thân của Pháp Tướng Tông và Duy Thức Tông đồng nghĩa với thân này. Đại Thừa Đồng Tánh Kinh (大乘同性經。Taishō Vol. 16, No. 673) quyển Thượng cho rằng thành Phật nơi cõi uế độ tương đối là Hóa Thân, thành Phật nơi cõi Tịnh Độ là Báo Thân. Trong Phật Tam Thân Tán (佛三身讚。Taishō Vol. 32, No. 1678) có bài kệ về Báo Thân rằng: Ngã kim khể thủ Báo Thân Phật, trạm nhiên an trú đại Mâu Ni, ai mẫn hóa độ Bồ Tát chúng, xứ hội như nhật nhi phổ chiếu, Tam Kỳ tích tập chư công đức, thí năng viên mãn tịch tĩnh đạo, dĩ đại âm thanh đàm diệu pháp, phổ linh hoạch đắc bình đẳng quả. (我今稽首報身佛。湛然安住大牟尼。哀愍度菩薩衆。處會如日而普照。三祇積集諸功德。始能圓滿寂靜道。以大音聲談妙法。普令獲得平等果。) Con nay cúi lạy Báo Thân Phật, sáng trong an trú đức Mâu Ni, xót thương hóa độ chúng Bồ Tát, khắp chốn như trời chiếu cùng khắp, ba đời tích tập các công đức, mới thể tròn đầy đạo vắng lặng, lấy âm thanh lớn bàn pháp mầu, khiến cho đạt được bình đẳng quả). Hay trong Triệu Luận Lược Chú (肇論略註, 卅。 Tục



Tạng Kinh Vol. 54, No. 873) quyển 5 có giải thích rằng: Dĩ tam thể chư Phật khoáng kiếp tu nhân, chứng thử nhất tâm chi thể, danh vi Pháp Thân; dĩ thù quảng đại chi nhân, danh vi Báo Thân; tùy cơ ích vật, danh vi Hóa Thân; nhất thiết chư Phật giai cụ Tam Thân; Pháp Thân vi thể, Hóa Thân vi dụng, hữu cảm tức hiện, vô cảm tức ẩn. (以三世諸佛，曠劫修因，證此一心之體，名爲法身。以酬廣大之因，名爲報身。隨機益物，名爲化身。一切諸佛皆具三身。法身爲體，化身爲用，有感即現，無感即隱)。 vì ba đời các đức Phật muôn kiếp tu nhân, chứng thể nhất tâm này, nên gọi là Pháp Thân; để báo ứng nhân to lớn này, nên gọi là Báo Thân; tùy cơ duyên mà làm lợi ích muôn loài, nên gọi là Hóa Thân; hết thấy các đức Phật đều có đủ Ba Thân; Pháp Thân làm thể, Hóa Thân làm dụng, có cảm tức hiển hiện, không cảm thì ẩn tàng). Trong Tứ Phần Luật Sưu Huyền Ký (四分律搜玄記。Tục Tạng Kinh Vol. 41, No. 732) quyển 1 cho biết rằng: Báo Thân danh Lô Xá Na (報身名盧舍那。 Báo Thân có tên gọi là Lô Xá Na). Vì vậy, có câu cúng dường: 圓滿報報身盧舍那佛。 Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na Phật.



## THỜI KHÓA CÔNG PHU KHUYA



### 朝時課誦

大眾同唱禮：

讚佛相好當願衆生  
成就佛身證無相法

唵，牟尼牟尼，三牟尼，薩婆訶(三稱)。

志心頂禮，南無盡虛空遍法界過現未來，十方諸佛，尊法，賢聖僧，常住三寶  
(一拜)

志心頂禮，南無娑婆教主調御本師釋迦牟尼佛，大智文殊師利菩薩，大行普賢菩薩，護法諸尊菩薩，靈山會上佛菩薩  
(一拜)

志心頂禮，南無西方極樂世界大慈大悲阿彌陀佛，大悲觀世音菩薩，大勢至菩薩，大願地藏王菩薩，清淨大海衆菩薩  
(一拜)

讚盧香： 炉香乍爇法界蒙熏  
諸佛海必遙聞，隨處結祥雲

成意方恩，諸佛現全身  
南無香雲蓋菩薩，摩訶薩（三稱）。

開經偈：無上甚深微妙法  
百千萬億劫難遇  
我今見聞得受持  
願解如來真實義。

南無娑婆教主本師釋迦牟尼佛（三稱）。

南無楞嚴會上佛菩薩，摩訶薩（三稱）。

妙湛總持不動尊。  
首楞嚴王世希有。  
銷我億劫顛倒想。  
不歷僧祇獲法身。  
願今得果成寶王。  
還度如是恒沙眾。  
將此深心奉塵刹。  
是則名為報佛恩。  
伏請世尊為證明。  
五濁惡世誓先入。  
如一眾生未成佛。  
終不於此取泥洹。  
十雄大力大慈悲。

希更審除微細惑。  
令我早登無上覺。  
於十方界坐道場。  
舜若多性可銷亡。  
爍迦羅心無動轉。  
南無常住十方佛  
南無常住十方法  
南無常住十方僧  
南無釋迦牟尼佛  
南無佛頂首楞嚴  
南無觀世音菩薩  
南無金剛藏菩薩

爾時世尊，從肉髻中，涌百寶光，光中涌出，千葉寶蓮。有化如來，坐寶華中。頂放十道，百寶光明，一一光明，皆遍示現，十恒河沙，金剛密跡，擎山持杵，遍虛空界。大眾仰觀，畏愛兼抱，求佛哀祐。一心聽佛，無見頂相，放光如來，宣說神咒。

## 第一會

南無薩怛他 蘇伽多耶 阿羅訶帝 三藐三菩  
 陀寫 薩怛他 佛陀俱胝、瑟尼釤。南無薩婆勃  
 陀勃地 薩路鞞弊。南無薩多南 三藐三菩陀俱  
 知喃 娑舍囉、娑迦 僧伽喃 南無盧雞、阿羅  
 漢、跢喃。南無蘇盧多、波那喃。南無娑羯  
 唎陀、伽彌喃。南無盧雞、三藐、伽跢喃 三  
 藐、伽波囉 底波、多那喃。南無提婆、離瑟  
 赧。南無悉陀耶 毗地耶 陀囉離瑟赧 舍波奴  
 揭囉訶 娑訶娑囉、摩他喃 南無跋囉訶、摩  
 泥。南無因陀囉耶。南無婆伽婆帝 嚧陀囉耶  
 烏摩般帝 娑醯夜耶 南無婆伽婆帝 那囉野 拏  
 耶 槃遮摩訶、三慕陀囉 南無悉羯唎多耶 南無  
 婆伽婆帝 摩訶迦羅耶 地唎、般刺那 伽囉毗陀  
 囉 波拏、迦囉耶 阿地目帝 尸摩舍那泥 婆悉  
 泥 摩怛唎伽拏 南無、悉羯唎多耶 南無婆伽  
 婆帝 多他伽跢、俱囉耶 南無般頭摩、俱囉耶  
 南無跋闍囉、俱囉耶 南無摩尼、俱囉耶 南無  
 伽闍、俱囉耶 南無婆伽婆帝 帝唎茶 輸囉西那  
 波囉訶囉、拏囉闍耶 跢他伽多耶 南無婆伽婆  
 帝 南無阿彌、多婆耶 跢他伽多耶 阿囉訶帝 三  
 藐三菩陀耶 南無婆伽婆帝 阿芻鞞耶 跢他伽多  
 耶 阿囉訶帝 三藐三菩陀耶 南無婆伽婆帝 鞞

沙闍耶 俱盧、吠柱唎耶 般囉婆、囉闍耶 跢  
 他伽多耶 南無婆伽婆帝 三補師、毖多 薩憐捺  
 囉刺闍耶 跢他伽多耶 阿囉訶帝 三藐三菩陀耶  
 南無婆伽婆帝 舍雞野、母那曳 跢他伽多耶 阿  
 囉訶帝 三藐三菩陀耶 南無婆伽婆帝 刺怛那、  
 雞都、囉闍耶 跢他伽多耶 阿囉訶帝 三藐三菩  
 陀耶 帝瓢 南無薩羯唎多 翳曇、婆伽婆多 薩  
 怛他、伽都瑟尼釤 薩怛多、般怛藍 南無阿婆  
 囉視耽 般囉帝 揚歧囉 薩囉婆 部多、揭囉訶  
 尼羯囉訶 羯迦囉訶尼 跋囉、毖地耶 叱陀你  
 阿迦囉 密唎柱 般唎 怛囉耶 儻揭唎 薩囉婆 槃  
 陀那 目叉尼 薩囉婆 突瑟吒 突悉乏 般那你 伐  
 囉尼 赭都囉 失帝南 羯囉訶 娑訶、薩囉、若闍  
 毗多崩 娑那、羯唎 阿瑟吒冰、舍帝南 那叉、  
 刹怛囉、若闍 波囉、薩陀那、羯唎 阿瑟吒南  
 摩訶羯囉訶、若闍 毗多崩、薩那羯唎 薩婆、  
 舍都嚧 你婆囉、若闍 呼藍、突悉乏 難遮那 舍  
 尼 毖沙舍 悉怛囉 阿吉尼 烏陀迦囉、若闍 阿  
 般囉視多、具囉 摩訶般囉、戰持 摩訶疊多 摩  
 訶帝闍 摩訶稅多、闍婆囉 摩訶跋囉、槃陀囉  
 婆悉你 阿唎耶、多囉 毗唎 俱知 誓婆、毗闍耶  
 跋闍囉、摩禮底 毗舍嚧 多 勃騰 罔迦 跋闍囉、  
 制喝那、阿遮 摩囉 制婆 般囉質 多 跋闍囉、擅  
 持 毗舍囉 遮 扇多 舍 鞞提婆 補視多 蘇摩嚧 波

摩訶稅多 阿唎耶、多囉 摩訶婆囉、阿般囉 跋  
 闍囉、商羯囉、制婆跋闍囉、俱摩唎 俱藍陀  
 唎 跋闍囉、喝薩多遮 毗地耶 乾遮那 摩唎迦  
 咂蘇母婆羯囉 跢那 鞞嚧遮那 俱唎耶 夜囉菟  
 瑟尼釤 毗折藍婆、摩尼遮 跋闍囉、迦那、迦  
 波囉婆 嚧闍那 跋闍囉、頓稚遮 稅多遮 迦摩  
 囉 刹奢尸 波囉婆 翳帝夷帝 母陀囉 羯拏 娑鞞  
 囉 懺 掘梵都 印兔那、麼麼寫。

## 第二會

烏吽唎瑟、揭拏 般刺、舍悉多 薩怛他 伽  
 都瑟尼釤 虎吽都嚧雍 瞻婆那 虎吽都嚧雍 悉  
 眈婆那 虎吽都嚧雍 波囉瑟地耶 三般叉 拏羯  
 囉 虎吽都嚧雍 薩婆藥叉 喝囉刹袞 揭囉訶、若  
 闍 毗騰崩、薩那羯囉 虎吽都嚧雍 者都囉 尸  
 底南 揭囉訶 娑訶薩囉南 毗騰崩、薩那囉 虎  
 吽都嚧雍 囉又 婆伽梵 薩怛他 伽都瑟尼釤 波  
 囉點 闍吉唎 摩訶、娑訶薩囉 勃樹、娑訶薩囉  
 室唎沙 俱知、娑訶薩泥 帝隸、阿弊提視、婆  
 唎多 吒吒毘迦 摩訶、跋闍嚧陀囉 帝唎 菩婆  
 那 曼荼囉 烏吽娑悉帝 薄婆都 麼麼 印兔那、  
 麼麼寫。



## 第三會

囉闍婆夜 主囉跋夜 阿祇尼、婆夜 烏陀  
 迦、婆夜 毗沙、婆夜 舍薩多囉、婆夜婆囉、  
 斫羯囉、婆夜 突瑟叉、婆夜 阿舍你、婆夜 阿  
 迦囉 密唎柱、婆夜 陀囉尼、部彌劍 波伽波  
 陀、婆夜 烏囉迦、婆多、婆夜 刺闍壇茶、婆  
 夜 那伽婆夜毗條怛、婆夜 蘇波囉拏、婆夜 藥  
 叉、揭囉訶囉叉私、揭囉訶 畢唎多、揭囉訶  
 毗舍遮、揭囉訶 部多、揭囉訶 鳩槃茶、揭囉  
 訶 補丹那、揭囉訶 迦吒補丹那、揭囉訶 悉乾  
 度、揭囉訶 阿播悉摩囉、揭囉訶 烏檀摩陀、  
 揭囉訶 車夜揭囉訶 醯唎婆帝、揭囉訶 社多、  
 訶唎南 揭婆 訶唎南 嚧地囉、訶唎南 忙娑 訶  
 唎南 謎陀、訶唎南 摩闍、訶唎南 闍多、訶  
 唎女 視比多、訶唎南 毗多、訶唎南 婆多 訶  
 唎南 阿輸遮、訶唎女 質多、訶唎女 帝鈿、  
 薩鞞鈿 薩婆、揭囉訶南毗陀、夜闍 瞋陀、夜  
 彌 雞囉、夜彌 波唎、跋囉、者迦 訖唎擔 毗  
 陀、夜闍 瞋陀、夜彌 雞囉夜彌 茶演尼 訖唎擔  
 毗陀夜闍 瞋陀夜彌 雞囉夜彌 摩訶般輸、般怛  
 夜 嚧陀囉 訖唎擔 毗陀夜闍 瞋陀夜彌 雞囉夜  
 彌 那囉夜拏 訖唎擔毗陀夜闍 瞋陀夜彌 雞囉  
 夜彌 怛埵伽嚧、茶西 訖唎擔 毗陀夜闍 瞋陀

夜彌 雞囉夜彌 摩訶迦囉 摩怛唎伽拏 訖唎擔  
 毗陀夜闍 瞋陀夜彌 雞囉夜彌 迦波唎迦訖唎  
 擔 毗陀夜闍 瞋陀夜彌 雞囉夜彌 闍耶羯囉 摩  
 度、羯囉 薩婆、囉他、娑達那 訖唎擔 毗陀夜  
 闍 瞋陀夜彌 雞囉夜彌 赭咄囉 婆耆你 訖唎擔  
 毗陀夜闍 瞋陀夜彌 雞囉夜彌 毗唎羊、訖唎知  
 難陀、雞沙囉 伽拏、般帝 索醯夜 訖唎擔 毗  
 陀夜闍 瞋陀夜彌 雞囉夜彌 那揭、那舍囉、婆  
 拏 訖唎擔 毗陀夜闍。 瞋陀夜彌 雞囉夜彌 阿  
 羅漢 訖唎擔 毗陀夜闍 瞋陀夜彌 雞囉夜彌 毗  
 多囉伽 訖唎擔 毗陀夜闍 瞋陀夜彌 雞囉夜彌  
 跋闍囉波你 具醯夜、具醯夜 迦地、般帝 訖唎  
 擔 毗陀夜闍 瞋陀夜彌 雞囉夜彌 囉叉罔 婆伽  
 梵 印兔那、麼麼寫。

#### 第四會

婆伽梵 薩怛多、般怛囉。南無粹都帝 阿  
 悉多、那囉刺迦 波囉婆 悉普吒 毗迦、薩怛  
 多、砵帝唎 什佛囉、什佛囉 陀囉陀囉 頻陀  
 囉、頻陀囉 瞋陀瞋陀虎吽虎吽泮吒、泮吒、  
 泮吒、泮吒、泮吒 娑訶 醯醯泮 阿牟迦耶泮  
 阿。

波囉、提訶多泮 婆囉、波囉陀泮 阿素囉  
 毗陀囉 波迦泮 薩婆、提鞞、弊泮薩婆、那

伽、弊泮薩婆、藥叉、弊泮薩婆、乾闥婆、弊泮薩婆、補丹那、弊泮迦吒補丹那、弊泮薩婆、突狼枳帝、弊泮薩婆、突澀比犁訖瑟帝、弊泮薩婆、什婆唎、弊泮薩婆、阿播悉摩犁、弊泮薩婆、舍囉、婆拏、弊泮薩婆、地帝雞、弊泮薩婆、怛摩陀繼、弊泮薩婆、毗陀耶囉誓、遮犁、弊泮闍夜羯囉摩度羯囉薩婆、囉他娑陀雞、弊泮毗地夜遮唎、弊泮者都囉縛耆你、弊泮跋闍囉俱摩唎毗陀夜囉誓、弊泮摩訶波囉、丁羊叉耆唎、弊泮跋闍囉、商羯囉夜波囉丈耆、囉闍耶泮摩訶迦囉夜摩訶、末怛唎迦拏南無、娑羯唎多、夜泮瑟瑟拏婢、曳泮勃囉訶、牟尼、曳泮阿耆尼、曳泮摩訶羯唎、曳泮羯囉檀持、曳泮蔑怛唎、曳泮嚙怛唎、曳泮遮文茶、曳泮羯邏囉怛唎、曳泮迦般唎、曳泮阿地目、質多迦尸摩、舍那婆私你、曳泮演吉質薩埵、婆寫麼麼、印兔、那麼麼寫。

### 第五會

突瑟吒、質多阿末怛唎、質多烏闍、訶囉伽婆、訶囉噓地囉、訶囉婆娑、訶囉摩闍、訶囉闍多、訶囉視怛多、訶囉跋略夜、訶囉乾陀、訶囉布史波、訶囉頗囉、訶囉

婆寫、訶囉般波、質多

突瑟吒、質多嘮陀囉、質多藥叉、揭囉訶  
囉刹娑、揭囉訶閉隸多、揭囉訶

毗舍遮、揭囉訶部多、揭囉訶鳩槃荼、  
揭囉訶悉乾陀、揭囉訶烏怛摩陀、揭囉訶車  
夜、揭囉訶阿播薩摩囉、揭囉訶宅祛革茶耆  
尼、揭囉訶唎佛帝、揭囉訶闍彌迦、揭囉訶  
舍俱尼、揭囉訶姥陀囉難地迦、揭囉訶阿藍  
婆、揭囉訶乾度波尼、揭囉訶什佛囉埵迦醯  
迦墜帝藥迦怛隸帝藥迦者突託迦昵提、什  
伐囉毖釤摩、什伐囉薄底迦鼻底迦室隸、  
瑟密迦娑你、般帝迦薩婆、什伐囉室嚧吉帝  
末陀、鞞達、嚧制劍阿綺嚧鉗目佉嚧鉗羯唎  
突嚧鉗揭囉訶揭藍、羯拏、輸藍憚多、輸藍  
迄唎夜、輸藍末麼、輸藍跋唎室婆、輸藍毖  
栗瑟吒、輸藍烏陀囉、輸藍羯知輸藍跋悉帝  
輸藍鄔嚧輸藍常伽輸藍喝悉多輸藍跋陀輸  
藍娑房盎伽般囉、丈伽、輸藍部多、毖路  
茶茶耆尼什婆囉陀突嚧迦建咄嚧吉知婆路  
多毗薩般嚧訶凌伽輸沙怛囉娑那羯囉毗沙  
喻迦阿耆尼烏陀迦末囉、鞞囉建路囉阿迦  
囉密唎咄怛斂部迦地栗刺吒毖唎瑟質迦薩  
婆那俱囉肆引伽弊揭囉唎、藥叉怛囉芻末囉  
視吠帝釤娑鞞釤悉怛多、砵怛囉摩訶跋闍

噓 瑟尼釤 摩訶般賴、丈耆藍 夜波突陀 舍喻  
 闍那 辯怛隸拏 毗陀耶 槃曇迦噓彌 帝殊 槃曇  
 迦噓彌 般囉毗陀 槃曇迦噓彌 跢姪他 唵 阿那  
 隸 毗舍提 鞞囉 跋闍囉 陀唎 槃陀槃陀你 跋闍  
 囉 謗尼泮 虎吽都噓甕泮 莎婆訶。

千手千眼無礙大悲心陀羅尼

南無喝囉怛那哆囉夜耶。南無阿唎耶。娑  
 盧羯帝爍鉢囉耶。菩提薩埵婆耶。摩訶薩埵  
 婆耶。摩訶迦盧尼迦耶。唵。薩皤囉罰曳。  
 數怛那怛寫。

南無悉吉利埵伊蒙阿利耶。娑盧吉帝室佛  
 囉楞馱婆。南無那囉謹墀。醯唎摩訶皤哆沙  
 咩。薩婆阿他豆輸朋。阿逝孕。薩婆薩哆那  
 摩婆薩多那摩婆伽。摩罰特豆。怛姪他。

唵阿婆盧醯。盧迦帝。迦羅帝。夷醯唎。  
 摩訶菩提薩埵。薩婆薩婆。摩囉摩囉。摩  
 醯摩醯唎馱孕。俱盧俱盧羯蒙。度盧度盧  
 罰闍耶帝。摩訶罰闍耶帝。陀羅陀羅。地利  
 尼。室佛囉耶。遮羅遮羅。摩摩罰摩囉。穆  
 帝隸。伊醯移醯。室那室那。阿囉參佛囉舍  
 利。罰沙罰參。佛囉舍耶。呼盧呼盧摩囉。  
 呼盧呼盧醯利。娑囉娑囉。悉利悉利。蘇噓  
 蘇噓。菩提夜菩提夜。菩馱夜菩馱夜。彌帝

利夜。那囉謹墀。地利瑟尼那。婆夜摩那。  
 娑婆訶。悉陀夜。娑婆訶。摩訶悉陀夜。娑  
 婆訶。悉陀喻藝。室幡囉夜。娑婆訶。那囉  
 謹墀。娑婆訶。摩囉那囉。娑婆訶。悉囉僧  
 阿穆佉耶。娑婆訶。娑婆摩訶阿悉陀夜。娑  
 婆訶。者吉囉阿悉陀夜。娑婆訶。波陀摩羯  
 悉陀夜。娑婆訶。那囉謹墀幡伽囉耶。娑婆  
 訶。摩婆利勝羯囉耶。娑婆訶。南無喝囉怛  
 那哆囉夜耶。南無阿唎耶。婆嚧吉帝。爍  
 幡囉夜。娑婆訶。唵。悉殿都。漫多囉。跋陀  
 耶。娑婆訶。

### 1. 如意寶輪王陀羅尼

南無佛陀耶。南無達摩耶。南無僧伽  
 耶。南無觀自在菩薩摩訶薩。具大悲心者。  
 怛侄他。唵。斫羯囉伐底。震多末尼。摩  
 訶。鉢蹬謎。嚕嚕嚕嚕。底瑟吒。篤囉阿羯  
 利。沙夜吽。發莎訶。唵。鉢蹋摩。震多末  
 尼。篤攤吽。唵。跋喇陀。鉢亶謎吽。

### 2. 消災吉祥神咒

曩謨三 滿哆。母馱喃。阿鉢囉底。賀多  
 舍。娑曩喃。怛侄他。唵。佉佉。佉吡。佉  
 吡。吽吽。入嚩囉。入嚩囉。鉢囉入嚩囉。

钵啰入罽啰。底瑟姹。底瑟姹。瑟致哩。瑟致哩。娑登吒。娑登吒。扇底迦。室哩曳。娑罽诃

3. 功德寶山神咒

南無佛陀耶。南無达摩耶。南無僧伽耶。唵。悉帝护噜噜。悉都噜。只利波。吉利婆。悉达哩。布噜哩。娑罽诃

4. 佛母准提神咒

稽首皈依苏悉帝头面顶礼七俱胝  
我今称赞大准提唯愿慈悲垂加护

南無飒哆喃。三藐三菩陀。俱胝喃。怛侄他。唵。折戾主戾。准提娑婆诃。

5. 聖無量寿决定光明王陀羅尼

唵。捺摩巴葛瓦帝。阿巴啰密沓。阿优哩阿纳。苏必你。实执沓。牒左啰宰也。怛塔哥达也。阿啰诃帝。三药三不达也。怛你也塔。唵。萨哩巴。桑斯葛哩。叭哩迷沓。达啰马帝。哥哥捺。桑马兀哥帝。莎巴瓦。比迷帝。马喝捺也。叭哩瓦哩娑喝。

6. 药师灌顶真言

南谟薄伽伐帝。鞞杀社。窣噜薛琉璃。

钵喇婆。喝啰闍也。怛他揭多也。阿啰喝帝。三藐三勃陀耶。怛侄他。唵。鞞杀逝。鞞杀逝。鞞杀社。三没揭帝莎诃。

### 7. 觀音灵感真言(梦授咒)

唵嘛呢叭咪吽。麻曷倪牙纳。积都特巴达。积特些纳。微达哩葛。萨而鞞而塔。卜哩悉塔葛。纳补啰纳。纳卜哩。丢忒班纳。喏麻嚧吉。说啰耶娑诃。

### 8. 七佛灭罪真言

离婆离婆帝。求诃求诃帝。陀罗尼帝。尼诃啰帝。毗黎你帝。摩诃伽帝。真陵乾帝。莎婆诃。

### 9. 往生咒 (拔一切业障根本得生净土陀羅尼)

南無阿弥多婆夜哆他伽多夜哆地夜他阿弥利都婆毗阿弥利哆悉耽婆毗阿弥利哆毗迦兰帝阿弥利哆毗迦兰多伽弥膩伽伽那积多迦利娑婆诃。

### 10. 大吉祥天女咒 (善天女咒)

南無佛陀。南無达摩。南無僧伽。南無室利。摩诃提鼻耶。怛你也他。波利富楼那。遮利三曼陀。达舍尼。摩诃毗诃罗伽



帝。三曼陀。毗尼伽帝。摩诃迦利野。波祢。波啰。波祢。萨利嚩栗他。三曼陀。修鉢犁帝。富隶那。阿利那。达摩帝。摩诃毗鼓毕帝。摩诃弥勒帝。娄簸僧祇帝。醯帝。徒。僧祇醯帝。三曼陀。阿他阿耨。婆罗尼。

### 摩訶般若波羅蜜多(三稱)

(三藏法師玄奘译心經)

觀自在菩薩，行深般若波羅蜜多時，照見五蘊皆空，度一切苦厄。舍利子，色不異空，空不異色，色即是空，空即是色。受想行識，亦復如是。舍利子，是諸法空相，不生不滅，不垢不淨，不增不減。是故空中無色，無受想行識，無眼耳鼻舌身意，無色聲香味觸法，無眼界，乃至無意識界，無無明，亦無無明盡，乃至無老死，亦無老死盡，無苦集滅道，無智亦無得。以無所得故，菩提薩埵，依般若波羅蜜多故，心無掛碍。無掛碍故，無有恐怖，遠離顛倒夢想，究竟涅槃。三世諸佛，依般若波羅蜜多故，得阿耨多羅三藐三菩提。故知般若波羅蜜多，是大神咒，是大明咒，是無上咒，是無等等咒，能除一切苦，真實不虛。故說般若

波羅蜜多咒，即说咒曰：揭諦，揭諦，波羅揭諦，波羅僧揭諦，菩提娑婆訶。

(摩訶般若波羅蜜大明咒經。姚秦 天竺三藏 鳩摩羅什譯)。

觀世音菩薩。行深般若波羅蜜時，照見五陰空，度一切苦厄。舍利弗，色空，故無惱壞相、受空，故無受相、想空，故無知相、行空，故無作相、識空，故無覺相。何以故？舍利弗。非色異空，非空異色，色即是空，空即是色，受、想、行、識，亦如是。舍利弗。是諸法空相，不生不滅，不垢不淨，不增不減，是空法。非過去、非未來、非現在。是故空中無色。無受、想、行、識，無眼、耳、鼻、舌、身、意，無色、聲、香、味、觸、法，無眼界，乃至無意識界；無無明，亦無無明盡；乃至無老死，亦無老死盡；無苦集滅道，無智亦無得，以無所得故。菩薩依般若波羅蜜故。心無掛碍，無掛碍故，無有恐怖，離顛倒夢想苦惱。究竟涅槃，三世諸佛，依般若波羅蜜故。得阿耨多羅三藐三菩提，故知般若波羅蜜是大明咒、無上明咒、無等等明咒，能除一切苦，真實不虛，故說般若波羅蜜咒。即

说咒曰：竭帝，竭帝，波羅竭帝，波羅僧竭帝，菩提僧莎呵。

摩訶般若波羅蜜多(三稱)

上来现前清净眾，讽诵楞严秘密咒  
 回向三寶众龙天，守护伽蓝诸聖眾。  
 三途八难俱离苦，四恩三有尽沾恩  
 国界安宁兵革销，风调雨顺民安乐。  
 大众熏修希胜进，十地顿超無难事。  
 三门清净绝非虞，檀信皈依增福慧  
 刹塵心念可數知，大海充水可飲盡，  
 虛空可量風可計，無能說盡佛功德。  
 天上天下無如佛，十方世界亦無比，  
 世間所有我盡見，一切無有如佛也。

南無娑婆世界，三界道師，四生慈父，  
 人天教主，本師和尚，釋迦牟尼佛。

南無釋迦牟尼佛(經行三輪)

南無大智文殊師利菩薩(三稱)

南無大行普賢菩薩(三稱)

南無護法諸尊菩薩(三稱)

南無道場會上佛菩薩(三稱)

韓國，松廣寺(怡山然禪師發願文)  
歸命十方調御師，演揚清淨微妙法  
三乘四果解脫僧，願賜慈悲哀攝受  
弟子衆等。自違真性。  
枉入迷流。隨生死以飄沈。  
逐色聲而貪染。十纏十使。  
積成有漏之因。六根六塵。  
妄作無邊之罪。迷淪苦海。  
深溺邪途。著我耽人。  
舉枉措直。累生業障。一切愆尤。  
仰三寶以慈悲。瀝一心而懺悔。  
所願能仁拯拔。善友提攜。  
出煩惱之深淵。到菩提之彼岸。  
此世福基命位。各願昌隆。  
來生智種靈苗。同希增秀。  
生逢中國。長遇明師。  
正信出家。童真入道。  
六根通利。三業純和。  
不染世緣。常脩梵行。  
執持禁戒。塵業不侵。  
嚴護威儀。蝸飛無損。

不逢八難。不缺四緣。  
般若智以現前。菩提心而不退。  
脩習正法。了悟大乘。  
開六度之行門。越三祇之劫海。  
建法幢於處處。破疑網於重重。  
降伏眾魔。紹隆三寶。  
承事十方諸佛。無有疲勞。  
修學一切法門。悉皆通達。  
廣作福慧。普利塵沙。  
得六種之神通。圓一生之佛果。  
然後。不捨法界。遍入塵勞。  
等觀音之慈心。行普賢之願海。  
他方此界。逐類隨形。  
應現色身。演揚妙法。  
泥犁苦趣。餓鬼道中。  
或放大光。明。或現諸神變。  
其有見我相。乃至聞我名。  
皆發菩提心。永出輪迴苦。  
火鑊冰河之地。變作香林。  
飲銅食鐵之徒。化生淨土。  
披毛戴角。負債含怨。

盡罷辛酸。咸霑利樂。  
 疾疫世而現為藥草。救療沈疴。  
 飢饉時而化作稻粱。濟諸貧餒。  
 但有利益。無不興崇。  
 次期累世冤親。現存眷屬。  
 出四生之汨沒。捨萬劫之愛纏。  
 等與含生。齊成佛道。虛空有盡。  
 我願無窮。情與無情。同圓種智。

讚佛 (亦名讚禮釋尊)

讚禮釋尊無上能仁  
 增祇以遠修真  
 兜率降神長慈寶位金倫  
 坐菩提座大破魔君  
 一覩明星道成降法臨  
 三乘衆等歸心無生已證  
 現前衆等皈心無生速證  
 四生九有同登花藏玄門  
 八難三途共入毘盧性海。

自皈依佛，當願眾生  
 體解大道，發無上心。  
 自皈依法，當願眾生

深入經藏，智慧如海。

自皈依僧，當願眾生

統理大眾，一切無礙。

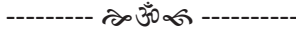
願以此功德，普及於一切

我等與眾生，皆共成佛道。





# THỜI KHÓA CÔNG PHU KHUYA



Tán thán Phật – Tham lễ Tam Bảo

Tán Lư Hương:

Lư hương xạ nhiệt, pháp giới môg huân  
Chư Phật hải hội tất diêu văn  
Tùy xứ kết tường vân,  
Thành ý phương ân, chư Phật hiện toàn thân.

Nam mô Hương vân cái Bồ Tát, ma ha tát (3 lần).

Khai Kinh Kệ:

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp  
Bá thiên vạn ức kiếp nan ngộ  
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì  
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa.

Nam mô Ta Bà Thế Giới Tam giới Đạo Sư Tứ Sanh Từ  
Phụ Nhơn Thiên giáo Chủ Thiên Bá Ưc Hóa Thân Bồ Sư  
Hòa Thượng Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần).

Nam mô Lăng Nghiêm Hội Thượng Phật Bồ Tát  
Diệu Trạng tổng trì bất động tôn,  
Thủ Lăng Nghiêm Vương thế hy hữu,  
Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tưởng.  
Bất lịch tăng kỳ hoạch Pháp thân,

Nguyên kim đắc quả thành Bảo vương,  
 Hườn độ như thị hằng sa chúng,  
 Tương thử thâm tâm phụng trần sát,  
 Thị tắc danh vi báo Phật ân  
 Phục thỉnh Thế Tôn vị chứng minh,  
 Ngũ trước ác thế thệ tiên nhập,  
 Như nhứt chúng sanh vị thành Phật,  
 Chung bất ư thử thủ Nê Hoàn.  
 Đại hùng đại lực đại từ bi,  
 Hy cánh thẩm trừ vi tế hoặc,  
 Linh ngã tảo đặng Vô thượng giác,  
 Ư thập phương giới tọa đạo tràng;  
 Thuận nhĩ đa tánh khả tiêu vong,  
 Thước ca ra tâm vô động chuyển.  
 Nam mô Thường trụ thập phương Phật.  
 Nam mô Thường trụ thập phương Pháp.  
 Nam mô Thường trụ thập phương Tăng.  
 Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.  
 Nam mô Phật đảnh Thủ Lăng Nghiêm.  
 Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát.  
 Nam mô Kim Cang Tạng Bồ Tát.

Nhĩ thời Thế Tôn, tùng nhục kế trung, đồng bá bảo  
 quang, quang trung đồng xuất, thiên diệp bảo liên, hữu  
 hóa Như Lai, tọa bảo hoa trung, đảnh phóng thập đạo, bá  
 bảo quang minh, nhứt nhứt quang minh, giai biến thị hiện,

thập hằng hà sa, Kim Cang mật tích, kinh sơn trì sử, biến hư không giới, đại chúng ngưỡng quan, úy ái kiêm bào, cầu Phật ai hựu, nhứt tâm thính Phật, vô kiến đánh tướng, phóng quang Như Lai, tuyên thuyết thần chú.

### ĐỆ NHẤT HỘI

Nam mô Tát đát tha tô già đa da a ra ha đế tam miệu tam bồ đà tỏa. Tát đát tha Phật đà cu tri sắc ni san.

Nam mô Tát bà bột đà bột địa, tát đa bệ tộ.

Nam mô Tát đa nắm tam miệu tam bồ đà cu tri nắm. Ta xá ra bà ca tăng già nắm.

Nam mô Lô kê a la hán đa nắm.

Nam mô Tô lô đa ba na nắm.

Nam mô Ta yết rị đà già di nắm.

Nam mô Lô kê tam miệu già đa nắm. Tam miệu già ba ra đế ba đa na nắm.

Nam mô Đề bà ly sắc nỏa.

Nam mô Tất đà da tỳ địa da đà ra ly sắc nỏa. Xá ba noa yết ra ha ta ha ta ra ma tha nắm.

Nam mô Bạt ra ha ma ni.

Nam mô Nhơn đà ra da.

Nam mô Bà già bà đế, lô đà ra da. Ô ma bát đế, ta hê dạ da.

Nam mô Bà già bà đế. Na ra dỏa noa da. Bàn giá ma ha tam mộ đà ra.

Nam mô Tất yết rị đa da.

Nam mô Bà già bà đế, ma ha ca ra da. Địa rị bác lặc na

già ra. Tỳ đà ra ba noa ca ra da. A địa mục đế. Thi ma xá na  
nê bà tất nê. Ma đất rị già noa.

Nam mô Tất yết rị đa da.

Nam mô Bà già bà đế. Đa tha già đà cu ra da.

Nam mô Bát đầu ma cu ra da.

Nam mô Bạt xà ra cu ra da.

Nam mô Ma ni cu ra da.

Nam mô Già xà cu ra gia.

Nam mô Bà già bà đế, đế rị trà du tây na, ba ra ha ra  
noa ra xà dà, đa tha già đa da.

Nam mô Bà già bà đế.

Nam mô A di đa bà da, đa tha dà đa da, a ra ha đế, tam  
miệu tam bồ đà da.

Nam mô Bà già bà đế, a sô bệ da, đa tha già đa da, a ra  
ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô Bà già bà đế, bệ sa xà da cu lô phệ trụ rị da  
bát ra bà ra xà da, đa tha già đa da.

Nam mô Bà già bà đế, tam bổn sư bí đa, tát lân nại ra  
lặc xà da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà  
da.

Nam mô Bà già bà đế, xá kê dã mẩu na duệ, đa tha già  
đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô Bà già bà đế, lặc đác na kê đô ra xà da, đa tha  
già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da, đế biều nam  
mô tát yết rị đa, ế đàm bà già bà đa, tát đác tha già đô sắc  
ni sam, tát đác đa bác đác lam.

Nam mô A bà ra thị đăm, bác ra đế vương kỳ ra, tát ra bà bộ đa yết ra ha, ni yết ra ha yết ca ra ha ni, bạc ra bí địa da sắt đà nề, a ca ra mật rị trụ, bát rị đất ra da nánh yết rị, tát ra bà bàn đà na mục xoa ni, tát ra bà đột sắc tra đột tất phạp bát na nề phạp ra ni, giả đô ra thất đế nẫm, yết ra ha ta ha tát ra nhã xà, tỳ đa băng ta na yết rị, a sắc tra băng xá đế nẫm, na xoa sát đác ra nhã xà, ba ra tát đà na yết rị, a sắc tra nẫm, ma ha yết ra ha nhã xà, tỳ đa băng tát na yết rị, tát bà xá đô lô nề bà ra nhã xà, hô lam đột tất phạp nan giá na xá ni, bí sa xá tất đác ra, a kiết ni ô đà ca ra nhã xà, a bát ra thị đa cu ra ma ha bác ra chiến trì, ma ha điệp đa, ma ha đế xà, ma ha thuế đa xà bà ra, ma ha bạt ra bàn đà ra bà tất nề, a rị da đa ra, tỳ rị cu tri, thệ bà tỳ xà da, bạc xà ra ma lễ đế, tỳ xá lô đa, bột đặng đồng ca, bạt xà ra chế hất na a giá, ma ra chế bà bác ra chất đa, bạc xà ra thiện trì, tỳ xá ra giá, phiến đa xá bệ đề bà bổ thị đa, tô ma lô ba, ma ha thuế đa, a rị da đa ra, ma ha bà ra, a bác ra, bạt xà ra thương yết ra chế bà, bạt xà ra cu ma rị, cu lam đà rị, bạt xà ra hất tát đa giá tỳ địa gia kiên giá na ma rị ca, khuất tô mẫu bà yết ra đa na, bệ lô giá na cu rị da, dạ ra thổ sắt ni sam, tỳ chiết lam bà ma ni giá, bạt xà ra ca na ca ba ra bà, lô xà na bạt xà ra đốn trĩ giá, thuế đa giá ca ma ra sát xa thi ba ra bà, ế đế di đế, mẫu đà ra yết noa, ta bệ ra sám, quật phạm đô, ấn thổ na mạ mạ tỏa.

### ĐỆ NHỊ HỘI

Ô hồng, rị sắt yết noa, bác lặc xá tất đa, tát đất tha già đô sắc ni sam. Hổ hồng, đô lô ung chiêm bà na. Hổ hồng, đô lô ung tất đăm bà na. Hổ hồng, đô lô ung ba ra sắc địa da

tam bát xá noa yết ra. HỒ HỒNG, đô lô ung, tát bà dượng xoa  
 hất ra sát ta, yết ra ha nhả xà, tỳ đẳng băng tát na yết ra. HỒ  
 hồng, đô lô ung, giả đô ra thi để nẫm, yết ra ha, ta ha tát ra  
 nẫm, tỳ đẳng băng tát na ra. HỒ hồng, đô lô ung, ra xoa, bà  
 già phạm tát đất tha già đô sắc ni sam, ba ra điểm xà kiết  
 rị, ma ha ta ha tát ra, bột thọ ta ha tát ra thất rị sa, cu tri ta  
 ha tát nê đế lệ, a tộ đề thị bà rị đa, tra tra anh ca ma ha bạt  
 xà lô đà ra, đế rị bồ bà na, man trà ra, ô hồng, ta tát đế bạc  
 bà đô, mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tỏa.

### ĐỆ TAM HỘI

Ra xà bà dạ, chủ ra bạt dạ, a kỳ ni bà dạ, ô đà ca bà dạ,  
 tỳ xa bà dạ, xá tát đa ra bà dạ, bà ra chước yết ra bà dạ, đột  
 sắc xoa bà dạ, a xá nể bà dạ, a ca ra mật rị trụ bà dạ, đà ra  
 ni bộ di kiểm ba già bà đà bà dạ, ô ra ca bà đa bà dạ, lặc xà  
 đàng trà bà dạ, na già bà dạ, tỳ điều đất bà dạ, tô ba ra noa  
 bà dạ, dượng xoa yết ra ha, ra xoa tư yết ra ha, tát rị đa yết  
 ra ha, tỳ xá giá yết ra ha, bộ đa yết ra ha, cựu bàn trà yết ra  
 ha, bổ đơn na yết ra ha, ca tra bổ đơn na yết ra ha, tất kiên  
 độ yết ra ha, a bá tát ma ra yết ra ha, ô đàn ma đà yết ra ha,  
 xa dạ yết ra ha, hê rị bà đế yết ra ha, xã đa ha rị nẫm, yết bà  
 ha rị nẫm, lô địa ra ha rị nẫm, mang ta ha rị nẫm, mê đà ha  
 rị nẫm, ma xà ha rị nẫm, xà đa ha rị nữ, thị tử đa ha rị nẫm,  
 tỳ đa ha rị nẫm bà đa ha rị nẫm, a du giá ha rị nữ, chất đa  
 ha rị nữ, đế sam tát bệ sam, tát bà yết ra ha nẫm.

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ba rị bạt ra giả ca  
 hất rị đờm

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, trà diễn ni hất rị  
 đờm

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha bát du bác  
đát dạ, lô đà ra hất rị đờm.

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na ra dạ noa hất  
rị đờm.

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, đát đỏa già lô trà  
tây hất rị đờm.

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha ca ra ma  
đát rị già noa hất rị đờm.

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ca ba rị ca hất rị  
đờm.

Tỳ đà dạ xà sân đà da di, kê ra dạ di, xà dạ yết ra, ma  
độ yết ra tát bà ra tha ta đật na hất rị đờm.

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, giả đốt ra bà kỳ  
nể hất rị đờm.

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ rị dương hất  
rị tri, nan đà kê sa ra dà noa bác đế, sách hê dạ hất rị đờm.

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na yết na xá ra bà  
noa hất rị đờm.

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na yết na xá ra bà  
noa hất rị đờm.

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, A la hán hất rị  
đờm.

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ đa ra già hất  
rị đờm.

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, bạt xà ra ba nể,  
cu hê dạ, cu hê dạ ca địa bát đế hất rị đờm.

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ra xoa võng, bà dà phạm, ấn thổ na mạ mạ tỏa.

### ĐỆ TỨ HỘI

Bà Già Phạm, tát đất đa bác đá ra, Nam mô Tý lô đô đế, a tát đa na ra lạc ca, ba ra bà tát phổ tra, tỳ ca tát đất đa bát đế rị, thập Phật ra thập Phật ra, đà ra đà ra, tần đà ra, tần đà ra, sân đà sân đà. HỒ HỒNG. HỒ HỒNG, phẩn tra, phẩn tra, phẩn tra, phẩn tra, ta ha, hê hê phẩn, a mâu ca da phẩn, a ba ra đề ha đa phẩn, ba ra bà ra đà phẩn, a tố ra tỳ đà ra ba ca phẩn, tát bà đề bệ tộ phẩn, tát bà na già tộ phẩn, tát bà được xoa tộ phẩn, tát bà kiên thát bà tộ phẩn, tát bà bổ đơn na tộ phẩn, ca tra bổ đơn na tộ phẩn, tát bà đột lang chỉ đế tộ phẩn, tát bà đột sáp tỳ lê hất sắc đế tộ phẩn, tát bà thập bà lê tộ phẩn, tát bà a bá tất ma lê tộ phẩn, tát bà xá ra bà noa tộ phẩn, tát bà địa đế kê tộ phẩn, tát bà đất ma đà kê tộ phẩn, tát bà tỳ đà da ra thệ giá lê tộ phẩn, xà dạ yết ra ma độ yết ra, tát bà ra tha ta đà kê tộ phẩn; tỳ địa dạ giá lê tộ phẩn, giả đô ra phược kỳ nể tộ phẩn, bạt xà ra cu ma rị, tỳ đà dạ ra thệ tộ phẩn, ma ha ba ra đĩnh dương xoa tỳ rị tộ phẩn, bạt xà ra thương yết ra dạ, ba ra trượng kỳ ra xà da phẩn, ma ha ca ra dạ, ma ha mặt đất rị ca noa. Nam mô ta yết rị đa dạ phẩn, tỳ sắc noa tỳ duệ phẩn, bột ra ha mâu ni duệ phẩn, a kỳ ni duệ phẩn, ma ha yết rị duệ phẩn, yết ra đàn trì duệ phẩn, miệc đất trị duệ phẩn, lao đất rị duệ phẩn, giá văn trà duệ phẩn, yết la ra đất rị duệ phẩn, ca bác rị duệ phẩn, a địa mục chất đa ca thi ma xá na, bà tư nể duệ phẩn, diễn kiết chất, tát đỏa bà tỏa, mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tỏa.



## ĐỆ NGŨ HỘI

Đột sắc tra chất đa, a mặt đất rị chất đa, ô xà ha ra, già bà ha ra, lô địa ra ha ra, ta bà ha ra, ma xà ha ra, xà đa ha ra, thị tỷ đa ha ra, bạc lược dạ ha ra, kiền đà ha ra, bố sử ba ha ra, phủ ra ha ra, bà tỏa ha ra, bác ba chất đa.

Đột sắc tra chất đa, lao đà ra chất đa, dượng xoa yết ra ha, ra sát ta yết ra ha, bế lệ da yết ra ha, tỳ xá giá yết ra ha, bộ đa yết ra ha, cư bàn trà yết ra ha, tất kiền đà yết ra ha, ô đất ma đà yết ra ha, xa dạ yết ra ha, a bá tất ma ra yết ra ha, trạch khê cách trà kỳ ni yết ra ha, rị Phật đế yết ra ha, xà di ca yết ra ha, xá cu ni yết ra ha, lao đà ra nan địa ca yết ra ha, a lam bà yết ra ha, kiền độ ba ni yết ra ha, thập Phật ra yên ca hê ca, tri đế dượng ca, đất lệ đế dượng ca, giả đột thác ca, ni đề thập phạt ra, tỷ sam ma thập phạt ra, bạc đế ca, tỷ đế ca, thất lệ sát mật ca, ta nể bác đế ra, tát bà thập phạt ra, thất lô kiết đế, mặt đà bệ đạ lô chế kiếm, a tỷ lô kiếm, mục khê lô kiếm, yết rị đột lô kiếm.

Yết ra ha yết lam, yết noa du lam, đản đa du lam, hất rị dạ du lam, mặt mạ du lam, bặt rị thất bà du lam, tỷ lật sắc tra du lam, ô đà ra du lam, yết tri du lam, bặt tất đế du lam, ô lô du lam, thường già du lam, hắc tất đa du lam, bặt đà du lam, ta phòng án già bác ra trượng già du lam, bộ đa tỷ đa trà, trà kỳ ni thập bà ra, đà đột lô ca kiến đốt lô kiến tri, bà lộ đa tỳ, tát bác lô, ha lẳng già, du sa đất ra, ta na yết ra, tỳ sa dụ ca, a kỳ ni ô đà ca, mặt ra bệ ra, kiến đa ra, a ca ra mặt rị đốt đất liếm bộ ca, địa lật lạc tra, tỷ rị sắc chất ca, tát bà na cu ra, tứ dẫn già tộ yết ra, rị dượng xoa, đác ra xô, mặt ra thị phê đế sam, ta bệ sam, tất đất đa bác đất ra, ma ha bạc xà lô sắc ni sam, ma ha bác lạc trượng kỳ lam, dạ ba

đột đà xá dụ xà na, biện đất lệ noa, tỳ đà da bàn đàm ca lô di, đế thù bàn đàm ca lô di, bát ra tỳ đà, bàn đàm ca lô di, đác điệt tha.

Án, a na lệ, tỳ xá đề, bệ ra bạc xà ra đà rị, bàn đà bàn đà nể, bạt xà ra bàn ni phẩn. Hổ hồng, đô lô ung phẩn, ta bà ha.

*Thiên thủ thiên nhãn vô ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni:*

Nam mô Hắc ra đất na đả ra dạ da. Nam mô A rị da, bà lô yết đế, thước bát ra da, Bồ đề tát đỏa bà da, ma ha tát đỏa bà da, ma ha ca lô ni ca da. Án, tát bàn ra phạt duệ, số đất na đất tỏa. Nam mô Tất kiết lật đỏa y mông a rị da, bà lô yết đế, thất Phật ra lăng đà bà.

Nam mô Na ra cẩn trì, hê rị ma ha bàn đả sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dựng, tát bà tát đả, na ma bà dà, ma phạt đạt đậu, đát điệt tha. Án a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê rị, ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê, rị đà dựng, cu lô cu lô yết mông, độ lô độ lô phạt xà da đế, ma ha phạt xà da đế, đà ra đà ra, đia rị ni, thất Phật ra da, dá ra dá ra. Mạ mạ phạt ma ra, mục đế lệ, y hê di hê, thất na thất na, a ra sâm Phật ra xá lợi, phạt sa phạt sâm, Phật ra xá da, hô lô hô lô hê rị, ta ra ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, Bồ đề dạ, Bồ đề dạ, di đế rị dạ, na ra cẩn trì, đia rị sắc ni na, ba dạ ma na, ta bà ha. Tất đà dạ, ta bà ha. Ma ha tất đà dạ, ta bà ha. Tất đà dữ nghệ, thất bàn ra dạ, ta bà ha. Na ra cẩn trì, ta bà ha. Ma ra na ra, ta bà ha. Tất ra tăng a mục khê da, ta bà ha. Ta bà ma ha a tất đà dạ, ta bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ, ta bà ha. Na ra cẩn trì

bàn đà ra dạ, ta bà ha. Ma bà lợi thắng yết ra dạ, ta bà ha. Nam mô Hắc ra đất na đa ra dạ da. Nam mô A rị da, bà lô kiết đế, thước bàn ra dạ, ta bà ha. Án Tất điện đô, mạn đa ra, bạt đà da, ta bà ha.

*1 - Như Ý Bảo Luân Vương Đà La Ni:*

Nam mô Phật Đà Da Nam mô Đạt Ma Da Nam mô Tăng Già Da Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát ma ha tát, cụ đại bi tâm giả, đất điệt tha. Án chước yết ra phạt đế chấn đa mạc ni, ma ha bát đẳng mế, rô rô rô rô, để sắc tra thước ra a yết rị, sa dạ hồng phẩn ta ha. Án, bát đập ma chấn đa mạc ni, thước ra hồng. Án, bát lạc đà, bát đẳng mế hồng.

*2 – Tiêu Tai Kiết Tường Thần Chú:*

Nặng mờ Tam mẫn đa, mẫu đà nẫm. A bát ra đế, hạ đa xá ta nặng nẫm. Đất điệt tha. Án, khô khô, khô hế, khô hế, hồng hồng, nhập phạt ra, nhập phạt ra, bát ra nhập phạt ra, bát ra nhập phạt ra, để sắc sá, để sắc sá, sắc trí rị, sắc trí rị, ta phẩn tra, ta phẩn tra, phẩn đế ca thất rị duệ, ta phạt ha.

*3 – Công Đức Bảo Sơn Thần Chú:*

Nam mô Phật Đà Da. Nam mô Đạt Ma Da. Nam mô Tăng Già Da. Án, tất đế hộ rô rô, tất đô rô, chỉ rị ba, kiết rị bà tất đạt rị, bố rô rị, ta phạt ha.

*4 – Phật Mẫu Chuẩn Đề Thần Chú:*

**Khế thủ quy y Tô tất đế.**

**Đầu diện đánh lễ Thất Câu Chi.**

**Ngã kim xưng tán Đại Chuẩn Đề.**

**Duy nguyện từ bi thù gia hộ.**

**Nam mô Tát đa nẫm tam miệu tam Bồ đề, Câu chi nẫm, đát điệt tha. Án, chiết lệ chủ lệ Chuẩn Đề, ta bà ha.**

*5 – Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Đà La Ni:*

**Án, nại ma ba cát ngỏa đế, a ba ra mật đạp, a ưu rị a nạp, tô tất nể, thiết chấp đạp, điệp tá ra tế dã, đát tháp cả đạt dã, a ra ha đế, tam dược tam bất đạt dã, đát nể dã tháp. Án, tát rị ba, tang tư cát rị, bót rị thuật đạp, đạt ra mã đế, cả cả nại, tan mã ngột cả đế, ta ba ngỏa, tỷ thuật đế, mã hất nại dã, bát rị ngỏa rị tá hất.**

*6 – Dược Sư Quán Đảnh Chơn Ngôn:*

**Nam mô Bạt già phạt đế, bệ sát xả, lũ lô thích lưu ly, bát lật bà, hất ra xà dã, đát tha yết đa da, a ra hất đế, tam miệu tam bột đà da. Đát điệt tha. Án, bệ sát thệ, bệ sát thệ, bệ sát xả, tam một yết đế tóa ha.**

*7 – Quan Âm Linh Cảm Chơn Ngôn:*

**Án, ma ni bát di hồng, ma hất nghê nha nạp, tch đô đật ba đạt, tch đật ta nạp, vi đạt rị cát, tát nhi cang nhi tháp, bốc rị tất tháp cát nạp, bổ ra nạp, nạp bốc rị, thư thất ban nạp, nại ma lô kiết, thuyết ra da, tá ha.**

*8 – Thất Phật Diệt Tội Chơn Ngôn:*

**Ly bà ly bà đế, cầu ha cầu ha đế, đà ra ni đế, ni ha ra đế, tỷ lê nể đế, ma ha dà đế, chơn lăng càn đế, ta bà ha.**

*9 – Vãng Sanh Tịnh Độ Thần Chú:*

**Nam mô A di đạ bà đạ. Đa tha dà đạ đạ.**

Đa diệt dạ tha, A di rị đô bà tỳ, A di rị đa, tất đām  
bà tỳ, A di rị đa, tỳ ca lan đế, A di rị đa, tỳ ca lan đa, Đà di nị  
dà dà na, Chỉ đa ca lệ, ta bà ha.

*10 – Thiện Nữ Thiên Chú:*

**Nam mô Phật Đà.**

**Nam mô Đạt Ma.**

**Nam mô Tăng Già.**

**Nam mô Thất rị, ma ha để tử da, đát nể dã tha, ba rị  
phú lâu na giá rị tam mạn đà, đạt xá ni, ma ha tỳ ha ra dà  
đế, tam mạn đà, tỳ ni dà đế, ma ha ca rị dã, ba nể ba ra, ba  
nể tát rị phạ lật tha, tam mạn đà, tu bác lê đế, phú lệ na,  
a rị ma đạt mạ đế, ma ha tỳ cổ tất đế, ma ha Di Lạc đế, lâu  
phả tăng kỳ đế, hê đế tử tăng kỳ hê đế, tam mạn đà, a tha  
a nậu, đà la ni.**

*Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh:*

**Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã ba la mật đa  
thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.**

**Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức  
thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, diệc  
phục như thị.**

**Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất  
diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không  
trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ,  
thiệt, thân, ý; vô sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn  
giới, nãi chí vô ý thức giới; vô vô minh diệc, vô vô minh tận,  
nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô Khổ, Tập, Diệt, Đạo;  
vô trí diệc vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề tát đỏa y Bát Nhã**

Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn. Tam thế chư Phật y Bát Nhã Ba la mật đa cố, đắc A nậu đa la Tam miệu Tam Bồ Đề. Cố tri Bát Nhã ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chơn thiệt bất hư.

Cố thuyết Bát Nhã ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết: Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ Đề tát bà ha.

**Ma ha Bát Nhã Ba La Mật Đa (3 lần)**

*Tán Phật (còn gọi Tán thượng lai):*

Thượng lai hiện tiền thanh tịnh chúng,  
 Phúng tụng Lăng Nghiêm chư phẩm chú,  
 Hồi hướng Tam Bảo chúng Long Thiên,  
 Thủ hộ Già Lam chư Thánh chúng,  
 Tam đồ bát nạn câu ly khổ,  
 Tứ ân, tam hữu tận triêm ân;  
 Quốc giới an ninh binh cách tiêu  
 Phong điều vũ thuận dân an lạc;  
 Đại chúng huân tu hy thắng tấn,  
 Thập địa đốn siêu vô nan sự;  
 Tam môn thanh tịnh tuyệt phi ngu.  
 Đàn tín quy y tăng phước huệ;  
 Sát trần tâm niệm khả sở tri,  
 Đại hải trung thủy khả ẩm tận;

Hư không khả lượng phong khả kế,  
 Vô năng thuyết tận Phật công đức.  
 Thiên thượng thiên hạ vô như Phật.  
 Thập phương thế giới diệc vô tỷ,  
 Thế gian sở hữu ngã tận kiến,  
 Nhứt thiết vô hữu như Phật dã.

Nam mô Ta bà thế giới, tam giới đạo sư, tứ sanh từ phụ, nhơn thiên giáo chủ, thiên bá ức hóa thân Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật (Đi kinh hành)

Nam mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát - 3 lần

Nam mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát - 3 lần

Nam mô Hộ Pháp Chư Tôn Bồ Tát - 3 lần

Nam mô Đạo Tràng Hội Thượng Phật Bồ Tát - 3 lần

### SÁM QUY MẠNG

(Ngài Di Sơn Thiền sư)

怡山禪師：怡山。山名乃然禪師所居之處。時人貴其德而不稱其字。故以山彰名也。詳如傳錄。茲不繁贅。撰者述也。謂述諸佛菩薩出世利生之本懷以顯自行化他之實行。四六成文。以便禮誦。大有裨於來學也。怡山發願文作者是唐朝皎然禪師。師俗姓謝，字清晝，湖州長城卞山（今浙江長興）人，為謝靈運十世孫，擅書法，堪為有唐詩僧之翹楚，一代之偉才，初期禪宗碑文多出自其手。師所撰怡山發願文亦被十方叢林定為課

誦發願文。現今佛教中最常見本文儀軌，即是於慈悲藥師寶懺之後所附。

**Quy mạng thập phương Điều Ngự sư,  
Diễn dương thanh tịnh Vi Diệu pháp,  
Tam thừa tứ quả giải thoát Tăng  
Nguyện tứ từ bi ai nhiếp thọ.**

**Đệ tử chúng đảnh:**

**Tự vi chơn tánh, uống nhập mê lưu,  
Tùy sanh tử dĩ phiêu trần,  
Trục sắc thính nhi tham nhiễm,  
Thập triền thập sử,  
Tích thành hữu lậu chi nhờn,  
Lục căn lục trần, vọng tác vô biên chi tội,  
Mê luân khổ hải, thâm nịch tà đồ,  
Trước ngã đam nhờn, cử uống thố trực;  
Lụy sanh nghiệp chướng,  
Nhứt thiết khiên vưu.**

**Ngưỡng Tam Bảo dĩ từ bi,  
Lịch nhứt tâm nhi sám hối,  
Sở nguyện năng nhờn chuẩn bạt,**

**Thiện hữu đề huề, xuất phiền não chi thâm uyên,  
Đáo Bồ Đề chi bỉ ngạn,  
Thử thế phước cơ mạng vị,**



Các nguyện xương long,  
Lai sanh trí chủng linh miêu,  
Đồng huy tăng tú, sanh phùng Phật pháp,  
Chưởng ngộ minh sư, chánh tín xuất gia,  
Đồng chơn nhập đạo, lục căn thông lợi,  
Tam nghiệp thuần hòa, bất nhiễm thế duyên,  
Thường tu phạm hạnh, chấp trì cấm giới,  
Trần nghiệp bất xâm, nghiêm hộ oai nghi,  
Quyên phi vô tổn, bất phùng bát nạn,  
Bất khuyết tứ duyên, Bát Nhã trí dĩ hiện tiền,  
Bồ Đề tâm nhi bất thối, tu tập chánh pháp,  
Liễu ngộ đại thừa, khai lục độ chi hạnh môn,  
Diệt tam kỳ chi kiếp hải,  
Kiến pháp tràng ư xứ xứ,  
Phá nghi võng ư trùng trùng,  
Hàng phục chúng ma, thiệu long Tam Bảo,  
Thừa sự thập phương chư Phật,  
Vô hữu bì lao, tu học nhứt thiết pháp môn,  
Tất giai thông đạt, quảng tác phước huệ,  
Phổ lợi trần sa, đắc lục chủng chi thần thông,  
Viên nhứt sanh chi Phật quả,  
Nhiên hậu; Bất xả pháp giới, biến nhập trần lao,  
Đẳng Quan Âm chi từ tâm,

Hành Phổ Hiền chi nguyện hải,  
Tha phương thủ giới, trực loại tùy hình,  
Ứng hiện sắc thân, diễn dương diệu pháp,  
Nê lê khổ thú, ngạ quỷ đạo trung,  
Hoặc phóng đại quang minh,  
Hoặc hiện chư thần biến,  
Kỳ hữu kiến ngã tướng,  
Nãi chí văn ngã danh,  
Giai phát Bồ Đề tâm, Vĩnh xuất luân hồi khổ,  
Hỏa hoạch băng hà chi địa,  
Biến tác hương lâm,  
Ấm đồng thực thiếc chi đồ,  
Hóa sanh Tịnh Độ, phi mao đới giác,  
Phụ trái hàm oan, tận bãi tân toan,  
Hàm triêm lợi lạc, Tật dịch thể nhi  
Hiện vi dược thảo, Cứu liệu trầm kha,  
Cơ căn thời nhi hóa tác đạo lương  
Tế chư bản nổi, dẫn hữu lợi ích,  
Vô bất hưng sùng, Thứ kỳ lụy thể oan thân,  
Hiện tiền quyền thuộc,  
Xuất tứ sanh chi khố một,  
Xả vạn kiếp chi ái triền,  
Đẳng giữ hàm sanh, tề thành Phật đạo.

Hư không hữu tận, ngã nguyện vô cùng,  
Tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí.

*Sám Qui Mạng nghĩa:*

Qui mạng mười phương Vô Thượng Giác,  
Pháp màu Vi diệu khắp tuyên dương,  
Thánh Tăng bốn quả, tam thừa độ,  
Hiển hiện tay vàng nguyện xót thương,  
Ngược dòng chân tánh từ lâu,  
Chúng con trôi nổi ở đầu sông mê,  
Biết đâu là chốn đường về?  
Bập bênh sóng nước không hề đoái lui,  
Nguyên nhân hữu lậu gây rồi,  
Bao nhiêu nghiệp chướng lâu đời tạo ra.  
Biết đâu nẻo chánh, đường tà?  
Oan khiên nghiệp báo thật là nặng sâu.  
Nay con khẩn thiết cúi đầu,  
Phơi bày sám hối khẩn cầu hồng ân,  
Lòng thành cầu đấng Năng Nhân,  
Từ bi cứu vớt trầm luân mọi loài,  
Nguyện cùng Thiện hữu xa khơi,  
Cùng lên bờ giác, lìa nơi não phiền.  
Kiếp này xin nguyện xây thêm,  
Cao tòa phước đức, vững nền đạo tâm,  
Chờ mong đạo nghiệp vun trồng.

Từ bi trí tuệ nẩy mầm tốt tươi,  
Kiếp sau xin được làm người,  
Sinh ra gặp Pháp, sống đời chân tu,  
Đất diu nhờ bậc minh sư,  
Nương nhờ chánh tín, hạnh từ xuất gia.  
Lục căn tam nghiệp thuần hòa,  
Không vương tục lụy theo đà thế nhân,  
Theo đường tấn đạo nghiêm thân,  
Giữ gìn phạm hạnh, nghiệp trần lánh xa,  
Uy nghi phong độ sáng lò,   
Lòng từ hộ mạng, trước là vi sinh,  
Lại thêm đầy đủ duyên lành,  
Bao nhiêu tai nạn đều thành như không.  
Bồ đề nguyện quyết một lòng,  
Đài gương Bát Nhã chơn không hiện tiền,  
Nghiêm tâm đạo hạnh tinh chuyên,  
Đại thừa liễu ngộ chứng truyền chơn tâm.  
Thoát ngoài kiếp hải trầm luân,  
Hoàng khai lục độ hạnh môn cứu người,  
Pháp tràng dựng khắp nơi nơi,  
Lưới nghi phá hết trong ngoài sạch không.  
Tà ma hàng phục đến cùng,  
Truyền đăng, Phật pháp nối dòng vô chung,  
Vãng làm Phật sự mười phương,  
Không vì lao nhọc nản lòng tinh chuyên.

Bao nhiêu thâm pháp diệu huyền,  
Thảy đồng thông đạt, thoát nhiên độ mình,  
Nguyên đem phước huệ độ sinh.  
Chứng nên Phật quả, hoàn thành pháp thân,  
Tùy căn ứng hiện cõi trần,  
Phân thân vô số, độ dẫn chúng sanh,  
Nước Từ rưới khắp nhưn thiên,  
Mênh mông biển rộng lời nguyện độ tha.  
Khắp hòa thế giới gần xa,  
Diễn dương diệu pháp, trước là hiện thân,  
Những nơi khổ thú trầm luân,  
Hòa quang chiếu diệu, báo thân đẹp lành,  
Chỉ cần thấy dạng nghe danh,  
Bao loài thoát khỏi cực hình đốn đau.  
Phát lời nguyện ước cao siêu,  
Muôn ngàn khổ địa thảy đều tiêu tan,  
Bao nhiêu nghiệp trái hàm oan,  
Bao nhiêu đau khổ trong hàng súc sinh,  
Đều nhờ Phật lực anh linh,  
Sương tan núi biếc, bình minh rạng ngời.  
Thuốc thang cứu giúp mọi người,  
Áo cơm cứu giúp cho đời bần dân.  
Bao nhiêu lợi ích hưng sùng,  
An vui thực hiện trong vùng trầm luân,  
Bao nhiêu quyến thuộc, oan thân,

Cũng nguyên vượt biển trần gian nổi chìm,  
 Xa lìa ái nhiễm triền miên,  
 Đoạn trừ những mối phược triền thân tâm,  
 Vun trồng đạo nghiệp thiện nhân,  
 Cũng bao loài khác, pháp thân hướng về.  
 Hư không dù có chuyển di,  
 Nguyệt con cũng chẳng có hề lung lay,  
 Nguyệt cầu vạn pháp bản lai,  
 Hoàn thành trí nguyệt, vững tâm Bồ Đề.

*Tán Phật (còn gọi Tán lễ Thích tôn)*

Tán lễ Thích Tôn,  
 Vô thượng Năng Nhơn.  
 Tăng kỳ cứu viễn tu chơn,  
 Đâu Suất giáng thần.  
 Trường từ bảo vị kim luân,  
 Tọa Bồ Đề tòa đại phá ma quân.  
 Nhất đở minh tinh  
 Đạo thành giáng pháp lâm.  
 Tam thừa chúng đẳng quy tâm.  
 Vô sanh dĩ chứng.  
 Hiện tiền chúng đẳng quy tâm.  
 Vô sanh tốc chứng.

Tứ sanh, cứu hữu, đồng đẳng Hoa Tạng huyền môn,  
 bát nạn tam đồ, cộng nhập Tỳ Lô tánh hải.

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm.

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng trí huệ như hải.

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhưt thiết vô ngại.

Hòa Nam Thánh Chúng.

### CHÚ THÍCH CA

Nam mô Thích Ca lãng đế, a di đà dà thăng dạ chỉ hất tăng lợi, ba ra mật ra mật ra, thăng ra thăng ra, than ni sắc tỳ địa lao, sẵn vô lợi bà tâm kim, sắc dạ phóng khai thế giới, nẫm lợi na nẫm nỉ chỉ đế, khởi độ ngã ly khổ hải, bà thăng dà da lô sắt ta bà ha.

*Tán Thích Ca:*

Thích Ca Văn Phật, hiệu viết Mâu Ni  
Tứ sanh từ phụ cộng nhưn tri  
Thiên bá ức Tu Di, tam giới thông tri  
Thế thế phổ minh thù  
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)

*Hồi hướng:*

Công phu công đức thù thắng hạnh,  
Vô biên thắng phước giai hồi hướng,  
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh,  
Tốc vãng vô lượng quang Phật sát

**Nguyện tiêu tam chương trừ phiền não**

**Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu**

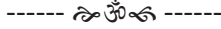
**Phổ nguyện tội chương tất tiêu trừ**

**Thế thế thường hành Bồ Tát đạo.**

**Nam mô Độ Nhân Sư Bồ Tát, ma ha tát (3 lần).**



## PHẦN LƯỢC GIẢI



Nam mô Lăng Nghiêm Hội Thượng Phật Bồ Tát.

### **Kính lễ chư Phật, Bồ Tát trên hội Lăng Nghiêm.**

Trước tiên nêu Tổng tướng Tam Bảo, vì đối với tất cả công việc nơi chốn Phật môn đều lấy Tam Bảo làm chỗ quy y, nên phải xưng lên trước nhất. Phật là Phật Bảo; Kinh Lăng Nghiêm tức là Pháp làm chỗ y cứ; Bồ Tát là hàng Tăng Bảo, gộp chung Tam thừa các quả và các bậc Thánh trong 10 phương qua lại, chủ khách không hai tức Tự tánh Tam Bảo.

Kinh Lăng Nghiêm là nói tắt, gọi đủ là Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Như Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh, là một bộ kinh thuộc Kinh Tạng Đại Thừa. Khởi đầu, kinh nói về chuyện ngài A Nan đi vào trong xóm khất thực bị nàng Ma Đăng Già dùng chú thuật Tiên Phạm Thiên bắt. Phật bèn nói một thần chú và sai một vị Bồ Tát là ngài Văn Thù đi đến cứu A Nan. Sau khi A Nan và Ma Đăng Già về đến Tịnh xá, đức Phật đã khai thị dạy về: Thất xứ trung tâm, chỉ bài các thứ Tâm từ vọng đến chơn, từ thô đến tế. Vọng Kiến Biệt Nghiệp và Vọng Kiến Đồng Phận của chúng sanh. Phật chỉ bày Tâm vô sanh diệt, nói rõ Ngũ Ấm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới cho đến Thất Đại vốn vô sanh. Thuyết minh tầm quan trọng của tâm tác tạo; là cội gốc của sinh tử luân hồi, mà cũng là căn bản của Bồ Đề Niết Bàn, các pháp môn tu bao gồm Thiền Giáo, Tịnh Tông,

Mật Pháp, các công đức hạnh nguyện, qua sự trình bày pháp tu viên thông của 25 vị Thánh giả và các món Ma (Nội ma và Ngoại ma) nhiễu loạn chúng sanh trong tam giới, mà trên bước đường học đạo, hành đạo và hóa đạo giác ngộ, giải thoát, dẫn đến thành tựu đạo nghiệp, những người con Phật sẽ gặp phải, để biết phương cách xa lìa hay điều phục và chế ngự.

Như vậy, Phật thuyết Kinh Thủ Lăng Nghiêm cốt yếu là chỉ bày cho chúng sinh giác ngộ Tự tánh Phật đạo, thể nhập Như Lai Tạng và thật chứng Pháp Giới Tánh như Phật. Đó là Như Lai chân thật nghĩa, là Tông yếu của Kinh Thủ Lăng Nghiêm, là Bản hoài của chư Phật, mà cũng chính là đại sự nhân duyên Phật xuất hiện nơi thế gian, khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến.

Một nguyên nhân nữa, đức Phật thuyết Kinh Thủ Lăng Nghiêm là việc ngài A Nan đi khất thực mắc phải chú thuật Tiên Phạm Thiên của nàng Ma Đăng Già. Sau khi được Phật cứu thoát, ngài A Nan tự trách mình học rộng nghe nhiều, mà không đủ định lực vượt qua tà thuật của ngoại đạo, nên thiết tha cầu Phật dạy những phương pháp tu hành, làm thế nào để mau thể nhập Phật tri kiến, thành tựu đạo quả vô thượng Bồ Đề, mà thị hiện nhân duyên để cầu thỉnh đức Phật chỉ bày giáo nghĩa Đại Định Thủ Lăng Nghiêm. Đó cũng là lý do riêng biệt, phát khởi kinh này.

Sự tu hành thì ai tu nấy chứng, không ai tu thế cho ai được. Có giúp đỡ chẳng chỉ làm tăng thượng duyên, mà nhân duyên chính phải là tự lực của chính mình. Đó là sự thật hiển nhiên, người trí không ai có thể phủ nhận, vì đó là

chân lý. Chân lý đó, nói lên cái chân lý Nhân quả của thế gian và xuất thế gian. Nó bao trùm xuyên suốt toàn bộ nền giáo lý Phật.

Thời khóa Kinh Lăng Nghiêm gồm 2 phần, trước là đoạn phát nguyện của ngài A Nan là phần sau của quyển thứ 3 và Năm Đệ Lăng Nghiêm là phần đầu của nửa quyển thứ 7.

Kinh văn: Bấy giờ, A Nan và đại chúng được sự khai thị pháp vi diệu của Phật, thân tâm phẳng lặng, chẳng còn ngăn ngại, mỗi mỗi tự biết tâm thức cùng khắp mười phương; tất cả vật tượng trên thế gian đều vốn là tánh Bồ Đề sáng suốt của Diệu tâm. Tâm tánh tròn đầy, cùng khắp mười phương, xem lại cái thân của cha mẹ sanh ra, như mảy bụi lửng lơ trong mười phương hư không thoát còn thoát mất, như một bọt nước trôi trong biển cả, chẳng biết sanh diệt từ đâu. Rõ ràng tự biết được cái Bản Lai thường trụ chẳng diệt của Diệu Tâm, được pháp chưa từng có, nên chấp tay lễ Phật và nói kệ tán thán Phật rằng:

### **Diệu Trạng tổng trì bất động tôn**

#### **Thủ Lăng Nghiêm Vương thế hy hữu**

**Diệu Trạng** (妙湛): Trí thanh tịnh viên mãn, Thế nó thì vắng lặng, Dụng thì không ngăn ngại; đó là tán thán về nghĩa Báo thân Phật. **Tổng Trì** (總持): Tánh Như Lai Tạng nó tùy theo duyên nhiễm hay tịnh của thức biến, để phổ ứng ra tất đại, lợi ích không bỏ sót một vật nào; đó là tán thán về nghĩa Ứng thân Hóa thân Phật. **Bất Động** (不動): Tâm tánh nó thường vắng lặng, vì vô thủ vô chung; đó là khen ngợi về nghĩa Pháp Thân Phật.

Diệu Trạng là nghĩa tùy duyên mà thường hằng Bất

biến; Tổng Trì là nghĩa chẳng biến mà thường tùy duyên; Bất Động là nghĩa theo duyên chẳng đổi, bất biến tùy duyên, vì không hai thể. Như trong Luận Hiển Dương Thánh giáo dạy: Bất biến tùy duyên chân thủ tánh. Tùy duyên bất biến thị tha tâm.

Kinh đề đủ 20 chữ: Đại Phật đánh Như Lai mật như tu chứng liễu nghĩa chư Bồ Tát vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh. Như Lai mật như tu chứng liễu nghĩa gọi là Diệu Trạng, chư Bồ Tát vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm gọi Tổng Trì, Đại Phật Đánh gọi là Bất Động, đều được nói một mà tức là ba, nói ba nhưng gồm một, vì 3 với 1 chẳng phải là 2.

Tóm yếu mà nói: Diệu trạng tổng trì bất động, nghĩa nó bao gồm cả toàn bộ Lăng Nghiêm kinh; cũng thâm gồm cả Thánh giáo của một đời Phật thuyết, cho đến tông chỉ màu nhiệm của tất cả chư Phật ba đời, mười phương, sáu chữ ấy nó gom thâm hết không sót một chỗ nào. Đầy đủ như các lời sơ của sách Phật đánh văn cú đã giải ai có cần hiểu rộng, phải tìm sách ấy để xét... Tôn là cao nhất giữa bốn bậc Thánh, vì cả ba thân (Pháp thân, Báo thân và Hóa thân Phật) đều là Vô Thượng tôn cực.

Thủ Lăng Nghiêm Vương (首楞嚴王): Tên chung của pháp Đại định, vì định này nó gồm thâm các pháp tam muội (định) khác; lại tên là Vương Tam Muội.

Diệu trạng tổng trì bất động tôn, đến câu Thước ca ra tâm vô động chuyển, có 18 câu là lời kệ tán dương khen ngợi Đại Định Lăng Nghiêm, nhân do ngài A Nan sau khi được thoát kiếp nạn Ma Đăng Già.

Tánh Đức Diệu Trạng Tổng Trì Bất Động không gì trên

hơn, Pháp Lăng Nghiêm cao cả bậc nhất, đối với thế gian thật hiếm có.

**Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tướng  
Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân**

(銷我億劫顛倒想，不歷僧祇獲法身) Dứt tướng đảo điên vô lượng kiếp, chẳng trải nhiều đời chứng pháp thân.

Tất cả sự vật trên cuộc đời, ngàn ấy thứ đều là hiện tượng của Như Lai Tàng, từ chủng tử trong Như Lai Tàng duyên khởi biểu hiện ra: Tàng có nghĩa là kho tàng... Như có nghĩa là bất biến. Lai có nghĩa là tùy duyên.

Như Lai Tàng ví như cái kho hàm chứa tất cả chủng tử của hiện tượng vạn hữu. Những chủng tử được chứa trong kho tàng này, tùy duyên sanh ra rồi cũng tùy duyên hoại diệt. Diệt mà không mất hẳn, diệt để lại sanh. Sanh mà không trường sanh, sanh để rồi lại diệt. Sanh diệt, diệt sanh; sanh sanh, diệt diệt, vô thủ vô chung, vô cùng vô cực. Sự hiện sanh diệt, diệt sanh đó, thuật ngữ Phật học gọi là: **Tùy Duyên Bất Biến; Bất Biến Tùy duyên**. Sanh diệt, nhưng sanh diệt trong cái vĩnh cửu, nhưng vĩnh cửu trong quá trình sanh diệt.

Ông A Nan và đại chúng nhờ Phật chỉ dạy bằng phương tiện dẫn dụ, lời lẽ khéo léo nhiệm màu. Cả thính chúng tâm thanh thoát rỗng rang. Mỗi người tự biết chân tâm nhiệm của mình vốn khắp cùng pháp giới và thấy mười phương hư không xem như cành hoa lá đang cầm trên tay, tất cả sự vật hiện tượng trên thế gian đều là diệu dụng của tâm Bồ Đề nhiệm màu, sáng suốt của mình biểu hiện. Như trong Đàn Kinh, Lục Tổ khi hoát nhiên đại ngộ vậy. Tổ ngộ lẽ sống chết của cái thân cha mẹ sanh ra. Như sự diệt sanh

của những bong bóng giữa đại dương nổi chìm tự tán! Chỉ có tâm tánh nhiệm màu khắp giáp mười phương mới thật là tâm tánh bản lai thường trú của chính mình.

Ở trước Phật, ông A Nan thay lời đại chúng, lên bài kệ tán dương Đức Phật, phát nguyện và trình lên điều tâm đắc của mình Xin Phật chứng minh: Bốn tánh Trạng Nhiên chẳng động tịnh... Tánh Thuần Nhã Đa có thể mất, Tâm Thức Ca La chẳng lay động.

Trông ra hiện tượng vạn hữu ta thấy nghìn sai muôn khác, lớn, nhỏ, thấp, cao, khó mà dùng ngôn từ diễn đạt cho rành rọt. Nhưng tìm hiểu nguyên nhân gần của chúng, ta thấy tất cả đều hiện theo cái thể liên hoàn của ba chân vạc, tác động qua lại giữa **Căn - Trần và Thức**, mà hình thành và tồn tại. Cả cái vũ trụ vạn hữu vô tử vô chung vô cùng vô cực này, nếu tách rời căn trần thức giữa con người và vạn vật ra, thì chẳng còn có gì để luận bàn: Tâm, vật, thực giả, có, không.

Càng không thể có cái gọi là “một đấng thiên liêng” nào ở ngoài có đủ tư cách sáng tạo, sắp xếp vấn đề vũ trụ nhân sinh được.

Căn thì có 6 nên gọi là lục căn. Đó là: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Sáu căn kết hợp bởi tứ đại tinh hoa. Trong mỗi căn có hai bộ phận: Một là căn phù trần. Hai là căn tịnh sắc. Căn tịnh sắc cũng còn gọi là “Thắng nghĩa căn”. Căn này được kết hợp bằng những yếu tố tứ đại tinh hoa nhất đối với thân thể con người. Do vậy, nó là cơ quan có công năng phát sanh nhận thức, làm chỗ nương gá cho thức.

Trần có nghĩa là nhiễm ô. Vì những thứ này có thể làm

cho căn bị nhiễm ô, ví như ngừng bụi bặm làm ô nhiễm môi trường sống của xã hội loài người. Trần có 6 thứ, gọi là lục trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Trần mà không có căn thì trần không là trần nữa; ngược lại căn mà không có trần thì căn không còn là căn được.

Thứ có 6 nên gọi là lục thức. Đó là: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Thức nương căn trần mà phát sanh. Thức mà không có căn trần thì thức không có lý do hiện hữu. Căn trần mà không có thức thì căn trần không biểu hiện được thể dụng của căn trần. Cho nên Căn Trần Thức là một hiện tượng gắn bó mật thiết tác dụng hữu cơ. Hiện tượng vạn pháp hình thành và tồn tại trong cái thể duyên sanh không thể tách rời giữa căn, trần, thức ấy.

Vậy mà từ trước đến đây, và chưa phải ngừng ở đoạn kinh này, đức Phật quở rầy và nhắc nhở về cái thuyết nhân duyên sanh ấy. Vì sao như vậy? Vì rằng: Nếu đứng bên **Tục đế** mà nhìn hiện tượng vạn hữu qua cái lý nhân duyên sanh thì hoàn toàn đúng. Không những nó đúng riêng trong nền giáo lý Phật mà nó đúng sự thật của cuộc đời, đúng với quy luật khách quan của hiện tượng vạn hữu. Nếu đứng trên lập trường **Chân đế** mà nhìn, với tri kiến đại thừa, cao sâu hơn quán triệt căn nguyên, xuyên suốt bản thể của hiện tượng; thì hiện tượng nào cũng là hiện tượng của bản thể, cũng như bọt sóng nào cũng là bọt sóng của thể nước lặng trong vậy. Nên biết Bản thể thanh tịnh cùng với hiện tượng vạn hữu **Bất Ly** và **Bất Tức**.

**Nguyện kim đắc quả thành Bảo vương,  
Hườn độ như thị hằng sa chúng,**

**Tương thử tâm tâm phụng trần sát,  
Thị tắc danh vi báo Phật ân  
Phục thỉnh Thế Tôn vị chứng minh,  
Ngũ trước ác thế thệ tiên nhập,  
Như nhứt chúng sanh vị thành Phật,  
Chung bất ư thử thủ Nê Hoàn.**

Con nguyện đăc thành bậc Diệu giác, trở lại thế gian độ hằng sa, đem tâm cầu Phật độ muôn loài, gọi đó là đền tâm ân Phật. Thỉnh cầu Thế Tôn chứng minh cho, đời ngũ trước con nguyện vào trước, như còn chúng sanh chưa thành Phật, thì con không vào cõi Niết Bàn.

Trần sát (塵刹): Trần (塵) có nghĩa là bụi bặm. Sát (s: kṣetra, h. 刹) chỉ cho quốc độ; như vậy trần sát có nghĩa là các quốc độ nhiều vô lượng vô biên, không thể tính đếm được như cát bụi. Tương thử tâm tâm phụng trần sát, thị tắc danh vi báo Phật ân (將此深心奉塵刹、是則名為報佛恩, lấy tâm tâm này phụng sự khắp mọi nơi, đó mới đúng là báo ơn Phật). Hay như trong Tục Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận (續淨土生無生論) của Vi Lâm Đạo Bái (為霖道霈, 1615-1702) ở Môn Cổ Sơn (閩鼓山) có đoạn: Ngã kim hiện tiền niệm Phật, nguyện sanh Tịnh Độ, mong Phật thọ ký, phân thân trần sát, nhiếp hóa chúng sanh, thị Bồ Tát pháp giới (我今現前念佛、願生淨土、蒙佛授記、分身塵刹、攝化眾生、是菩薩法界, ta nay trước mặt niệm Phật, nguyện sanh Tịnh Độ, mong Phật thọ ký, phân thân khắp chốn, nhiếp hóa chúng sanh, đó là pháp giới của Bồ Tát). Lại nữa, trong Hám Sơn Lão Nhân Mộng Du Tập (憨山老人夢遊集) quyển 22



cũng có đoạn: Thiền sư kỳ ư tịch diệt định trung, chấn thanh nhất hát, trực sử đại địa nhĩ lung, chư hữu văn nhi bất kinh bố giả, tư tức khả vị tương thử thâm tâm phụng trần sát, thị tắc danh vi báo Phật ân hỉ (禪師其於寂滅定中、振聲一喝、直使大地耳聾、諸有聞而不驚怖者、斯即可謂將此深心奉塵刹、是則名為報佛恩矣, trong khi nhập định tịch diệt, Thiền sư hét lên một tiếng chấn động, trực tiếp khiến cho đại địa điếc tai; nếu có ai nghe mà không sợ hãi, người đó có thể gọi là lấy thâm tâm này phụng sự khắp tất cả, đó mới gọi là báo ơn Phật vậy). Ngoài ra, trong bài xưng tán Quán Thế Âm Bồ Tát có câu: Quan Âm Bồ Tát diệu nan thù, thanh tịnh trang nghiêm lũy kiếp tu, Tam Thập Nhị Ứng biến trần sát, bách thiên vạn kiếp hóa Diêm Phù, bình trung Cam Lồ thường thời sái, thủ nội dương liễu bất kể thu, thiên xứ kỳ cầu thiên xứ hiện, khổ hải thường tác độ nhân chu (觀音菩薩妙難酬、清淨莊嚴累劫修、三十二應遍塵刹、百千萬劫化閻浮、瓶中甘露常時洒、手內楊柳不計秋、千處祈求千處現、苦海常作度人舟, Quan Âm Bồ Tát màu khó bì, thanh tịnh trang nghiêm bao kiếp tu, ba mươi hai ứng khắp tất cả, trăm ngàn vạn kiếp hóa Diêm Phù, trong bình Cam Lồ thường lúc rưới, trong tay dương liễu chẳng kể thu, ngàn xứ có cầu ngàn xứ hiện, bể khổ thuyền từ độ người qua).

**Đại hùng đại lực đại từ bi,  
Hy cánh thẩm trừ vi tế hoặc,  
Linh ngã tảo đặng Vô thượng giác,  
Ư thập phương giới tọa đạo tràng;  
Thuần nhã đa tánh khả tiêu vong,  
Thước ca ra tâm vô động chuyển.**

Đấng đại hùng, đại lực, đại từ bi, mong Ngài chỉ cho con rốt ráo chỗ lỗi lầm, khiến con đặng sớm lên bờ giác, cùng chư Phật mười phương ngồi đạo tràng. Tánh hư không kia có thể mất, chân Tâm thường trú chẳng hề phai.

Các chúng sanh từ vô thủy, nương theo sắc thanh, đuổi theo vọng niệm mà lưu chuyển, chưa từng khai ngộ bản tánh trong sạch thường trụ, chẳng theo tánh chơn thường, lại đuổi theo sanh diệt, do đó đời đời bị xoay vần trong vòng tạp nhiễm.

Nếu bỏ sanh diệt, giữ tánh chơn thường, thì ánh sáng Chơn thường tự hiện, căn, trần, tâm thức, ngay đó liền tiêu; tướng vọng tưởng là trần, tánh phân biệt là cấu, cả hai đều xa lìa, thì pháp nhãn của người liền được trong suốt, thành Vô Thượng Tri Giác.

Trái với giác tánh hợp với trần lao là tâm trạng chung của tất cả mọi người thế gian chưa đủ điều kiện quay về đường giải thoát giác ngộ. Người ta thường nhận thức, đánh giá và đặt tên cho sự vật theo tri kiến chủ quan của mình. Do vậy chủ thể và đối tượng hiển nhiên. Năng và sở đối lập, nhơn, ngã, bi, thủ bời bời rối rắm. Đó là hậu quả của sự Bội Giác Hợp Trần.

Phật vẫn là một con người, nhưng khác với mọi người ở chỗ là không nhận thức đánh giá sai lầm sự vật hiện tượng theo tri kiến đảo điên chủ quan. Mà Như Lai sống đúng, sống hợp với tánh giác diệu minh của Như Lai Tàng và duyên sanh Như Thị của hiện tượng vạn hữu.

Nhận thức hiện tượng vạn hữu qua Tri kiến Phật thì một là tất cả, tất cả là một, ngồi trong vi trần bé xíu mà

chuyển xe pháp vĩ đại bao la. Ngôn ngữ đoạn kinh này, nếu y văn mà hiểu nghĩa thì rõ là oan cho ba đời chư Phật. Thâm nghĩa của đoạn kinh này, nhằm dạy cho đệ tử Phật về vấn đề bản thể chung cùng của hiện tượng vạn hữu, với tri kiến đó gọi Như Lai là bậc Bội Trần Hợp Giác.

**Nam mô Thường trụ thập phương Phật.**

**Nam mô Thường trụ thập phương Pháp.**

**Nam mô Thường trụ thập phương Tăng.**

**Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.**

**Nam mô Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm.**

**Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát.**

**Nam mô Kim Cang Tạng Bồ Tát.**

Kính lạy Phật bảo thường ở mười phương.

Kính lạy Pháp bảo thường ở mười phương.

Kính lạy Tăng bảo thường ở mười phương.

Kính lạy ngôi Phật là đức Thích Ca Mâu Ni.

Kính lạy ngôi Pháp Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm.

Kính lạy ngôi Tăng là đức Quán Thế âm Bồ tát và Ngài Kim Cang Tạng.

Đây là kính lễ Ba ngôi Tam Bảo của Kinh Lăng Nghiêm; Thích Ca Mâu Ni là Phật Bảo, Lăng Nghiêm Thần Chú là Pháp Bảo, Quán Thế Âm Bồ Tát với Kim Cang Tạng Bồ Tát là Tăng Bảo.

Nơi kinh văn Ngài Văn Thù đã tuyển chọn Nhĩ Căn Viên Thông của Ngài Quán Âm. Đó là Viên Chân Thật và Thông Chân Thật. Vì thế người tu Phật khi nghe chính yếu là chớ nghe nơi ngoại cảnh, vì tiếng bên ngoài là thuộc về Trần; lại cũng đừng nghe bên trong, vì cái động cảm bên trong là

thuộc về Thức. Nên biết nghe nơi trần thì bị nhiễm ô, nghe nơi thức thì bị phân biệt. Vì thức và trần đều Phi Tự Tánh. Nghĩa là cái nghe chỉ nghe lấy tự tánh của nó, tức phẫn văn văn tự kỷ, là đi ngược dòng mê vọng của tử sanh khổ hải, để tiến vào dòng giác. Cũng có nghĩa nghe bằng Thắng bỉ thế gian âm, Phạm âm, Hải triều âm... là những âm thanh vi diệu muôn đời.

Ngài Kim Cang Tạng là tông chủ Mật Tông, vị Bồ Tát phát đại thệ nguyện hộ trì những ai thọ trì, đọc tụng, diễn thuyết... Thần chú Lăng Nghiêm, đồng thời hay khiến cho họ được đầy đủ công đức mau chóng thành tựu Thủ Lăng Nghiêm Đại Định.

**Nhĩ thời Thế Tôn, tùng nhục kế trung, dũng bá bảo quang, quang trung dũng xuất, thiên diệp bảo liên, hữu hóa Như Lai, tọa bảo hoa trung, đánh phóng thập đạo, bá bảo quang minh. Nhứt nhứt quang minh, giai biến thị hiện, thập hằng hà sa, Kim Cang mật tích, kinh sơn trì xử, biến hư không giới, đại chúng ngưỡng quan, úy ái kiêm bào, cầu Phật ai hựu, nhất tâm thính Phật, Vô Kiến Đảnh tướng, phóng quang Như Lai, tuyên thuyết Thần chú.**

Bấy giờ, từ trong nhục kế của đức Thế Tôn phóng ra trăm thứ hào quang, trong hào quang hiện ra bửu liên hoa ngàn cánh có hóa thân Phật ngồi trong liên hoa, trên đánh phóng ra mười tia ánh sáng, trong mỗi tia đều hiện ra mười hằng sa Hộ Pháp Kim Cang, đội núi, cầm chày, khắp cõi hư không. Đại chúng ngửa mặt trông nhìn thấy đều run sợ, kính mến, cầu Phật gia hộ, một lòng lắng nghe Phóng Quang Như

Lại nơi Vô Kiến Đảnh tướng của Phật tuyên thuyết Thủ Lăng Nghiêm thần chú:

**ĐỆ NHẤT HỘI**

**Nam mô Tát đát tha tô già đa da a ra ha đế tam miếu tam bồ đà tỏa. Tát đát tha Phật đà cu tri sắc ni san...**

**ĐỆ NGŨ HỘI...**

**Án, a na lệ, tỳ xá đề, bệ ra bạc xà ra đà rị, bàn đà bàn đà nễ, bạt xà ra bàn ni phẩn. Hổ hồng, đô lô ung phẩn, ta bà ha.**

Này A Nan! Những câu vi diệu, bí mật của Phật Đảnh Quang Tụ, sanh ra tất cả chư Phật:

- Mười phương Như Lai do tâm chú này, được thành Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác.

- Mười phương Như Lai trì tâm chú này, uốn dẹp tà ma, chế phục ngoại đạo.

- Mười phương Như Lai vận tâm chú này, ngồi bửu liên hoa, ứng hiện trong vô số quốc độ.

- Mười phương Như Lai dùng tâm chú này, nơi vô số quốc độ, chuyển đại pháp luân.

- Mười phương Như Lai trì tâm chú này, hay ở nơi mười phương xoa đánh thọ ký cho hàng Bồ Tát, Thanh Văn, cho đến người chưa chứng quả vị.

- Mười phương Như Lai nương tâm chú này, hay nơi mười phương cứu vớt các khổ như: Địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, đui, điếc, ngọng, câm và bát khổ, những tai nạn lớn nhỏ đồng thời được giải thoát; các nạn: giặc, binh, vua, ngục,

bão, lụt, lửa, nước cho đến đói khát nghèo nàn, ngay đó tiêu tan.

- Mươi phương Như Lai tùy theo tâm chú này, hay nơi mười phương phụng sự thiện tri thức, trong tứ oai nghi được cúng dường như ý; nơi pháp hội của hằng sa như Lai, được suy tôn là Đại Pháp Vương Tử.

- Mươi phương Như Lai hành theo tâm chú này, hay ở nơi mười phương nhiếp thọ người có nhân duyên, khiến hàng Tiểu Thừa nghe tạng bí mật, chẳng sanh kinh sợ.

- Mươi phương Như Lai tụng tâm chú này, thành vô Thượng Giác, ngồi dưới cây Bồ Đề vào Đại Niết Bàn.

- Mươi phương Như Lai truyền tâm chú này, sau khi diệt độ, phó chúc Phật Pháp, trụ trì cứu cánh, nghiêm tịnh giới luật, thầy đều trong sạch.

- Như ta thuyết chú Phật Đảnh Quang tụ chẳng ô nhiễm này, từ sáng đến tối chẳng dứt tiếng, trong đó những chữ và câu cũng chẳng trùng điệp, nếu từ đây ngộ nhập, mới biết tất cả hữu tình, vô tình cũng thường thuyết chú này, nên gọi Đảnh Như Lai vậy...

**Tóm tắt 5 hội chú Lăng Nghiêm, được chư Tổ rút gọn ra Thần Chú như sau:**

Hội thứ nhất là **Tát đất đa bát đất lam.**

Hội thứ nhì là **Tác đất tha bát lãm tất đa.**

Hội thứ ba là **Tô ba la noa bát thu bát đất dạ.**

Hội thứ tư là **Ma ha tát đất đa bát đất ra.**

Hội thứ năm là **Tất đất đa bát đất ra.**

Nhập 5 hội làm một, kêu chung một tên là **Phật Đảnh**

**Quang Minh, Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Ra, Vô Thượng Thần Chú.** Đối với tất cả như bí mật, nghĩa hiển nhiên, thì nội trong đầu đề Kinh, nó gom trùm trọn vẹn hết thảy. **Hào quang đảnh Phật** tức là trên đảnh đầu của đức Thích Ca phóng hào quang ra, trong ánh sáng có đức hóa Phật nói Thần Chú của Kinh.

**Phật Phóng Quang Minh:** Sau khi thành đạo rồi, Phật vẫn im lặng nhập định. Khi ấy đã có một số chư Bồ Tát, chư thiên, long, bát bộ và tất cả chư thần, tới vây quanh đức Phật ở cõi Bồ Đề. Trong lòng họ ai cũng có thắc mắc. Những thắc mắc ấy xoay quanh bốn mươi vấn đề căn bản liên quan tới sự tu chứng, về Đức Phật và về đường tu Bồ Tát hạnh. Phật biết mối nghi của họ nên thay vì trả lời, ngài **phóng hào quang từ giữa hàm răng**, chiếu khắp mọi nơi để triệu tập những kẻ hữu duyên khác trong khắp vũ trụ.

Vì Phật có 40 cái răng nên hào quang phóng ra từ răng ám chỉ rằng ngài sẽ trả lời 40 câu hỏi mà đại chúng thắc mắc.

Nội chứng của Phật thì siêu việt ngôn ngữ, thuộc lĩnh vực tuyệt đối. Không thể dùng ngôn từ để thể nhập vào. Nhưng bây giờ với hào quang phóng ra giữa răng, Phật cho biết ngài có một phương tiện để hiển bày chân lý, khiến ta theo đó mà nhập đạo.

Tuy hào quang phóng ra, chúng hội đã thấy và tề tựu, nhưng Phật vẫn không khai khẩu thuyết giảng. Đó là ngài muốn ta hiểu rằng: Pháp, chân lý thì phải thể nghiệm, không phải do bàn tán qua ngữ ngôn thuyết giảng. Bởi vậy những ai thấy đạo hào quang phát ra từ giữa hàm răng của Phật đều trực tiếp cảm nhận cảnh giới thanh tịnh chưa từng có,

một cảnh giới mà phiền não, vọng tưởng vắng bật. Một cảnh giới mà hào quang bên ngoài Phật chiếu và hào quang thanh tịnh của chân tâm cùng phát ra và hòa nhập làm một.

- Hào quang tượng trưng cho **giáo pháp Trung đạo**: Cũng như hào quang nằm giữa chặng mày, nằm giữa hai mắt, pháp Phật là pháp trung đạo. Chân lý một khi được vận dụng trong đời sống thì không thể làm ta lệch lạc, cực đoan, mất thăng bằng, trật phương hướng được.

- Hào quang là trí huệ: Trong hào quang, mọi cảnh tượng đều hiện ra rõ ràng, ai cũng có thể thấy. Đó tức là trí huệ của chân tâm, một khi được khai thác thì sẽ thấu rõ hết mọi sự, cả thế tục lẫn cảnh thánh, không sót gì cả. Điều này cũng nêu lên đặc tính của trí huệ: Nếu chỉ hiểu việc đời thì đó là Thức không phải là trí, gọi là Vô trí. Nếu chỉ biết cảnh đạo, không lý giải chuyện đời thì đó là Không huệ, khuyết thức. Nếu biết mọi sự, tự tại vô ngại không khởi vọng tưởng, thành kiến, lúc nào cũng sáng suốt thanh tịnh không vẫn đục thì đó là đại trí. Đó chính là ý nghĩa của hào quang này.

Như trong Diệu Pháp Liên Hoa Kinh có đoạn: Đức Phật tự trụ tam muội, mà trời rưới bốn thứ hoa, đất lay động sáu điệu. Đó là chỉ rõ sức vô tác diệu lực của đức Phật, chấn động hang sâu vô minh mê tối của chúng sanh, suốt trừ tất cả sự chướng ngại của bốn đại sáu căn vậy. Sau đó từ, Tướng lông trắng phóng hào quang chiếu thấu một vạn tám nghìn thế giới ở phương Đông đó, chính chỉ rằng: Căn, trần, thức động loạn của pháp giới chúng sanh không rời Phật Tri Kiến, Pháp giới tánh.

Phương Đông là nguồn động hóa, 18 nghìn thế giới là



lệ 6 căn, 6 trần, 6 thức: 18 giới, 18 giới đây không ngoài Phổ Quang Minh Trí, cũng như 18 nghìn thế giới lộ ra trong bạch hào tướng quang của đức Phật. Trong quang minh hiện ra sự tướng của pháp giới, dưới thấu địa ngục A Tỳ, trên suốt cõi trời Hữu Đảnh; nào Phật ra đời, thuyết pháp, Niết Bàn, nào Bồ Tát tu tập đạo hạnh; y báo chánh báo đồng hiện, cả Thánh lẫn phàm chung bày, là Phật cùng chúng sanh, tất cả đồng một tánh thể không hai không khác. Chỉ khác là đức Phật chứng ngộ nơi đó, an trụ nơi đó, tự tại giải thoát, thuyết Pháp độ sanh, còn chúng sanh mê nơi đó, dầu rằng không bao giờ rời được đó, nhưng không tự nhận mà phải lưu chuyển. Dầu lưu chuyển nhưng vẫn không một phút xa rời nên chính cảnh giới thường ngày trước mắt chúng sanh là thật tướng chơn cảnh, nếu có thể phản tỉnh xoay về, liễu ngộ tánh thể thật tướng này thời đó là chánh như thành Phật mà Phật quả không xa vậy.

Hào quang giữa mày: **Giáo pháp về y báo và chính báo** của Phật. Cứ mỗi độ phóng hào quang là Phật giảng một giáo pháp bất đồng. Trong độ phóng quang này, Phật muốn giảng về y báo và chính báo của Phật. Rằng, sau khi đại chúng đã nhóm họp rồi, từ giữa chặng mày Đức Phật phóng ra hào quang, tên là Nhất Thiết Bồ Tát Trí Quang Minh Phổ Chiếu Thập Phương Tạng. Hào quang này soi chiếu khắp mười phương, hiển hiện ra tất cả chư Phật, chúng hội đạo tràng, tất cả cõi nước, và chúng sinh. Chiếu xong, hào quang quay trở lại, nhiễu quanh bên phải Đức Phật rồi nhập vào bàn chân ngài.

**Hào quang từ lòng bàn chân:** Giáo pháp Thập Tín.

Trong khi hào quang từ giữa chặng mây diễn đạt cảnh Phật, hào quang Phật phóng từ lòng bàn chân diễn đạt pháp tu căn bản.

Từ hai lòng bàn chân của Phật, ngài phóng ra vô lượng vô biên đạo hào quang, chiếu khắp các cõi tam thiên đại thiên thế giới trong cùng tận vũ trụ. Cứ mỗi một cõi mà hào quang chiếu tới thì có một chúng hội đạo tràng của Phật, và có vô số Bồ Tát hiện ra tham dự. Đứng đầu mỗi chúng hội ấy là ngài Văn Thù, người thay Phật trong suốt pháp hội này dạy đại chúng về pháp môn tu hành. Pháp này chính là pháp Thập Tín: Pháp khởi phát tâm Bồ Đề, một mấu chốt để thể nhập vào pháp giới hay chân lý tuyệt đối. Do đó hào quang phóng ra từ lòng bàn chân có ý nghĩa là:

1. Giống như thân người dựa vào chân mới đi được: Pháp Thập Tín, lòng tin nơi chân lý là pháp căn bản mà các pháp khác dựa vào để giúp hành giả tiến tới giác ngộ.

2. Trong mỗi cõi mà hào quang chiếu tới thì có Bồ Tát Văn Thù và chúng Bồ Tát hiện ra: Vì đức Văn Thù đại biểu cho trí huệ nên lòng tin mà được gọi là Thập Tín là lòng tin hiện hữu song song với trí huệ. Nói một cách khác, con đường phát triển trí huệ theo kinh Hoa Nghiêm thì bắt đầu bằng lòng tin, không phải bằng bằng thiền định. Định và huệ, chỉ và quán là hai mặt của cùng một vật, không thể tách rời. Nhưng đường tu không bắt đầu bằng thiền, mà bằng tín. Do chánh tín mà khai phát định huệ.

Hào quang ở đầu ngón chân: Giáo pháp Thập Trụ. Khi Đức Phật giảng pháp môn kế tiếp, ngài đã hiện thân vào tất cả các cung điện trên trời Đạo Lợi ở trong vũ trụ. Theo vũ trụ

quan Phật giáo Ấn Độ thì vũ trụ có vô số hệ thống thế giới; mỗi hệ thống này có một ngọn núi vĩ đại làm trung tâm, gọi là núi Tu Di. Cõi trời Đao Lợi thì tọa lạc trên chóp đỉnh của ngọn núi này.

Theo như quan điểm của kinh Hoa Nghiêm thì hệ thống thế giới này chính là tập hợp những chấp trước, vọng tưởng, thành kiến, phiền não, cảm xúc, tư tưởng, thói quen. Những thứ ấy vận hành trên những quỹ đạo nhất định của lý nhân quả. Núi Tu Di chẳng gì khác hơn là cái bản ngã, cái tôi.

Khi Phật ngự trên chóp đỉnh núi ấy, ngài phóng quang và thuyết pháp Thập Trụ: Điều này hàm ý rằng pháp Thập Trụ là pháp ngự trị được bản ngã, giải trừ được tất cả chấp trước vào tự ngã nhỏ bé. Lúc ấy ngọn núi Tu Di không còn là bản ngã nữa, mà là ngọn núi chân lý.

Hào quang nơi bấp chân **Giáo pháp Thập Hạnh**. Sau khi đã giảng xong phương pháp làm sao an trụ nơi chân tâm, bây giờ Đức Phật lại dạy ta làm sao sử dụng nó, làm sao trong mỗi hạnh tu ta đều có thể phát huy năng lực bất khả tư nghì của chân lý tuyệt đối, hay sức mạnh của chân lý.

Lúc ấy, Phật ngự trên cung trời Dạ Ma, với vô số chư bồ tát vây nhiều. Ngài phóng hào quang từ mu bàn chân, và phần bấp chuỗi của chân. Hào quang ấy có đủ trăm ngàn ức màu sắc kỳ diệu chiếu khắp vũ trụ. Chỉ với hào quang ấy ngài đã nói lên được đặc tính của giáo pháp Thập Hạnh:

Vị trí của nơi xuất phát hào quang: Hào quang phát ra từ mu bàn chân, mắt cá và bấp chân. Tất cả bộ phận ấy gắn liền với bàn chân, và ở bên trên bàn chân. Do đó Thập Hạnh là công hạnh dựa vào sự tu trì và phát triển hạnh Thập Tín và

Thập Trụ. Nghĩa là phải có lòng tin, phát Bồ Đề tâm, ngự tri được bản ngã, dùng thiền định an trụ nơi chân tâm, thì công hạnh khởi ra mới là hạnh chân lý.

Hào quang nơi đầu gối. Giáo pháp Thập Hồi Hướng. Sau khi dạy ta an trụ nơi pháp giới (chân tâm), thực hành mọi công hạnh phát xuất từ pháp giới bây giờ Phật dạy ta làm sao khiến cho công hạnh ấy được phát triển tới chỗ vô hạn lượng. Ngài dạy ta pháp Thập Hồi Hướng: Hồi nghĩa là quay về, Hướng nghĩa là hướng tới. Hai chữ này kết hợp lại nghĩa là đem tất cả năng lực, tinh thần, ý chí, công đức hướng về, dồn về pháp giới, chúng sinh và chân như. Bởi vì tất cả những thứ tinh thần, công đức, v.v... là thứ có giới hạn mà khiến nó nhập vào pháp giới, chân như là thứ tuyệt đối thì tinh thần, và công đức mới tiêu dung, trở thành tuyệt đối được. Nếu dồn công đức về chúng sinh, thì công đức mới trở thành vô biên vô hạn, bởi vì chúng sinh thì nhiều vô số vô biên. Do đó Phật phóng hào quang từ đầu gối để diễn tả pháp này.

Khi ấy, Phật đang ngự trên cung trời Đâu Suất, một tầng trời thanh tịnh, còn gọi là Tri Túc Thiên, bởi ở đó ai cũng biết đủ, hiểu tu, trọng pháp, không đắm đuối trong cái vui thù thắng của cõi trời. Nơi đây trong nội viện của cung trời, đức Di Lặc đang ngự, thuyết pháp, đợi chờ nhân duyên để giảng sinh xuống cõi trần của chúng ta. Bởi thế phóng quang ở cung Đâu Suất là nói tới pháp trọng về nhập thế, độ sinh hơn là pháp xuất ly tự giải thoát.

Đầu gối là chỗ tiếp giáp bắp đùi ở trên và cẳng chân ở dưới: Pháp Hồi Hướng là pháp tiếp nối khiến Bồ Đề tâm từ

chỗ hữu hạn phát triển tới chỗ vô hạn.

Nhờ có đầu gối nên chân mới bước đi được uyển chuyển, dễ dàng và thân thể được thăng bằng: Pháp Hồi Hướng khiến việc tu trí huệ và từ bi được cân bằng, trung đạo, và dễ dàng đạt tới viên mãn. Đặc tính trung đạo của pháp này thì cũng như đầu gối (làm chân có thể co duỗi, uyển chuyển không cứng nhắc), khiến cho hành giả tu hành không trở nên cực đoan, hẹp hòi, chấp chặt vào một pháp tu, một thành kiến.

Khi hào quang phóng ra, có muôn vàn màu sắc, muôn vàn cảnh giới hiện ra trong đó: Đặc tính của pháp Hồi Hướng là cách tu phát nguyện. Đại bi càng vĩ đại vô biên thì đại trí mới càng vô hạn thâm sâu. Muốn phát triển lòng đại bi thì phải phát nguyện cứu độ chúng sinh. Do đó muôn vàn màu sắc của hào quang là ám chỉ cho muôn vàn đại nguyện ta phải phát.

Trong toàn bộ kinh Hoa Nghiêm, Phật phóng hào quang từ giữa chặng mày (phóng lần 2 này, trình bày giáo pháp Thập Địa) tất cả bốn lần. Mỗi hào quang đều có ý nghĩa riêng biệt bất đồng.

Lúc này sau khi đã giảng xong pháp Thập Hồi Hướng, Phật giảng tiếp về pháp Thập Địa. Lúc ấy ngự trên cung trời Tha Hóa Tự Tại, Phật phóng một đạo hào quang thanh tịnh từ giữa chặng mày tên là Bồ Tát Lực Diệm Minh. Khi hào quang phóng ra, có vô số ánh quang minh khác đồng thời chiếu tỏa, rọi khắp mọi cõi nước trong mười phương. Những luồng ánh sáng thần diệu ấy làm ngừng hẳn mọi đau khổ trong ba ác đạo, hiển hiện tất cả chúng hội của Như Lai, tất cả thân Phật

trong mọi nơi, và thuyết giảng tất cả chân lý. Sau khi chiếu xong, hào quang kết tụ trong hư không, tạo thành những lớp mây đan kết trùng điệp như mạng lưới giăng phủ cả bầu trời. Hình dạng của những mạng lưới này thì giống như một cái đài, cao, rộng lớn, sâu thẳm.

Hào quang giữa mày và cửa miệng. Giáo pháp Diệu Giác. Khi phóng hào quang giữa chặng mày lần đầu tiên, Phật chỉ giới thiệu sơ những tướng trạng, công đức và cảnh giới khả kiến của một vị Phật. Tới độ phóng quang giữa chặng mày lần này, ngài hiển lộ chân nghĩa của cảnh giới mà tất cả chư Phật đều chứng. Lần phóng quang này nằm trong một phẩm kinh vô cùng đặc biệt, phẩm thứ 37 của kinh, phẩm Như Lai Xuất Hiện.

Khác với các phẩm hội trước chỉ phóng quang một lần, trong phẩm này Phật phóng quang liên tiếp hai lần. Trước hết ngài phóng quang từ nơi tướng Bạch hào, tức là một sợi lông trắng nhu nhuyễn mọc giữa chặng mày. Tướng này là một trong 32 hai tướng đặc biệt chỉ Phật mới có. Hào quang phóng ra có tên là Như Lai Xuất Hiện.

Sau khi phóng ra, nó phát khởi ra vô lượng ánh quang minh khác đồng thời chiếu rọi khắp mười phương. Sau đó những ánh hào quang ấy xoay quanh khắp pháp giới mười vòng, hiển hiện ra những tính chất tự tại của một vị Phật, giác ngộ chư Bồ Tát, chấn động các cõi nước, độ vô biên chúng sinh, che khuất tất cả cung điện của ma vương, xong rồi những hào quang ấy quay lại nhiều quanh bên phải chúng hội Bồ Tát rồi nhập vào đỉnh đầu của một vị Bồ Tát tên là Như Lai Tánh Khởi Diệu Đức (tuyên bày giáo pháp Diệu Giác).

Lần phóng hào quang vừa rồi hoàn toàn hiển lộ chân nghĩa của một vị Phật. Tới đó ta có thể kết luận rằng sự trình bày giáo pháp của Phật như thế là đã đầy đủ. Nhìn lại từ lúc đầu, từ khi Phật phóng hào quang nơi răng, nơi lòng bàn chân, đầu ngón chân, bắp chân, đầu gối, giữa chạng mày, thì tất cả những hào quang ấy quả thật hợp thành một giáo pháp hoàn chỉnh, chỉ ra một con đường tu rất có hệ thống.

Nhưng kinh văn không chấm dứt ở đó, tức là nơi phẩm Như Lai Xuất Hiện. Ngược lại kinh tiếp tục với hai phẩm là phẩm Ly Thế Gian và phẩm Nhập Pháp Giới. Và Phật tiếp tục phóng hào quang...

Lúc ấy Phật đang nhập định tên là Sư Tử Tần Thân Tam Muội. Từ nơi tướng bạch hào giữa chạng mày ngài phóng hào quang tên là Phổ Chiếu Tam Thế Pháp Giới Môn. Hào quang chiếu khắp mọi cõi Phật, mọi thế giới hải, khiến đại chúng đều thấy tất cả những cõi trong khắp trong vũ trụ, ngay cả những cõi trong mỗi hạt bụi nhỏ bé vô cùng. Nơi những chỗ ấy, tất cả những quang cảnh về sự tu hành của chư Bồ Tát, của Phật, tất cả những chuyện xảy ra trong thế gian, đều được hiển hiện cho đại chúng cùng thấy. Khi thấy những cảnh giới như vậy, đại chúng ai cũng đắc tam muội, tùy nhân duyên bất đồng mà mỗi vị đắc tam muội bất đồng. Những môn tam muội ấy thì vô số. Ngay sau khi chứng đắc tam muội, các ngài lập tức khởi lên tác dụng tự tại, biến hóa, độ sinh, tiếp tục tu hạnh Bồ Tát.

Vì giáo pháp của Hoa Nghiêm trình bày tuần tự những bước tu hành, mỗi bước đều độc tôn nhưng nếu nhìn toàn diện thì trọng tâm của pháp là ở trung đạo, là đặc tính

khiến cả đường tu quân bình, vừa nhập thế vừa xuất thế, vừa hành bố vừa viên dung, vừa bi vừa trí, vừa định vừa huệ. Do vậy những giáo pháp trọng yếu nhất (Thập Địa, Diệu Giác và Viên Dung Vô Ngại) thì Phật đều dùng hào quang giữa chạng mờ để biểu thị, mà không phóng hào quang nơi Vô Kiến Đảnh.

Trong kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm này, Phật phóng quang từ nơi nhục kế, nơi Vô Kiến Đỉnh tướng. Đó là vì ngài muốn biểu thị rằng Lăng Nghiêm Đại Định là định cao nhất, rốt ráo nhất, hàng phục hết mọi thiên ma ngoại đạo, diệt trừ tận gốc mọi tập khí hữu lậu, thành tựu mọi đà la ni tuyệt đỉnh. Pháp thiền định của Lăng Nghiêm thì độc tôn, siêu tuyệt. Do đó phải dùng hào quang từ đỉnh đầu mới hiển bày được tính chất độc nhất vô nhị của định này.

Ma Ha dịch nghĩa là lớn: Đủ 3 nghĩa lớn như trên đã nói, tức là Đức Pháp Thân; Tát Đác Đa dịch nghĩa là trắng: Cái tướng nó khác hẳn các màu nhuôm trí tánh nó đủ sạch sẽ trọn vẹn, tức là Đức Bát Nhã. Bát Đác Ra dịch nghĩa là Lộng Tàn: Dùng che mắt muôn loài tức là giải Thoát Đức. Vô thượng rất sáng tốt cao, đứng sừng chót vót, không chi ngang sánh. Với uy linh không thể lường xét được, với cảm ứng cũng khó nghĩ bàn, nên gọi là Thần chú.

Tàn Lộng Trắng lớn, toàn thể nó là Chủng Trí chư Phật, mà là Diệu tánh của chúng sanh, chủng trí là Quả, diệu tánh là Nhơn, mà nhơn trùm quả suốt, vừa đủ lý tánh, vừa đủ giáo nghĩa. Nên thần chú này: Người tụng đến, sẽ trừ hết nghiệp chướng từ đời trước; người trì đến, khá chứng quả Phật. Thần chú đây, cũng có tên là Chú tâm, cũng có tên là Tâm



chú, cũng có tên là Như Lai Đảnh, bởi vì thần chú đây là pháp sở thuyết của đức Hoá Phật hiện ra trong hào quang trên đảnh đầu của đức Thích Ca: Hoá Phật tức là biểu tượng của như lai tạng tâm.

Song, y cứ nơi Kinh dạy thiết lập Danh Đè đó là nghĩa của hiển giáo; còn y theo chủ để lập danh đề, đó là nghĩa của Mật giáo. Mà đồng thời vừa hiển vừa mật lẫn tròn chẳng phải riêng làm hai, thế nên đều có thể lập danh đề bằng cả Mật lẫn Hiển.

Bởi vì chúng sanh tự mê muội quên lũng Như Lai Tạng Tâm là tánh Phật của mình, làm chấp tứ đại là tướng của tự thân, bóng dáng lục trần làm tướng của tự tâm, nên đức Hoá Phật trên đảnh của đức Thế Tôn ngài nói thần chú ra vậy là, chính muốn cho chúng sanh giác ngộ ngay nơi Như Lai Tạng của mình vốn sẵn đủ.

Chú là Phật tâm, nên với công dụng của nó, người ta khó nghĩ suy luận bàn gì được. Đối với chú, người tu hành phải cần trì tụng mới đặng. Kinh nói: Nguyên các đức Như Lai, ở mười phương, như nơi chú tâm, mà đắc đạo quả Phật. Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm lại từ nơi Hóa Phật (một trong Tam Thân Phật) tuyên thuyết, nên công năng diệu lực thật bất khả tư nghì.

**Pháp Thân:** (S: Dharma-kāya, H. 法身): Tôn danh một trong 3 thân của Phật, gồm Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Thân (法身, 報身及應身). Với ý nghĩa là Thân thể của chân lý (pháp), Pháp Thân là đương thể chân lý vĩnh viễn bất biến, là đức Phật lý tánh không sắc không hình, đem lại ý nghĩa mang tính nhân cách cho lý thể của chân như,

còn được gọi là Pháp Thân Phật (法身佛), Pháp Tánh Thân (法性身), Tự Tánh Thân (自性身), Như Như Phật (如如佛), Như Như Thân (如如身), Đệ Nhất Thân (第一身), v.v. Đây là nhân cách hóa Phật tánh, tượng trưng cho Phật pháp tuyệt đối, chân lý không nơi đâu mà không hiện hữu, bao hàm khắp tất cả mọi nơi. Đức Phật là đấng giác ngộ, nên Pháp Thân là Giác Tánh (tánh giác ngộ), Báo Thân là Giác Tướng (tướng giác ngộ) và Ứng Thân là Giác Dụng (sự diệu dụng của giác ngộ). Lại nữa, ngài Cư Ma La Thập (S: Kumārajīva, H. 鳩摩羅什 TL. 344-413) có lập ra Tam Pháp Thân (三法身 ba loại Pháp Thân), gồm Pháp Hóa Sinh Thân (法化生身), Ngũ Phần Pháp Thân (五分法身) và Thật Tướng Pháp Thân (實相法身). Pháp Hóa Sinh Thân là hóa thân Phật do pháp tánh hóa hiện; Ngũ Phần Pháp Thân (五分法身) là thân thể có 5 phần công đức như Giới, Định, Tuệ, Giải Thoát và Giải Thoát Tri Kiến (戒, 定, 慧, 解脫及解脫知見法身功德). Thật Tướng Pháp Thân là thật tướng của các pháp vốn có tánh Không. Ngoài ra, cũng có Tam Pháp Thân do Thiên Thai Tông lập ra, gồm Không Pháp Thân (空法身 Pháp Thân của Tiểu Thừa), tức Giả Pháp Thân (假法身 Pháp Thân của Đại Thừa Biệt Giáo) và tức Trung Pháp Thân (中法身 Pháp Thân của Đại Thừa Viên Giáo). Như trong Niệm Phật Khởi Duyên Di Đà Quán Kế Trục Giải (念佛起緣彌陀觀偈直解 . Tục Tạng Kinh Vol. 62, No. 1195) có giải thích về Pháp Thân rằng: Pháp Thân giả, tức Như Lai Tạng Đại Niết Bàn thể, sanh diệt tâm diệt, chơn như tâm hiện, tức danh Pháp Thân; thử thân vô độ khả lai, vô độ khả khứ, bổn Pháp Giới Thân, châu biến nhất thiết. 法身者, 即如來藏大涅槃體, 生滅心滅, 眞

如心現，即名法身。此身無土可來，無土可去，本法界身，周遍一切。 Pháp Thân tức là thể của Như Lai Tạng Đại Niết Bàn, tâm sanh diệt mà diệt, thì tâm chơn như hiển hiện, tức gọi là Pháp Thân; thân này không quốc độ nào có thể đến, không quốc độ nào có thể đi, vốn là thân của Pháp Giới, biến khắp tất cả). Hay trong Phật Tam Thân Tán (佛三身贊. Taishō Vol. 32, No. 1678) có bài kệ về Pháp Thân rằng: Ngã kim khể thủ Pháp Thân Phật, vô dụ nan tư phổ biến trí, sung mãn pháp giới vô quái ngại, trạm nhiên tịch tĩnh vô đẳng đẳng, phi hữu phi vô tánh chân thật, diệc phi đa thiểu lý số lượng, bình đẳng vô tướng như hư không, phước lợi tự tha diệc như thị. 我今稽首法身佛。無喻難思普變智。充滿法界無罣礙。湛然寂靜無等等。非有非無性真實。亦非多少離數量。平等無相如虛空。福利自他亦如是。 Con nay cúi lạy Pháp Thân Phật, chẳng sánh khó lường trí rộng khắp, đầy tròn pháp giới không ngăn ngại, sáng trong vắng lặng không so sánh, chẳng có chẳng không tánh chân thật, cũng chẳng nhiều ít lìa tính lượng, bình đẳng không tướng như hư không, phước lợi ta người cũng như vậy. Trong Tứ Phần Luật Sư Huyền Lục (四分律搜玄錄. Tục Tạng Kinh Vol. 41, No. 732) quyển 1 cho biết rằng: Pháp Thân danh Tỳ Lô Giá Na (法身名毘盧遮那 Pháp Thân có tên gọi là Tỳ Lô Giá Na). Do đó mà có câu cúng dường: Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Phật (供養清淨法身毘盧遮那佛).

**Báo Thân:** (S: sambhoga-kāya, H. 報身): chỉ cho thân quả báo của Phật; còn gọi là Báo Phật (報佛), Báo Thân Phật (報身佛), Thọ Pháp Lạc Phật (); hoặc được dịch là Thọ Dụng Thân (受用身), Thực Thân (食身), Ứng Thân (應身), là một

trong 3 thân (法身, 報身, 化身 Pháp Thân, Báo Thân và Hóa Thân) và 4 thân (法身, 報身, 應身, 化身 Pháp Thân, Báo Thân, Ứng thân và Hóa Thân) của Phật; tức là thân Phật có quả báo nhân vị vô lượng nguyện hạnh, vạn đức viên mãn. Đây cũng là thân kết quả của sự báo ứng các nguyện hạnh đầy đủ của vị Bồ Tát mới phát tâm tu tập cho đến tròn đầy Mười Địa (十地). Như A Di Đà Phật (阿彌陀佛), Dược Sư Như Lai (藥師如來), Lô Xá Na Phật (毘盧遮那佛), v.v., đều là Báo Thân Phật (報身佛). Báo Thân lấy Đại Trí (大智 tức trí tuệ không phân biệt của bậc Thánh), Đại Định (大定 nghĩa là không tác ý) và Đại Bi (大悲 tâm từ bi có thể giúp cứu bạt nỗi khổ của chúng sanh) làm thể; có đầy đủ vô lượng sắc tướng, muôn công đức của Thập Lực (S: *daśa-bala*, P: *dasa-bala*, H. 十力), Tứ Vô Úy (S: *catur-vaiśāradya*, P: *caturvesārajja*, H. 四無畏), v.v.

Theo Đại Trí Độ Luận (大智度論。Taishō Vol. 25, No. 1509) quyển 9 cho biết rằng đức Phật có hai thân là Pháp Tánh Thân (法性身。Thân Pháp Tánh) và Phụ Mẫu Sanh Thân (父母生身。thân do cha mẹ sanh ra). Pháp Tánh Thân thì biến khắp cùng hư không, tướng hảo trang nghiêm, có vô lượng hào quang sáng rực và vô lượng âm thanh. Quyển 30 cùng điển tịch này còn nêu rõ rằng đức Phật lại có hai thân là: Chơn Thân (真身) và Hóa Thân (化身). Chơn Thân thì cùng khắp hư không, âm thanh thuyết pháp của thân này cũng biến khắp mười phương vô lượng thế giới, nhưng chỉ có vị Bồ Tát ở địa vị Thập Trụ mới có thể lấy trí lực phương tiện không thể nghĩ bàn mà nghe được. Quyển 33 lại nêu ra hai loại thân khác là Pháp Tánh Sanh Thân (法性生身) và Tùy Thế Gian Thân (隨世間身). Pháp Tánh Sanh Thân thường có

vô lượng vô số không thể tính đếm các vị Bồ Tát Nhất Sanh Bồ Xứ (菩薩一生補處) theo hầu.

Thông thường thân này chỉ cho Thật Báo Thân của Phật. Đối với nội chứng cũng như ngoại dụng của Báo Thân, căn cứ trên nghĩa thọ dụng, Thiên Thai học giả chia Báo Thân thành Tự Thọ Dụng Báo Thân (自受用報身) và Tha Thọ Dụng Báo Thân (他受用報身); rồi căn cứ trên quốc độ cư trú của Báo Thân mà phân thành Chơn Báo Thân Độ (眞報身土) và Ảnh Hiện Báo Thân Độ (影現報身土). Chơn Báo Thân Độ chính là nơi chư vị Bồ Tát thị hiện trên mặt đất, là cõi nước Báo Thân để dùng phương tiện giáo hóa, truyền đạo. Thọ Dụng Thân của Pháp Tướng Tông và Duy Thức Tông đồng nghĩa với thân này. Đại Thừa Đồng Tánh Kinh (大乘同性經。Taishō Vol. 16, No. 673) quyển Thượng cho rằng thành Phật nơi cõi uế độ tương đối là Hóa Thân, thành Phật nơi cõi Tịnh Độ là Báo Thân.

Trong Phật Tam Thân Tán (Taishō Vol. 32, No. 1678) có bài kệ về Báo Thân rằng: Ngã kim khể thủ Báo Thân Phật, trạm nhiên an trú đại Mâu Ni, ai mãn hóa độ Bồ Tát chúng, xứ hội như nhật nhi phổ chiếu, Tam Kỳ tích tập chư công đức, thí năng viên mãn tịch tĩnh đạo, dĩ đại âm thanh đàm diệu pháp, phổ linh hoạch đắc bình đẳng quả. (我今稽首報身佛。湛然安住大牟尼。哀愍度菩薩衆。處會如日而普照。三祇積集諸功德。始能圓滿寂靜道。以大音聲談妙法。普令獲得平等果。) Con nay cúi lạy Báo Thân Phật, sáng trong an trú đức Mâu Ni, xót thương hóa độ chúng Bồ Tát, khắp chốn như trời chiếu cùng khắp, ba đời tích tập các công đức, mới thể tròn đầy đạo vắng lặng, lấy âm thanh lớn bàn pháp mầu, khiến cho đạt được bình đẳng quả). Hay

trong Triệu Luận Lược Chú (肇論略註, 卅。Tục Tạng Kinh Vol. 54, No. 873) quyển 5 có giải thích rằng: Dĩ tam thể chư Phật khoáng kiếp tu nhân, chứng thử nhất tâm chi thể, danh vi Pháp Thân; dĩ thù quảng đại chi nhân, danh vi Báo Thân; tùy cơ ích vật, danh vi Hóa Thân; nhất thiết chư Phật giai cụ Tam Thân; Pháp Thân vi thể, Hóa Thân vi dụng, hữu cảm tức hiện, vô cảm tức ẩn. (以三世諸佛, 曠劫修因, 證此一心之體, 名爲法身。以酬廣大之因, 名爲報身。隨機益物, 名爲化身。一切諸佛皆具三身。法身爲體, 化身爲用, 有感即現, 無感即隱)。 vì ba đời các đức Phật muôn kiếp tu nhân, chứng thể nhất tâm này, nên gọi là Pháp Thân; để báo ứng nhân to lớn này, nên gọi là Báo Thân; tùy cơ duyên mà làm lợi ích muôn loài, nên gọi là Hóa Thân; hết thấy các đức Phật đều có đủ Ba Thân; Pháp Thân làm thể, Hóa Thân làm dụng, có cảm tức hiển hiện, không cảm thì ẩn tàng). Trong Tứ Phần Luật Sưu Huyền Ký (四分律搜玄記。Tục Tạng Kinh Vol. 41, No. 732) quyển 1 cho biết rằng: Báo Thân danh Lô Xá Na (報身名盧舍那。 Báo Thân có tên gọi là Lô Xá Na). Vì vậy, có câu cúng dường: 圓滿報報身盧舍那佛。 Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na Phật.

**Hóa Thân** (S: Nirmāṇa-kāya, J: Keshin, H. 化身): nghĩa là thân biến hóa, là một trong 3 thân (Pháp Thân, Ứng Thân và Hóa Thân) và 4 thân (Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân và Hóa Thân) của Phật. Nó còn được gọi là Ứng Phật, Ứng Thân Phật, Ứng Hóa Thân. Để cứu độ và giáo hóa chúng sanh, chư Phật và Bồ Tát đã hóa hiện ra 32 loại thân cũng như trăm ngàn ức loại thân khác nhau; cho nên có tên gọi: Thiên Bách Ưc Hóa Thân (千百億化身).

Như trong Lục Tổ Pháp Bảo Đàn Kinh (六祖法寶壇經),

Phẩm Sám Hối (懺悔品) thứ 6, có đoạn: Hà danh Thiên Bách Ước Hóa Thân? Nhược bất tư vạn pháp, tánh bản như không, nhất niệm tư lường, danh vi biến hóa; tư lường ác sự, hóa vi Địa Ngục, tư lường thiện sự, hóa vi Thiên Đường, độc hại, hóa vi long xà, từ bi, hóa vi Bồ Tát, trí tuệ, hóa vi thượng giới, ngu si, hóa vi hạ phương, tự tánh biến hóa thậm đa, mê nhân bất năng tỉnh giác, niệm niệm khởi ác, thường hành ác đạo, hồi nhất niệm thiện, trí tuệ tức sanh, thử danh Tự Tánh Hóa Thân Phật (何名千百億化身、若不思萬法、性本如空、一念思量、名為變化、思量惡事、化為地獄、思量善事、化為天堂、毒害、化為龍蛇、慈悲、化為菩薩、智慧、化為上界、愚癡、化為下方、自性變化甚多、迷人不能省覺、念念起惡、常行惡道、迴一念善、智慧即生、此名自性化身佛, thế nào là Trăm Ngàn Ước Hóa Thân? Nếu không tư duy vạn pháp, tánh vốn là không, một niệm tư lường, gọi là biến hóa; suy nghĩ việc ác, hóa thành Địa Ngục; suy nghĩ việc thiện, hóa thành Thiên Đường; độc hại thì hóa làm rồng rắn; từ bi thì hóa làm Bồ Tát; trí tuệ thì hóa thành cõi trên, ngu si thì hóa thành cõi dưới; tự tánh biến hóa rất nhiều, người mê chẳng thể tỉnh thức, mỗi niệm khởi ác, thường hành đường ác, trở về niệm lành, trí tuệ liền sanh; đây gọi là Tự Tánh Hóa Thân Phật).

Hay như trong Phật Tam Thân tán (佛三身讚, Taishō Vol. 32, No. 1678) có bài kệ về Hoá Thân rằng: Ngã kim kế thủ Hoá thân Phật, Bồ đề thọ hạ Thành Chánh giác, hoặc khởi biến hiện hoặc tịch tĩnh, Hoặc phục vãng hoá ư thập phương, hoặc chuyển pháp luân ư Lộ Uyển, hoặc hiện đại quang như hoả tụ, Tam đồ khổ báo tất năng trừ, Tam Giới vô tỷ đại Mâu Ni (我今稽首化身佛、菩提樹下成正覺、或

起變現或寂靜、或復往化於十方、或轉法輪於鹿苑、或現大光如火聚、三塗苦報悉能除、三界無比大牟尼, con nay cú lạy Hoá Thân Phật, dưới cội Bồ đề thành Chánh giác, hoặc khởi biến hiện hoặc vắng lặng, hoặc lại hoá hiện khắp mười phương, hoặc chuyển xe pháp nơi Lộc Uyển, hoặc hiện hào quang như lửa rực, Ba đường khổ báo thấy đều trừ, ba cõi đâu bằng đức Mâu Ni). Trong Tứ Phần Luật Sư Huyền Lục (四分律搜玄錄, 卅 Tục Tạng Kinh Vol. 41, No. 732) quyển 1 cho biết rằng: “Hoá Thân danh Thích Ca Mâu Ni (化身名釋迦牟尼, Hoá thân có tên gọi là Thích Ca Mâu Ni). Vì vậy, có câu cúng dường: Thiên Bách ức Hoá thân Thích ca Mâu Ni Phật (千百億化身釋迦牟尼佛).

Kinh văn dạy: Các người là bậc Hữu học chưa hết cái khổ sanh tử luân hồi, thì các người nên dấy cái tâm chí thành để tu tụng chú tâm đặng chừng lấy quả Vô học là A La Hán. Nếu chẳng tu trì chú này, thì không thể nào ngồi chốn đạo tràng mà khiến cho thân tâm xa tránh được các điều Ma chướng làm hại được.

Vì 5 hội chú của Thủ Lăng Nghiêm, dịch âm từ chữ Phạn, là Chân ngôn mật ngữ, nên các chùa thường đọc theo thổ âm của mình vậy. Ngài Vân Khê – Châu Hoằng dạy: Đọc tụng Thần chú, không cần nơi tiếng, mà chỉ cần dụng tâm. Bởi: Uy linh bất trắc gọi là Thần, tùy tâm sở nguyện gọi là Chú.

Năm hội Thần Chú trên nói về Tánh Như Lai Tạng một cách rất kín nhiệm (pháp mật), còn kinh Lăng Nghiêm cũng nói về Tánh Như Lai Tạng mà nói một cách rất rõ ràng (Pháp



hiển). Bởi vì có chúng sanh nghe thuyết pháp Mật Giáo rồi tự tỏ ngộ vào chơn lý; hoặc có chúng sanh như nghe nói pháp Hiển Giáo mà tự nhận rõ được chơn lý. Thế đủ biết rằng: Hoặc hiển thuyết, hoặc mật thuyết... đâu chẳng phải là phương pháp của Phật giáo hóa chúng sanh? Ngài có đủ phương tiện bằng ba pháp luận bất khả tư nghị như thế.

Phép thần chú của Tiên Phạm Thiên làm rối loạn tâm tánh của A Nan, đến khi nó gặp chú Lăng Nghiêm do Hóa Phật ở trong hào quang trên đánh đức Thế Tôn nói, thì thần chú Trời bị thần chú Phật đánh tiêu, chẳng những giải cứu được cái lụy Kiết Hoặc cho A Nan, mà cũng khiến cho nàng Ma Đăng Già liền chứng được quả thánh thứ ba (A Na Hàm).

Bởi vì sức thần chú ác pháp tử như lửa của con đom đóm, ánh sáng của thần chú thiện pháp như ngàn mặt nhật; lửa đom đóm kia gặp một ngọn đèn còn không rõ sáng đặng, phương chi với nghìn mặt nhật. Thế nên với thiện chú đây người tụng cũng đắc công đức bất khả tư nghị. Tức là: Sĩ Đà Tapatra Tất Đạt Đa Bát Đạt Ra, tên danh của chú Đại Phật Đảnh, Hoa dịch: Bạch Tán Cái nghĩa: Lọng Tàn Trắng tức là chỉ cái Tạng Tâm, vì rằng; chẳng cùng hợp nhau với điều vọng nhiễm, nên nói là Bạch: Trắng, bởi như cây Lọng Tàn Trắng che mát chúng sanh.

Tất cả tà ma quỷ quái độc địa, tám hoạnh, chín nạn, sao tai ương, chiêm bao ác đều không nhiễm trúng tai hại gì được; chư Thiên chư Thần thường đến phù hộ. Cho đến lỡ phạm những tội ngũ nghịch, tứ trọng, cũng đều được sám hối. Xa lìa các điều Ma chướng, rốt được thành đạo Phật.

千手千眼觀世音菩薩  
廣大圓滿無礙大悲心陀羅尼經

*Thiên thủ thiên nhãn vô ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni:*

**Nam mô Hắc ra đát na đă ra dạ da. Nam mô A rị da, bà lô yết đế, thước bát ra da, Bồ đề... Nam mô A rị da, bà lô kiết đế, thước bàn ra dạ, ta bà ha. Án Tất điện đô, mạn đă ra, bạt đà da, ta bà ha.**

1 - Như Ý Bảo Luân Vương Đà La Ni

2 - Tiêu Tai Kiết Tường Thần Chú

3 - Công Đức Bảo Sơn Thần Chú

4 - Phật Mẫu Chuẩn Đề Thần Chú

5 - Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Đà La Ni

6 - Dược Sư Quán Đảnh Chơn Ngôn

7 - Quan Âm Linh Cảm Chơn Ngôn

8 - Thất Phật Diệt Tội Chơn Ngôn

9 - Vãng Sanh Tịnh Độ Thần Chú

10 - Thiện Nữ Thiên Chú

*Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh*

Đại Bi Chú, Đại Bi Thần Chú là gọi tắt, nói đầy đủ là Thiên Thủ Thiên Nhãn Quan Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni, được trích xuất từ bộ Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quan Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni.

**Kinh Văn: Như thị ngã văn, nhất thời Thích Ca Mâu Ni**

**Phật tại Bồ Đà Lạc Già Sơn (Potalaka), Quán Thế Âm cung điện, Bảo Trang Nghiêm đạo tràng trung, tọa Bảo Sư Tử tòa. Kỳ tòa thuần dĩ vô lượng tạp ma ni bảo nhi dụng trang nghiêm, bách bảo tràng phan, châu táp huyền liệt...**

**Phật cáo Tổng Trì Bồ Tát ngôn: Thiện nam tử, nữ đẳng đương tri, kim thử hội trung, hữu nhất Bồ Tát ma ha tát, danh viết Quán Thế Âm Tự Tại, tòng vô lượng kiếp lai, thành tựu đại từ đại bi, thiện năng tu tập, vô lượng Đà La Ni Môn. Vị dục an lạc chư chúng sanh cố, mật phóng như thị, đại thần thông lực. Phật thuyết ngữ dĩ... *Thiên thủ thiên nhãn vô ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni:***

**Nam mô Hắc ra đất na đa ra dạ da. Nam mô A rị da, bà lô yết đế, thước bát ra da...**

Trong quyển Đại Bi Sám Pháp Hiện Tướng hay Đại Bi Xuất Tượng tất cả 84 câu Chú Đại Bi, với mỗi mỗi câu chư Tổ đều họa tượng trưng ra mỗi mỗi thần biến: Hình Phật, hình Bồ Tát, hình các thánh nhị thừa, hoặc hình của các vị trời, Phạm Võng Đế Thích, thần tướng Kim Cang... đều tỏ ra mỗi bộ dạng hoặc từ bi, hoặc sân si, hoặc thánh dung, hoặc phàm tướng, mỗi uy dung chẳng đồng nhau. Tất cả đều từ nơi thánh trí, lòng đại bi của Bồ Tát Quán Thế Âm hóa hiện ra bằng đại tự tại, để làm lợi ích chúng sanh, mà ai trì tụng cũng ắt được chứng nghiệm chắc thật.

### **Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh**

摩訶般若波羅蜜多心經

**Bát Nhã (般若):** Dịch là Trí huệ, có ba nghĩa: 1/ **Thật Tướng Bát Nhã (实相般若):** Bát Nhã tức là: Trí huệ, hay Phật

tánh và chơn tâm chẳng hạn. Cái tướng chơn thật của trí huệ là Tướng Không chứ chẳng phải Tướng Có nên gọi là Thực tướng, nghĩa là nó không hẳn những cái tướng: Sanh tử của sáu loại phàm, Niết bàn của bốn quả Thánh, và phi các hình tướng: Tròn, dẹp, lớn, nhỏ, thấp, cao, trắng, vàng, nam, nữ, ta, người, nay, xưa v.v... cho đến phi những cái tướng đại khôn, chúng sanh và Phật. Vì nó không phân biệt, không ngộ mê, bởi đã không cái Tướng Có lại phi cái Tướng Không và không luôn Cái không nữa, thế gọi là thể tướng của Thật Tướng Bát Nhã.

**2/ Quán Chiếu Bát Nhã (觀照般若):** Cái tướng xét soi của trí huệ. Lấy ánh tâm Trí huệ, để soi xét diệu lý của thật tướng, cái trí sáng, cái lý rõ, thì phá tan được những điều mê hoặc, để rõ bày tam Đức diệu tâm ra: 1/ Pháp thân đức 2/ Bát nhã đức 3/ giải thoát đức.

**3/ Văn Tự Bát Nhã (文序般若):** Cũng gọi là phương tiện bát nhã; bởi lý nó đã là cái vô hình, lại tiệt đường nói nghĩ, ắt phải nương văn tự để rõ nghĩa, do nơi nghĩa để hiểu lý, dần dần sẽ đặng với nghĩa và rõ đều quên, văn tự tánh nó vẫn không, thế thật tướng. Tỷ như đã được cá và thả rồi, thì nơm, rập đều bỏ. Số là lớp sơ học mà phi phương tiện, thì khó tiến vào bát nhã môn; văn tự nghĩa thú, là cái cảnh phương tiện, cái hiểu biết là trí phương tiện.

Như trong Kinh Văn: Chiếu Kiến (照見) tức là nghĩa của Quán Chiếu Bát Nhã (觀照般若), Ngũ uẩn đều không, Không tướng của các pháp, đó là là nghĩa Thật Tướng Bát Nhã, độ tất cả khổ ách là Phương Tiện Bát Nhã . Thật Tướng Bát Nhã (實相般若) tức là Pháp Thân Đức; Quán Chiếu Bát Nhã tức

là Bát Nhã Đức; Văn Tự Bát Nhã, Phương Tiện Bát Nhã tức là Giải Thoát Đức, ba và một chẳng phải là riêng Bát Nhã tức là Giải Thoát Đức, ba và một chẳng phải là riêng làm hai, mà chính là nhứt tâm sẵn sàng sẵn đủ của ta với người đấy.

**Ba La Mật (S. Paramità, H. 波羅蜜)** dịch là Đáo bỉ ngạn, nghĩa: Đến bờ kia. Sanh tử là bờ bên đây, Niết bàn là bờ bên kia, phiền não là chính giữa dòng sông mê bể khổ, trí huệ là thuyền bè. Trong Kinh văn: **Hành thâm Bát Nhã ba la mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không** (行深般若波羅蜜多時，照見五蘊皆空): Thân ngũ uẩn là sanh tử; trí Chiếu kiến là thuyền bè; Giai không là đáo bỉ ngạn. Nghĩa là Hành đã thâm, thì liền chứng đến cảnh giới Tịch diệt Niết Bàn. Phải biết rằng: Cái thân năm uẩn đây đã không, trong năm uẩn mà một cái này không, thì tất cả các thứ khác nữa cũng đều không, với cái không của Tam đế được viên dung, là trọn nơi nơi công, hành quán chiếu, mới tiến vào cảnh Chơn Không của Ba La Mật môn.

**Tâm** làm chủ suốt bốn Thánh sáu phàm và gồm cả mười thiện mười ác; nói bằng cách ước lược thì có những: Tâm thảo mộc, Tâm duyên lự, Tâm chân như và cái Tâm tích tụ tinh yếu (心草木，心緣慮，心真如，心積聚精要).

**Tâm Thảo Mộc (心草木):** Cỏ cây nó chẳng thể có cái bản năng Duyên Lự cũng như liên tưởng, vì chữ Duyên: Liên lạc, chữ Lự: Tư tưởng. Mà nó vì có nghĩa sanh trưởng, nên nói tự hồ có tâm, dù không giác tri.

**Tâm Duyên Lự (心緣慮):** Cũng kêu tâm lo biết, chính là cái tâm bằng Mỗi một niệm, hiện bây giờ đây của ta và

người, nó hàm đủ những khả năng bằng Duyên Lự là liên tưởng cả đến chín loại ở chín cõi.

Tâm niệm hiền tiền đây, nếu có duyên về Thập ác bằng Thượng phẩm để làm Tư lự, thế là cái Tâm địa ngục; Nếu nó duyên về Thập ác bằng Trung phẩm để làm Tư lự, thế là cái Tâm súc sanh; nếu nó duyên về Thập ác bằng Hạ phẩm để làm Tư lự thế là cái Tâm ngựa quỷ. Chung gọi là Tam ác đạo (三惡道), Tâm niệm lo nghĩ về mười lành bằng lực hạ, là tâm duyên lự của thân A Tu La; lo nghĩ về 10 lành bằng lực thượng là tâm duyên lự của các Trời, chung gọi là Tam thiện đạo (三善道). Thiện và ác trên, đều cộng chung là Lục đạo luân hồi. Tức là sáu cảnh giới của phàm phu.

Tâm niệm nó duyên lệch cảnh không vắng lặng, để tư lự hoạt động, đó là tâm của các thánh Thanh Văn; nó duyên theo cái tánh không pháp như duyên, để làm tư lự hoạt động, đó là tâm của các Thánh Duyên Giác; nó duyên pháp Lục Độ đều tu để làm tư lự hoạt động của các thánh Bồ Tát; nó duyên theo tánh pháp giới vô ngại, nên được bình đẳng giữa người với ta, vì đồng một bản thể thanh tịnh diệu minh, để làm tư lự, đó là Tâm Chơn Như của Phật.

Tâm Chơn Như (心真如) của Phật, nói là trí vô phân biệt, vì giác ngộ đã hoàn toàn cứu cánh. Tất cả đều gọi là cảnh giới của tứ thánh như ở ngoài tam giới lục đạo. Kinh Hoa Nghiêm bài kệ (華嚴經云) nói: Ứng quán pháp giới tánh, nhất thể duy tâm tạo (應觀法界性一切唯心造): Nên xét tánh pháp giới, tất cả chỉ tâm (tâm duyên lự) tạo. Lại nói Tâm như công họa sư, tạo chủng chủng ngũ ấm. Tâm như thợ vẽ khéo, tạo mỗi mỗi ấm thân Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói

(首楞嚴經): Vạn pháp sở sanh, duy tâm sở hiện (萬法所生唯心所現): Cảnh sở sanh của muôn pháp (sự vật) là cảnh sở hiện của duy tâm (Như Lai Tạng). Song pháp tánh (tâm chơn như) nó vẫn hoàn toàn sáng suốt vốn chẳng óc những hiện tượng bằng thể giới chúng sanh; bởi vì với trên thể viên mãn quang minh đó, lững đi không tỉnh giác mà mỗi động lên một miện (tâm duyên lự): Hoặc vọng hoặc chơn hay là mê với giác, nhiễm với tịnh cũng như ác niệm thiện niệm chẳng hạn, thành thử giữa Pháp Giới Tánh, mới có hiện thật ra những hiện tượng phân biệt bằng Tứ thánh, Lục phàm nơi mười phương: Chúng sanh chẳng chịu nhận ngay nơi niệm để giác chiếu, nên mỗi niệm đều rượt theo cảnh lục trần để sanh vọng động luôn luôn, như đó tâm nó bị tạp loạn mãi mãi, không giờ nào thôi! đó là cái ánh tư tưởng cũng như quan điểm điển tử, để chiếu bóng ra những hiện thực giữa lục phàm.

Thể của Tâm Chơn Như là: Vơi vơi lộng lộng (Hạo hạo hàm tàng, bất khả cùng), mà chẳng lộ ra một mảy hình sắc gì, nên không mắc không buộc chi tất cả, thì với mỗi chỗ nào, đâu chẳng là chỗ tự tại, nơi mô chẳng chẳng là Tướng Không của các pháp, cũng như Phật tánh cả mọi loài. Như thế thì, đụng chạm đến chỗ nào cũng đều là Tâm kinh rõ rệt cả. Lại làm bài ca rằng: Thử gia phong, thiên địa không, sanh tử khứ lai hữu hà tung, diêu không nguyệt lạc ba tâm lý, Phật dữ chúng sanh nhất tánh trang: (此家丰天地空, 生死去來有何踪, 飄空月落吧心里, 佛與衆生一性莊). Đây chân tâm; Trời, đất... không sống chết tới lui không hình tung, nguyệt trên không in nơi lòng sóng, Phật với chúng

sanh trong cùng một tánh chung.

Tâm Tích Tụ Tinh Yếu (心積聚精要) : Lòng chứa nhóm những tinh nghĩa cốt yếu. Nghĩa là: Tâm Kinh đây chính thực tính yếu giữa sáu trăm cuốn của bộ Đại Bát Nhã kinh. Lấy Tâm làm đề mục đó, là cốt muốn cho chúng sanh ngay nơi vọng tâm đổi ra cái Chơn Tâm Bát Nhã, nếu nương theo Trí Bát Nhã rồi, thì chính nơi vọng tâm của chín giới chúng sanh, nó tức là Tâm Chơn Như thanh tịnh của Phật giới, nên chính chỗ gọi rằng: Một cuốn Tâm Kinh đây, là nguyên liệu để chúng sanh thành Phật có dư.

上来现前清净眾，讽诵楞严秘密咒  
回向三寶众龙天，守护伽蓝诸聖眾。  
三途八难俱离苦，四恩三有尽沾恩  
国界安宁兵革销，风调雨顺民安乐。

**Thượng lai hiện tiền thanh tịnh chúng, phúng tụng Lăng Nghiêm chú phẩm chú:** Sớm giờ đến đây chúng thanh tịnh, trì tụng chú Lăng Nghiêm và các Thần chú. Bài kệ này xâu kết từ trên, và chuyển xuống dưới làm Hồi hướng. Dốc lòng tu một hạnh thanh bạch, gọi là thanh tịnh; sáu hòa hợp đồng nhóm, gọi là chúng.

**Hồi hướng Tam Bảo chúng Long thiên, thủ hộ già lam chú Thánh chúng:** Hồi hướng lên ngôi Tam Bảo và các Hộ pháp. Với nghĩa của Tam Bảo sẽ rõ ở văn Sám hối sau. Trời, rồng là gồm chung thuộc bát bộ thần Hộ Pháp. Với nghĩa của Già Lam, sẽ thấy rõ ở văn chúc tán. Các vị Thần: Trời, Rồng... Già Lam, phần nhiều là có các vị Bồ Tát ẩn hình thị hiện và trong đó, nên xưng là Thánh chúng. Ở đây hồi hướng lên



Tam Bảo là để nguyện cầu gia hộ cho; hồi hướng về các vị: Thiên, Thần... là để cầu ủng hộ ngôi Tam Bảo. Tam đồ, Bát nạn cu ly khổ, Tứ ân, Tam hữu tận triêm ân, quốc giới an ninh binh cách tiêu, phong điều vũ thuận dân an lạc (Ba đồ tám nạn điều lia khổ, bốn ân ba hữu trọn nhờ ơn, nước cõi an ninh binh cách (giặc cướp) tan, gió hòa mưa thuận dân yên vui). Bốn câu đây là hồi hướng cho cả pháp giới chúng hữu tình từ chốn u là khuất mắt, đến chốn hiểu rõ thấy, điều được chung nhờ lợi ích.

**Tam Hữu:** Ba cảnh có, ba cõi nơi ấy có chúng sanh và có cảnh vật, có Nghiệp duyên và Nghiệp quả, có sanh và tử. Tức là Tam Giới:

1. Dục giới: Bốn ác thú: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, A Tu La.

Bốn châu nhân đạo: Nam Thiệm bộ Châu, Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Câu Lô Châu.

Lục dục thiên: Tứ thiên vương, Đao lợi, Dạ Ma, Đâu Suất Đà, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại.

2. Sắc giới:

Sơ thiên, có 3 cõi: Phạm chúng, Phạm phụ, Đại phạm.

Nhị thiên, gồm 3 cõi: Thiếu quang, Vô lượng quang, Quang Âm.

Tam thiên, gồm có 3: Thiếu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh.

Tứ thiên, có 9 gồm: Vô Vân, Phước Sinh, Quảng Quả (Vô Tướng), Vô Thiên, Vô nhiệt, Thiện Kiến, Thiện Hiện, Sắc

Cứu Cánh, Ma Hê Thủ La.

3. Vô sắc giới: Không Vô Biên Xứ. Thức Vô Biên Xứ. Vô Sở Hữu Xứ. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

### Chín địa

#### 1. Cõi dục

\*Ngũ thú tạp cư địa

\*Ly sinh hỷ lạc

#### 2. Cõi sắc

\*Định sinh hỷ lạc

\*Ly hỷ Diệu lạc

\*Xả niệm Thanh tịnh

#### 3. Vô sắc

\*Không vô biên,

\*Thức vô biên,

\*Vô sở hữu,

\*Phi tưởng phi phi tưởng

Chúng sanh luân hồi trong Tam Giới, cho rằng có Tam Giới, cho nên kêu là Tam Hữu.

Niết Bàn Kinh, quyển 35: Lại như có những kẻ ưa ở trong Tam hữu, thì họ là Một: tức là chìm đắm trong Ba cõi Sanh tử. Đến chừng họ nghe được lý Kinh Đại Niết Bàn mà đem Lòng Tin, thì họ là Xuất: tức là ra khỏi Ba cõi Luân Hồi.

Tam hữu lại là Ba cảnh sống, ba đời sống của người ta: Hiện hữu hay Bốn hữu là cái Thân tâm ở đời này. Trung hữu là cái Thân tâm sau khi người ta thác, lúc ấy người ta còn ở

nơi cảnh Dục giới hoặc Sắc giới. Dương hữu là cái Thân tâm đòi sau.

Bình: Các món vũ khí của quân dụng. Thuở xưa Xuy Vu dùng các kim loại chế tạo năm món binh khí: 1/ Cây cung, 2/ Cây đầu, 3/ Mũi mâu, 4/ Mũi qua, 5/ Mũi kích. Cách: Da thú đã thuộc chín; cách là áo giáp bằng da. Nên nguyện cho nước nhà đồng được như đời vua Nghiêu, vua Thuấn: năm ngày thì có một ngày gió mát mười ngày có một ngày mưa, tan hấn binh cách, thiên tai như họa đều không, ách nước nạn dân chẳng có, sĩ thứ đồng an cư lạc nghiệp. Nay dùng công tu phúng tụng này, để hồi hướng cho pháp giới quần sanh đồng hưởng phước vui vô vi như trị ấy. Đại chúng huân tu hy thắng tấn, Thập địa chốn siêu vô nan sự (Đại chúng huân tu mong hơn tới, chóng lên Thập địa không việc khó).

Ba bài kệ trên đó (từ: **Thượng lai hiện tiền thanh tịnh chúng... đến, Đản tín quy y tăng phước huệ**. Có cả thảy 12 câu, phân làm ba bài) của Tác giả: Chơn Yết Thanh Liễu thiền sư đời Tống (960 – 1276), sanh trưởng ở đất Thục, con nhà họ Ung xứ Miên Châu, đệ tử của Tổ Đan Hà - Thuần thiền sư; đến sau năm Thiệu Hưng thứ 21 (1151) nhận lời chiếu của vua Tống Cao Tôn, thỉnh làm trụ trì chùa núi Cao Đình, xứ Hàng Châu...

**Nam mô Ta Bà thế giới, Tam giới đạo sư, Tứ sanh từ phụ, nhưn thiên giáo chủ, thiên bách ức hóa thân, Bốn Sư Thích Ca Mâu ni Phật.**

**Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật**

**Nam mô Đại trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.**

**Nam mô Đại hạnh Phổ Hiền Bồ Tát**

**Nam mô Hộ Pháp chư thiên Bồ Tát****Nam mô Đạo tràng hội thượng Phật Bồ Tát.**

Trong lúc niệm Phật đi hữu nhiều có 2 ý nghĩa:

1/ Là lễ kính bằng cách miệng thì xưng tụng hiệu Phật, thân thì đi vòng quanh hầu tượng của Phật; đó là cái lễ rất tôn kính của người xứ Ấn Độ đối với Phật. Kinh Vô Lượng Thọ nói: Cúi lạy chân Phật, hữu nhiều 3 vòng. Thế gọi là Hữu nhiều.

2/ Là phương pháp điều dưỡng: Khi đứng tụng kinh lâu, ngồi thiền lâu, gân máu ngưng trệ, hay ma buồn ngủ nó phá, hoặc mới ăn cơm rồi... đều phải đi vòng hay đi thẳng tới lui, là để cho gân máu chạy đều, hết lừ đừ, tiêu thực, vệ sinh dưỡng thân. Thế thì gọi là: Kinh hành. Truyện Ký Qui cuốn thứ ba chép: Đi hữu nhiều Phật điện, đi vòng quanh ngôi tháp, là cốt vì cầu phước cho tự tha, nên tỏ cái nghi cung kính: Còn kinh hành là ý nghĩa ở dưỡng thân trừ bệnh.

Quy đọc bài Hồi hướng: Phàm làm việc Phật, rất phải Hồi hướng để cho công hạnh có chỗ ký thác: Như sau kia là riêng hồi hướng về Cực lạc tịnh độ: Còn chính đây là Tổng hồi hướng về Tam Bảo giữa pháp giới. Nhưng riêng hay chung gì đều phát cái tâm tự lợi, lợi tha, nguyện cho tất cả chúng sinh pháp giới đồng đắc thật chứng. Hồi hướng cũng như phát nguyện: Có hành mà không nguyện, thì chí hướng bất định. Như người ra đi đâu đó mà không có cái sở nguyện gì, chí hướng chi, thì ra đi phóng mạng cũng như lãng mạng giữa đường có gặp chuyện chi xảy đến, tất nhiên theo với cảnh ngộ mà đổi dạ sang đàng! Khi phát thệ nguyện hải đã sâu, công hạnh đã đầy, thì đạo quả thành tựu.

Bài phát nguyện hồi hướng sau đây, là Ngài Duy Sơn Nhiên thiên sư chép ra, để tổng hồi hướng về pháp giới Tam Bảo.

**Quy mạng thập phương Điều Ngự sư  
 Diển dương thanh tịnh Vi Diệu pháp  
 Tam thừa tứ quả giải thoát Tăng  
 Nguyện tứ từ bi ai nhiếp thụ  
 Lạy khắp Điều Ngự sư mười phương  
 Giảng bày Pháp thanh tịnh Vi Diệu  
 Ba thừa bốn quả Tăng giải thoát  
 Xin đồng thương xót thân nọp cho.**

**Tam Thừa:** (S: Yāna-traya, Tri-yāna, H. 三乘): Ba cỗ xe. Cỗ xe là ví dụ cho giáo lý dẫn dắt chúng sanh đi đến giác ngộ; có Nhất Thừa (一乘) cho đến Ngũ Thừa (五乘); đức Phật tùy theo căn cơ của chúng sanh là chậm chạp, trung bình, lanh lợi mà chế ra 3 loại pháp môn khác nhau gọi là Tam Thừa.

(1) Thanh Văn Thừa (S: śrāvaka-yāna, H. 聲聞乘), còn gọi là Tiểu Thừa (小乘); nếu nhanh thì trong 3 đời, chậm thì trong vòng 60 kiếp, tu pháp Không, cuối cùng đến đời này nghe giáp pháp của đức Như Lai, ngộ lý Tứ Đế (S: Catur-ārya-satya, P: Catu Ariya Sacca, H. 四諦), chứng quả A La Hán (S: Arhat, P: Arahant, H. 阿羅漢).

(2) Duyên Giác Thừa (S: pratyeka-buddha-yāna, H. 緣覺乘), còn gọi là Trung Thừa (中乘), Bích Chi Phật Thừa (辟支佛乘), Độc Giác Thừa (獨覺乘); nếu nhanh thì trong 4 đời, chậm thì trong 100 kiếp tu pháp Không, vào đời cuối cùng thì không nương vào giáo pháp của Như Lai, mà cảm các ngoại duyên như hoa bay, lá rụng, suối reo, v.v., tự giác ngộ lý

Thập Nhị Nhân Duyên (S: dvādaśāṅga-pratītya-samutpāda, P: dvādasāṅga-paṭicca samuppāda, H. 十二因緣), và chúng quả Bích Chi Phật (辟支佛).

(3) Bồ Tát Thừa (S: bodhisattva-yāna, H. 菩薩乘), hay còn gọi là Phật Thừa (佛乘), Đại Thừa (S: mahāyāna, 大乘); trong khoảng thời gian vô số kiếp tu hành hạnh Lục Độ (六度), rồi trong 100 kiếp trồng nhân 32 phước tướng để chứng vô thượng Bồ Đề.

Bốn câu trên: Câu đầu là kính lạy ngôi Tam Bảo; câu thứ hai là lạy ngôi Pháp bảo; câu thứ ba lạy ngôi Tăng bảo; câu thứ tư về sau là tổng quát để nguyện Tam Bảo chiếu ánh Từ Quang đến chứng nhận lời phát nguyện hồi hướng này... chí Tam Tự Quy Y.

### **Tóm tắt ý nghĩa thời Công Phu Khuya:**

Người tu Phật, đặc biệt là giới xuất gia, trước hết phải học cho thông suốt cả chữ lẫn nghĩa của trọn thời khóa tụng, để tiện khi vừa tụng thuộc lòng, vừa xét hiểu ý nghĩa. Lại trước phải luyện cái tâm tập định được thuần thực, vì không thì, với cảnh lộn xộn, tâm phan duyên rối ren, pháp quán tưởng khó mà thành tựu được! Nên với giờ sớm khuya là lúc muôn cảnh chưa động đạt, tâm ta còn im lặng tịch tịnh, liền thức dậy súc rửa, thay áo giải thoát, đi niệm Chú Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm tâm (大佛頂, 如來密因, 修證了義, 諸菩薩萬行, 首楞嚴經。Trích xuất từ Đại Quán Đảnh Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh), là để sớm trị cái bệnh ngũ dục chưa mống mầm, chóng kỳ cho được tâm hồn phẳng suốt, rõ bày ngay cái tánh màu chơn như của Như Lai Tạng, đó là

chỗ gọi rằng phẳng lặng chẳng động, hễ có cảm đến đâu là liền suốt thấu đến đó.

Kể gia trì đọc bài: Đại Bi thần chú (千手千眼, 觀世音菩薩, 廣大圓滿, 無礙大悲, 心陀羅尼經。Trích xuất từ: Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát, Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh), bài: Như Ý Bửu Luân vương chú (如意宝轮王陀罗尼, 出自如意轮陀罗尼经。Trích xuất từ: Như Ý Bảo Luân Vương Đà La Ni Kinh), đồng để rửa sạch những bụi phiền não trong tâm ta, hễ bụi lòng đã sạch, thì tỏ được lòng Đại Bi đồng thể chuyển đặng xe Pháp Luân Như Ý; tụng Chú Tiêu Tai Cát Tường (消灾吉祥神咒, 出自佛说炽盛大威德消灾吉祥陀罗尼经), là tan mất điều tai ương, đưa đến sự yên lành, xe pháp luân lại càng được vững chãi; tụng Chú Công Đức Bảo Sơn (功德宝山神咒, 或云出自大集经。), thì điều lành đã hiện nơi tâm, ở núi pháp tánh, đặng ngọc báu bằng công đức; tụng Chú Chuẩn Đề (准提神咒, 出自佛说七俱胝佛母准提大明陀罗尼经) là còn e pháp tính khó tỏ bày, nên phải đọc chú này, cho tan sạch lý chướng đi thì mới khiến pháp tánh được quả toại; tụng Chú Quyết Định Quang Minh Vương (圣无量寿决定光明王陀罗尼, 是元代人所译, 无有经本, 是阿弥陀佛法门之一。) thì sự đắc quả đã toại rồi, liền phải cầu cái trí sống lâu của Đức Quang Minh Vương Như Lai; tụng Chú Dược Sư Quán Đỉnh (药师灌顶真言, 出自药师如来本愿功德经), là trí sống lâu đã phát triển, trí ấy lại như mặt trăng báu mà trong bình lưu ly hàm tàng nó, tia sáng nó rọi ngay vào đỉnh đầu, nên gọi là quán đỉnh; tụng Chú Quan Âm Linh Cảm (观音灵感真言, 元代人所译, 没有经本,

也是观音法门之一。首句即为六字大明咒), thì được hiệp sâu vào lỗ tai viên thông cả pháp giới của đức Quan Thế Âm, sự linh cảm hay vô cùng, tử như trăng soi mà vắng, vắng mà soi; tụng Chú Thất Phật Diệt Tội (七佛灭罪真言, 出自陀罗尼杂集。) là e nghiệp cũ còn mù mờ, mặt nguyệt trí khó tỏ rạng ra, cần phải diệt sạch cái căn nghiệp từ vô thủy, nên gọi diệt tội; tụng Chú Vãng Sinh (往生净土神咒, 即拔一切业障根本得生净土陀罗尼), thì căn bản nghiệp chướng đã sạch, mong cầu Đức Di Đà rưới nước gội vào đỉnh đầu, như chứng cảnh Tịnh độ; tụng Chú Thiện Nữ Thiên (大吉祥天女咒, 出自金光明经), là gom pháp quán màu nhiệm trên, để cộng thành diệu dụng của pháp tính, thì những chỗ nguyện, đều được kết quả toại lòng; song, với sự tụng các chú mật nhiệm ấy, thì đã tiến vào pháp diệu quán, phải biết đều là bởi nhất tâm làm nên, còn e chấp trước nơi Quán cảnh, nên phải tụng thêm Chú Bát Nhã Tâm Kinh (Trích xuất từ 摩訶般若波羅蜜多心經 Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh), là để chỉ ngay cái tâm thể nó vốn không, chẳng có cái cảnh trí khá đặng, vì tâm là cái Không, mà cái Tướng của không ấy cũng không luôn, thể là:

**Trí cảnh rõ ràng, phi đồng phi dị,  
Hai bên tuyệt vời, ba quán trọn đủ.**

Trên đó, cả 12 bài mật chú và một bài Tâm Kinh, ý nghĩa nó đều gồm thâm lẫn với nhau; người hành trì đó gom lại đem hồi hướng lên ngôi Tam Bảo chứng minh để: Nguyện và đáp Bát bộ Hộ pháp, Thiên, Long... với tất cả bốn ân, ba hữu, tám nạn, ba đồ đều nhờ ơn khỏi khổ, nước thanh dân an. Đàn việt tín đồ thêm phúc huệ; tam môn là cửa ngõ chùa chế tạo hình tam quan mở ba cửa, nên gọi tam môn, tức sơn



môn, là nguyện cả các chùa đều thanh tịnh, để tiến vào ba cửa giải thoát; thập địa đốn siêu; là nguyện cho tất cả chúng Tăng ở các chùa đều chóng tiến lên bậc Thập địa Bồ Tát, nên kết thúc về bài Kệ hồi hướng; nhiên hậu mới niệm Phật, để cầu cho được thật chứng, phải biết rằng: Niệm một Phật A Di Đà, thì cả chư Phật khác, cũng đều hội hườn lại một... vì lẽ Phật Phật đạo đồng, đồng danh đồng hiệu, tức là một thân lẫn nhau với nhiều thân, tự cùng hòa nhau với tha; rồi lại lấy ba Tự quy y, là hoàn toàn thấu cả công đức đã tụng các bài mật chú, hiểu kinh trên, là để kết thành ngay ngôi Tam Bảo của tự tánh, chứ chẳng mượn quy y bên ngoài. Như vậy là trọn rõ bày pháp Đại Tổng Tướng của Nhất tâm.



## PHỤ CHÚ KỆ TỌA THIỀN



暮時初更呼禪偈：

初更已到上禪床，  
三業靜除觀聖顏，  
深信佛言恒念佛，  
只修一向入西方，

仰憊大眾安坐禪中聞鐘聲各各一心同念佛。

南無阿彌陀佛。(三稱)。

朝時五更呼禪偈：

五更已到上禪床，  
三業靜除觀聖顏，  
深信佛言恒念佛，  
只修一向入西方，

仰憊大眾安坐禪中聞鐘聲各各一心同念佛。

南無阿彌陀佛。(三稱)。

*Mộ thời Sơ canh Hô thiền kệ:*

**Sơ canh dĩ đáo thượng thiền sàng  
Tam nghiệp tịnh trừ quán Thánh nhan  
Thâm tín Phật ngôn hằng niệm Phật  
Chỉ tu nhất hướng nhập Tây Phang.**

Ngưỡng lao đại chúng:

An tọa thiền trung văn chung thỉnh các các nhất tâm đồng niệm Phật.

Nam mô A Di Đà Phật (3 lần).

*Triều thời Ngũ canh Hô thiền kệ:*

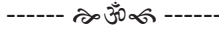
**Ngũ canh dĩ đáo thượng thiền sàng  
Tam nghiệp tịnh trừ quán Thánh nhan  
Thâm tín Phật ngôn hằng niệm Phật  
Chỉ tu nhất hướng nhập Tây Phang.**

Ngưỡng lao đại chúng:

An tọa thiền trung văn chung thỉnh các các nhất tâm đồng niệm Phật.

Nam mô A Di Đà Phật (3 lần).

## PHẦN CHÚ THÍCH



Kinh Lăng Nghiêm (楞嚴經): Chư Tổ phân định làm thời khóa Công Phu Buổi Khuya, từ 4 đến 5 giờ sáng ở các Tông Lâm tự viện, kinh này được trích xuất từ bộ: Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh (大佛頂首楞嚴經 (梵語: Sūraṃgama Sūtra 漢語: 首楞嚴經。全名大佛頂如來密因修證了義諸菩薩萬行首楞嚴經, 又名中印度那爛陀大道場經, 簡稱大佛頂首楞嚴經、大佛頂經、首楞嚴經, 大乘佛教經典。)).

(Thủ Lăng Nghiêm, quyển 3, hết đoạn Thất Đại Vốn Vô Sanh – đến đoạn cuối)

阿難頂禮佛足, 而白佛言: 自我出家, 恃佛憍愛。求多聞故, 未證無為。遭彼梵天邪術所禁心雖明了, 力不自由。賴遇文殊, 令我解脫。雖蒙如來佛頂神咒, 冥獲其力, 尚未親聞。惟願大慈重為宣說, 悲救此會諸修行輩, 未及當來在輪迴者, 承佛密音, 身意解脫。

於時會中一切大眾, 普皆作禮, 佇聞如來秘密章句。爾時世尊從肉髻中。涌百寶光。光中涌出千葉寶蓮。有化如來, 坐寶華中。頂放十道百寶光明。一一光明。皆遍示現十恒河沙金剛密跡, 擎山持杵, 遍虛空界。大眾仰觀, 畏愛兼抱, 求佛哀祐。一心聽佛, 無見頂相, 放光如來, 宣說神咒。

南無薩怛他 蘇伽多耶 阿羅訶帝 三藐三菩陀寫 薩怛他 佛陀俱胝、瑟尼釤。。。

唵 阿那隸 毗舍提 鞞囉 跋闍囉 陀唎 槃陀槃陀你 跋闍囉 謗尼泮 虎(合牛)都 嚧甕泮 莎婆訶。

阿難。是佛頂光聚，悉怛多般怛囉，祕密伽陀，微妙章句。出生十方一切諸佛。

十方如來，因此咒心，得成無上正遍知覺。

十方如來，執此咒心，降伏諸魔，制諸外道。十方如來，乘此咒心，坐寶蓮華，應微塵國。十方如來，含此咒心，於微塵國轉大法輪。十方如來，持此咒心，能於十方摩頂授記。自果未成，亦於十方蒙佛授記。

十方如來，依此咒心，能於十方拔濟群苦。所謂地獄餓鬼畜生，盲聾瘖啞，怨憎會苦、愛別離苦、求不得苦、五陰熾盛，大小諸橫同時解脫。賊難兵難、王難獄難、風火水難、飢渴貧窮，應念銷散。

十方如來，隨此咒心，能於十方事善知識，四威儀中供養如意。恒沙如來會中，推為大法王子。十方如來，行此咒心，能於十方攝受親因，令諸小乘聞祕密藏，不生驚怖。十方如來，誦此咒心，成無上覺，坐菩提樹，入大涅槃。

Đà La Ni, 梵語dhāranī 之音譯。又作陀憐尼。意譯總持、能持、能遮。即能總攝憶持無量佛法而不忘失之念慧力。換言之，陀羅尼即為一種記憶術。大智度論卷五、佛地經論。Trung Hoa dịch là Tổng Trì: Tổng nhất thiết pháp, Trì nhất thiết nghĩa. Bao trùm gìn giữ các Pháp

a. Pháp Đà La Ni 法陀羅尼: Chỉ một chữ, một danh hiệu hay một câu, mà bao trùm tất cả chữ, tất cả danh hiệu và tất cả câu.

b. Nghĩa Đà La Ni 義陀羅尼: Nói Chơn như, Duy tâm,

Duy thức, Cảnh Giới bất nhị, Nhất chơn Pháp giới v.v.. đều đã tóm thâu tất cả sự vật sai biệt.

c. Định Đà La Ni 定陀羅尼: Do sức Định mà tinh thần thống nhất tập trung lại, nên phát huy diệu lực rất mạnh, nhờ đó mà thành tựu được nhiều môn Định (定總持 Định Tổng trì).

d. Chú Đà La Ni 咒陀羅尼: Cũng gọi là Thần chú (神咒), tập trung tinh thần trì chú, nên có sức mạnh làm cho hành giả được toại bản nguyện của mình.

**A Nan Đà** (阿難陀): Gọi tắt là A Nan (阿難), ý dịch là Khánh Hỷ (慶喜), Vô Nhiễm (無染), con trai của cương tộc Sĩ Cam Lộ Phạn (S: Amrtodana, H. 士甘露飯) thuộc dòng họ Thích Ca (釋迦), là người em ruột với Đề Bà Đạt Đa (S, P: Devadatta, H. 提婆達多). Sau khi thành đạo, lần đầu tiên Thế Tôn trở về thành Ca Tỳ La Vệ (S: Kapilavastu, P: Kapilavatthu, H. 迦毘羅衛), khi ngài trú tại Vườn Xoài (S: Amrarapali-vana, P: Ambapali-vana, H. 菴婆波梨園, tức Am Bà Ba Lợi Viên), Tôn giả A Nan đã cùng với các vương tử thuộc dòng họ Thích Ca và người thợ hớt tóc Ưu Ba Ly (S, P: Upāli, H. 優波離) đến xin xuất gia theo Phật. Từ đó trở đi, Tôn giả thường hầu hạ bên Đức Thế Tôn, phần nhiều nghe được những lời dạy của ngài, nên được gọi là Đa Văn Đệ Nhất (多聞第一, nghe nhiều số một). Khi dưỡng mẫu của Phật là bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề (S: Mahaprajapati Gautami, P: Mahapajapati Gotami, H. 摩訶波磔闍波提) cầu xin xuất gia nhưng không được phép, chính Tôn giả đã đích thân xin Phật và sau khi được phép thì Tôn giả là người đã tận lực sáng lập giáo đoàn Tỳ Kheo Ni đầu tiên. Vào tháng thứ 2 sau

khi Phật diệt độ, khi cuộc kết tập lần đầu tiên được tiến hành tại Hang Thất Diệp (S: Sapta-parṇa-guha, H. 七葉窟) gần ngoài thành Vương Xá (S: Rajagrha, P: Rajagaha, 王舍城), Tôn giả đã cùng tham dự với 499 vị đệ tử đã chứng quả A La Hán của Đức Phật. Khi Đức Phật diệt độ, tương lai giáo đoàn được phó thác lại cho Ma Ha Ca Diếp (S: Mahakasyapa, P: Mahakassapa, H. 摩訶迦葉), sau đó ngài A Nan được Tổ Ca Diếp truyền trao giáo pháp cho và trở thành vị tổ thứ 2 của Thiền Tông Tây Thiên.

Có thuyết rằng: Ngài A Nan sinh năm 605 TCN - là anh em chú bác với Đức Phật vì cha của ông, vua Amitodana, là em vua Suddhodana – tức Tịnh Phạn Vương, thân phụ của Đức Phật. A Nan Đà (阿難陀) gia nhập giáo hội hai năm sau ngày thành lập vào lúc 18 tuổi, trở thành thị giả thân cận của Đức Phật.

Theo các tài liệu như Cứu Bạt Diệm khẩu Ngạ Quỷ Đà La Ni Kinh (救拔焰口餓鬼陀羅尼經, Taishō 1313), Cứu Diệm Nhiên Ngạ Quỷ Đà La Ni Thần Chú Kinh (救面燃餓鬼陀羅尼神咒經, Taishō 1314), Du Già Tập Yếu Cứu A Nan Đà La Ni Diệm Khẩu Nghi Quĩ Kinh (瑜伽集要救阿難陀羅尼焰口儀軌經, taishō 1318), Du Già Tập Yếu Diệm Khẩu Thí Thực Khởi Giáo A Nan Đà Duyên Do (瑜伽集要焰口施食起教阿難陀緣由, Taishō 1319), có dẫn về nguồn gốc cúng thí thực ngạ quỷ, âm linh...

**Ngũ Trược** (S. Pañca-kasāyāh, P. Pancā Kasāyā, H. 五濁). Ngũ Trược là năm món trược gồm:

- Kiếp Trược (Kalpa-kasāyāh): Trược (濁) là ô nhiễm, Kiếp (劫) chỉ thời gian. Chúng sanh tội ác sâu nặng chiêu



cảm đời loạn, nhân dân bệnh tật, khốn khổ.

- Kiến Trược (Drsti-kasāyāh): Tức là chúng sanh quan sát nhân sinh và vũ trụ, nảy sinh những cách nhìn sai lầm, mà tự cho là đúng.

- Phiền Não Trược (Klesa-kasāyāh): Hoài nghi giáo huấn của chư Phật, Bồ Tát, cổ thánh, tiên hiền, trái nghịch lời răn dạy, chẳng chịu vâng giữ, làm theo. Sách Hành Sự Sao Tư Trì Ký còn giảng: Phiền Não Trược chính là Ngũ Độn Sử.

- Chúng Sanh Trược (Sattva-kasāyāh): Là quả báo của Kiến Trược và Phiền Não Trược, tức là sự ô nhiễm trong hoàn cảnh sống. Chẳng hạn như không khí, nguồn nước và những hoàn cảnh khác bị ô nhiễm, khí hậu biến đổi dị thường, đều thuộc về loại Trược này.

- Mạng Trược (Āyu-kasāyāh): Thọ mạng giảm ngắn, chẳng thể hưởng hết tuổi trời, là chướng ngại lớn nhất cho sự tu hành.

Ngũ Trược (五濁), còn gọi là Ngũ Chử (五滓), tức trong thời Giảm kiếp (減劫 thời kỳ thọ mạng của chúng sanh giảm dần) sẽ sanh 5 loại như bần hay điều không tốt lành. Theo Kinh Bi Hoa (悲華經) quyển 5, Pháp Uyển Châu Lâm (法苑珠林) quyển 98, Ngũ Trược gồm: (1) Kiếp Trược (S. Kalpa-kasāya, H. 劫濁): Vào thời Giảm Kiết, khi thọ mạng của chúng sanh giảm xuống còn 30 tuổi thì sẽ sanh ra nạn đói, giảm đến 20 tuổi thì sẽ có nạn dịch hoành hành, đến 10 tuổi thì xảy ra nạn đao binh, làm cho tất cả chúng sanh thấy đều bị tai hại. (2) Kiến Trược (S. Drsti--kasāya, H. 見濁): Khi chánh pháp đã diệt, tượng pháp xuất hiện, tà pháp chuyển sanh, tà kiến tăng trưởng mạnh và khiến cho con người không tu theo

con đường lành nữa. (3) Phiền Não Trược (S. Kle sa- kasāya, H. 煩惱濁) : Chúng sanh có nhiều ái dục, bôn sên, keo kiệt, đấu tranh lẫn nhau, ăn chơi trác táng, thọ nhận các tà pháp và làm cho tâm thần bị não loạn. (4) Chúng Sanh Trược (S. Sattva- kasāya, H. 眾生濁) : Còn gọi là Hữu Tình Trược (有情濁), chúng sanh có nhiều điều xấu, ác, tệ hại, không hiểu kính cha mẹ, tôn trưởng, không biết sợ nghiệp quả báo, không làm việc phước thiện công đức, không giữ gìn các giới cấm, v.v. (5) Mạng Trược (S. Ayu-kasāya, H. 命濁) : Còn gọi là Thọ Trược (濁壽), từ ngàn xưa thọ mạng con người là 80 ngàn tuổi, thời nay do vì ác nghiệp tăng trưởng nhiều cho nên tuổi thọ giảm dần vì vậy người thọ 100 tuổi rất hiếm có.

Như vậy, trong Ngũ Trược, Kiếp Trược là chung và bốn loại kia là riêng như trong A Di Đà Kinh (阿彌陀經) có đoạn rằng: Thích Ca Mâu Ni Phật, năng vi thậm nan hy hữu chi sự, năng ư Ta Bà quốc độ Ngũ Trược ác thế, kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược trung, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (佛說阿彌陀經。釋迦牟尼佛能為甚難希有之事，能於娑婆國土，五濁惡世，劫濁、見濁、煩惱濁、眾生濁、命濁中，得阿耨多羅三藐三菩提。 Phật Thích Ca Mâu Ni có thể làm những việc khó khăn hiếm có có thể nơi quốc độ Ta Bà có 5 món trược, gồm kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược, mà chứng quả giải thoát hoàn toàn). Hay trong bài Lô Sơn Tuệ Viễn Pháp Sư Lự (廬山慧遠法師) của Tạ Linh Vận (謝靈運 385-433) nhà Tống, thời Nam Triều (宋代南朝) có câu: Linh thanh tục trấn, Ngũ Trược tạm long (令聲續振，五濁暫隆 khiến cho thanh danh mãi chấn động, Ngũ Trược tạm thời ngừng phát triển). Hoặc trong bài Phật Đảnh

Tôn Thắng Đà La Ni Tràng Tán (佛頂尊勝陀羅尼幢贊) của Độc Cô Cập (獨孤及725-777) nhà Đường cũng có câu: Mang mang Ngũ Trược, khách trần phú chi (茫茫五濁, 客塵覆之 ịch mờ Năm Trược, khách trần lấp che). Hơn nữa, trong bài tựa của Kinh Lăng Nghiêm (楞嚴經) cũng có đoạn: Phục thỉnh thế tôn vị chứng minh, Ngũ Trược ác thế thệ tiên nhập, như nhất chúng sanh vị thành Phật chung bất ư thử thủ Nê Hoàn (伏請世尊為證明, 五濁惡世誓先入, 如一眾生未成佛, 終不於此取泥洹, Cúi xin Thế Tôn chứng minh cho, đời ác Năm Trược thề vào trước, nếu một chúng sanh chưa thành Phật, trọn không nơi đây nhập Niết Bàn).

**Tỳ Lô Giá Na Phật** (S: Vairocana Buddha, H. 毘盧这那佛): Còn gọi là Tỳ Lô Xá Na (毘盧舍那佛), hay Lô Xá Na (盧舍那), âm dịch là Tỳ Lô Giá Na (毘樓这那), Tỳ Lô Chiết Na (毘盧折那), Phệ Lô Già Na (吠盧遮那); ý dịch là Biến Nhất Thiết Xứ (遍一切處), Biến Chiếu (遍照), Quang Minh Biến Chiếu (光明遍照), Đại Nhật Biến Chiếu (大日遍照), Tịnh Mãn (淨滿), Quảng Bác Nghiêm Tịnh (廣搏嚴淨), Đại Nhật Như Lai (大日如來). Các kinh điển giải thích về đức Phật này như Hoa Nghiêm Kinh (華嚴經), Phạm Võng Kinh (梵網經), Quán Phổ Hiền Bồ Tát Hành Pháp Kinh (觀普賢菩薩行法經), Đại Nhật Kinh (大日經), v.v., đều khác nhau và thậm chí các tông phái ở Trung Quốc giải thích về đức Phật này cũng có sự khác biệt lẫn nhau. Kinh Hoa Nghiêm thì cho rằng đức Tỳ Lô Giá Na Phật đã từng tu công đức trong vô lượng kiếp, chứng quả chánh giác, trú nơi Thế giới Liên Hoa Tạng (世界蓮花藏), phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương, phóng đám mây hoá thân từ nơi lỗ chân lông để

diễn xuất biến vô lượng khế kinh. Theo Phạm Võng Kinh thì cho rằng đức Phật này đã tu hành tâm địa trong hàng trăm A Tăng Kỳ kiếp để thành đẳng chánh giác, trú nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, chung quanh đánh liên hoa ấy có ngàn cánh (ngàn thế giới); đức Tỳ Lô Giá Na Phật biến thành ngàn Hoá Thân của đức Thích Ca Mâu Ni Phật và trú trong ngàn thế giới này. Hơn nữa, trong mỗi thế giới cánh sen ấy có hàng trăm ức núi Tu Di, trăm ức mặt trăng và mặt trời, hàng trăm ức cõi thiên hạ, hàng trăm ức Bồ Tát, Thích Ca đang diễn thuyết pháp môn tâm địa của Bồ Tát. theo Quán Phổ Hiền Bồ Tát Hành Pháp Kinh thì cho rằng đức Thích Ca Mâu Ni Phật có tên là Tỳ Lô Giá Na Biến Nhất Thiết Xứ (毘盧这那遍一切處) và trú nơi Thường Tịch Quang Độ (常寂光土), cảnh giới được hình thành từ Bốn Ba La Mật là Thường Lạc Ngã Tịnh (常樂我淨). Trong khi đó, Hoa Nghiêm Kinh và Phạm Võng Kinh thì cho rằng Tỳ Lô Giá Na Phật là Báo Thân Phật; còn Quán Phổ Hiền Kinh thì cho là Pháp Thân Phật. Về phía Thiên Thai Tông và Pháp Tướng Tông thì lập nên Tam Tôn là Tỳ Lô Xá Na, Lô Xá Na và Thích Ca, trong đó họ xem Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân (自性身 Tự Tánh Thân), Lô Xá Na là Báo Thân (受用身 Thọ Dụng Thân) và Thích Ca là Ứng Thân (遍化身 Biến Hoá Thân). Trong 10 danh hiệu đức Phật có câu “Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Phật, Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na Phật, Thiên Bách Ưc Hoá Thân Thích Ca Mâu Ni Phật ()”, cũng phát xuất từ giải thích nói trên. Riêng chơn Ngôn Tông thì lấy thuyết của Đại Nhật Kinh mà chủ trương Tỳ Lô Giá Na Phật là Đại Nhật Pháp Thân với Lý Trí Bất Nhị. Trong bài Phật Tâm Ca (佛心歌) của Tuệ Trung Thượng Sĩ (慧中上士, 1230 - 1291)

có câu “A thùy ư thử tín đắc cập, cao bộ Tỳ Lô đánh thượng hành, 阿誰於此信得及, 高步毘盧頂上行 Ai người theo đây tin được đến, cao bước Tỳ Lô mau bước đi). Về chư vị Bồ Tát quyền thuộc của Ngài, Tu Thiết Du Già Tập Yếu Thí Thực Đàn Nghi (修設瑜伽集要施食壇儀 Tạng Kinh Vol, 59, No. 1081) cho biết rằng: “Tỳ Lô Phật tứ Bồ Tát giả, nhất Kim Cang Ba La Mật Bồ Tát, nhị kim Cang Bảo Ba La Mật Bồ Tát, tam Kim Cang Pháp Ba La Mật Bồ Tát, tứ Kim Cang Yết Ba La Mật Bồ Tát ( Bốn vị Bồ Tát của Tỳ Lô Phật là, một Kim Cang Ba La Mật Bồ Tát, hai Kim Cang Bảo Ba La Mật Bồ Tát, ba Kim Cang Pháp Ba La Mật Bồ Tát, bốn Kim Cang Yết Ba La Mật Bồ Tát)”. Trong Phật Mẫu Khổng Tước Tôn Kinh Khoa Thức (佛母孔雀尊經科式 Tục Tạng Kinh Vol. 74, No. 1479) giải thích rõ về Ngài như sau: “Phụng thỉnh trung phương Tỳ Lô Phật, kỳ thân hoàng sắc phóng quang minh, thù ấn chấp trì Thiên Bức Luân, chúng đảnh chí tâm quy mạng lễ (cung thỉnh phương giữa Tỳ Lô Phật, thân Ngài sắc vàng phóng hào quang, tay ấn cầm giữ Thiên Bức Luân, chúng con chí tâm cung kính lễ)”. Trong Kim Cang Đảnh Du Già Tam Thập Thất Tôn Lễ (金剛頂瑜伽三十七尊禮 Taishō Vol. 18, No. 879) có đảnh lễ danh hiệu của Ngài: “Nam mô Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Phật (南無清淨法身毘盧遮那佛。Kính Lễ Phật Tỳ Lô Giá Na Có Pháp Thân Thanh Tịnh)”.

**Phật:** 佛 là dịch âm tiếng Phạn, nói tắt của chữ Phật đà (Bouddha). Chữ Phật, Hán dịch là Giác giả, là sáng suốt hoàn toàn, chỉ cho những bậc Đại giác, Đại ngộ. Những bậc biết rõ tất cả sự lý trong vũ trụ một cách chân chính, cùng tột và không còn một chút mê lầm, điên đảo, do đó còn được gọi

là Vô thượng Biến Chánh giác. Có đầy đủ ba tánh giác ngộ là Tự giác, Giác tha, và Giác hạnh viên mãn.

1. Tự Giác: 自覺 Tự trở nên giác ngộ; bậc tự giác thì không như hàng phàm phu chưa được giác ngộ. Người tu theo Nhị thừa đều có thể tự trở nên giác ngộ.

2. Giác Tha: 覺他 Làm cho người khác trở nên giác ngộ. Hàng Nhị thừa có thể trở nên giác ngộ, nhưng họ không giác ngộ người khác. Do đó, người có thể khiến cho người khác trở nên giác ngộ là bậc Bồ Tát. Bồ Tát xem tất cả chúng sanh đều bình đẳng như nhau; cho nên sau khi đã tự giác ngộ rồi, các ngài mong rằng hết thảy chúng sanh cũng đều được giác ngộ, được sáng suốt như mình. Đó gọi là Giác tha.

3. Giác Hạnh Viên Mãn: 覺行圓滿 bậc Bồ Tát tuy có thể giác ngộ người khác, nhưng vẫn chưa thể đạt được giác hạnh viên mãn. Chư Phật đã có thể tự trở nên giác ngộ, lại có thể làm cho người khác được giác ngộ, và còn có thể hoàn thành viên mãn hạnh tự giác giác tha của mình nữa. Chính nhờ đã hoàn tất trọn vẹn cả ba hạnh nguyện này nên các ngài đã thành Phật.

Thuyết: 說 Nghĩa là nói. Kinh này do đức Phật nói ra. Chữ Thuyết còn bao hàm ý nghĩa Duyệt sở hoài. Tức là nói ra những điều mà trong lòng mình ưa thích, và một khi đã nói ra rồi thì càng cảm thấy hoan hỷ vui vẻ hơn.

**Bồ Tát:** (S. Bodhisattva, P. Bodhista, H. 菩薩): Từ gọi tắt của âm dịch Bồ Đề Tát Đỏa (菩提薩埵), hay Bồ Đề Sách Đa (菩提索多), Mạo Địa Tát Đát Phục (冒地薩怛縛), Phù Tát (扶薩); ý dịch là Đạo Chúng Sanh (道眾生), Giác Hữu Tình (覺有情), Đại Giác Hữu Tình (大覺有情), Đạo Tâm Chúng Sanh

(道心众生), Đại Sĩ (大士). 菩薩是菩提薩埵之略称。菩提薩埵, 梵语 Bodhi-sattva, 巴利语 Bodhi-satta。又作: 菩提索多、冒地薩怛縛, 或扶薩。意译作: 道眾生、覺有情、大覺有情、道心众生。

Nguyên ngữ của nó được kết hợp bởi hai từ Bodhi và Sattva. Từ Bodhi là Bồ Đề (菩提) có nghĩa là sự khai ngộ, tỉnh thức, được dịch là giác (覺). Sattva (tát đỏa 薩埵) nghĩa là sinh vật, nên được dịch là chúng sanh (眾生), hữu tình (有情) Khi hai từ này được kết hợp lại với nhau, chúng có nghĩa là người tìm cầu sự giác ngộ hay người có trang bị đầy đủ sự giác ngộ. Đặc biệt, đối với trường hợp của Đại Thừa Phật Giáo, Bồ Tát không phải là người tu hành để tìm cầu sự giác ngộ cho tự thân mình, mà tồn tại trong hiện thực của cuộc đời để tìm cầu chân lý giác ngộ, tu hành thực tiễn (hạnh từ bi lợi tha, 行慈悲利他) cho mọi người trên đời, nỗ lực tinh tấn Tịnh Độ hóa (tác thanh tịnh quốc độ Phật, 作清淨國土佛) hiện thực xã hội bằng chân lý giác ngộ. Từ đó, Đại Thừa Phật giáo phê phán hai thừa Thanh Văn (聲聞) Duyên Giác (緣覺) vốn thoát ly hiện thực của Phật Giáo Nguyên Thủy, và nhấn mạnh vai trò của Bồ Tát Nhất Thừa (菩薩一乘). Trong các kinh điển Đại Thừa như Diệu Pháp Liên Hoa Kinh (S: Saddharma Pundarika Sutra 妙法蓮華經), v.v., đôi khi phủ nhận người xuất gia Tiểu Thừa, thay vào đó lập nên hình tượng Bồ Tát. Từ thế giới giác ngộ, vị này thể nhập vào cuộc đời, đồng cam cộng khổ với mọi người và tận lực cứu độ chúng sanh. Do đó, nhiều loại Bồ Tát được dựng lên và được tôn thờ trong dân gian. Tỷ dụ như Bồ Tát Quan Thế Âm (S: Avalokitesvara 菩薩觀世音), Bồ Tát Địa Tạng (S: Ksitigarbha 菩薩地藏), v.v Chính vì vậy, việc điêu khắc hình tượng Bồ Tát

cũng trở nên thịnh hành. Tại Nhật Bản đất nước có đặc sắc khảng định con người và trung tâm hiện thực ngay từ buổi ban sơ khi Phật giáo mới được truyền vào, chư vị thần được xem như là chúng sanh mê muội chẳng khác gì con người, cũng có địa vị tối cao như là vị thần của quốc gia hay của dân tộc và dần dần được thánh hóa là Bồ Tát. Trường hợp Bát Phan Đại Bồ Tát (八幡大菩薩) là một thí dụ điển hình. Bên cạnh đó, những con người thực tế như Bồ Tát Hành Cơ (Gyoki 668-749 菩薩行基), v.v., cũng được Bồ Tát hóa để tôn xưng vị tu hành có đạo cao đức trọng. Ở Việt Nam, trường hợp Bồ Tát Thích Quảng Đức cũng như vậy. Tại Từ Bi Đình (慈悲亭) của Lô Âm Tự (雷音寺), ở Nhiêu Bình (饒平), Tỉnh Quảng Đông (廣東省) có hai câu đối tương truyền do Pháp sư Định Nhân (法師定因) sáng tác: Từ thủy trường lưu Bồ Tát trí quang chiếu chúng khổ. Bi tâm vĩnh tại Phật đà tuệ nhật chứng Tam Không (慈水長流菩薩智光照衆苦, 悲心水在佛陀慧日證三空, Nước từ chảy mãi Bồ Tát trí sáng chiếu muôn khổ, tâm bi thường tại Phật Đà trời tuệ chứng tam không).

[2] Kinh: 經 Nguyên là chữ Phạn Sùtra, Trung Hoa dịch là Kinh 經. Phạm những lời Phật dạy được kết tập lại có hệ thống gọi là Kinh. Kinh có kinh liễu nghĩa và kinh bất liễu nghĩa. Trong kinh Đại Bảo Tích, đức Phật nói với ngài Xá Lợi Phất:

- Nói những việc thế gian là bất liễu nghĩa, nói về thắng nghĩa là liễu nghĩa.

- Nói mà tạo nghiệp phiền não là bất liễu nghĩa, nói để nghiệp phiền não sạch là liễu nghĩa.



- Nói mà chán lìa sanh tử tìm cầu Niết bàn là bất liễu nghĩa, nói phiền não tức Bồ đề, sanh tử và Niết bàn không hai là liễu nghĩa.

- Nói các thứ văn cú sai biệt là bất liễu nghĩa, nói pháp sâu xa khó thấy khó giác là liễu nghĩa.

Kinh (sutra) chính yếu có 10 ý nghĩa như sau:

1 - Dũng tuyền 泉湧 : Nghĩa là suối phun nước có mạch ngầm dưới đất. Chân lý chứa đựng trong kinh như nước suối tuôn trào, gội sạch mọi phiền não cấu bần, khiến ta thân tâm thanh tịnh. Suối nước chảy trên mặt đất thì có thể cạn, còn suối nước có mạch ngầm dưới đất thì tương đối bất tận. Hình ảnh suối chảy róc rách, gọi lên cho mọi người cảm giác tươi mát, dễ chịu. Lời kinh chính là nước suối mát, dội sạch lửa nóng náy.

2 - Xuất sinh 出生 : Cũng như mặt trời, lúc nào cũng tỏa ra ánh sáng, lúc nào cũng phát ra năng lượng, kinh cũng vậy: Nó lúc nào cũng tỏa ánh hào quang, lúc nào cũng làm phát sinh đủ mọi công đức, đủ mọi pháp lành, bởi vì chân lý trong kinh có thể làm ta thức tỉnh, phát tâm Bồ Đề, rồi theo đó thực hành. Tam thế chư Phật đều từ chân lý trong kinh mà đắc giác ngộ. Nhiều người chỉ nghe một câu kinh mà cả đời thay đổi, bỏ ác làm lành. Như trong kinh này ngài Huệ Năng nghe một câu kệ trong kinh Kim Cang, rồi không biết bao nhiêu hạt giống Bồ Đề của ngài đã gieo trồng trong vô số kiếp trước đột nhiên sống lại, khiến ngài giác ngộ. Đó chính là tác dụng làm xuất sinh pháp lành của kinh.

3 - Hiện thị 顯示 : Hiện là làm lộ ra, Thị là chỉ cho thấy. Giống như mặt trăng, ngôi sao sáng hay ngọn đăng tháp

có thể rọi sáng bóng đêm hiển bày mọi cảnh tượng. Kinh cũng là mặt trăng hay ngọn hải đăng, làm hiển thị những định luật, chân lý của vũ trụ mà bình thường ta khó thấy rõ trong màn đêm vô minh của tâm trí. Nhờ học hiểu kinh ta mới biết được những cảnh giới vô hình như những buổi thuyết pháp của Phật trên cung trời Đâu Suất. Hoặc kinh diễn bày những triết lý giải thích về chân lý.

4 - Thằng mặc 繩墨 : Nghĩa là dây dọi hay thước đo. Thằng mặc ở đây mang hai ý nghĩa: Một, là phương tiện đo đạc: Không có dây dọi thì chẳng sao xây nhà cho thẳng. Không có thước đo thì chẳng sao vẽ hình cho đúng được. Hai, là đơn vị đo lường tiêu chuẩn: Như các hệ thống đo lường trong toán học, vật lý hay hoá học; các đơn vị đo đạc trừu tượng dùng trong khoa kinh tế học, tâm lý học, xã hội học, đều là thằng mặc. Kinh là phương tiện đo đạc và chân lý trong kinh là tiêu chuẩn đo đạc để ta theo đó tu hành. Những chân lý trong kinh là những tiêu chuẩn của thiện nghiệp, đạo đức, công hạnh tu tập, quá trình tu chứng, và quả vị. Thí dụ như kinh dạy rằng: Con đường giải thoát là giới định huệ. Nếu bạn không tu giới định huệ mà được giải thoát, thì chuyện đó thật kỳ lạ lắm vậy!

5 - Quán xuyên 貫串 : Nghĩa là xuyên kết lại với nhau. Như vòng hoa xuyên kết mấy cánh hoa rời rạc lại với nhau. Chân lý trong kinh xuyên kết mọi sự lý, mọi hiện tượng lại với nhau trong một quan hệ nhân quả. Kinh xuyên kết những chuyện mà ta cảm thấy rời rạc không liên quan gì với nhau thành ra một bức hình toàn diện của vạn pháp (Tổng tướng), trong đó mọi thành phần (Biệt tướng) thì quan hệ mật thiết, không thể phân chia, tách rời. Tất cả những biến đổi của

mỗi thành phần, dù tốt hay xấu, hoặc trở nên tương đồng (*Đồng tướng*), hoặc trở nên khác biệt (*Dị tướng*), hoặc sinh ra (*Thành tướng*), hoặc chết mất (*Hoại tướng*); tất cả mọi chu kỳ và biến thiên của mọi hiện tượng trong vũ trụ và pháp giới đều bao hàm trong một đại thể. Kinh là lăng kính mà qua đó ta có thể thấy đại thể ấy. Cũng có nghĩa rằng kinh là lăng kính giúp ta đạt được cái nhìn như thị: Thấy vạn pháp bằng chân lý, không bị ảnh hưởng bởi thành kiến, ngã kiến hay phiền não.

6 - Nhiếp trì 攝持 : Nghĩa là nắm giữ, giữ gìn, không để cho biến mất hay hư hoại. Cũng giống như sức hút của trái đất, hay trọng lực, nhiếp trì tất cả mọi vật trên mặt đất, kinh nhiếp trì tất cả mọi chân lý. Kinh là một thứ hoàn toàn thanh tịnh, không phát sinh từ tham sân si, với năng lực vô song duy trì tâm thức của người tu trên con đường thanh tịnh và trí huệ. Mỗi một ý trong kinh là một hạt giống bất diệt trong tâm thức của người tu. Hạt giống ấy một khi đã gieo xuống thì bất diệt, từ từ lớn mạnh, tạo ảnh hưởng khiến ta hướng vào đường lành, tránh ngõ ác.

7 - Thường 常 : Nghĩa là thường hằng bất diệt. Ví như hư không: Chẳng sao phá hủy được nó. Cũng vậy, chân lý trong kinh chẳng ai có thể hủy hoại được. Ta có thể hủy báng, chê bai, thiêu đốt kinh sách, cấm cản phát hành, nhưng không sao thay đổi được những đạo lý trong kinh.

8 – Pháp 法 : Pháp ở đây có nghĩa là lý tất nhiên, lẽ đương nhiên. Kinh bao hàm những lý lẽ không sao phủ định được, mà ta gọi là chân lý, tức là Pháp (Tam thể chư Phật đồng tuân viết Pháp).

9 - Điển 典 : Có nghĩa là tập hợp những nghĩa lý tốt lành, không chút tà vạy. Điển là thứ ta có thể tin cậy để dựa vào, để nghiên cứu, để tìm hiểu, vì nó không có bóng dáng của lòng ích kỷ, thiên vị hay quan niệm lệch lạc. Những sách vở nói về một triết thuyết, học thuyết, quan điểm của một cá nhân thì nó chưa phải là điển. Khi nào những gì được trình bày trong sách vở ấy hoàn toàn vắng bật dấu vết của lòng truy cầu danh vọng, cảnh giới hẹp hòi nhỏ bé của bản ngã thì nó sẽ thành kinh điển.

10 – Kinh Lộ 經路 : Nghĩa là con đường. Trong danh từ Hán Việt, chữ này đồng âm với chữ kinh của kinh điển. Con đường thì có to nhỏ, dài ngắn khác nhau. Những đạo lý trong kinh điển dạy cũng giống như con đường, hay nói đúng hơn là bản đồ để ta theo đó tu hành giải thoát sinh tử. Ngoại đạo là con đường dẫn ta đi ra khỏi Đạo, hướng ngoại, rời bỏ chân lý và chân tâm.

千手千眼觀世音菩薩廣大圓滿無礙大悲心陀羅尼經

如是我聞。一時。釋迦牟尼佛在補陀落迦山觀世音宮殿。寶莊嚴道場中。坐寶師子座。其座純以無量雜摩尼寶而用莊嚴。百寶幢幡。周匝懸列。

如是我聞：如是，是信成就；我聞，是聞成就。信成就，你想要學佛法，必須要有信心，如果你沒有信心，你就不能學會佛法，所以一定要具足真正的信心。這是學佛法最主要的條件，必須要有信心。如是之法，如是，是指法之辭，就是指明這

個法。如，是不變意思；是，是無非意思，沒有不對。

如是；是信成就。我聞；是聞成就。一時；是時成就。釋迦牟尼佛，是主成就。在補陀落伽山，是處成就。補陀落伽，是梵語，翻譯成中文，就叫。小白花；因為山上開小白花，所以就叫補陀落伽山。觀世音宮殿：觀世音菩薩所住宮殿，寶莊嚴道場中：這個道場，都是七寶所莊嚴。坐寶師子座：佛在這個山上，坐在師子座上。其座純以無量雜摩尼寶而用莊嚴：這師子座是用種種雜色摩尼寶珠造成；百寶幢幡：有百寶造幢幡。周匝懸列：在前邊懸掛著。

爾時如來於彼座上。將欲演說總持陀羅尼故。與無央數菩薩摩訶薩俱。其名曰。總持王菩薩。寶王菩薩。藥王菩薩。藥上菩薩。觀世音菩薩。大勢至菩薩。華嚴菩薩。大莊嚴菩薩。寶藏菩薩。德藏菩薩。金剛藏菩薩。虛空藏菩薩。彌勒菩薩。普賢菩薩。文殊師利菩薩。如是等菩薩摩訶薩。皆是灌頂大法王子。。。

又與無量無數大聲聞僧。皆行阿羅漢。十地。摩訶迦葉而為上首。又與無量梵摩羅天。善吒梵摩而為上首。又與無量欲界諸天子俱。瞿婆伽天子而

為上首。又與無量護世四王俱。提頭賴吒而為上首。又與無量天。龍。夜叉。乾闥婆。阿修羅。迦樓羅。緊那羅。摩睺羅伽。人。非人等俱。天德大龍王而為上首。又與無量欲界諸天女俱。童目天女而為上首。又與無量虛空神。江海神。泉源神。河沼神。藥草神。樹林神。舍宅神。水神。火神。地神。風神。土神。山神。石神。宮殿等神。皆來集會。

時觀世音菩薩。於大會中。密放神通光明。照耀十方剎土。及此三千大千世界。皆作金色。天宮。龍宮。諸尊神宮。皆悉震動。江河大海。鐵圍山。須彌山。土山。黑山。亦皆大動。日月珠火星宿之光。皆悉不現。於是總持王菩薩。見此希有之相。怪未曾有。即從座起。叉手合掌。以偈問佛。如此神通之相。是誰所放。以偈問曰。。。

誰於今日成正覺。普放如是大光明。  
 十方剎土皆金色。三千世界亦復然。  
 誰於今日得自在。演放希有大神力。  
 無邊佛國皆震動。龍神宮殿悉不安。  
 今此大眾咸有疑。不測因緣是誰力。  
 為佛菩薩大聲聞。為梵魔天諸釋等。  
 惟願世尊大慈悲。說此神通所由以。

佛告總持王菩薩言。善男子。汝等當知。今此會中。有一菩薩摩訶薩。名曰觀世音自在。從無量劫來。成就大慈大悲。善能修習無量陀羅尼門。為欲安樂諸眾生故。密放如是大神通力。佛說是語已。。千手千眼無礙大悲心陀羅尼

南無喝囉怛那哆囉夜耶。南無阿唎耶。。。

1、如意宝轮王陀罗尼，出自如意轮陀罗尼经，也是观世音菩萨法门之一。

2、消灾吉祥神咒，出自佛说炽盛大威德消灾吉祥陀罗尼经。

3、功德宝山神咒，或云出自大集经。

4、准提神咒，出自佛说七俱胝佛母准提大明陀罗尼经。

5、圣无量寿决定光明王陀罗尼，是元代人所译，无有经本，是阿弥陀佛法门之一。

6、药师灌顶真言，出自药师如来本愿功德经。

7、观音灵感真言，元代人所译，没有经本，也是观音法门之一。首句即为六字大明咒。

8、七佛灭罪真言，出自陀罗尼杂集。

9、往生净土神咒，即拔一切业障根本得生净土陀罗尼。

10、大吉祥天女咒，出自金光明经。

**Thích Ca Mâu Ni:** S. Sākya-muni, P. Sakya-muni, H. 釋迦牟尼, với ý nghĩa bậc Thánh Nhân xuất thân từ dòng họ Thích Ca, còn gọi là Thích Ca Mâu Nã 釋迦牟尼, Thích Ca Văn 釋迦文, gọi tắt là 釋迦; Mâu Ni 牟尼 Văn Ni 文尼 Trung Hoa dịch là Năng Nhân 能仁 Năng Nhẫn 能忍 Năng Tịch 能寂 Tịch Mặc 寂默 Năng Mãn 能滿 Độ Ốc Tiêu 度沃焦 hay Thích Ca Tịch Tĩnh 釋迦寂靜 Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn 釋迦牟尼世尊 Thích Tôn (釋尊), là đấng giáo tổ của Phật giáo.

Nguyên do xưng hiệu của Ngài có thể tìm thấy trong Quán Chư Đạo Phẩm 觀諸異道品 của Phật Bản Hạnh Tập Kinh 佛本行集經, quyển 20. Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da Tạp Sự (根本說一切有部毘奈耶雜事) quyển 20; A Tỳ Đàm Bát Kiền Độ Luận (阿毘談八捷度論) quyển 30... thuyết minh.

Đức Thích Tôn vốn là Thái Tử con vua Tịnh Phạn (S. Suddhodana, P. Suddhodana, H. 淨飯王) thành Ca Tỳ La Vệ (S. Kapilavastu, P. Kapilavatthu, H. 迦毘羅衛) thuộc miền Bắc Ấn Độ. Thành này hiện tại ở vùng phụ cận Tilorī-Kot (提羅里克 德拉利 克) thuộc phía Nam Nepal (尼泊爾 Ni Bạc Nhĩ) phía Đông Bắc sông Rapti (拉布提 拉波 德). Diện tích tiểu quốc này khoảng 320 km<sup>2</sup>. Thuộc vào Vương quốc Kiêu Tát La (S. Kausala; Kosala, P. Kosala 憍薩羅). Đương thời Bắc Ấn thực hành Cộng Hòa quý tộc, phân chia đất nước thành 10 bang nhỏ, trong đó chọn ra vị lãnh tụ tối cao. Hoàng hậu Ma Da (S. Mada, H. 摩耶) mẫu thân của đức Thích Tôn, là con gái của chủ Thành Thiên Tý (S. Devadaha, H. 天臂) thuộc bộ



tộc Cư Lợi (居利) lân quốc. Trước khi hạ sinh Thái Tử, theo tập tục đương thời Phu nhân phải quay về Thành Thiên Tý để chờ ngày lâm bồn, trên đường khi đang dừng chân nghỉ tại vườn Lâm Tỳ Ni (S, P. Lumbini 林毘尼) ngay dưới gốc cây Vô Ưu (S. Asoka, H. 無憂) Phu nhân hạ sinh Thái Tử. Theo Tu Hành Bản Khởi Kinh (修行本起經) quyển thượng, phẩm Giáng Thân (品降身) khi giáng sinh đức Thích Tôn đi bảy bước, tay chỉ lên nói rằng: Thiên thượng thiên hạ, duy ngã vi tôn, Tam giới giai khổ, ngô đương an chi (天上天下唯我爲尊三界皆苦吾當安之). Vị Tăng Hữu Pháp Kinh (未曾有法經) của Kinh Trung A Hàm (經中阿含), quyển 8. Di Xuất Bồ Tát Bản Khởi Kinh (異出菩薩本起經) phẩm Dục Sinh Thời Tam Thập Nhị Thụy (欲生時三十二瑞) của Phổ Diệu Kinh (普曜經) quyển 2, Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả Kinh (過去現在因果經) quyển 1, Chúng Hứa Ma Ha Đề Kinh (衆許摩訶提經) quyển 3, phẩm Thọ Hạ Đản Sinh (品樹下誕生) quyển 8, Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da Tạp Sự (根本說一切有部毘奈耶雜事) quyển 20... đều có ghi những hiện tượng khác lạ khi đức Thích Tôn hạ sinh.

Sau khi trở về cung, Thái Tử được đặt tên cho là Tất Đạt Đa (悉達多) hay Tát Bà Tất Đạt (薩婆悉達) Tát Bà Ngạch Tha Tất Đà (薩婆額他悉陀) Tất Đạt La Tha (悉達羅他). Hoa dịch với ý nghĩa Nhất Thiết Nghĩa Thành (一切義成) Nhất Thiết Sự Thành (一切事成). Sau khi sinh con được bảy ngày Hoàng Hậu Ma Da qua đời, Thái Tử được người di là Ma Ha Ba Xà Ba Đề (摩訶波闍波提) nuôi dưỡng cho đến khi khôn lớn. Trong Phẩm Tập Học Kỹ Nghệ (品習學技藝) của Phật Bản

Hạnh Tập Kinh, quyển 11. Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da Phá Tăng Sự (根本說一切有部毘奈耶破僧事) quyển 3... cho biết rằng: Thử thiếu thời Thái Tử từng theo học tập văn chương với Bà la môn Tỳ Sa Mật Đa (S. H. 毘莎密多), học võ nghệ với Sần Đề Đề Bà (S. H. 孱提提婆) hết thầy đều thông hiểu.

Khi trưởng thành Thái Tử kết hôn với công chúa Da Du Đà La [2.1] (耶輸陀羅) con gái của Thiện Giác Vương (善覺王) thành chủ của Thiên Tý Thành, hạ sinh La Hầu La (羅睺羅). Trong Phẩm Du Quán (品遊觀) của Tu Hành Bản Khởi Kinh, quyển hạ, nói Thái Tử từng ra Bốn cửa thành du ngoạn, thấy các hiện tượng già, bệnh, chết và vị Sa môn tu theo Ấn giáo... thâm cảm nỗi khổ sinh, già, bệnh, chết cũng như hiện tượng vô thường của kiếp số con người, bèn phát khởi ý chí xuất gia tu hành. Năm lên 29 tuổi (có thuyết nói 19 tuổi) nửa đêm Ngài rời khỏi vương cung, tự cởi bỏ áo mũ để trở thành Sa môn. Trước tiên hết Thái Tử cầu học đạo với tiên nhân Bạt Già Bà (拔伽婆) của nước Tỳ Xá Ly (毘舍離), kế đến thọ giáo với các hiền giả A La La Ca Lam (阿羅邏迦藍) Uất Đà Ca La Ma Tử (鬱陀迦羅摩子) ở thành Vương Xá (城王舍). Sau rốt Ngài đến Khổ Hạnh Lâm ở thôn Ưu Lô Tần La (苦行林在村優樓頻羅) thuộc phương Nam thành Già Da (伽耶) của vương quốc Ma Kiệt Đà (摩揭陀), bắt đầu cuộc sống tu hành khổ hạnh trong khoảng sáu năm và có năm người do vua Tịnh Phạn phái đến cùng tu. Trong thời gian này mỗi ngày Người chỉ ăn một hạt mè và một hạt lúa mạch, đến nỗi thân hình tiêu tụy khô gầy, tâm thể suy kiệt, nhưng cuối cùng vẫn không thành đạo; nên Ngài mới ngộ ra rằng: Khổ

hạnh không phải là chánh nhân thành tựu đạo quả, bèn rời khỏi khu rừng khổ hạnh. Lúc ấy 5 người bạn cùng tu với Ngài đã ngộ nhận rằng Thái Tử thối thất đạo tâm nên bỏ đi không tu tập nữa. Ngài đến tắm rửa nơi dòng sông Ni Liên Thiên (S. Nairanjana, P. Neranjarā, H. 尼連禪), thọ nhận bát sữa cúng dường của cô Mục nữ. Sức khỏe hồi phục, Ngài đến dưới cây Tất Bát La (S. Pippala, H. 畢鉢羅) tại thôn Già Da, lấy cỏ Cát Tường làm thành tòa Kim Cang, ngồi Kiết già xoay mặt về hướng Đông, thân đoan chánh trang nghiêm, tâm tĩnh lặng mặc chiếu, nhiếp niệm tư duy về đạo giải thoát. Sau 49 ngày đêm, vào lúc trời hừng sáng ngày mùng 8 tháng 12 Ngài hoá nhiên đại ngộ, lúc đó Ngài 35 tuổi (có thuyết 30 tuổi). Do nhân duyên trên nên cây Tất Bát La, từ đó gọi là Bồ Đề Thọ (S. Bodhivrkṣa, H. 菩提樹), chỗ cây Tất Bát La cũng được gọi là Bồ Đề Đạo Tràng [2.2]. Sự kiện đức Thích Tôn hàng phục ma quân, cho đến thành đạo được ghi lại trong các kinh như: La Ma Kinh của Trung A Hàm quyển 56 (羅魔經的中阿含卷五十六). Lục Niên Cần Khổ Phẩm và Hàng Ma Phẩm của Tu Hành Bản Khởi Kinh, quyển hạ (六年勤苦品及降魔品の修行本起經卷下). Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả Kinh, quyển 3; Phật Bản Hạnh Tập Kinh, quyển 26-30; Ngũ Phần Luật, quyển 15... đều nói: Sau khi thành đạo, đức Thích Tôn đến vườn Lộc Dã (S. Mrgadava, P. Migadava, H. 鹿野, 鹿宛) tại Thành Ba La Nại (S. Varanasi, P. Baranasi, H. 波羅奈), độ cho 5 người cùng tu tại Khổ Hạnh Lâm trước kia, là nhóm ông Kiêu Trần Như (阿若憍陳如) A Thấp Bà Thị (阿濕婆恃) Bạt Đề (拔提) Ma Ha Nam (摩訶男) Bà Sa Ba (婆沙波即十力迦葉 tức Thập Lực Ca Diếp), đây là lần đầu tiên Đức Phật

Chuyển Pháp Luân, diễn thuyết Tứ Thánh Đế (四聖諦) Bát Chánh Đạo (八正道)... Trong Chuyển Pháp Luân Kinh của Tập A Hàm Kinh, quyển 15; Ngũ Phần Luật, quyển 15; Hữu Bộ Tỳ Nại Da Tập Sự, quyển 39... có ghi chép đầy đủ các việc trên.

Sau khi Chuyển Pháp Luân lần đầu tiên, tại vườn Lộc Uyển, đức Phật đến nước Ma Kiệt Đà, hóa độ ba anh em ông Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp (S. Uruvilva-kasyapa, H. 優樓頻羅迦葉), Na Đề Ca Diếp (S. Nadi-kasyapa, H. 那提迦葉), Già Da Ca Diếp (S. Gaya-ka syapa, H. 伽耶迦葉) của phái Bái Hỏa Giáo và một ngàn đệ tử của họ. Tiếp theo, Ngài hóa độ Xá Lợi Phất (舍利弗) và Mục Kiền Liên (目犍連) thuộc Phái Ngụy Biện của Lục Sư Ngoại Đạo; về sau hai vị này là những đệ tử thượng túc của Phật. Sau đó, tại thành Vương Xá vua Tần Bà Sa La (頻婆娑羅) quy y theo Phật; nhà vua cho xây dựng Tịnh Xá trong vườn Trúc do Trưởng giả Ca Lan Đà (迦蘭陀) dâng cúng, lấy tên là Ca Lan Đà Trúc Lâm Tinh Xá (迦蘭陀竹林精舍). Đến đây giáo đoàn Phật giáo phát triển với thế lực mạnh. Về sau Đức Phật có trở về cố hương Thành Ca Tỳ La Vệ một lần, số người quy y theo rất đông, trong đó có người em cùng cha khác mẹ là Nan Đà (S, P. Nanda, H. 難陀), con trai La Hầu La, người em họ Đề Bà Đạt Đa (S, P. Devadatta, H. 提婆達多), người thợ hớt tóc Ưu Ba Ly (S, P. Upali, H. 優波離)... Ngài lại thuyết pháp giáo hóa Trưởng giả Tu Đạt Đa (S, P. Sudatta, H. 須達多) tại thành Xá Vệ (S. Sravasti, P. Savatthi, H. 舍衛), nhân đó Trưởng giả kiến lập ngôi Đại Tinh Xá trong khu rừng do Thái Tử Kỳ Đà (S, P. Jeta, H. 祇陀) tặng, để dâng cúng dường Phật. Nơi đây gọi là Kỳ Hoàn Tinh Xá (P. Jetavana- Anathapindikha ra ma, H. 祇洹

精舍) hay Kỳ Viên Tinh xá (祇園精舍). Vào lúc này vua Ba Tư Nặc (S. Prasenajit, P. Pasenadi, H. 波斯匿) cũng phát tâm quy y với Đức Phật. Sau khi vua Tịnh Phạn băng hà, Đức Phật một lần nữa trở về cố hương, sau đó bà Di mẫu Ma Ha Ba Xà Ba Đề (S. Mahaprajapati, P. Mahapajapati, H. 摩訶波闍波提), công chúa Da Du Đà La (耶輸陀羅) cũng xuống tóc xuất gia, và đây được xem như là khởi đầu cho giáo đoàn Tỳ Kheo Ni (比丘尼) trong đó Ma Ha Ba Xà Ba Đề là vị Tỳ Kheo Ni đầu tiên.

Từ đó về sau, Đức Thích Tôn đi khắp Ấn Độ thuyết pháp giáo hóa, bất luận giàu nghèo, sang hèn, nam nữ, thảy đều được lợi ích trong giáo pháp của Ngài. Giáo pháp ấy ảnh hưởng rất lớn đối với văn hóa cũng như tôn giáo Ấn Độ. Sau khi Ngài thành đạo, những nơi Ngài đã từng trải qua Kết Hạ An Cư, đều được ghi rõ trong Tăng Già La Sát Sở Tập Kinh (僧伽羅剎所集經) quyển hạ. Theo đó, Đức Phật đã từng trú qua các nơi như nước Ba La Nại, tại núi Linh Thứu (S. Grdhrakuta, P. Gijjhakuta, H. 靈鷲山), núi Ma Câu La (S. Makula, H. 摩拘羅), cõi trời ba mươi ba, cõi quỷ thần, vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc (祇樹給孤獨園) Chá Lê Sơn (柘梨山)... Theo trong Phật Thuyết Bát Đại Linh Tháp Danh Hiệu Kinh (從中佛說八大靈塔名號經) Đức Phật từng tu khổ hạnh trên núi Tuyết Sơn (雪山), sau từng sống trong rừng Tỳ La (毘沙林), đỉnh núi Nhã Lý (若里山), các tụ lạc Đại Dã (S. Alavi, H. 大野), Mao Nỗ (髦努)... Y cứ tích truyện Phật giáo Miến Điện, Thái Lan, bản Pháp Cú Kinh Chú (P. Dhammapada atthakatha, H. 法句經註) Tiếng Pali... cho rằng sau khi kiến lập Tinh xá tại vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, Đức Phật đã từng trú tại Đại Lâm (P.

Maha-vana, H. 大林) của thành Tỳ Xá Ly (S. VaiSali, H. 毘舍離), núi Ma Câu La, Tăng Ca Xá (P. Sankissa, H. 僧迦舍), Ba Lợi Lô Nhã Tạt (S. Parileyyaka, H. 巴利雷若卡). Trong sách Cao Tăng Pháp Hiển Truyện (高僧法顯傳) cũng có ký lục như vậy. Tổng các tư liệu trên, chúng ta thấy phần lớn Đức Phật hoàng pháp tập trung tại hai thành lớn Xá Vệ và Vương Xá.

Về những sinh hoạt cuối đời Ngài, trong Tăng Nhất A Hàm Kinh (增壹阿含經) quyển 26, Phật Thuyết Nghĩa Túc Kinh (佛說義足經) quyển hạ, Xuất Diệu Kinh (出曜經) quyển 16, Tỳ Ni Mẫu Kinh (毘尼母經) quyển 4, Ngũ Phần Luật quyển 3, 21, 25, Tứ Phần Luật quyển 46, Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da Phá Tăng Sự (根本說一切有部毘奈耶破僧事) quyển 13, 14, Thiện Kiến Luật quyển 2,... có ghi rõ rằng. Lúc bấy giờ, Đền Bà Đạt Đa muốn bức bách Đức Phật phải nhường lại giáo đoàn tăng chúng cho ông, nhưng ý định không thành công, bèn phá tăng hoại Phật. Thêm vào đó, vua Lưu Ly con của vua Ba Tư Nặc, sau khi tức vị, tấn công thành Ca Tỳ La Vệ, cố hương của Phật diệt vong dòng họ Thích Ca. Vào năm cuối cùng khi Đức Phật còn tại thế, Ngài rời nước Ma Kiệt Đà, đi về phía Bắc Sông Hằng, trải qua thành Tỳ Xá Ly, đến thành Ba Bà, Ba Ba (S. Pava, H. 波婆, 波波), thọ nhận bữa cơm cúng dường của người thợ vàng Thuần Đà (S. P. Cunda, H. 純陀), và nhân vì ăn loại nấm Tô Ca Lạp Ma Đạt Phật (S. Suka ra maddhava, H. 蘇迦拉摩達伐 tức nấm cây Chiên Đàn 栴檀) mà mắc bệnh. Trước khi Thị tịch [2.3] Niết Bàn, Ngài tắm lần cuối cùng tại dòng sông Câu Tôn, Ca Khuất Ta (P. Kakuttha, H. 拘孫河), rồi đến rừng Sa La Song Thọ (娑羅雙樹) ở thành Câu Thi Na (S. Kusinagara, P.

Kusinagara, H. 拘尸那) đầu xoay về hướng Bắc, mặt hướng phía Tây, nằm thế Cát Tường (吉祥). Vào nửa đêm, Ngài để lại lời Di Giáo cuối cùng cho chúng đệ tử rồi an nhiên nhập vào Đại định Niết Bàn (大定涅槃). Trong sách Bát Nhã Tâm Kinh Giải Nghĩa (般若心經解義。卅 Tục Tạng Kinh Vol. 26, No. 570) Định nghĩa từ Niết Bàn: Niết Bàn thử vân viên tịch, đức vô bất bị xưng Viên; chướng vô bất tận xưng Tịch (涅槃此云圓寂，德無不備稱圓，障無不盡稱寂。 Niết Bàn ở đây (Trung Hoa) gọi là Viên Tịch, đức không nơi nào mà không đầy đủ gọi là Viên, chướng không chỗ nào mà không hết gọi là Tịch).

Trước tiên di cốt của Phật được an trí tại Thiên Quan Tự (S. Makutabandhana-cetiya, H. 天冠寺) của bộ tộc Mạt La (S, P. Malla, H. 末羅), sau đó hỏa táng. Khi tham lễ Trà Tỳ có Sứ đoàn của 8 nước, gồm Câu Thi Na Yết La (拘尸那揭羅), Ba Bà (波波), Giá La (遮羅), La Ma Già (羅摩伽), Tỳ Lưu Đề (毘留提), Ca Tỳ La (迦毘羅), Tỳ Xá Ly (毘舍離), Ma Kiệt Đà (摩揭陀)... do vấn đề Phân chia Xá Lợi (S. Sarira, P. Sarira, H. 舍利) mà nảy sinh tranh chấp lẫn nhau. Sau đó nhờ sự điều đình của Bà La Môn Hương Tính (S. Dona, H. 婆羅門香性) mà được yên ổn, cho nên Hương Tính có được Bình Xá Lợi. Từ đây mỗi nước xây tháp cúng dường, và đây là phát xuất của truyền thống Thập Tháp. Trong năm Đức Phật nhập Niết Bàn, tại Hang Thất Diệp (S. Sapta-parna-guha, H. 七葉窟) của thành Vương Xá, cuộc Kết Tập Kinh Điển (結集經典) lần đầu tiên được tiến hành, do Ngài Ma Ha Ca Diếp (S. Mahakasyapa, P. Mahakassapa, H. 摩訶迦葉) triệu tập chủ trì; Ngài A Nan (阿難) và Ưu Ba Ly (優波離), trùng tuyên lại

Kinh và Luật của Phật thuyết, trên cơ sở từng được nghe qua, rồi được đại chúng thảo luận, hiệu đính, nhất trí tán thành, để trở thành tiêu chuẩn cho tất cả Kinh, Luật truyền bá đời sau. Về sau, trải qua biết bao cuộc biến thiên, giáo pháp của Đức Thích Tôn, được phân thành hai hệ thống chính, truyền bá khắp nơi: Nam Truyền chủ yếu là tiếng Pali và Bắc Truyền chủ yếu là Kinh điển Hán dịch.

[2.1] Da Du Đà La (耶輸陀羅 Yacōdhara): Kinh Tỳ Ni Mẩu chép: Da Du Đà La, Da Thân Đà La, dịch Liên Hoa Sắc, vợ của thái tử Sĩ Đạt Ta. Kiếp trước bà làm vị thần núi Tu Di, tên là Thiện Nhạ Hoa (善樂花), có chí nguyện thâm trọng yêu Phật và nguyện đời đời hễ Phật giáng sanh, khi còn làm thái tử thì bà làm vợ, khi xuất gia thành Phật, thì bà cũng xuất gia làm Tỳ Kheo Ni... 耶輸陀羅亦捨俗出家爲比丘尼。

[2.2] Đạo Tràng (S. dōjō, H. 道場): Nguyên nghĩa là nơi đức Thích Tôn ngồi trên tòa Kim Cang thành đạo, bên bờ sông Ni Liên Thiển (S. Nairanjana, P. Neranjarā, H. 尼連禪河, hiện tại là sông Phalgu thuộc bang Bihar) thuộc nước Ma Kiệt Đà (S, P. Magadha, H. 摩揭陀) ở miền Trung Ấn Độ. Từ đó nó có nghĩa là nơi tu tập Phật đạo, cũng là tên gọi khác của tự, viện ngày nay. Trong sách Hoa Nghiêm Đạo Tràng Khởi Chỉ Đại Lược (華嚴道場起止大略), Tục Tạng Kinh Vol. 74, No. 1474, quyển 1 có câu: Đồng du Hoa Tạng trang nghiêm hải, cộng nhập Bồ Đề đại đạo tràng 同遊花藏莊嚴海, 共入菩提大道場 Cùng dạo biển trang nghiêm Hoa Tạng, đều chứng Bồ Đề đại đạo tràng.



[2.3] Thị tịch 示寂 : Dịch ý của từ Phạn Nirvāṇa; Pāli Nibbāna; Hán涅槃那. Còn gọi là Viên tịch (圓寂), quy tịch (歸寂), Nhập tịch (入寂), Tịch diệt (寂滅). Đây là từ dùng để chỉ việc Thị hiện Niết Bàn xả báo thân của chư Phật, Bồ Tát và các vị cao Tăng. Như trong Thiền Đăng Thế Phổ (禪燈世譜), quyển 9, phần Thạch Đầu Hy Thiên (石頭希遷), có đoạn viết: Đường Đức Tông Trinh Nguyên lục niên Canh Ngọ thị tịch, thụy Vô Tế, tháp viết Kiến Tướng (唐德宗貞元六年庚午示寂諡無際塔曰見相) Sư thị tịch vào năm Canh Ngọ, Trinh Nguyên thứ 6 (790) đời vua Đức Tông (tại vị 779-805) nhà Đường thụy hiệu Vô Tế, tháp danh Kiến Tướng. Hay trong Phật Pháp Thang Biên, quyển 4 phần Võ Đế có đoạn: Thập tam niên Bảo Chí tương thị tịch, nghệ nội điện biệt Đế, Đế đại kinh 十三年寶誌將示寂, 詣內殿別帝, 帝大驚 Vào năm thứ 13 niên hiệu Thiên Giám (514) Đời vua Lương Võ Đế) Bảo Chí sắp thị tịch, bèn vào nội điện từ biệt nhà vua, vua vô cùng kinh ngạc.

### **Tông bốn Đại thừa:**

1 - Đại thừa là pháp rộng lớn có khả năng vận chuyển chúng sanh, Bồ Tát từ các hạnh vị thế nhập vào địa vị Phật.

2 – Bồ Tát và chư Phật đều y cứ pháp đại thừa thi hành Phật sự lợi lạc quần sanh.

3 – Với Trí - Hạnh - Nguyện - Lực đều lớn nên gọi là Đại. Như kinh Pháp Hoa đã dạy: Các đức Phật, Thế Tôn, đều nói pháp nhất thừa. Độ vô lượng chúng sanh, đều vào nơi Phật đạo.

Đại thừa về mặt bản thể.

a – Thể đại: Hiện hữu khắp pháp giới

b – Tướng đại: Rộng lớn như hư không, chứa đựng hàng sa công đức.

c – Dụng đại: Có khả năng xuất sanh nhân quả Thánh phàm.

Đại thừa về mặt tướng.

a – Tướng chân như tức là Bản Thể chân tâm.

b – Tướng nhân duyên sinh diệt, chỉ cho Thể Tướng Dụng, chân vọng hòa hợp duyên khởi của Chân tâm.

### **1 – Tín Giáo:**

Pháp đại thừa tuy có nhiều vô số, nhưng cơ bản vẫn là nhất tâm chân như hoặc Phật tánh, Bồ Đề... làm thể. Vì vậy, tất cả kinh giáo của đại thừa từ Hoa Nghiêm đến Niết Bàn, dù tông giáo có khác, ẩn hiện không đồng, tánh tướng sai biệt, nhưng lý duy nhất vẫn là một, đều là diệu dụng của Phật thừa từ tự tâm lưu xuất. Như kinh Pháp Bửu Đàn nói: Tất cả Tam tạng giáo điển, Mười hai phần giáo đều sẵn có trong tự tâm. Nếu không tự nhận biết, lại đi tìm bên ngoài là điều không thể có được.

Tuy nhiên, đối với giáo pháp đại thừa thì vấn đề **Tín giải** là việc tối quan trọng. Như Kinh Hoa Nghiêm dạy:

Tín đạo nghiêm thân công đức mẫu,

Tín vi trường dưỡng chư thiện căn

Tín năng hàng phục chư ma đạo,

Tín năng thành tựu đạo Bồ Đề.

Lòng tin là mẹ sanh ra các công đức lành, nhiếp phục tất cả vọng tâm về với chính mình, dẫn đến thành tựu đạo quả giác ngộ giải thoát. Vì vậy, trên cơ sở tín giải pháp đại thừa chúng ta mới khởi hạnh tu tập, xứng với lý tánh đại thừa, cuối cùng thể nhập chân lý, chứng được pháp phần của Phật.

## 2 - Ngộ Lý:

Phần ngộ lý bao hàm các phạm trù: Pháp giới tánh, Như Lai tàng, Bồ Đề tâm, Bồ Đề hạnh, Bồ Đề quả và Chân tâm thường trụ.

a – Bồ Đề tâm: Bồ Đề tâm là tâm giác ngộ sẵn có của chúng sanh xưa nay thanh tịnh sáng suốt, chân thật bất hư. Như cổ đức đã nói:

Bồ Đề tâm tự thuở nào,  
Bản lai thanh tịnh lâu lâu gương xưa  
Muốn tu chứng đạo chân thừa,  
Bồ Đề tâm nguyện sớm trưa tu trì.

Bồ Đề tâm có nhiều nghĩa, kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ Đề tâm như đại địa, Bồ Đề tâm như gió thổi, như trăng sáng, như gương trong, như dòng nước, như đại lộ, như thành quách, như ngọc như ý, như định thủy châu . . .

Về chủng loại Bồ Đề có bốn món: Tự tánh Bồ Đề, Sở y Bồ Đề, Sở duyên Bồ Đề, Sở chứng Bồ Đề. Vì vậy, Bồ Đề tâm làm chánh nhân tu tập, nhất định sẽ thành tựu đạo quả Bồ Đề. Bằng ngược lại cũng là chánh nhân nhưng lại dẫn đến luân hồi sanh tử phiền não khổ đau. Như thế kinh dạy: Quên mất tâm Bồ Đề, tu tập các thiện pháp, sẽ hành theo

ma nghiệp, mất các đạo quả lành.

Cho nên, khi đã tin hiểu và phát tâm Bồ Đề rồi cần phải phát khởi tu hạnh Bồ Đề. Thực hành Bồ Tát hạnh mới thành tựu Vô thượng Bồ đề Phật quả. Như Cổ đức đã dạy:

Thiện Tài đồng tử, ngũ thập tam tham,  
Siêu sanh tứ độ, cộng chứng phổ quang.

Cũng có nghĩa là Thiện Tài đồng tử, sau khi được Bồ Tát Văn Thù khai thị tin hiểu mình có Bồ đề tâm mới phát khởi tâm học với năm mươi ba vị Hiền Thánh để thành tựu Bồ Đề hạnh và từ đó đạt quang minh giới, đắc quang minh trí vậy.

b – Chân tâm thường trụ cũng gọi là Phật tánh, Viên giác diệu tâm, Nhất tâm chân như, Nhất chân pháp giới, để diễn tả tâm này chư bậc Cổ đức dạy:

Giác tánh viên minh hiện chân thường,  
Thanh tịnh hư hàm khắp mười phương,  
Nhân quả Thánh phàm dung nhiếp cả,  
Thần thông diệu dụng tuyệt suy lường.

Hay luận Hiền Dượng Thánh Giáo dạy: Tâm sanh chủng chủng pháp, Tùy duyên thủy thượng âu, Tánh chân như bất biến, Như thủy bốn thanh trừng. (Bất biến tùy duyên là tánh ấy. Tùy duyên bất biến chính tâm này. Minh tâm nhận rõ lao xao sóng. Kiến tánh nhìn sâu mặt nước bằng).

### **3 – Tu hành:**

Sau khi đã thâm tín giáo pháp, ngộ lý Phật pháp đại thừa, kế đến là phát khởi hạnh nguyện tu hành. Trong quá trình tu tập như thế kinh thường nói là phải trải qua ba A tăng kỳ kiếp:

A tăng kỳ 1 : Sơ phát tâm cho đến tam hiền.

A tăng kỳ 2 : Sơ địa cho đến thất địa.

A tăng kỳ 3 : Bát địa dẫn đến Diệu Giác Phật.

**a – Thập Tín:** Bậc Thập Tín là hàng Bồ Tát sơ phát tâm thành tựu niềm tin bất hoại đối với Phật tánh và tin mình có khả năng tu hành thành Phật. Nói cách khác là thành tựu Tứ bất khả hoại tín: Tin Phật, Tin Pháp, Tin Tăng, Tin Giới. Bậc thập tín còn có mười vị: Tín tâm, Niệm tâm, Tinh tấn tâm, Giới tâm, Định tâm, Huệ tâm, Xả tâm, Hộ pháp tâm, Hồi Hướng tâm và Nguyện tâm. Pháp tu chủ yếu của thập tín là thập thiện. Do nhờ căn lành đời trước, làm cho họ tin lý nhân quả, vô thượng bồ đề và nhờ có niềm tin đối với Tam Bảo... mà thành tựu tín tâm (Đại Thừa Khởi Tín luận).

**b – Thập Trụ:** Bậc Thập Trụ mỗi niệm mỗi niệm an trụ Phật tánh, trung đạo, trên cầu quả vị vô thượng bồ đề, dưới nguyện hóa độ tất cả chúng sanh.

**c – Thập hạnh:** Bậc Thập Hạnh là bậc Bồ Tát tu tập các pháp hành rộng lớn: Tứ vô lượng tâm, bốn bình đẳng pháp và các Ba La Mật... để thành tựu thượng hạnh, vô biên hạnh... Bậc thập hạnh có mười vị: Hoan hỷ hạnh, Nhiêu ích hạnh, Vô sân hận hạnh, Vô tận hạnh, Ly si loạn hạnh, Thiện hiện hạnh, Vô trước hạnh, Tôn trọng hạnh, Thiện pháp hạnh và Chân thật hạnh.

**d – Thập Hồi Hướng:** Với danh xưng đã nói lên ý nghĩa, có nghĩa là bậc do tu hành thành tựu các thiện pháp, có các công đức sau đó hồi hướng về ba nơi: Nhất chơn pháp giới, Vô thượng Bồ Đề, Tất cả chúng sanh. Thập hồi hướng có

mười vị: Cứu độ chúng sanh ly chúng sanh tướng, Bất hoại hồi hướng, Vô tận công đức tạng hồi hướng, Chí nhất thiết xứ, Đẳng nhất thiết chư Phật hồi hướng, Tùy thuận bình đẳng thiện căn, Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh hồi hướng, Chân như hồi hướng, Vô phược giải hồi hướng, Pháp giới vô lượng hồi hướng.

Bậc Thập Trụ, Thập Hạnh và Thập Hồi Hướng gọi là Tam Hiền, là bậc thiện luôn sống thuận chân lý, gần về với bậc Thánh gồm có Thập Thánh còn gọi là Thập Địa.

**e – Thập Địa:** Hàng Thập Địa còn gọi là pháp thân Bồ Tát. Vì đã tỏ ngộ thể tánh các pháp và tự tâm. Trên cơ sở đó phát khởi hạnh nguyện, xứng tánh tu hành, nên gọi là bậc chân thật tu. Như kinh Phạm Võng nói: Từ tánh khởi tu, toàn tu tại tánh, nên gọi là bậc chân thật tu. Thập Địa có mười vị: Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm huệ địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện huệ địa và Pháp vân địa.

Pháp tu căn bản của hàng Thập Địa là Thập độ: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát nhã, Phương tiện, Đại nguyện, Đại lực và Đại trí. Trên quá trình tu tập thập địa, Bồ Tát sẽ đoạn trừ mười chướng và chứng mười thứ chân như, bước lên hàng Đẳng Giác Bồ Tát.

**f – Đẳng Giác:** Là bậc Bồ Tát giác ngộ chân lý về các pháp đồng như Phật. Chỉ còn một phần vi tế sở tri ngu.

**g – Diệu Giác:** Bậc đã giác ngộ hoàn toàn, tức thành Phật. Qua tiến trình tu hành pháp đại thừa của năm mươi hai quả vị Hiền Thánh ta có thể phối hợp với ngũ nhẫn:

- **Bậc phục nhĩn** gồm có ba:
  - Tập chủng tánh: Thập tín và Thập trụ
  - Tánh chủng tánh: Tứ Thập hạnh
  - Đạo chủng tánh: Tứ Thập hồi hướng.
- **Bậc tánh nhĩn** gồm ba vị:
  - Hoan hỷ địa, Ly cấu địa và Phát quang địa.
- **Bậc thuận nhĩn** có ba vị:
  - Diệm huệ địa, Nan thắng địa và Hiện tiền địa.
- **Bậc vô sanh nhĩn** có ba vị:
  - Viễn hành địa, Bất động địa và Thiện huệ địa.
- **Bậc tịch diệt nhĩn** gồm có ba vị:
  - Pháp vân địa, Đẳng giác và Diệu giác.

#### **4 – Phần chứng quả:**

Khi đề cập đến quả vị, tức nhiên nói đến những công đức phước trí thành tựu dựa trên cơ sở Phật quả lấy phương tiện làm cứu cánh.

Về công đức, tất cả các Đức Phật đều có đầy đủ Mười đức hiệu: Như Lai (Bản thể đức), Ứng cúng (Từ bi đức), Chánh biến tri (Tịch chiếu đức), Minh hạnh túc (Quả hạnh đức), Thiện thế (Đạo đức), Thế gian giải (Hậu đắc trí đức), Vô thượng sĩ (Quả vị đức), Điều ngự trượng phu (Đạo sư đức), Thiên nhơn sư Phật (Cứu cánh giác đức), Thế Tôn (Tôn quý đức).

Về mặt Thân tướng, thành tựu Thập thân: **Bồ Đề thân:** Kỳ tri tam thế, tất giai bình đẳng (ý). Kỳ thân sung mãn nhất thiết thế gian (thân). Kỳ âm phổ thuận thập phương quốc độ (khẩu). **Oai Thế thân:** Thân hằng biến toạ nhất thiết đạo tràng, Bồ Tát chúng trung oai quang hiển hách, như nhật luân

xuất chiếu minh thế giới. **Phước đức thân:** Tam thế sở hành, tự tại vô ngại, chúng phước đại hải, tất dĩ viên mãn. **Tùy ý sinh thân:** Nhi hằng thị sinh, chư Phật quốc độ, hộ niệm chư Phật thành tựu độ sanh. **Tướng hảo trang nghiêm thân:** Vô biên sắc tướng, viên mãn quang minh, biến châu pháp giới đấng vô sai biệt. **Nguyện thân:** Đại nguyện độ sanh, tận vô biên tế, diễn nhất thiết pháp, như Bồ từ vân. **Hóa thân:** Thị hiện vô lượng thần thông chi lực, giáo hóa điều phục, nhất thiết chúng sanh. **Pháp thân:** Thân biến thập phương, nhi vô lai vãng. **Trí thân:** Trí nhập chư tướng, liễu pháp không tịch. **Lực trì thân:** Tam thế chư Phật sở hữu thần biến, ư quang minh trung dĩ bất hàm đồ. Nhất thiết Phật độ, bất tư nghi kiếp, sở hữu trang nghiêm, tất linh hiển hiện.

Về trí lực thành tựu Thập trí lực tri: Xứ phi xứ, Tam thế nghiệp báo, Chư thiên giải thoát tam muội, Chư căn thắng liệt, Chủng chủng giải, Chủng chủng giới, Nhất thiết tri sở đạo, Thiên nhãn vô ngại, Túc mạng vô lậu, Vĩnh đoạn tập khí trí lực và Bốn món vô ngại giải: Pháp, Ngữ, Nghĩa và Lạc thuyết Vô Ngại Biện Tài.

Về mặt tịch chiếu phổ dụng mười phương qua: Tự tánh pháp thân, Thật tướng pháp thân, Biến hóa pháp thân, Công đức pháp thân và Hư không pháp thân. Cho đến Mười pháp thân theo kinh Hoa Nghiêm, như trước đã nói.

Về mặt ứng dụng, dựa trên cơ sở tâm đại bi, mà phát khởi diệu dụng, thi hành Phật sự giáo độ muôn loài, sử dụng phương tiện quyền xảo làm lợi lạc chúng sanh để cuối cùng đều thành Phật đạo.

Vào thời đại nhà Đường, Ngài Pháp Tạng tức Hiền Thủ



Quốc Sư, Ngài đã tóm lược 49 năm thuyết giáo độ sanh của Phật thành Tam thời, Ngũ giáo, nói lên ý nghĩa huyền diệu thâm thúy và hoàn thiện giáo nghĩa Hoa Nghiêm, làm xán lạng rực rỡ như mặt trời chói lọi giữa thiên không trong thời kỳ này.

### Tam thời:

**1 - Nhật xuất tiên chiếu:** Vô thượng căn bản pháp luân.

**2 - Nhật thăng biến chiếu:** Y bản khởi mạt pháp luân.

**3 - Nhật hoàn một chiếu:** Nhiếp mạt qui bản pháp luân.

Ngũ giáo: Tiểu giáo, Thỉ giáo, Chung giáo, Đốn giáo và Viên giáo.

Theo Ngài Pháp Tạng – Hiền Thủ, chủ thuyết Tam Thời, Ngũ Giáo, phân định 49 năm giáo hóa độ sanh của Đức Phật:

Thời thứ nhất là Nhật xuất tiên chiếu **Vô thượng căn bản pháp luân**, dụ như mặt trời mới mọc soi tận non cao, mà phàm phu, nhị thừa không thể quán triệt, lãnh hội hay thể nhập, tức sau khi thành đạo Đức Thế Tôn tuyên thuyết đạo lý Nhất thừa biệt viên, chỉ bày Lý sự vô tận, tâm tính tịch nhiên của con người. Đó là Kinh Hoa Nghiêm (Viên Giáo).

Thời thứ hai là Nhật thăng biến chiếu **Y bản khởi mạt pháp luân**, dụ như mặt trời lên cao soi rọi khắp núi rừng tăm tối, thấu suốt sơn hà đại địa âm u, như Đức Thế Tôn thuyết kinh A Hàm (Tiểu Giáo) tiếp theo phương đẳng trình bày bốn môn: Không hữu tánh tướng (Thỉ Giáo) còn gọi là giả tướng duyên khởi và không lý vô tánh. Tuy nhiên thâm ý Đức Thế Tôn luôn đề cập vẫn là cảnh giới hiện tượng trong đương niệm sống, xa lìa ngôn luận có không (Đốn Giáo) và khi con

người đã biết quán triệt tu tập, và lần chứng nghiệm nơi bản thân bản tâm thanh tịnh, tịch diệt Đức Thế Tôn liền chỉ bày Phật tri kiến, tức **Nhiếp Mạt Quy Bản Pháp Luân**, tuyên thuyết Đồng giáo đại thừa (Chung Giáo) tức kinh Pháp Hoa và Niết Bàn, để giáo độ chúng sanh thể nhập. Nói khác, Tam thời ngũ giáo nêu cao tâm tính tịch nhiên vốn dĩ là Phật của mười loại hình, trong phạm thánh đồng cư tịnh độ.

Nói một cách khác, Đức Như Lai thuyết pháp 49 năm, nói kinh hơn 300 hội, đều do từ trong tâm của Pháp Thân vô tướng lưu xuất, để thích hợp khắp suốt tất cả tầng lớp giữa muôn loại chúng sinh.

Nguyên vì, tâm Phật vẫn thanh tịnh, bao hàm, dung nạp cả tính pháp giới, mà chúng sinh thì chỉ mê mẩn ở trong pháp giới tính để sinh diệt lưu chuyển; chớ có biết đâu, tâm thể của chúng sinh cũng vẫn thanh tịnh, bao trùm mười phương, thì chư Phật cũng vẫn ở trong tâm ấy của chúng sinh để vắng lai thị hiện. Nên Quán Kinh nói: Cái Pháp thân (Pháp giới tính của chư Phật Như Lai), nó lẫn vào trong lòng tưởng của tất cả chúng sinh, nghĩa là trong khi lòng chúng sinh tưởng Phật, thì tâm ấy tức là Phật, đã là Phật thì tức là 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp cũng đồng nghĩa trên.

佛說阿彌陀經 CBETA 電子版. 版本記錄: 1.2.

完成日期: 2002/11/04. 發行單位: 中華電子佛典協會 (CBETA)

cbeta@ccbs.ntu.edu.tw.

資料底本: 大正新脩大正藏.

## THỜI KHÓA CÔNG PHU CHIỀU



### 晚時課誦

大眾唱禮讚佛：

法王無上尊三界無倫匹  
天人之道師四生之慈父  
於一念皈依能滅三祇業  
稱揚若讚歎億劫莫能盡

能禮所禮性空寂  
感應道交難思議  
我此道場如帝珠  
十方諸佛影現中  
我身影現諸佛前  
頭面接足皈命禮

志心頂禮，南無盡虛空遍法界過現未來十方諸佛，尊法，賢聖僧常住三寶（一拜）

志心頂禮，南無娑婆教主調御本師釋迦牟尼佛，當來下生彌勒尊佛，大智文殊師利菩薩，大行普賢菩薩，護法諸尊菩薩，靈山會上佛菩薩（一拜）

志心頂禮，南無西方極樂世界大慈大悲阿彌陀佛，大悲觀世音菩薩，大勢至菩薩，大願地藏王菩薩，清淨大海衆菩薩（一拜）

讚盧香：炉香乍爇法界蒙熏

諸佛海必遙聞，隨處結祥雲

成意方恩，諸佛現全身

南無香雲蓋菩薩，摩訶薩（三稱）。

開經偈：無上甚深微妙法

百千萬億劫難遇

我今見聞得受持

願解如來真實義。

南無本師釋迦牟尼佛（三稱）。

南無蓮池海會佛菩薩，摩訶薩（三稱）。

## 佛說阿彌陀經



如是我聞。一時佛在舍衛國。祇樹給孤獨園。與大比丘僧。千二百五十人俱。皆是大阿羅漢。眾所知識。長老舍利弗。摩訶目犍連。摩訶迦葉。摩訶迦旃延。摩訶拘絺羅。離婆多。周梨槃陀迦。難陀。阿難陀。羅睺羅。憍梵波提。賓頭盧頗羅墮。迦留陀夷。摩訶劫賓那。薄俱羅。阿冕樓駄。如是等諸大弟子。并諸菩薩摩訶薩。文殊師利法王子。阿逸多菩薩。乾陀訶提菩薩。常精進菩薩。與如是等諸大菩薩。及釋提桓因等。無量諸天大眾俱。

爾時佛告長老舍利弗。從是西方。過十萬億佛土。有世界名曰極樂。其土有佛。號阿彌陀。今現在說法。舍利弗。彼土何故名為極樂。其國眾生。無有眾苦。但受諸樂。故名極樂。又舍利弗。極樂國土。七重欄楯。七重羅網。七重行樹。皆是四寶周匝圍繞。是故彼國名曰極樂。

又舍利弗。極樂國土。有七寶池。八功德水。充滿其中。池底純以金沙布地。四邊階道。金銀琉璃玻璃合成。上有樓閣。亦以

金銀琉璃玻璃車磑赤珠瑪瑙而嚴飾之。池中蓮花。大如車輪。青色青光。黃色黃光。赤色赤光。白色白光。微妙香潔。舍利弗。極樂國土。成就如是功德莊嚴。

又舍利弗。彼佛國土。常作天樂。黃金為地。晝夜六時。雨天曼陀羅華。其土眾生。常以清旦。各以衣祴。盛眾妙華。供養他方十萬億佛。即以食時。還到本國。飯食經行。舍利弗。極樂國土。成就如是功德莊嚴。

復次舍利弗。彼國常有種種奇妙雜色之鳥。白鶴孔雀鸚鵡舍利迦陵頻伽共命之鳥。是諸眾鳥。晝夜六時。出和雅音。其音演暢五根五力七菩提分八聖道分如是等法。其土眾生。聞是音已。皆悉念佛念法念僧。

舍利弗。汝勿謂此鳥。實是罪報所生。所以者何。彼佛國土。無三惡道。舍利弗。其佛國土。尚無惡道之名。何況有實。是諸眾鳥。皆是阿彌陀佛。欲令法音宣流變化所作。

舍利弗。彼佛國土。微風吹動。諸寶行樹。及寶羅網。出微妙音。譬如百千種樂。同時俱作。聞是音者。自然皆生念佛念法念

僧之心。舍利弗。其佛國土。成就如是功德莊嚴。

舍利弗。於汝意云何。彼佛何故號阿彌陀。舍利弗。彼佛光明無量。照十方國。無所障礙。是故號為阿彌陀。又舍利弗。彼佛壽命及其人民無量無邊阿僧祇劫。故名阿彌陀。

舍利弗。阿彌陀佛成佛已來。於今十劫。又舍利弗。彼佛有無量無邊聲聞弟子。皆阿羅漢。非是算數之所能知。諸菩薩眾亦復如是。舍利弗。彼佛國土成就如是功德莊嚴。

又舍利弗。極樂國土。眾生生者。皆是阿鞞跋致。其中多有一生補處。其數甚多。非是算數所能知之。但可以無量無邊阿僧祇說。舍利弗。眾生聞者。應當發願。願生彼國。所以者何。得與如是諸上善人俱會一處。舍利弗。不可以少善根福德因緣得生彼國。

舍利弗。若有善男子善女人。聞說阿彌陀佛。執持名號。若一日。若二日。若三日。若四日。若五日。若六日。若七日。一心不亂。其人臨命終時。阿彌陀佛與諸聖

眾。現在其前。是人終時。心不顛倒。即得往生阿彌陀佛極樂國土。舍利弗。我見是利。故說此言。若有眾生。聞是說者。應當發願。生彼國土。

舍利弗。如我今者。讚歎阿彌陀佛不可思議功德之利。東方亦有阿閼鞞佛。須彌相佛。大須彌佛。須彌光佛。妙音佛。如是等恒河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。

舍利弗。南方世界有日月燈佛。名聞光佛。大焰肩佛。須彌燈佛。無量精進佛。如是等恒河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。

舍利弗。西方世界有無量壽佛。無量相佛。無量幢佛。大光佛。大明佛。寶相佛。淨光佛。如是等恒河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。



舍利弗。北方世界有焰肩佛。最勝音佛。難沮佛。日生佛。網明佛。如是等恒河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。

舍利弗。下方世界有師子佛。名聞佛。名光佛。達摩佛。法幢佛。持法佛。如是等恒河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。

舍利弗。上方世界有梵音佛。宿王佛。香上佛。香光佛。大焰肩佛。雜色寶華嚴身佛。娑羅樹王佛。寶華德佛。見一切義佛。如須彌山佛。如是等恒河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。

舍利弗。於汝意云何。何故名為一切諸佛所護念經。舍利弗。若有善男子善女人。聞是經受持者。及聞諸佛名者。是諸善男子善女人。皆為一切諸佛之所護念。皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。是故舍利弗。汝等皆當信受我語。及諸佛所說。

舍利弗。若有人已發願。今發願。當發

願。欲生阿彌陀佛國者。是諸人等。皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。於彼國土。若已生。若今生。若當生。是故舍利弗。諸善男子善女人。若有信者。應當發願生彼國土。

舍利弗。如我今者。稱讚諸佛不可思議功德。彼諸佛等。亦稱讚我不可思議功德。而作是言。釋迦牟尼佛能為甚難希有之事。能於娑婆國土五濁惡世。劫濁。見濁。煩惱濁。眾生濁。命濁中。得阿耨多羅三藐三菩提。為諸眾生。說是一切世間難信之法。

舍利弗。當知我於五濁惡世。行此難事。得阿耨多羅三藐三菩提。為一切世間。說此難信之法。是為甚難。

佛說此經已。舍利弗。及諸比丘。一切世間天人阿修羅等。聞佛所說。歡喜信受。作禮而去。

### 佛說阿彌陀經

拔一切業障根本得生淨土陀羅尼

南無阿彌多婆夜。哆他伽多夜。哆地夜他。阿彌利都婆毗。阿彌利哆。悉耽婆毗。阿彌利哆。毗迦蘭帝。阿彌利哆。毗迦蘭多。伽彌膩。伽伽那。枳多迦利。娑婆訶。(三遍)。

## 南無洪名會上佛菩薩 (三稱)



大慈大悲愍眾生。大喜大捨濟含識。  
相好光明以自嚴。眾等至心歸命禮。

南無皈依金剛上師。

南無皈依佛南無皈依法南無皈依僧。

我今發心不為自求，人天福報，聲聞，  
緣覺乃至權乘諸位菩薩。唯依最上乘發菩提  
心。願與法界眾生，一時同得阿耨多羅三藐  
三菩提。

南無皈依十方盡虛空界一切諸佛。

南無皈依十方盡虛空界一切尊法。

南無皈依十方盡虛空界一切賢聖僧。

南無如來應供正徧知明行足，善逝世間  
解，無上士，調御丈夫，天人師，佛世尊。

南無普光佛。

南無普明佛。

南無普淨佛。

南無多摩羅跋栴檀香佛。

南無栴檀光佛。

南無摩尼幢佛。

南無歡喜藏摩尼寶積佛。

南無一切世間樂見上大精進佛。

南無摩尼幢燈光佛。

南無慧炬照佛。南無海德光明佛。  
南無金剛牢強普散金光佛。  
南無大強精進勇猛佛。  
南無大悲光佛。南無慈力王佛。  
南無慈藏佛。南無栴檀窟莊嚴勝佛。  
南無賢善首佛。南無善意佛。  
南無廣莊嚴王佛。南無金華光佛。  
南無寶蓋照空自在力王佛。  
南無虛空寶華光佛。  
南無琉璃莊嚴王佛。  
南無普現色身光佛。  
南無不動智光佛。  
南無降伏諸魔王佛。  
南無才光明佛。南無智慧勝佛。  
南無彌勒仙光佛。  
南無善寂月音妙尊智王佛。  
南無世淨光佛。南無龍種上尊王佛。  
南無日月光佛。南無日月珠光佛。  
南無慧幡勝王佛。  
南無師子吼自在力王佛。  
南無妙音勝佛。  
南無常光幢佛。南無觀世燈佛。  
南無慧威燈王佛。南無法勝王佛。  
南無須彌光佛。南無須曼那華光佛。

南無優曇鉢羅華殊勝王佛。  
南無大慧力王佛。  
南無阿閼毘歡喜光佛。  
南無無量音聲王佛。  
南無才光佛。南無金海光佛。  
南無山海慧自在通王佛。  
南無大通光佛。  
南無一切法常滿王佛。  
南無釋迦牟尼佛。  
南無金剛不壞佛。  
南無寶光佛。南無龍尊王佛。  
南無精進軍佛。南無精進喜佛。  
南無寶火佛。南無寶月光佛。  
南無現無愚佛。南無寶月佛。  
南無無垢佛。南無離垢佛。  
南無勇施佛。南無清淨佛。  
南無清淨施佛。南無娑留那佛  
南無水天佛。南無堅德佛。  
南無栴檀功德佛。南無無量掬光佛。  
南無光德佛。南無無憂德佛。  
南無那羅延佛。南無功德華佛。  
南無蓮華光遊戲神通佛。  
南無財功德佛。南無德念佛。  
南無善名稱功德佛。

南無紅燄帝幢王佛。  
南無善遊步功德佛。  
南無鬪戰勝佛。南無善遊步佛。  
南無周匝莊嚴功德佛。  
南無寶華遊步佛。  
南無寶蓮華善住娑羅樹王佛。  
南無法界藏身阿彌陀佛。

如是等。一切世界。諸佛世尊。常住在世。是諸世尊。當慈念我。若我此生。若我前生。從無始生死已來。所作眾罪。若自作若教他作。見作隨喜。若塔若僧。若四方僧物。若自取若教他取。見取隨喜。五無間罪。若自作。若教他作。見作隨喜。十不善道。若自作。若教他作。見作隨喜。所作罪障。或有覆藏。或不覆藏。應墮地獄、餓鬼、畜生。諸餘惡趣。邊地下賤。及蔑戾車。如是等處。所作罪障。今皆懺悔。今諸佛世尊。當證知我。當憶念我。我復於諸佛世尊前。作如是言。若我此生。若我餘生。曾行佈施。或守淨戒。乃至施與畜生。一搏之食。或修淨行。所有善根。成就眾生。所有善根。修行菩提。所有善根。及無上智。所有善根。一切合集。校計籌量。皆

悉迴向阿耨多羅三藐三菩提。如過去未來現在諸佛。所作迴向。我亦如是迴向。眾罪皆懺悔。諸福盡隨喜。及請佛功德。願成無上智。去來現在佛。於眾生最勝。無量功德海。我今歸命禮。

(大正新脩大藏經第 10 冊 No. 0293 大方廣佛華嚴經入不思議解脫境界普賢行願品)。

所有十方世界中  
我以清淨身語意  
普賢行願威神力  
一身復現刹塵身  
於一塵中塵數佛  
無盡法界塵亦然  
各以一切音聲海  
盡於未來一切劫  
以諸最勝妙華鬘  
如是最勝莊嚴具  
最勝衣服最勝香  
一一皆如妙高聚  
我以廣大勝解心  
悉以普賢行願力  
我昔所造諸惡業

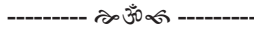
三世一切人師子  
一切遍禮盡無餘  
普現一切如來前  
一一遍禮刹塵佛  
各處菩薩眾會中  
深信諸佛皆充滿  
普出無盡妙言辭  
讚佛甚深功德海  
妓樂塗香及傘蓋  
我以供養諸如來  
末香燒香與燈燭  
我悉供養諸如來  
深信一切三世佛  
普遍供養諸如來  
皆由無始貪恚癡

從身語意之所生  
 十方一切諸眾生  
 一切如來與菩薩  
 十方所有世間燈  
 我今一切皆勸請  
 諸佛若欲示涅槃  
 唯願久住刹塵劫  
 所有禮讚供養福  
 隨喜懺悔諸善根  
 願將以此勝功德  
 性相佛法及僧伽  
 如是無量功德海  
 所有衆生身口意  
 如是一切諸業障  
 念念智周於法界  
 乃至虛空世界盡  
 如是四法廣無邊  
 南無大行普賢菩薩摩訶薩(三稱)。

一切我今皆懺悔  
 二乘有學及無學  
 所有功德皆隨喜  
 最初成就菩提者  
 轉於無上妙法輪  
 我悉至誠而勸請  
 利樂一切諸眾生  
 請佛住世轉法輪  
 迴向眾生及佛道  
 迴向無上眞法界  
 二帝融通三昧印  
 我今皆悉盡迴向  
 見惑彈謗我法等  
 悉皆消滅盡無餘  
 廣度衆生皆不退  
 衆生及業煩惱盡  
 願今迴向亦如是



## 小蒙山施食



(宋代不動上師居住在四川蒙山修道時稱甘露大師)。

華嚴經偈：

若人欲了知 三世一切佛

應觀法界性 一切唯心造 (三遍)

破地獄真言：

唵 伽囉帝耶 娑婆訶 (三遍)

普召請真言：

南無部部帝唎伽哩哆哩 怛哆誡哆耶 (三遍)

解怨結真言：

唵 三陀囉 伽陀 娑婆訶 (三遍)

南無大方廣佛華嚴經 (三遍)

南無常住十方佛

南無常住十方法

南無常住十方僧

南無本師釋迦牟尼佛

南無大悲觀世音菩薩

南無冥陽救苦地藏王菩薩

南無啓教阿難陀尊者 (三遍)

皈依佛 皈依法 皈依僧；

皈依佛兩足尊

皈依法離欲尊

皈依僧衆中尊

皈依佛竟 皈依法竟 皈依僧竟 (三遍)

佛子 所造諸惡業

皆由無始貪瞋癡

從身語意之所生

一切佛子 皆懺悔 (三遍)

有情 所造諸惡業

皆由無始貪瞋癡

從身語意之所生

一切 有情 皆懺悔 (三遍)

孤魂所造諸惡業

皆由無始貪瞋癡

從身語意之所生

一切孤魂皆懺悔 (三遍)

衆生無邊誓願度

煩惱無盡誓願斷

法門無量誓願學

佛道無上誓願成 (三遍)

自性衆生誓願度

自性煩惱誓願斷

自性法門誓願學

自性佛道誓願成 (三遍)

滅定業真言：

唵 鉢囉末鄰陀寧 娑婆訶 (三遍)

滅業障真言:

唵 阿嚕勒繼 娑婆訶 (三遍)

開咽喉真言:

唵 步步底哩伽哆哩 怛哆野哆耶 (三遍)

三昧耶戒真言:

唵 三昧耶 薩埵鍍 (三遍)

變食真言:

南無薩嚩怛他識哆 嚩嚩枳帝 唵 三跋囉三跋囉 吽 (七遍)

甘露水真言:

南無蘇嚕婆耶怛他識哆耶 怛姪他 唵 蘇嚕蘇嚕鉢囉蘇嚕鉢囉蘇嚕 娑婆訶 (七遍)

一字水輪真言:

唵 鍍 鍍 鍍鍍鍍 (三遍)

乳海真言:

南無三滿哆 沒馱喃 唵 鍍 (三遍)

七如來名:

南無多寶如來

南無寶勝如來

南無妙色身如來

南無廣博身如來

南無離怖畏如來

南無甘露王如來

## 南無阿彌陀如來 (三遍)

神咒加持淨法食 普施河沙眾佛子  
願皆飽滿捨慳貪 速脫幽冥生淨土  
皈依三寶發菩提 究竟得成無上道  
功德無邊盡未來 一切佛子 同法食 (三遍)

神咒加持法施食 普施河沙眾有情  
願皆飽滿捨慳貪 速脫幽冥生淨土  
皈依三寶發菩提 究竟得成無上道  
功德無邊盡未來 一切有情 同法食 (三遍)

神咒加持甘露水 普施河沙眾 孤魂  
願皆飽滿捨慳貪 速脫幽冥生淨土  
皈依三寶發菩提 究竟得成無上道  
功德無邊盡未來 一切孤魂同法食 (三遍)

唸完以上儀軌，將米、水、食物拿到陽台外面或戶外的施食台，用右手無名指在施食台上寫〈唵啞吽〉三字（中文或梵文皆可），然後將食物放置在施食台，用右手無名指在食物上寫〈唵啞吽〉三字，再接著唸以下偈咒：

汝等佛子 眾，我今施汝供，  
此食遍十方，一切佛子 共。  
願以此功德，普及於一切，  
施食與佛子，皆共成佛道 (三遍)  
汝等有情 眾，我今施汝供，  
此食遍十方，一切有情 共。  
願以此功德，普及於一切，

施食與有情，皆共成佛道（三遍）

汝等孤魂眾，我今施汝供，  
此食遍十方，一切孤魂共。

願以此功德，普及於一切，  
施食與孤魂，皆共成佛道（三遍）

施無遮食真言：

唵 穆力陵 娑婆訶（三遍或七遍）

普供養真言：

唵 誡誡曩 三婆嚩 伐日囉 斛（三遍或七遍）

唵完之後三彈指（右手拇指和中指相彈出聲），表示可以吃了，這時候也可以在施食台唵《心經》一遍與《往生咒》七遍，或是直接回到佛前作回向或作其他功課即可。

金剛薩埵百字明咒，是尊指第六金剛持咒。

哇及啦薩多哇桑麻楊阿努巴啦呀哇及啦  
薩多哇堆努巴地斯達的利多美巴哇蘇度美巴  
哇阿努啦格多美巴哇蘇部美巴哇薩惹哇悉頂  
美巴啦呀掐薩惹哇嘎惹嘛蘇家美及達色利呀  
古如吽哈哈哈哈哈巴嘎腕薩惹哇達他嘎達哇  
及啦嘛美悶家哇及利巴哇嘛哈桑嘛呀薩多哇  
啊

摩訶般若波羅蜜多心經

觀自在菩薩，行深般若波羅蜜多時，照

见五蕴皆空，度一切苦厄。舍利子，色不异空，空不异色，色即是空，空即是色。受想行识，亦复如是。舍利子，是诸法空相，不生不灭，不垢不净，不增不减。是故空中无色，无受想行识，无眼耳鼻舌身意，无色声香味触法，无眼界，乃至无意识界，无无明，亦无无明尽，乃至无老死，亦无老死尽，无苦集灭道，无智亦无得。以无所得故，菩提萨埵，依般若波罗蜜多故，心无挂碍。无挂碍故，无有恐怖，远离颠倒梦想，究竟涅槃。三世诸佛，依般若波罗蜜多故，得阿耨多罗三藐三菩提。故知般若波罗蜜多，是大神咒，是大明咒，是无上咒，是无等等咒，能除一切苦，真实不虚。故说般若波罗蜜多咒，即说咒曰：揭谛，揭谛，波罗揭谛，波罗僧揭谛，菩提娑婆訶。

往生淨土往神咒：

南無阿彌多婆夜。哆他伽多夜。哆地夜他。阿彌利都婆毗。阿彌利哆。悉耽婆毗。阿彌利哆。毗迦蘭帝。阿彌利哆。毗迦蘭多。伽彌膩。伽伽那。枳多迦利。娑婆訶。(三遍)。

普迴向真言：唵娑摩囉。娑摩囉。彌摩曩。哈囉摩訶。咱哈囉吽。(三遍)。

吉祥偈：

願晝吉祥夜吉祥，晝夜六時恆吉祥。  
 一切時中吉祥者，願諸三寶哀攝受。  
 願晝吉祥夜吉祥，晝夜六時恆吉祥。  
 一切時中吉祥者，願諸上師哀攝受。  
 願晝吉祥夜吉祥，晝夜六時恆吉祥。  
 一切時中吉祥者，願諸護法常擁護。

迴向偈：

四生登於寶地三有托化蓮池  
 河沙餓鬼證三賢萬類有情登十地

阿彌陀佛贊佛偈贊佛偈：

阿彌陀佛身金色，相好光明無等倫。  
 白毫宛轉五須弥，紺目澄清四大海。  
 光中化佛無數億，化菩薩衆亦無邊。  
 四十八愿度衆生，九品咸令登彼岸。  
 南無西方極樂世界大慈大悲阿彌陀佛。

南無阿彌陀佛(一百八稱念)。

南無大悲觀世音菩薩。

南無大力大勢至菩薩。

南無清淨大海衆菩薩。

淨土發願文：

一心歸命極樂世界阿彌陀佛。願以淨光照我、慈誓攝我。我今正念稱如來名，為菩薩道，求生淨土。佛昔本誓：若有衆生，欲

生我國，志心信樂，乃至十念，若不生者，不取正覺。以此念佛因緣，得入如來大誓海中。承佛慈力，眾罪消滅，善根增長。若臨命終，自知時至，身無病苦，心不貪戀，意不顛倒，如入禪定；佛及聖眾，手執金臺，來迎接我，於一念頃，生極樂國。花開見佛，即聞佛乘，頓開佛慧，廣度眾生，滿菩提願。十方三世一切佛，一切菩薩摩訶薩，摩訶般若波羅密。

(原出自宋·慈雲遵式〈往生淨土決疑行願二門〉第二卷。)

讚禮西方極樂清涼  
蓮池九品華香  
寶樹成行常聞天樂鍵相  
阿彌陀佛大放慈光。  
化度眾生無量降吉祥。  
現前眾等哥揚。願生安養。  
現前眾等哥揚同生安養。

是日已過命亦隨滅，如少水魚斯有何樂。大眾當勤精進，如救頭然但念無常，慎勿放逸。

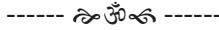
自皈依佛。當願眾生。  
體解大道。發無上心。



自皈依法。當願眾生。  
深入經藏。智慧如海。  
自皈依僧。當願眾生。  
統理大眾。一切無礙。  
和南聖眾。禮八十八佛洪名寶懺(終)



# THỜI KHÓA CÔNG PHU CHIỀU



(Tán thán Phật – Tham lễ Tam Bảo)

*Đại chúng xướng Kệ Tán Phật:*

Pháp vương vô thượng tôn  
Tam giới vô luân thất  
Thiên nhân chi đạo sư tứ sanh chi từ phụ  
Ư niệm quy y năng diệt tam kỳ nghiệp  
Xưng dương nhược tán thán  
Ức kiếp mạc năng tận.  
Năng lễ sở lễ tánh không tịch  
Cảm ứng đạo giao nan tư nghi  
Ngã thử đạo tràng như đế châu  
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung  
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền  
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ.

Chí tâm đánh lễ Nam mô Tận hư không biến pháp giới quá hiện vị lai, thập phương chư Phật, tôn Pháp, hiền Thánh tăng thường trụ Tam Bảo.

Chí tâm đánh lễ Nam mô Ta Bà giáo chủ điều ngự Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đương lai hạ sanh Di Lặc Tôn Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, Hộ Pháp chư tôn Bồ Tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ Tát.

Chí tâm đảnh lễ Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

Kệ Tán Hương:

Lư hương xạ nhiệt, pháp giới mông huân  
 Chư Phật hải hội tất diêu văn  
 Tùy xú kết tường vân,  
 Thành ý phương ân, chư Phật hiện toàn thân.  
 Nam mô Hương vân cái Bồ Tát, ma ha tát (3 lần).

Kệ Khai Kinh:

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp  
 Bá thiên vạn ức kiếp nan ngộ  
 Ngã kim kiến văn đắc thọ trì  
 Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa.  
 Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần).  
 Nam mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát, Ma ha tát (3 lần).

### PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ KINH

----- ॐ -----

Như thị ngã văn: Nhất thời Phật tại Xá Vệ quốc, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên, dữ đại Tỳ kheo tăng, thiên nhị bá ngũ thập nhân câu, giai thị đại A La Hán, chúng sở tri thức.

Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma ha Mục Kiền Liên, Ma ha Ca Diếp, Ma ha Ca Chiên Diên, Ma ha Câu Hy La, Ly Bà Đa,

Châu Lợi Bàn Đà Đà, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lô Đà, như thị đẳng chư đại đệ tử.

Tinh chư Bồ Tát Ma ha tát: Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Kiền Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, dữ như thị đẳng chư đại Bồ Tát, cập Thích Đề Hoàn Nhơn đẳng vô lượng chư Thiên, đại chúng câu.

Nhĩ thời Phật cáo Trưởng lão Xá Lợi Phất: Tùng thị Tây phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc, kỳ độ hữu Phật hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp. Xá Lợi Phất! Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc chúng sanh, vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc.

Hựu Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, thất trùng lan thuẫn, thất trùng la võng, thất trùng hàng thọ, giai thị tứ bảo, châu tráp vi nhiều, thị cố bỉ quốc danh vi Cực Lạc. Hựu Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, hữu thất bảo trì, bát công đức thủy, sung mãn kỳ trung, trì để thuần dĩ kim sa bố địa. Tứ biên giai đạo, kim, ngân, lưu ly, pha lê hiệp thành. Thượng hữu lâu các, diệp dĩ kim, ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não nhi nghiêm sức chi. Trì trung liên hoa đại như xa luân: Thanh sắc thanh quang, huỳnh sắc huỳnh quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang, vi diệu hương khiết.

Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm. Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ, thường tác thiên nhạc, huỳnh kim vi địa, trú dạ lục thời, vũ

thiên Mạn Đà La Hoa. Kỳ độ chúng sanh, thường dĩ thanh đán, các dĩ y kích, thạnh chúng diệu hoa, cúng dường tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ thực thời, hoàn đảo bốn quốc, phạn thực kinh hành. Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

Phục thứ Xá Lợi Phất! Bỉ quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu, tạp sắc chi diệu: Bạch hạc, Khổng tước, Anh vũ, Xá lợi, Ca lăng Tần già, Cộng mạng chi diệu, thị chư chúng diệu, trú dạ lục thời, xuất hòa nhã âm. Kỳ âm diễn xướng: Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ Đề phần, Bát Thánh Đạo phần, như thị đẳng pháp. Kỳ độ chúng sanh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Xá Lợi Phất! Nhữ vật vị thử diệu, thiệt thị tội báo sở sanh. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc độ, vô tam ác đạo. Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ, thượng vô ác đạo chi danh, hà hưởng hữu thiệt, thị chư chúng diệu, giai thị A Di Đà Phật, dục linh pháp âm tuyên lưu, biến hóa sở tác.

Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ, vi phong xuy động, chư bảo hàng thọ, cập bảo la võng, xuất vi diệu âm, thí như bá thiên chủng nhạc, đồng thời câu tác. Văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chi tâm.

Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm. Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Bỉ Phật hà cố hiệu A Di Đà? Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại, thị cố hiệu vi A Di Đà.

Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật thọ mạng, cập kỳ nhưn dân, vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, cố danh A Di

Đà. Xá Lợi Phát! A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp. Hựu Xá Lợi Phát! Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, giai A La Hán, phi thị toán số, chi sở năng tri, chư Bồ Tát chúng diệc phục như thị.

Xá Lợi Phát! Bỉ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm. Hựu Xá Lợi Phát! Cực Lạc quốc độ chúng sanh, sanh giả, giai thị A Bộ Bạt Trí. Kỳ trung đa hữu, nhất sanh bổ xứ, kỳ số thậm đa, phi thị toán số, sở năng tri chi, đản khả dĩ vô lượng vô biên a tăng kỳ thuyết. Xá Lợi Phát! Chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà? Đắc dữ như thị chư thượng thiện nhân, câu hội nhất xứ.

Xá Lợi Phát! Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc.

Xá Lợi Phát! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu: Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn. Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư Thánh chúng, hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ. Xá Lợi Phát! Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn. Nhược hữu chúng sanh, văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.

Xá Lợi Phát! Như ngã kim giả, tán thán A Di Đà Phật bất khả tư nghì công đức chi lợi. Đông phương diệc hữu A Súc Bộ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật,

các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn: Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị: Xưng Tán Bất Khả Tư Nghi Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

Xá Lợi Phất! Nam phương thế giới hữu Nhật Nguyệt Đẳng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đẳng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn: Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị: Xưng Tán Bất Khả Tư Nghi Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

Xá Lợi Phất! Tây phương thế giới hữu Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn: Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị: Xưng Tán Bất Khả Tư Nghi Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

Xá Lợi Phất! Bắc phương thế giới hữu Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trở Phật, Nhật Sanh Phật, Võng Minh Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn: Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị: Xưng Tán Bất Khả Tư Nghi Công



**Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.**

**Xá Lợi Phất! Hạ phương thế giới hữu Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệ tượng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiệ ngôn: Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị: Xưng Tán Bất Khả Tư Nghì Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.**

**Xá Lợi Phất! Thượng phương thế giới hữu Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Ta La Thọ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệ tượng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiệ ngôn: Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị: Xưng Tán Bất Khả Tư Nghì Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh. Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà, hà cố danh vi: Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh?**

**Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thị kinh thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả, thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, giai vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm, giai đắc bất thối chuyển, ư A nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề. Thị cố, Xá Lợi Phất! Nhữ đẳng giai đương, tín thọ ngã ngữ, cập chư Phật sở thuyết.**

**Xá Lợi Phất! Nhược hữu nhân, dĩ phát nguyện, kim**

phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng, giai đắc bất thối chuyển, ư A nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề, ư bỉ quốc độ, nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh. Thị cố, Xá Lợi Phất! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.

Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, xưng tán chư Phật bất khả tư nghì công đức, bỉ chư Phật đẳng, diệc xưng tán, ngã bất khả tư nghì công đức, nhi tác thị ngôn: Thích Ca Mâu Ni Phật năng vi thậm nan, hy hữu chi sự, năng ư Ta Bà quốc độ, ngũ trước ác thế: Kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước trung, đắc A nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề, vị chư chúng sanh thuyết thị, nhất thiết thế giới nan tín chi pháp. Xá Lợi Phất! Đương tri ngã, ư ngũ trước ác thế, hành thử nan sự, đắc A Nậu Đa La tam miệu tam Bồ Đề, vi nhất thiết thế giới thuyết thử, nan tín chi pháp, thị vi thậm nan.

Phật thuyết thử Kinh dĩ, Xá Lợi Phất cập chư Tỳ kheo, nhất thiết thế gian: Thiên, Nhân, A Tu La đẳng, văn Phật sở thuyết, hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ.

*Vãng Sanh Tịnh Độ Thần Chú:*

Nam mô A di đa bà dạ. Đa tha dà đa dạ.  
Đa diệt dạ tha, A di rị đô bà tỳ, A di rị đa, tất đām  
bà tỳ, A di rị đa, tỳ ca lan đế, A di rị đa, tỳ ca lan đa, Đà di nị  
dà dà na, Chỉ đa ca lệ, ta bà ha.

Nam mô Hồng Danh Hội Thượng Phật Bồ Tát (3 lần).

## HỒNG DANH BỬU SÁM



Đại từ đại bi mẫn chúng sanh  
 Đại hỷ đại xả tế hàm thức  
 Tướng hảo quang minh dĩ tự nghiêm  
 Chúng đẳng chí tâm quy mạng lễ.

Nam mô quy y Kim Cang Thượng Sư, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Ngã kim phát tâm bất vị tự cầu nhân, thiên phước báo, Thanh Văn, Duyên Giác nãi chí quyền thừa chư vị Bồ Tát, duy y tối thượng thừa phát Bồ Đề tâm, nguyện dữ pháp giới chúng sanh, nhất thời đồng đắc A nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề.

Nam mô quy y thập phương tận hư không biến pháp giới, nhất thiết chư Phật.

Nam mô quy y thập phương tận hư không giới, nhất thiết tôn Pháp.

Nam mô quy y thập phương tận hư không giới, nhất thiết chư hiền thánh Tăng.

Nam mô Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Nam mô Phổ Quang Phật.

Nam mô Phổ Minh Phật.

Nam mô Phổ Tịch Phật.

Nam mô Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Phật.

Nam mô Chiên Đàn Quang Phật.

Nam mô Ma Ni Tràng Phật.

Nam mô Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích Phật.

Nam mô Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến Thượng Đại  
Tinh Tấn Phật.

Nam mô Ma Ni Tràng Đẳng Quang Phật.

Nam mô Huệ Cự Chiếu Phật.

Nam mô Hải Đức Quang Minh Phật.

Nam mô Kim Cang Lao Cường Phổ Tán Kim Quang  
Phật.

Nam mô Đại Cường Tinh Tấn Dũng Mãnh Phật.

Nam mô Đại Bi Quang Phật.

Nam mô Từ Lực Vương Phật.

Nam mô Từ Tạng Phật.

Nam mô Chiên Đàn Khốt Trang Nghiêm Thắng Phật.

Nam mô Hiền Thiện Thủ Phật.

Nam mô Thiện Ý Phật.

Nam mô Quảng Trang Nghiêm Vương Phật.

Nam mô Kim Hoa Quang Phật.

Nam mô Bảo Cái Chiếu Không Tự Tại Lực Vương Phật.

Nam mô Hư Không Bảo Hoa Quang Phật.

Nam mô Lưu Ly Trang Nghiêm Phật.

Nam mô Phổ Hiện Sắc Thân Quang Phật.

Nam mô Bất Động Trí Quang Phật.

Nam mô Hàng Phục Chúng Ma Vương Phật.

Nam mô Tài Quang Minh Phật.

Nam mô Trí Huệ Thắng Phật.

Nam mô Di Lạc Tiên Quang Phật.

Nam mô Thiện Tịch Nguyệt Âm Diệu Tôn Trí Vương  
Phật.

Nam mô Thế Tịnh Quang Phật.

- Nam mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật.
- Nam mô Nhật Nguyệt Quang Phật.
- Nam mô Nhật Nguyệt Châu Quang Phật.
- Nam mô Huệ Tràn Thắng Vương Phật.
- Nam mô Sư Tử Hổ Tự Tại Lực Vương Phật.
- Nam mô Diệu Âm Thắng Phật.
- Nam mô Thường Quang Tràn Phật.
- Nam mô Quang Thế Đăng Phật.
- Nam mô Huệ Oai Đăng Vương Phật.
- Nam mô Pháp Thắng Vương Phật.
- Nam mô Tu Di Quang Phật.
- Nam mô Tu Ma Na Hoa Quang Phật.
- Nam mô Ưu Đàm Bát La Hoa Thủ Thắng Vương Phật.
- Nam mô Đại Huệ Lực Vương Phật.
- Nam mô A Súc Tỳ Hoan Hỉ Quang Phật.
- Nam mô Vô Lượng Âm Thanh Vương Phật.
- Nam mô Tài Quang Phật.
- Nam mô Kim Hải Quang Phật.
- Nam mô Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Phật.
- Nam mô Đại Thông Quang Phật.
- Nam mô Nhất Thiết Pháp Tràn Mãn Vương Phật.
- Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
- Nam mô Kim Cang Bất Hoại Phật.
- Nam mô Bảo Quang Phật.
- Nam mô Long Tôn Vương Phật.
- Nam mô Tinh Tấn Quân Phật.
- Nam mô Tinh Tấn Hỷ Phật.
- Nam mô Bảo Hỏa Phật.

- Nam mô Bảo Nguyệt Quang Phật.**  
**Nam mô Hiện Vô Ngu Phật.**  
**Nam mô Bảo Nguyệt Phật.**  
**Nam mô Vô Cấu Phật.**  
**Nam mô Ly Cấu Phật.**  
**Nam mô Dũng Thí Phật.**  
**Nam mô Thanh Tịnh Phật.**  
**Nam mô Thanh Tịnh Thí Phật.**  
**Nam mô Ta Lưu Na Phật.**  
**Nam mô Thủy Thiên Phật.**  
**Nam mô Kiên Đức Phật.**  
**Nam mô Chiên Đàn Công Đức Phật.**  
**Nam mô Vô Lượng Cúc Quang Phật.**  
**Nam mô Quang Đức Phật.**  
**Nam mô Vô Ưu Đức Phật.**  
**Nam mô Na La Diên Phật.**  
**Nam mô Công Đức Hoa Phật.**  
**Nam mô Liên Hoa Quang Du Hý Thần Thông Phật.**  
**Nam mô Tài Công Đức Phật.**  
**Nam mô Đức Niệm Phật.**  
**Nam mô Thiện Danh Xưng Công Đức Phật.**  
**Nam mô Hồng Diệm Đế Tràng Vương Phật.**  
**Nam mô Thiện Du Bộ Công Đức Phật.**  
**Nam mô Đấu Chiến Thắng Phật.**  
**Nam mô Thiện Du Bộ Phật.**  
**Nam mô Châu Tráp Trang Nghiêm Công Đức Phật.**  
**Nam mô Bảo Hoa Du Bộ Phật.**

**Nam mô Bảo Liên Hoa Thiện Trụ Ta La Thọ Vương Phật.**

**Nam mô Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật.**

*Sám hối Phát nguyện văn:*

Như thị đẳng nhất thiết thế giới chư Phật, Thế Tôn thường trụ tại thế, thị chư Thế Tôn, đương từ niệm ngã. Nhược ngã tử sanh, nhược ngã tiền sanh, tùng vô tử sanh tử dĩ lai, sở tác chúng tội. Nhược tự tác, nhược giáo tha tác, kiến tác tùy hỷ. Nhược tháp, nhược tăng, nhược tứ phương tăng vật. Nhược tự thủ, nhược giáo tha thủ, kiến thủ tùy hỷ. Ngũ vô gián tội, nhược tự tác, nhược giáo tha tác, kiến tác tùy hỷ. Thập bất thiện đạo, nhược tự tác, nhược giáo tha tác, kiến tác tùy hỷ. Sở tác tội chướng, hoặc hữu phú tàng, hoặc bất phú tàng, ưng đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chư dư ác thú, biên địa, hạ tiện cập miệt lệ xa, như thị đẳng xứ, sở tác tội chướng, kim giai sám hối.

Kim chư Phật, Thế Tôn đương chứng tri ngã, đương ức niệm ngã, ngã phục ư chư Phật Thế Tôn tiền, tác như thị ngôn: Nhược ngã tử sanh, nhược ngã dư sanh, tăng hành bố thí, hoặc thủ tịnh giới, nãi chí thí dữ súc sanh, nhất đoàn chi tự, hoặc tu tịnh hạnh.

Sở hữu thiện căn, thành tựu chúng sanh.

Sở hữu thiện căn, tu hạnh Bồ Đề,

Sở hữu thiện căn, cập vô thượng trí,

Sở hữu thiện căn, nhất thiết hiệp tập

Giáo kế trừ lượng, giai tất hồi hướng, A nậu đa la tam

miệu tam Bồ Đề. Như quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, sở tác hồi hướng, ngã diệt như thị hồi hướng, chúng tội giai sám hối, chư phước tận tùy hỷ, cập thỉnh Phật công đức, nguyện thành vô thượng trí. Khứ lai hiện tại Phật, ư chúng sanh tối thắng, vô lượng công đức hải, ngã kim quy mạng lễ.

Sở hữu thập phương thế giới trung  
 Tam thế nhất thiết nhân Sư tử  
 Ngã dĩ thanh tịnh thân, ngữ, ý  
 Nhất thiết biến lễ tận vô dư  
 Phổ Hiền hạnh nguyện oai thần lực  
 Phổ hiện nhất thiết Như Lai tiền  
 Nhất thân phục hiện sát trần thân  
 Nhất nhất biến lễ sát trần Phật  
 Ư nhất trần trung trần số Phật  
 Các xứ Bồ Tát chúng hội trung  
 Vô tận pháp giới trần diệt nhiên  
 Thâm tín chư Phật giai sung mãn.  
 Các dĩ nhất thiết âm thanh hải  
 Phổ xuất vô tận diệu ngôn từ.  
 Tận ư vị lai nhất thiết kiếp  
 Tán Phật thậm thâm công đức hải.  
 Dĩ chư tối thắng diệu hoa man  
 Kỹ nhạc đồ hương cập tán cái  
 Như thị tối thắng trang nghiêm cụ  
 Ngã dĩ cúng dường chư Như Lai  
 Tối thắng y phục tối thắng hương



Mạc hương thiêu hương dữ đấng chúc  
Nhất nhất giai như Diệu Cao tỵ  
Ngã tất cúng dường chư Như Lai  
Ngã dĩ quảng đại thắng giải tâm  
Thâm tín nhất thiết tam thế Phật  
Tất dĩ Phổ Hiền hạnh nguyện lực  
Phổ biến cúng dường chư Như Lai.  
Ngã tích sở tạo chư ác nghiệp  
Giai do vô thỉ tham sân si  
Tùng thân, ngữ, ý chi sở sanh  
Nhất thiết ngã kim giai sám hối  
Thập phương nhất thiết chư chúng sanh  
Nhị thừa hữu học cập vô học  
Nhất thiết Như Lai dữ Bồ Tát  
Sở hữu công đức giai tùy hỷ  
Thập phương sở hữu thế gian đấng  
Tối sơ thành tựu Bồ Đề giả  
Ngã kim nhất thiết giai khuyến thỉnh  
Chuyển ư vô thượng Diệu pháp luân  
Chư Phật nhược dục thị Niết Bàn  
Ngã tất chí thành nhi khuyến thỉnh  
Duy nguyện cứu trụ sát trần kiếp  
Lợi lạc nhất thiết chư chúng sanh  
Sở hữu lễ tán cúng dường phước  
Thỉnh Phật trụ thế chuyển pháp luân  
Tùy hỷ sám hối chư thiện căn  
Hồi hướng chúng sanh cập Phật đạo.

Nguyên tương dĩ thử thắng công đức  
 Hồi hướng vô thượng chân pháp giới  
 Tánh tướng Phật pháp cập tăng già  
 Nhị đế dung thông tam muội ấn  
 Như thị vô lượng công đức hải  
 Ngã kim giai tất tận hồi hướng  
 Sở hữu chúng sanh thân, khẩu, ý  
 Kiến hoặc đàn báng ngã pháp đảng  
 Như thị nhất thiết chư nghiệp chương  
 Tất giai tiêu diệt tận vô dư  
 Niệm niệm chí châu ư pháp giới  
 Quảng độ chúng sanh giai bất thối  
 Nãi chí hư không thế giới tận  
 Chúng sanh cập nghiệp phiền não tận  
 Như thị tứ pháp quảng vô biên.  
 Nguyên kim hồi hướng diệc như thị  
 Nam mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát (3 lần).

### TIỂU MÔNG SƠN THÍ THỰC

----- 卍 卍 卍 -----

Nam mô Diệm Nhiên Vương Bồ Tát (3 lần).  
 Mãnh hỏa diệm diệm chiếu thiết thành,  
 Thiết thành lý diệm nhiệt cô hồn,  
 Cô hồn nhược yếu sanh Tịnh độ,  
 Thính tụng Hoa Nghiêm bán kệ kinh:  
 Nhược nhưn dục liễu tri,

**Tam thế nhứt thiết Phật,  
Ưng quán pháp giới tánh,  
Nhất thiết duy tâm tạo.**

Phá Địa Ngục Chơn Ngôn

**Án, Đà ra đế da ta bà ha (3 lần).**

*Phổ Triệu Thỉnh Chơn Ngôn*

**Nam mô Bộ bộ đế rị, đà rị đa rị đát da nga đa da (3 lần).**

*Giải Oan Kiết Chơn Ngôn*

**Án, Tam đà ra dà đà ta bà ha (3 lần).**

**Nam mô Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh  
(3 lần).**

**Nam mô Thường trụ thập phương Phật.**

**Nam mô Thường trụ thập phương Pháp.**

**Nam mô Thường trụ thập phương Tăng.**

**Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.**

**Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.**

**Nam mô Minh Vương Cứu Khổ Địa Tạng Vương Bồ  
Tát.**

**Nam mô Khải Giáo A Nan Đà Tôn Giả**

*Bảy câu trên tụng (3 lần).*

**Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng**

**Quy y Phật lưỡng túc tôn,**

**Quy y Pháp ly dục tôn,**

**Quy y Tăng chúng tôn.**

**Quy y Phật cánh, quy y Pháp cánh, quy y Tăng cánh.**

*(chín câu trên tụng 3 lần)*

**Phật tử (hữu tình, cô hồn)**

**sở tạo chư ác nghiệp,**



**Án tô rô tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, ta bà ha (3 lần).**

*Thủy Luân Chơn Ngôn*

**Án, Noan noan noan noan noan (3 lần).**

*Nhũ Hải Chơn Ngôn*

**Nam mô tam mẫn đa một đà nẫm án noan (3 lần).**

**Nam mô Đa Bảo Như Lai**

**Nam mô Bảo Thắng Như Lai**

**Nam mô Diệu Sắc Thân Như Lai**

**Nam mô Quảng Bát Thân Như Lai**

**Nam mô Ly Bố Úy Như Lai**

**Nam mô Cam Lồ Vương Như Lai**

**Nam mô A Di Đà Như Lai**

*Bảy câu trên tụng 3 lần*

**Thần chú gia trì tịnh thí thực**

**Phổ thí hà sa chúng Phật tử**

**Nguyện giai bảo mẫn xả xan tham,**

**Tốc thoát u minh sanh Tịnh độ,**

**Quy y Tam Bảo phát Bồ Đề,**

**Cứu cánh đắc thành Vô thượng đạo,**

**Công đức vô biên tận vị lai**

**Nhất thiết Phật tử đồng pháp thực**

**Thần chú gia trì Pháp thí thực**

**Phổ thí hà sa chúng Hữu tình**

**Nguyện giai bảo mẫn xả xan tham,**

**Tốc thoát u minh sanh Tịnh độ,**

**Quy y Tam Bảo phát Bồ Đề,**

**Cứu cánh đắc thành Vô thượng đạo,**

**Công đức vô biên tận vị lai**

Nhất thiết Hữu tình đồng pháp thực

Thần chú gia trì Cam lồ thủy

Phổ thí hà sa chúng Cô hồn

Nguyện giai bảo mãn xả xan tham,

Tốc thoát u minh sanh Tịnh độ,

Quy y Tam Bảo phát Bồ Đề,

Cứu cánh đắc thành Vô thượng đạo,

Công đức vô biên tận vị lai

Nhất thiết cô hồn đồng pháp thực

*(đến bàn Thập Loại, hồi ba hồi khánh xong, tụng)*

Nhữ đẳng Phật tử chúng. Ngã kim thí nhữ cúng. Thử thực biến thập phương. Nhất thiết Phật tử cộng. Nguyện dĩ thử công đức. Phổ cập ư nhất thiết. Ngã đẳng dữ Phật tử. Giai cộng thành Phật đạo.

Nhữ đẳng hữu tình chúng. Ngã kim thí nhữ cúng. Thử thực biến thập phương. Nhất thiết cô hồn cộng. Nguyện dĩ thử công đức. Phổ cập ư nhất thiết. Ngã đẳng dữ cô hồn. Giai cộng thành Phật đạo.

Nhữ đẳng cô hồn chúng. Ngã kim thí nhữ cúng. Thử thực biến thập phương. Nhất thiết cô hồn cộng. Nguyện dĩ thử công đức. Phổ cập ư nhất thiết. Ngã đẳng dữ cô hồn. Giai cộng thành Phật đạo.

*Thí Vô Giá Thực Chơn Ngôn*

Án mục lực lăng ta bà ha (3 lần).

*Biến Thực Chơn Ngôn*

Nam mô tát phạ đất tha, nga đa phạ lồ chỉ đế.

Án tam bạt ra, tam bạt ra hồng (3 lần).

*Biến Thủy Chơn Ngôn*

**Nam mô tô rô bà da, đất tha nga đa da, đất diệt tha.  
Án tô rô tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, ta bà ha (3 lần).**

*Phổ Cúng Đường Chơn Ngôn*

**Án nga nga nằng tam bà, phạ phiệt nhựt ra hồng (3 lần).**

**Cô hồn phật tử vô chủ vô y  
Vô biên tiền thế bất tu trì  
Chánh pháp vị văn tri, kim ngộ minh sư  
Thoát khổ, Đao Lợi sơn  
Nam mô Siêu Lạc Độ Bồ Tát (3 lần).**

*Trở về bàn Phật tiếp tụng Kim Cang Tát Đũa Bá Tự Chơn Ngôn*

**Ngàn hoa thứ lai tát đã tô, tát mo de mo nạp bo lật de, hoa thứ lai tát đã tỳ, nô bót tỳ sắc xiếc, thoát lý xừ mì phẩn qua, tô lồ thúc (mì phẩn qua) a nô la kế tồn, (mì phẩn qua) tô bố tồn (mì phẩn qua) tát lý ngan thích thì minh, phúc lai de dàng, tát lý ngang bố chan mi thích thật, thích lê dàng cót lô hồng, hò (hò hò) hò học phúc cát làng, tát lý qua đất thát cát thật, qua thứ lai mo mi bòn chen, qua thứ lai tát qua mõ hò, tát mo de tát đã hò (tụng tam biến).**

*Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh*

**Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.**

**Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.**

**Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất**

diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới; vô vô minh diệt, vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận; vô Khổ, Tập, Diệt, Đạo; vô trí diệt vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề tát đỏa y Bát nhã Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn. Tam thế chư Phật y Bát nhã Ba la mật đa cố, đắc A nậu đa la Tam miệu Tam Bồ Đề.

Cố tri bát nhã ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chơn thiệt bất hư.

Cố thuyết bát nhã ba la mật đa chú. Tức thuyết chú viết:

Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha (3 lần).

*Vãng Sanh Quyết Định Chơn Ngôn*

Nam mô a di đà bà dạ. Đa tha dà đa dạ. Đa diệt dạ tha, a di rị đô bà tỳ, a di rị đa, tất đām bà tỳ, A di rị đa, tỳ ca lan đế, a di rị đa, tỳ ca lan đa, dà di nị dà dà na, chỉ đa ca lệ, ta bà ha (3 lần).

Nguyện trú kiết tường, dạ kiết tường,  
Trú dạ lục thời hằng kiết tường,  
Nhất thiết thời trung, kiết tường giả,  
Nguyện chư Thượng Sư ai nhiếp thọ.  
Nguyện trú kiết tường, dạ kiết tường,



Trú dạ lục thời hằng kiết tường,  
 Nhất thiết thời trung, kiết tường giả,  
 Nguyên chư Tam Bảo ai nhiếp thọ.  
 Nguyên trú kiết tường, dạ kiết tường,  
 Trú dạ lục thời hằng kiết tường,  
 Nhất thiết thời trung, kiết tường giả,  
 Nguyên chư Hộ pháp thường ủng hộ.  
 Tứ sanh đấng ư bửu địa,  
 Tam hữu thác hóa liên trì,  
 Hà sa ngạ quỷ chứng Tam Hiền,  
 Vạn loại hữu tình đấng Thập địa.

*Tán Phật*

A Di Đà Phật thân kim sắc,  
 Tướng hảo quang minh vô đẳng luân,  
 Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,  
 Hám mục trừng thanh tứ đại hải,  
 Quang trung hóa Phật vô số ức,  
 Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên,  
 Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh,  
 Cửu phẩm hàm linh đấng bỉ ngạn.  
 Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới Đại từ Đại bi A  
 Di Đà Phật.

Nam mô A Di Đà Phật (niệm tùy ý)  
 Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (3 lần).  
 Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát (3 lần).  
 Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát (3 lần).  
 Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát (3 lần).

*Sám Nhất Tâm*

Nhất tâm quy mạng, Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, nguyện dĩ tịnh quang chiếu ngã, từ thế nhiếp ngã. Ngã kim chánh niệm, xưng Như Lai danh vị bồ đề đạo, cầu sanh tịnh độ.

Phật tích bốn thế: Nhược hữu chúng sanh, dục sanh ngã quốc, chí tâm tín nhạo, xưng ngã danh hiệu, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ chánh giác, dĩ thử niệm Phật nhưn duyên, đắc nhập Như Lai, đại thế hải trung, thừa Phật từ lực, chúng tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng, nhược lâm dục mạng chung, tự tri thời chí, thân vô bệnh khổ, tâm bất tham luyến, ý bất điên đảo, như nhập thiền định. Phật cập Thánh chúng, thủ chấp kim đài, lai nghinh tiếp ngã, ư nhứt niệm khoảnh, sanh Cực Lạc quốc, hoa khai kiến Phật, tức văn Phật thừa, đốn khai Phật huệ, quảng độ chúng sanh, mãn Bồ Đề nguyện, quảng độ chúng sanh mãn Bồ Đề nguyện.

*Tán lễ Tây phương:*

Tán lễ Tây Phương, Cực Lạc thanh lương, liên trì cửu phẩm hoa hương, bảo thọ thành hàng; thường văn thiên nhạc kiền tương, A Di Đà Phật đại phóng từ quang, hóa đạo chúng sanh vô lượng, giáng kiết tường. Hiện tiền chúng đẳng ca dương, nguyện sanh an dưỡng. Hiện tiền chúng đẳng ca dương, đồng sanh an dưỡng.

*Thị nhựt vô thường*

Thị nhựt dĩ quá, mạng diệt tùy giảm  
 Như thiếu thủy ngư, tư hữu hà lạc.  
 Đại chúng đương cần tinh tấn

**Như cứu đầu nhiên, đản niệm vô thường,  
Thận vật phóng dật.**

(Ngày nay lại đã qua rồi, mạng căn huyết mạch lần hồi khô hao, dường như cá cạn ở ao, khổ thêm thời có chút nào vui đâu, cần tu tợ lửa đốt đầu, đừng cho sái buổi như châu đế vương, tẩm thân mỏng mảnh khôn thường, sớm còn tối mất lo phương cứu mình).

*Tam Tự Quy Y*

**Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giải đại đạo, phát Vô thượng tâm.**

**Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng trí huệ như hải.**

**Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhứt thiết vô ngại.**

*Hòa Nam Thánh Chúng*

**CHÚ ĐẠI BẢO**

*Tụng chú Đại Bảo ở bàn Tổ*

**Đại Bảo Quảng Bát Lầu Các Thiện Trụ Bí Mật Đà La Ni.**

**Năng mờ tát phạ đát tha nghiệt đà năm, ngàn dĩ phổ lã nghiệt bệ mo nĩ, tô bót lai bệ đát tha đa nễ nại xá nảnh mo nĩ, mo nĩ tô bót lai, bệ dĩ ma lê lai nghiêm, tỷ lệ hồng hồng nhập phả lả, nhập phả lả, một đà dĩ lô chỉ đế hóng hế dạ điệp sắt xỉ đa nghiệt bệ ta bà ha (3 lần).**

**Quảng Bát thần chú, tối thắng viên dung. Trượng thừa Phật lực vĩnh lưu thông, ủng hộ đạo tràng trung. Dương thới âm siêu, xướng tụng phước vô cùng.**

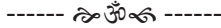
**Nam mô Tiêu Tai Giáng Kiết Tường Bồ Tát (3 lần).**

*Hồi Hương*

**Công phu công đức thù thắng hạnh,  
 Vô biên thắng phước giai hồi hương,  
 Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh,  
 Tốc vãng vô lượng quang Phật sát.  
 Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền não,  
 Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu,  
 Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ,  
 Thế thế thường hành Bồ Tát đạo.  
 Nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung,  
 Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,  
 Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh  
 Bất thối Bồ Tát vi bạn lữ.**

**Nguyện dĩ thử công đức, Phổ cập ư nhứt thiết,  
 Ngã đẳng dĩ chúng sanh, Giai cộng thành Phật đạo.**

## YẾU GIẢI CÔNG PHU CHIỀU



Đại chúng tụng niệm:

法王無上尊三界無倫匹天人之道師四生之慈父  
於一念皈依能滅三祇業稱揚若讚歎億劫莫能盡

Tán Thán 讚歎 : Dịch âm của tiếng Phạn gọi là Bà sư (婆師), Trung Hoa dịch là Tán thán (khen ngợi), bao gồm Tán, Tụng, Thỉnh, Bạch, Vịnh... Vì công đức của chư Phật không thể nghĩ bàn (不可思議, 難思議 Nghĩ không tới, Luận bàn không hết).

Tán nói đủ là Tán thán, Xưng tán, Tán dương (bao gồm: Tán ca, tán tụng, tán đầu, tán mõ, tán khánh, tán trống... vừa đọc bài tán vừa đánh tan, đánh mõ, đánh trống... nhiều bài, nhiều điệu) với ý nghĩa Xưng danh hiệu ngợi khen, hay Biểu dương ca ngợi (Tán dương), cảm hoài ngợi ca (Tán thán)...

Như xưng tán Phật; có nghĩa là xưng danh ca ngợi, đức tướng trang nghiêm, gồm Ứng thân và Báo thân nơi Sanh Thân Phật, đã diệu dụng viên mãn từ nơi Pháp Thân, cho đến thâm ân giáo hóa, hạnh nguyện cao sâu của chư Phật, chư vị Bồ Tát và các Bậc tiền nhân đạo cao đức trọng, trí tuệ tuyệt luân, hành trạng phi phàm, việc làm thánh thiện, cốt để tri ân báo ân; Tri ân giả tức thi ân dã, Báo ân giả tức bố đức dã. Để ngõ hầu chúng ta tri tân ôn cố, và cũng để lập hạnh cho mình.

Tụng có nghĩa là đọc tụng; Đọc tụng có âm điệu trầm

bổng, thấp cao đầy thiền vị, gọi là Phúng tụng. Đọc tụng lại vừa nhiếp tâm suy nghĩ, gọi là Tụng niệm.

Tụng Niệm là miệng đọc tụng, tâm nhớ nghĩ; Tâm miệng hợp nhất nhiếp định vào lời kinh tiếng pháp, hiển lý: Thân hành Phật hạnh, khẩu tụng Phật ngôn, Ý niệm Phật ý (thân hành theo hạnh của chư Phật, miệng đọc tụng lời chư Phật dạy, tâm ý suy nghĩ hợp với ý nghĩ của chư Phật). Từ đó dẫn đến ba nghiệp Thân khẩu ý thanh tịnh. Tam nghiệp thường thường thanh tịnh, thì sự tụng niệm sẽ đem lại an lạc giải thoát, cho kẻ còn người mất, phước đức thật vô lượng vô biên.

Theo Bách Trượng Tông Lâm Thanh Quy (百丈叢林清規), chương thứ Năm – Trụ trì, quy ước về tụng niệm có 11 điều và mang ý nghĩa: Phàm tụng niệm Phật pháp tức chuyển pháp luân. Và 法輪常轉慧心開 Pháp luân thường chuyển huệ tâm khai... Nói khác, nhờ tụng niệm Phật pháp, mà tam nghiệp thanh tịnh, tinh tấn, không hôn trầm, không tán loạn, không giải đãi, không tham lợi... biết nhân quả, biết tầm quý, biết sợ nghiệp lực... Từ ý nghĩa đó, ta không thấy độ người mà đã tự độ người, không mong cầu lợi ích mà tự được lợi ích. Nên nói: Người cúng dường cho ta, ta đem pháp cho người, so ra hai việc bố thí đồng nhau không khác. (Tài pháp nhị thí, đẳng vô sai biệt). Nên Khế Kinh dạy: Chỉ một việc Du Già cũng là việc lợi sanh của Đấng Địa Bồ Tát.

Thỉnh gồm: Kính thỉnh, Phụng thỉnh, Cung thỉnh, Cẩn thỉnh, Triệu thỉnh... Thỉnh với ý nghĩa là mời, đón... mời với lòng thành kính cẩn, gọi là Kính thỉnh, Cẩn thỉnh; mời bằng lòng cung kính thiết tha lễ bái, gọi là Cung thỉnh, Bái thỉnh,

Phụng thỉnh, mời đón với tất lòng van xin bi thiết, gọi là Cầu thỉnh... Vì cổ nhân đã dạy: Tình thương và kính thuận là sức sống duy nhất của con người; Tri ân và báo ân là bốn phận cao cả nhất của đạo làm người.

Thế nên, lòng cung kính, sự mời thỉnh qua lại, là lẽ đạo phải làm, và khi chết chưa phải là hết, mà ngoài thế giới hiện tượng vật chất hữu hình, còn có vũ trụ vô hình, cảnh giới siêu nhân, nên khi thực hành Lễ nghi cúng tế, với tất cả lòng thành cung kính thỉnh mời, các bậc Thánh Hiền, Tổ đức, Gia tiên... sẽ về chứng minh, lân mẫn gia hộ hoặc thù từ tiếp độ.

Bạch là lời thưa, lời bày tỏ với người trên trước. Vịnh: Ngâm, đọc theo lối thơ ca, nói về phong cảnh; như cảnh trăng thanh gió mát, ngoạn cảnh tiêu dao. Phong cách, đạo phong cốt cách, hành trạng; của các bậc vĩ nhân hay đấng siêu phàm thoát tục, để tán dương, nguyện thỉnh cầu lân mẫn hộ trì.

**Pháp Vương:** (S: dharma-rāja, H. 法王): Vua pháp, tôn xưng thường dùng để chỉ cho chư Phật. Vương có nghĩa tối thắng, tự tại; đức Phật là chủ tể của Pháp, có thể giáo hóa chúng sanh một cách tự tại, nên được gọi là Pháp Vương. Như trong Vô Lượng Thọ Kinh (無量壽經 Taishō No. 12) quyển Hạ có câu: Phật vi Pháp Vương, tôn siêu chúng Thánh, phổ vi nhất thiết thiên nhân chi sư (佛爲法王尊超衆聖, 普爲一切天人之師 Phật là Pháp Vương, được tôn kính hơn các bậc Thánh, là vị thầy của khắp hết thầy trời người). Hay như trong Thích Ca Phương Chí (釋迦方誌 Taishō No. 51) có giải thích rằng: Phàm nhân cực vị, danh viết Luân Vương;

Thánh nhân cực vị, danh viết Pháp Vương (凡人極位, 名曰輪王。聖人極位, 名曰法王。Ngôi vị cao nhất của người phàm gọi là Luân Vương, ngôi vị cao nhất của bậc Thánh là Pháp Vương). Trong bài xưng tán đức Phật có câu: Pháp Vương vô thượng tôn, Tam Giới vô luân thất, thiên nhân chi đạo sư, Tứ Sanh chi từ phụ (法王無上尊, 三界無倫匹, 天人之導師, 四生之慈父 Đấng Pháp Vương vô thượng, Ba Cõi chẳng ai bằng, thầy dạy khắp trời người, cha lành chung Bốn Loại). Hay như trong Tây Du Ký (西遊記), hồi thứ 64 lại có đoạn: Trượng tích Tây lai bái Pháp Vương, nguyện cầu diệu điển viễn truyền dương, kim chi tam tú thi đàn thoại, bảo thọ thiên hoa liên nhụy hương, bách xích cán đầu tu tấn bộ, thập phương thế giới lập hành tàng, tu thành ngọc tượng trang nghiêm thể, Cực Lạc môn tiền thị đạo trường (杖錫西來拜法王, 願求妙典遠傳揚, 金芝三秀詩壇瑞, 寶樹千花蓮蕊香, 百尺簷頭須進步, 十方世界立行藏, 修成玉象莊嚴體, 極樂門前是道場. Quảy trượng qua Tây lễ Pháp Vương, nguyện mong kinh điển khắp truyền dương, cành vàng tam tú thơ đàn lạ, cây báu ngàn hoa sen nhụy hương, trăm bộ đầu sào nên bước tiếp, mười phương thế giới vững trụ thường, tu thành voi ngọc trang nghiêm dáng, Cực Lạc cửa này chính đạo tràng).

Vô thượng tôn (無上尊): Tiếng Phạn gọi là A Nậu Đa La dịch là Vô Thượng. Có nghĩa là cao lớn không gì hơn được. Nói về địa vị tu chứng, khi so sánh với Thánh Phàm thì Phật là trên hết. Nói về pháp giải thoát thì Niết Bàn Tịch Tĩnh là trên hết.

Tam giới (三界): Ba cõi, ba thế giới của chúng sanh



nương ở. Đó là dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Luân là so sánh. Thất là không được. Luân thất không thể so sánh được.

Tam giới vô luân thất (三界無倫匹): Nghĩa là nếu đem Tam giới (3 cõi) chúng sanh chưa đắc quả Thánh, mà so sánh với cõi Thường Tịch Quang của Phật thì không sao bằng được, bởi vì Phật là đấng pháp vương là bậc tôn quý nhất trong pháp xuất thế, còn ba cõi chúng sanh còn sanh tử, chưa ra khỏi luân hồi.

Thiên nhân chi đạo sư (天人之導師): Bậc thầy của cõi trời và cõi người. Đức Phật Thích Ca đã từng giảng kinh Hoa Nghiêm ở dưới Long cung, giảng kinh Địa Tạng cho mẹ là Ma Gia nghe ở Cung Trời Đạo Lợi. Phật giảng pháp Thập Thế Giới Hải ở Diệu Quang Đường nơi Cung của Trời Tứ Thiên Vương...

Tứ sanh (四生): Bốn loài chúng sanh, gọi là Tứ Chúng Sanh, gồm có Noãn, Thai, Thấp và Hóa sanh.

- Noãn sanh: Từ trong trứng mà nở ra con, như chim, cá, gà, vịt...

- Thai sanh: từ trong bào thai mà sanh ra con và lớn lên, như con người, ngựa, mèo, chó...

- Thấp sanh: Từ chỗ ướt mà sanh ra như cá, nòng nọc, lươn, cua, nghêu, sò, ốc...

- Hóa sanh: Tự nhiên mà sanh ra, hóa ra do sức mạnh của cái Nghiệp. Như những linh hồn sanh làm ngọc quý, xuống Địa Ngục, hay những côn trùng lột vỏ như con ve, con bướm (con sâu hóa bướm).

Tứ sanh chi từ phụ (四生之慈父): Là bậc cha lành của

bốn loài. Ngài đã hy sinh thân mạng để tìm ra mỗi Đạo, ban cho chúng sanh những pháp màu vi diệu, làm chiếc phao thoát biển sanh tử, rớt ráo an vui, giải thoát biển sanh tử, rớt ráo an vui, giải thoát hoàn toàn. Vì vậy, Đức Phật rất xứng đáng là đấng cha lành bậc nhất của bốn loài chúng sanh.

Ngã kim tạm quy y (我今暫皈依): Là con nay một khi nương về. Tam kỳ nghiệp: Tam kỳ tiếng Phạn nói đủ là A tăng kỳ, dịch là vô số thời gian. Tam kỳ nghiệp là vô số nghiệp chướng lâu đời đến giờ.

Năng diệt tam kỳ nghiệp (能滅三祇業): Ý nói, con hiện giờ, đem lòng thành kính, một khi nhìn thấy, một khi đành lễ, hướng tâm quay về với Phật thì liền đó vô số nghiệp chướng lâu đời đều rơi xuống và tiêu tan hết.

Nghiệp: tiếng Phạn gọi là Karma, Trung Hoa dịch là Nghiệp. Nghiệp gồm có Bốn thứ là:

- Cực trọng nghiệp (極重業): Sau khi chết, thần thức sẽ theo cái nghiệp nào nhiều nhất, khó bỏ nhất, có tội nhất, có phước nhất mà đi đầu thai. Hoặc thẳng vào địa ngục chịu tội báo, hoặc sanh thẳng vào cõi trời hưởng phước.

- Cận tử nghiệp (近死業): Khi gần tắt thở, nếu ưa thích, hướng tâm theo nghiệp nào thì tùy đó mà thác sanh đi đầu thai.

- Tập quán nghiệp (集貫業): Là thói quen trong đời sống. Nếu người sắp chết, trước kia họ thường ưa thích việc thiện việc ác nào đó thì sau khi chết họ liền đọa lạc hoặc đầu thai vào những nơi họ ưa thích.

- Tích lũy nghiệp (積業): Cái thân nghiệp đã gây từ

nhieu đời, kết nhóm từ từ, nay đủ duyên hiện khởi và dắt dẫn vào con đường đầu thai hoặc tốt hoặc xấu.

- Xưng dương nhược tán thán 稱揚若讚歎 Ức kiếp mạc năng tận (億劫莫能盡): Công đức và trí tuệ của đức Phật thật vô lượng vô biên, dù chúng ta dùng tâm chân thành cung kính khen ngợi trải qua trăm ngàn muôn ức kiếp cũng không thể hết được.

Kiếp: tiếng Phạn gọi là Kiếp ba, dịch là Đại thời. Kiếp là thời kỳ rất dài, thật khó lấy số năm tháng ngày để kể cho đúng. Kiếp có ba thứ: Tiểu kiếp, Trung kiếp và Đại kiếp.

- Tiểu kiếp: Đời sống con người từ 10 tuổi thọ mà khởi sự. Cứ qua một trăm năm, tuổi đại thọ của kiếp người tăng 1 tuổi (tuổi thọ con người là 11 tuổi chết) lần lượt trải đến khi tuổi thọ của con người là 84.000 tuổi sống thọ, đó là Tăng kiếp chí cực. Kế đó giảm kiếp tiếp tục, cứ trải qua một trăm năm, tuổi sống thọ của con người giảm xuống 1 tuổi (83.999) và cứ lần lượt giảm cho đến khi tuổi thọ của con người chỉ còn 10 tuổi gọi là giảm kiếp chí cực. Một chu kỳ Tăng và một chu kỳ giảm như vậy cộng thành mười sáu triệu tám trăm ngàn năm (16.800.000 năm) là một tiểu kiếp.

- Trung kiếp: Một trung kiếp bằng 20 lần tiểu kiếp ( $20 \times 16.800.000 = 336.000.000$ ) thành ra ba trăm ba mươi sáu triệu năm.

- Đại kiếp: Một đời sống của một cõi thế giới. Thời gian dài vô tận khó tính cho đúng, nó trải qua bốn giai đoạn Thành, trụ, hoại, không của vũ trụ vật thể.

Bài tán Lư Hương. Theo truyền thuyết có vị tên là Hương Vân Cái... Ngài có lập thế nguyện: Trong 10 phương

quốc độ, nếu có chúng sanh nào muốn dùng mùi hương dâng cúng dường chư Phật, thì tôi sẽ thay thế họ, biến những khối hương đó thành ra những đám mây hương bay đến khắp tất cả quốc độ, thay thế họ để cúng dường khắp tất cả chư Phật, và sẽ dùng sức thần thông cùng bản nguyện, ngầm gia hộ cho đó sớm được thành tựu căn lành, chúng hương vị bồ đề vô thượng.

Vì thế cho nên, trong các chốn thiền môn và mọi khóa lễ... sau khi đọc xong lời nguyện hương, đều đồng xưng niệm danh hiệu của ngài là vậy.

**A Di Đà Phật** (S: Amitāyus, Amitābha; T: Dpag-tu-med, Dpag-yas, J: Amidabutsu, H. 阿彌陀佛): Tôn danh của một vị Phật rất quan trọng trong Phật Giáo Đại Thừa, giáo chủ của thế giới Tây Phương Cực Lạc, còn gọi là A Di Đà Phật (阿彌多佛), A Nhi Đa Phật (阿弭跢佛), thường được gọi là A Di Đà Phật hay A Di Đà Như Lai, gọi tắt là Di Đà. Nguyên bản Sanskrit có hai chữ: Amitāyus có âm dịch là A Di Đa Sưu (阿彌多廋), nghĩa là người có thọ mạng vô hạn hay vô lượng thọ; còn Amitābha có âm dịch là A Di Đa Bà (阿彌多婆), là người có ánh sáng vô hạn hay vô lượng quang; nhưng cả hai đều được phiên âm là A Di Đà. Trên thực tế, nguyên ngữ Amitābha được dùng khá phổ biến. Về xuất xứ của danh hiệu A Di Đà Phật này, trong A Di Đà Kinh (阿彌陀經) do Cựu Ma La Thập (S: Kumārajīva, H. 鳩摩羅什, 344-413) dịch, có đề cập đến. Vị Phật này có ánh sáng vô lượng, tuổi thọ vô lượng, cho nên được gọi là A Di Đà Phật. Tuy nhiên, nếu căn cứ vào bản tiếng Sanskrit A Di Đà Kinh (阿彌陀經) và Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh (稱讚淨土佛攝受經), vị

Phật này có tuổi thọ vô số, ánh sáng vô biên, cho nên được gọi là Vô Lượng Thọ Phật và Vô Lượng Quang Phật. Riêng trong Bình Đẳng Giác Kinh (平等覺經) có bài kệ của A Di Đà Phật, còn trong Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh, v.v., có danh hiệu khác là Vô Lượng Thanh Tịnh Phật hiện trú tại thế giới thanh tịnh tên Cực Lạc. Kinh điển lấy tín ngưỡng A Di Đà Phật làm chủ đề có 3 bộ kinh của Tịnh Độ là Vô Lượng Thọ Kinh (S: Sukhāvativyūha-sūtra, H. 無量壽經), Quán Vô Lượng Thọ Kinh (觀無量壽經) và A Di Đà Kinh (阿彌陀經); cho nên trên cơ sở của ba kinh này Tịnh Độ Giáo được thành lập. Theo Vô Lượng Thọ Kinh, quyển thượng, trong đời quá khứ xa xưa thời đức Thế Tự Tại Vương Phật (世自在王佛) trụ thế, có vị quốc vương phát tâm vô thượng, xả bỏ vương vị xuất gia, tên là Bồ Tát Pháp Tạng (S: Dharmākara, H. 法藏, hay Tỳ Kheo Pháp Tạng). Vị này theo tu tập với Thế Tự Tại Vương Phật, phát 48 lời thệ nguyện để cứu độ chúng sanh và sau một thời gian tu hành lâu xa, ngài thành tựu bản nguyện của mình và được thành Phật. Vị Phật này chính là A Di Đà Phật. Cho đến hiện tại ngài vẫn đang thuyết pháp tại thế giới gọi là Cực Lạc (S: Sukhāvātī, H. 極樂), cách đây khoảng 10 vạn ức Phật độ về phía Tây. Ngài thường tiếp dẫn những người niệm Phật vãng sanh về cõi Tây Phương Tịnh Độ, cho nên được gọi là Tiếp Dẫn Phật. Thông thường tượng A Di Đà Tam Tôn có hai vị Bồ Tát Quan Âm (S: Avalokiteśvara, H. 觀音) và Thế Chí (S: Mahāsthāmaprāpta, H. 勢至) đứng hầu hai bên, cho nên hai vị này cùng với Phật A Di Đà được gọi là Tây Phương Tam Thánh. Theo Bát Nhã Tam Muội Kinh (般若三昧經) quyển thượng cho biết rằng đức Phật A Di Đà

có 32 tướng tốt, ánh sáng chiếu tỏa khắp, hùng tráng không gì sánh bằng. Đặc biệt, theo lời dạy trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh cho thấy rằng thân của đức Phật Vô Lượng Thọ có trăm ngàn sắc màu vàng rực như vàng Diêm Phù Đà (S: Jambūnadasuvarṇa, H. 閻浮檀) của Trời Dạ Ma (S, P: Yāma, H. 夜摩), cao 60 vạn ức na do tha (S: Nayuta, niyuta, H. 那由他) Hằng hà sa số do tuần (S, P: Yojana, H. 由旬). Giữa hai lông mi của ngài có lông mi trắng uyển chuyển xoay về bên phải, tướng lớn nhỏ của lông mi có độ cao gấp 5 lần núi Tu Di (S, P: Sumeru, H. 須彌山). Mắt của ngài trong trắng, rõ ràng, có bề ngang rộng gấp 4 lần nước biển lớn. Thân ngài có 84.000 tướng tốt, trong mỗi mỗi tướng như vậy có 84.000 ánh sáng chiếu khắp mười phương thế giới, thâm nhiếp các chúng sanh niệm Phật. Tại Tây Tạng, Phật A Di Đà được xem như hai vị Phật Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ; nếu ai mong cầu có trí tuệ thì quy y Phật Vô Lượng Quang, ai mong cầu tuổi thọ và phước lạc thì quy y Phật Vô Lượng Thọ. Trong Mật Giáo, Phật A Di Đà được xem như là Diệu Quang Sát Trí của Đại Nhật Như Lai (S: Vairocana, H. 大日如來), được gọi là Cam Lồ Vương (S: Amṛta-rāja, H. 甘露王). Trong Kim Cang Giới Mạn Trà La (金剛界曼荼羅), ngài được gọi là A Di Đà Như Lai có thân thọ dụng trí tuệ, nằm ở trung ương vòng nguyệt luân phía Tây. Thân của ngài có sắc vàng ròng, tay bắt ấn Tam Ma Địa (S, P: samādhi, H. 三摩地), chủng tử là hriḥ, mật hiệu là Thanh Tịnh Kim Cang, và hình Tam Muội Da là hoa sen. Trong Thai Tạng Giới Mạn Trà La (胎藏界曼荼羅), ngài được gọi là Vô Lượng Thọ Như Lai, nằm ở phía Tây, trong đài có 8 cánh sen. Thân ngài có sắc màu vàng trắng hay

vàng ròng, mắt nhắm lại, thân nhẹ như tà áo, ngồi xếp bằng trên tòa sen báu, tay bắt ấn nhập định, chủng tử là *sam*, mặt hiệu là Thanh Tịnh Kim Cang, và hình Tam Muội Da là hoa sen vừa mới hé nở. Tại An Lạc Lâm (安樂林), Bạch Vân Am (白雲菴), thuộc Từ Khê (慈谿), Ninh Ba (寧波), Tỉnh Chiết Giang (浙江省) có câu đối như sau: Nhất cú Di Đà hữu thể hữu tông hữu dụng, tam thiên thế giới tức không tức giả tức trung (一句彌陀有體有宗有用、三千世界即空即假即中, một câu Di Đà, có thể có tông có dụng, ba ngàn thế giới là không là giả là trung). Hay tại Phổ Đà Tự (普陀寺) ở Hạ Môn (廈門), Tỉnh Phúc Kiến (福建省南) cũng có câu đối tán thán công hạnh của đức Phật A Di Đà như: Di Đà thủ tiếp Liên Trì khách, chúng sanh tâm quy Cực Lạc bang (彌陀手接蓮池客、眾生心歸極樂邦, Di Đà tay rước Liên Trì khách, chúng sanh tâm về Cực Lạc bang). Đào Duy Từ (1572-1634) có câu thơ rằng: Những khi khói tỏ yên hà, mắng âu mây cuốn Di Đà Tây Thiên. Hay trong truyện Phan Trần cũng có câu: Tam Quy Ngũ Giới chứng tình, xem câu nhân quả niệm kinh Di Đà.

**Thanh Văn** (S: Śrāvaka, P: Sāvaka, H. 聲聞): Âm dịch là Xá La Bà Ca (舍羅婆迦), ý dịch là Tác Đệ Tử (作弟子); là một trong Nhị Thừa, Tam Thừa; chỉ cho hàng đệ tử xuất gia lắng nghe giáo pháp của đức Phật mà chứng ngộ. Đại Thừa Nghĩa Chương (大乘義章, Taishō Vol. 44, No. 1851) quyển 17, giải thích danh nghĩa Thanh Văn có 3: (1) Theo nhân duyên đắc đạo mà giải thích, nghĩa là nghe lời dạy của đức Phật mà giải ngộ đắc đạo, nên được gọi là Thanh Văn; (2) Theo pháp môn quán sát mà giải thích, như Thập Địa Kinh Luận (十地經論, Taishō Vol. 26, No. 1522) quyển 4 dạy rằng

ngã, chúng sanh, v.v., đều có tên, nên được gọi là thanh (âm thanh, tiếng); nhờ âm thanh mà giải ngộ, nên gọi là Thanh Văn; (3) Nhân sự lợi lạc hóa độ tha nhân mà giải thích, như trong Phẩm Tín Giải của Kinh Pháp Hoa dạy rằng nhờ Phật đạo nghe mà khiến cho tất cả được nghe, nên gọi là Thanh Văn. Trong 3 giải thích trên, hai giải thích đầu là thanh văn của Phật Giáo Nguyên Thủy; loại thứ ba là Bồ Tát, tùy nghi mà gọi là Thanh Văn. Nguyên lai, Thanh Văn chỉ cho các đệ tử của đức Phật khi còn tại thế, về sau đối với Duyên Giác, Bồ Tát mà thành ra Nhị Thừa, Tam Thừa. Thanh Văn là vị quán lý Tứ Đế, tu 37 phẩm trợ đạo, đoạn hai hoặc kiến và tu, rồi dần dần chứng được 4 quả Sa Môn, và nhập vào Vô Dư Niết Bàn (無餘涅槃). Thanh Văn Thừa (聲聞乘) là giáo pháp chuyên thuyết về Thanh Văn. Thanh Văn Tạng (聲聞藏) là kinh điển điển dương giáo thuyết của Thanh Văn. Trong các kinh luận, Thanh Văn có hai loại, 3 loại, 4 loại, 5 loại. Theo Phẩm Vô Tự Tánh Tướng (無自性相品) của Giải Thâm Mật Kinh (解深密經, Taishō Vol. 16, No. 676) quyển 2, có 2 loại Thanh Văn là Nhất Hướng Thú Tịch Thanh Văn (一向趣寂聲聞) và Hồi Hướng Bồ Đề Thanh Văn (迴向菩提聲聞). Nhập Lăng Già Kinh (入楞伽經, Taishō Vol. 16, No. 671) quyển 4 lại nêu ra 3 loại Thanh Văn khác là Quyết Định Tịch Diệt Thanh Văn (決定寂滅聲聞), Phát Bồ Đề Nguyên Thiện Căn Danh Thiện Căn Thanh Văn (發菩提願善根名善根聲聞), Hóa Ứng Hóa Thanh Văn (化應化聲聞). Du Già Sư Địa Luận (Taishō Vol. 30, No. 1579 瑜伽師地論) quyển 73 lại nêu ra 3 loại khác: Biến Hóa Thanh Văn (變化聲聞), Thệ Nguyên Thanh Văn (誓願聲聞), Pháp Tánh Thanh Văn (法性聲聞). Trong Diệu Pháp



Liên Hoa Kinh Ưu Ba Đề Xá (妙法蓮華經憂波提舍, Taishō Vol. 26, No. 1519) quyển Hạ, Thế Thân (s: Vasubandhu, 世親) chia Thanh Văn làm 4 loại là Quyết Định Thanh Văn (決定聲聞), Tăng Thượng Mạn Thanh Văn (增上慢聲聞), Thối Bồ Đề Tâm Thanh Văn (退菩提心聲聞), Ứng Hóa Thanh Văn (應化聲聞). Bên cạnh đó, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú (妙法蓮華經文句, Taishō Vol. 34, No. 1718) quyển 4 chia Thanh Văn thành 5 loại, gồm: (1) Quyết Định Thanh Văn (決定聲聞), nghĩa là tu tập tiểu thừa đã lâu, muôn kiếp đạo chín muồi mà chứng đắc quả nhỏ; (2) Thối Bồ Đề Tâm Thanh Văn (退菩提心聲聞), vị này vốn tu tập Đại Thừa, muôn kiếp tu đạo, tuy nhiên giữa chừng vì chán ghét sanh tử mà thối đạo tâm lớn, chỉ chứng quả nhỏ thôi; (3) Ứng Hóa Thanh Văn (應化聲聞), nghĩa là các Bồ Tát vì hóa độ hai loại Thanh Văn vừa nêu, nên bên trong thì có đủ hạnh của chư Phật Bồ Tát, ngoại hình thì hiện thân Thanh Văn, để khuyến dụ hàng Tiểu Thừa, khiến cho nhập vào Đại Thừa; (4) Tăng Thượng Mạn Thanh Văn (增上慢聲聞), nghĩa là vì chán ghét sanh tử, vui mừng Niết Bàn, tu tập pháp Tiểu Thừa, chứng đắc pháp nhỏ mà đã thấy đầy đủ, chưa đạt mà cho đã đạt, chưa chứng mà bảo đã chứng; (5) Đại Thừa Thanh Văn (大乘聲聞), vị này lấy âm thanh của Phật đạo, khiến cho hết thảy người được nghe không trú vào thành hóa hiện (tỷ dụ cho cõi Niết Bàn của Tiểu Thừa), mà thấy đều quay về với lý của thật tướng Đại Thừa. Ngoài ra, trong các kinh điển của hệ A Hàm thuộc Phật Giáo Nguyên Thủy, từ Thanh Văn đều chỉ chung cho hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia. Về sau, khi giáo đoàn Phật Giáo được xác lập, từ này được dùng chủ yếu chỉ cho các

tăng sĩ xuất gia tu hành. Trong Vạn Thiện Đồng Quy Tập (萬善同歸集, Taishō Vol. 48, No. 2017) quyển Trung có đoạn: Tu Phạm hạnh, đoạn trần tập chi căn nguyên; hiện bệnh hạnh, khế Thanh Văn chi hóa thành (修梵行、斷塵習之根源、現病行、憩聲聞之化城, tu Phạm hạnh, dứt tập khí ấy nguồn căn; hiện bệnh hạnh, nghỉ Thanh Văn ấy hóa thành).

Đạo tràng (道場): Nơi thờ Phật, có pháp Phật, có chư Tăng, Ni ở, người ta thường gọi là chùa, tự viện Phật giáo. Cũng gọi Phạm Vũ, Phạm Cung, Tăng Già Lam vì nơi đó sanh phước lành. Còn nhiều nghĩa như: Nhà tịnh trụ: Chỗ an trụ trong sạch. Nhà xuất thế gian: Nơi tu đạo xuất thế. Tịnh xá: Chỗ ở thanh tịnh, Vườn thanh tịnh vô cực, Cõi sạch kim cang, Đạo tràng vắng lặng, Chỗ phụng thờ trang nghiêm. Chỗ xa lánh sự ác: Chỗ không có ác đạo. Chỗ nương gần bạn lành. Đất vô vi: Chỗ các pháp không tướng. Là cửa không, là bốn tâm, là bốn tánh, là Phật tánh không nhiễm ô...

Phạm Vũ (梵宇): Cũng gọi Phạm cung (梵宮), Phạm sát (梵刹), nghĩa là chùa, tự viện Phật Giáo (佛教寺院). Phạm hay Phạm ngữ (S: Brahman) nghĩa là Tịch tĩnh (寂靜), Thanh tịnh (清淨), Ly dục (離欲); cho nên nơi tịch tĩnh dành cho các vị xuất gia tu hành thanh tịnh, ly dục, được gọi là Phạm vũ, Phạm cung hay Phạm sát. Như trong Tục Thanh Lương Truyện (續清涼傳 Taishō Vol. 51, No. 2100) quyển hạ có đoạn: Quyển thuộc vạn nhân chi thường tại, Kim sắc thế giới, Thiên Long Bát Bộ chi đồng cư, khẩu Phạm vũ dĩ tán minh, kí đạo sư chi chứng sát (眷屬萬人之常在, 金色世界天龍八部之同居, 叩梵宇以贊明, 冀道師之證察. Quyển thuộc vạn người vẫn còn đó, thế giới sắc vàng. Trời Ròng Tám Bộ

cùng sống chung, gõ cửa Thiền để tán dương, mong đạo sư thăm chứng giám). Hay trong Cao Phong Long Tuyền Viện Nhân Sư Tập Hiền Ngữ Lục (高峰龍泉院因師集賢語錄 Tục Tạng Kinh Vol. 65, No. 1277) quyển 14, phần Khởi Kiến Hoa Nghiêm Các Sớ (起建華嚴閣疏) có câu: Thánh Hưng Đường thành dĩ tráng thử phương chi phong thái. Hoa Nghiêm Các tự trùng tăng Phạm vũ chi quang huy, bất duy tái chỉnh ư cao môn, nhưng sử nhất tân ư đại giáo (聖興堂成已壯此方之風彩, 華嚴閣就重增梵宇之光輝, 不惟再整於高門, 仍使一新之大教. Nhà Thánh Hưng thành hoành tráng phương này bao phong thái, Góc Hoa Nghiêm lại tăng thêm tự viện rực hào quang, không chỉ chỉnh đốn lại môn phong, còn giúp cách tân cho giáo pháp). Trong bài Vịnh Hà Trung Tự Thi (詠河中寺詩) của cuốn Hải Ngoại Ký Sự (海外記事) do Tổ Thạch Liêm (石濂 1633 - 1722, tức 釋大汕 Thích Đại Sán) sáng tác có đoạn: Lục liễu thùy thùy ẩn Phạm cung, chung thanh điều đệ mẫn hà phong (綠柳垂垂隱梵宮, 鐘聲迢遞滿河風. Nép bóng chùa xưa liễu xanh non, tiếng chuông xa vắng theo gió sông); hay tả cảnh chùa Linh Mục (靈姥寺) ở cố đô Huế như: Phạm vương cung khuyết Nguyễn vương khai, ngọc điện châu môn sanh lục đài (梵王宮闕阮王開, 玉殿朱門生綠苔. Chùa xưa cung gác chúa Nguyễn khai, điện ngọc lầu son phủ râu đài).

**Tán Lư Hương.** Theo truyền thuyết có một vị tên là Hương Vân Cái... Ngài có lập thệ nguyện: Trong 10 phương quốc độ, nếu có chúng sanh nào muốn dùng mùi hương dâng cúng dường chư Phật, thì tôi sẽ thay thế họ, biến những khói hương đó thành ra những đám mây hương bay đến khắp

tất cả quốc độ, thay thế họ để cúng dường khắp tất cả chư Phật, và sẽ dùng sức thần thông cùng bản nguyện, ngầm gia hộ cho đó sớm được thành tựu căn lành, chứng hương vị bồ đề vô thượng.

Vì thế cho nên, trong các chốn thiền môn và mọi khóa lễ... sau khi đọc xong lời nguyện hương, đều đồng xưng niệm danh hiệu của ngài là vậy.

無上甚深微妙法百千萬億劫難遇  
我今見聞得受持願解如來真實義。

Trong cùng Soạn giả Luận Đường Về Tịnh Độ (往生淨土論), quyển 3, nói về Vô Tự Chân Kinh (無字真經。不立文字, 教外別傳, 以心印心, 名爲無字。) có đoạn: Hành giả tịnh tu thành tựu Giới Định Huệ vô lậu là thể nhập Chơn thật nghĩa của Như Lai (如來真實義); nói một cách khác qua Bốn Diệu Pháp: Xảo diệu pháp (Phương tiện Diệu pháp), Thắng diệu pháp (Thù thắng Diệu pháp), Vi diệu pháp (Vi diệu Diệu pháp) và Tuyệt diệu Diệu pháp (不可思議 不可思議 不可思議 Diệu pháp). Dựa trên cơ sở đó, đi vào Không – Vô tướng – Như thật pháp môn. Như Đường Tam Tạng hay Pháp Sư Trần Huyền Trang, qua truyện Tây Du đã diễn tả, ở hồi thứ 98 :

Độc Mộc kiêu Tiếp Dẫn đưa đò  
Lăng Vân độ Đường Tăng bỏ xác.

Nhìn lại hồi đầu phát tâm Bồ Đề, tức Tề Thiên cầu học với Bồ Đề Tổ Sư (祖師菩提) nơi Tam Tinh Tà Nguyệt Động (台方寸山, 斜月三星洞), thì không nhắc đến là có hay không về Tứ đại Ngũ uẩn thân. Nhưng muốn vượt thoát, ái

hà thiên xích lãng đến Đại Lô Âm tự gặp Phật thỉnh pháp, thì phải xả tứ đại, ngũ uẩn thân. Đồng thời, dù đã đắc pháp Tam Muội, Thiền Định và Trí tuệ Ba la mật; nhưng truyện diễn tả Ngài Huyền Trang, đã rất ngại không dám bước lên Độc Mộc Kiều (獨木橋, 直只真心, 見性成佛. Trực chỉ chơn tâm, Kiến tánh thành Phật), đồng nghĩa bản thân không thể tự lực giải thoát mà cần phải nương nơi tha lực của Phật A Di Đà (接引道師, 阿彌陀佛), chấp nhận bước lên thuyền Bát Nhã để Tiếp Dẫn làm người lái đò, đưa đến chỗ thể nhập Thế giới Phật. Thuyền Bát Nhã (般若船) ấy được cổ nhân diễn tả:

Thuyền này chỉ chở Thiền không  
Đi bằng Bát Nhã nên không chở người.

Nếu tâm chưa hoàn toàn thanh tịnh, thì không thể tu tập các pháp hành rốt ráo Ba La Mật (波羅蜜), còn chấp vào Tứ đại, Ngũ uẩn, thân ta thì không thể bước lên thuyền Bát Nhã, mà trạo phu là Tiếp Dẫn Đạo Sư (Đức Phật A Di Đà). Ngài Huyền Trang ở đây đã đạt đến chỗ mà Bồ tát Quán Tự Tại (觀自在菩薩) dạy: Hành thâm Bát nhã Ba la mật, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách (行深般若波羅蜜多時。照見五蘊皆空。度一切苦厄。). Nên Ngài thấy thân mình như thân người chết giữa dòng, tức bỏ thân Ngũ uẩn, Tứ đại (Ngũ uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức uẩn (五蘊: 色受想行識蘊). Tứ Đại: Địa, thủy, hỏa, phong đại (四大: 地水火風大); hay Thất đại: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức) này lại nơi trung lưu kiết sử ái hà ràng buộc, rời bờ bên này khổ đau luân hồi sanh tử, sang bờ bên kia Tịnh độ Niết bàn, an lạc giải thoát. Đây chính là ý nghĩa Không, Vô tướng, là Chân thật pháp môn, là Vô Tự chân

kinh, là Bất khả tư nghi giáo pháp.

Việc trở lại nước Đại Đường, sau đó mới thành chánh quả của Thầy trò Tam Tạng, cũng là thâm ý trong Luận Phát Bồ Đề Tâm (發菩提心論, 世親菩薩造) của Bồ Tát Thế Thân, trong phẩm Công Đức Trì thứ 12 (功德持品第十二) đã dạy: Là vì tu tập thiện căn Bồ đề nên Bồ Tát biết tác nghiệp và đối với nghiệp tướng vẫn cố làm; vì thâm tâm cầu Bồ đề đạo quả mà chẳng xả hữu vi; vì tu Đại Bi tâm mà chẳng trụ vô vi; vì cầu Trí tuệ Phật nên bất xả sanh tử; vì để độ nhứt thiết chúng sanh nên chẳng trụ Niết bàn (菩薩具足修無相心。而心未曾住於作業。是菩薩於諸業相知而故作。為修善根求菩提故不捨有為。為諸眾生修大悲故不住無為。為一切佛真妙智故不捨生死。為度無邊眾生令無餘故不住涅槃。是名菩薩摩訶薩深心求阿耨多羅三藐三菩提)。 Đây là công đức tu tập cũng là bốn tích Bồ Tát hạnh dẫn đến thành tựu Bồ đề đạo quả.

**Kỳ Hoàn Tinh xá** (S. Śravastī, P. Jetavanavihara, H. 祇洹精舍, 祇園精舍): 全称, 祇树给孤独园, 胜林给孤独园, 亦简称, 祇園精。古印度佛教圣地之一。 Còn gọi là Kỳ Viên Tinh xá (祇園精舍), là tên gọi của tinh xá nằm ở thành Xá Vệ (S. Śravastī, P. Savatthi, H. 舍衛), kinh đô của nước Kiền Tát La (橋薩羅) vào thời Ấn Độ cổ đại. Lúc bấy giờ Trưởng giả Tu Đạt Đa (P. Sudatta, H. 須達) Còn có tên là (給孤獨) ở thành Xá Vệ mua khu vườn của Thái tử Kỳ Đà (P. Jeta, H. 祇陀) để xây dựng tu viện cho giáo đoàn Đức Phật. Tên gọi Kỳ Viên vốn xuất phát từ truyền thuyết này.

Đức Phật đã trải qua hơn 20 năm, vào cuối đời ngài ở tại đây và 7, 8 phần kinh điển hiện tại đều được ngài thuyết

giảng tại nơi này. Tuy nhiên, ngay sau khi Đức Phật diệt độ, thì Tinh xá này bị suy tàn. Về sau khi ngài Pháp Hiển (法顯. 337 – 422): Vị Tăng đời Đông Tấn (東晉. 317 – 420), người xứ Vũ Dương, Bình Dương (Sơn Tây), họ Cung, hoặc nói rằng sư sinh tại Đông Tấn Hàm Khang thứ 6 (340). Sau đó do cảm thán Tăng đoàn và Kinh Luật tàn khuyết, liền cùng với đồng học là Huệ Cảnh, Đạo Chính, Huệ Ứng, Huệ Ngôi... đến Thiên Trúc Cầu Pháp, lúc đó ngài Pháp Hiển tuổi khoảng 60. Thời gian mất 10 năm, đi qua 30 nước, mang về nước rất nhiều Phạn bản kinh Phật. Năm Nghĩa Hy thứ 9 (413), từ Tô Môn Đạp Lạp (Sumatra) trở về nước. Hay ngài Huyền Trang (玄奘. 602 – 664), ngài Nghĩa Tịnh (義淨. 635 – 713) vào Thế kỷ 7, Nhập Trúc Cầu Pháp thì Tinh xá đã hoàn toàn hoang phế. Hiện tại nó chỉ còn là Di tích rất rộng lớn ở phía Nam vùng Sahet-Maheth thuộc tiểu bang Uttar Pradesh.

Trong quyển Phật Thuyết Văn Thù Sư Lợi Bát Niết Bàn Kinh (佛說文殊師利般涅槃經. Taishō Vol. 14, No. 463) do cư sĩ Nhiếp Đạo Chơn (聶道真) nhà Tây Tấn (西晉) dịch có đoạn: Nhĩ thời Thế Tôn từ tam muội khởi, tức tiện vi tiểu, hữu ngũ sắc quang từ Phật khẩu xuất, thử quang xuất thời, Kỳ Hoàn Tinh Xá biến thành lưu ly. (爾時世尊從三昧起, 即便微笑, 有五色光從佛口出, 此光出時, 祇洹精舍變成琉璃。) Bấy giờ Thế Tôn từ tam muội khởi, bèn mỉm cười có ánh quang năm sắc từ nơi miệng Phật phóng ra, khi ánh sáng này xuất ra, Kỳ Hoàn Tinh Xá biến thành ngọc Lưu ly.

Hay như trong Trung Thiên Trúc Xá Vệ Quốc Kỳ Hoàn Tự Đờ Kinh (中天竺舍衛國祇洹寺圖經. Taishō Vol. 45, No. 1899) phần Trung Thiên Trúc Xá Vệ Quốc Kỳ Hoàn Tự Đờ Kinh

Tự (中天竺舍衛國祇洹寺圖經序) lại có đoạn đề cập đến Kỳ Hoàn Tinh xá như sau: Vãng giả Thích Tôn tại Đào Lợi Thiên, thử tượng tại điện vi chư Tỳ kheo giáo giới thuyết pháp, nãi chí chư vương chi bất kiến Phật tư mộ Thích Ca, thử tượng vi vương tam độ thuyết pháp; Kỳ Viên sơ lập giới đàn, thành thời thử tượng lãnh tiền đồ chúng, chí giới đàn sở nhiễu tam tráp dĩ, bộ bộ giai sanh kim sắc thiên diệp liên hoa; mỗi thọ giới thời hoa tự nhiên khai, trung hữu thiên đồng tấu ư thiên nhạc. (往者釋尊在忉利天，此像在殿爲諸毘丘教戒，說法乃至諸王之不見佛思慕釋迦，此像爲王三度說法。祇園初立戒壇，成時此像領前徒衆，至戒壇所遶三匝已，步步皆生金色千葉蓮花，每受戒時花自然開，中有天童奏於天樂) Xưa kia khi đức Thích Tôn tại cung trời Đào Lợi, tượng này tại chánh điện vì các Tỳ kheo mà dạy bảo, thuyết pháp, cho đến các vua không thấy được Phật, nhớ nghĩ đến Thích Ca, tượng này cũng vì vua thuyết pháp ba lần; lúc ban đầu Kỳ Viên Tinh xá mới lập giới đàn, khi hình thành tượng này dẫn các đồ chúng trước đây, đến giới đàn nhiễu quanh ba vòng xong, từng bước đều sanh hoa sen ngàn cánh có màu vàng kim; mỗi khi thọ giới, hoa ấy tự nhiên nở ra, bên trong có thiên đồng tấu khúc nhạc trời.

Dựa trên cơ sở này mà chúng ta được biết, Giới Đàn được kiến lập đầu tiên tại Tinh xá Kỳ Viên (精舍祇園). Như trong quyển Thích Thị Yếu Lãm (釋氏要覽. Taishō Vol. 54, No. 2127) quyển Thượng có ký lục sự việc của Bồ Tát Lô Chí (菩薩婁至) thỉnh ý đức Phật xin thiết lập giới đàn cho chư vị Tỳ kheo thọ giới và được Phật hoan hỷ chấp thuận: Tây Thiên Kỳ Viên, Tỳ kheo Lô Chí thỉnh Phật lập đàn, vì Tỳ kheo thọ



giới Như Lai ư viên ngoại viện Đông Nam trí nhất đàn, thủ vi thí dã. (西天祇園，比丘樓至請佛立壇，爲比丘受戒如來於園外院東南置一壇，此爲始也) Kỳ Viên ở Tây Thiên, Tỳ kheo Lâu Chí xin Phật thiết lập giới đàn để truyền thọ giới cho Tỳ kheo; đức Như Lai thiết lập một đàn ở phía Đông Nam ngoài Kỳ Viên; đây là (giới đàn trước nhất, truyền thọ giới Tỳ kheo) khởi đầu.

### **Tóm tắt ý nghĩa thời Công Phu Chiều:**

Rạng sáng mai là nghĩa rằng tâm hồn vẫn còn suốt phẳng làm chủ; còn ban chiều là dùng ý rằng hướng về Tịnh độ làm chủ. Chính bởi con người ai cũng có nghiệp chướng từ nhiều kiếp, nên khi tu hành có công dụng tiến bộ, liền có Ma chướng thử thách. Thế, nếu không có cái tâm tinh thành để trấn tĩnh, thì dễ gì dẹp điều chướng, xua loài ma.

Nếu buổi chiều, với điều hơn hết là, gom góp những việc lành đã làm vừa rồi, để chỉ quy về Tịnh độ, khá gọi làm công nơi đầu, gom đức nơi cuối. Nên thời Kinh chiều: Bắt đầu tụng Kinh A Di Đà, là để cho tỏ được cái cảnh Chánh báo là căn thân, Y báo là quốc độ của nước Cực Lạc, và đặc biệt khuyên người chuyên tâm niệm Phật để làm chánh nhơn, thế chính là muốn cho chúng sanh chán lìa cái cảnh toàn ố của thế giới Ta bà, ham lấy cái cảnh toàn tịnh của thế giới thanh thái.

Tụng Chú Vãng Sinh tức là hy vọng Đức A Di Đà đến trụ trên đỉnh đầu của ta, để gia bị cho ta nhổ gốc rễ của nghiệp chướng, và chứng nhận cho ta được quả quyết định vãng sinh.

Mặc dầu thế, người hành đạo như chúng ta, tâm lý nó vẫn còn nhiều vọng tạp lắm, nên với nghiệp chướng từ vô thủy, chẳng dễ gì chỉ tụng vài biến chú ấy mà có thể bạt trừ liền sạch đi được, huống vì còn những tạp khí của nghiệp chướng, và vọng niệm lúc trì niệm, thành thử phải y theo văn Hồng Danh Bửu Sám mà phát nguyện rằng: Con nay phát tâm lòng sám hối đây, chẳng phải vì cầu cho con sẽ hưởng phước lớn giàu sang, làm người hay trời đặng hưởng phước báo, cho đến quả vị Thánh văn, Duyên giác... mà chỉ nguyện cho con và cả chúng sanh trong pháp giới đồng đắc quả Phật. Phát nguyện như thế rồi, xưng tụng 88 danh hiệu Phật, để sám hối tất cả tội căn nghiệp chướng từ vô thủy đến nay.

Kế tụng bài kệ 10 đại nguyện của đức Phổ Hiền, là để bổ sung lại lời phát nguyện trước, ngõ hầu đặng Tục đế dung thông với Chơn đế, cũng như đặc pháp Tam muội của Phật trí, thì tất cả pháp môn tu tập đều in hiện tượng vào biển trí ấy, tỷ như tất cả sự vật gì, cũng đều in hiện tượng vào biển cả, nên nói đặc hai Đế dung thông, cũng như hiện tượng in thông vào biển. Thế là tỏ nghĩa cứu cánh rằng cảnh hiệp tâm, tha hiệp tự, dẫn đến thành tựu Tâm và Cảnh là một.

Tiếp theo tụng bài Mông Sơn, thiết lễ thí thực, để rộng ra tế độ các hàng đẳng chúng Cô hồn nơi âm cảnh. Thế là tỏ nghĩa rộng lớn rằng: Chẳng những dương thái, mà còn nguyện âm siêu, kể còn người mất đều được phổ độ.

Kế tụng Chú Bát Nhã Tâm Kinh là, để biết rằng: Tỏ được lẽ tội phước đều vô chủ, hơn pháp đều vô tướng, mới rõ thấu được cái tướng chân thật, vì “thật tướng” nó phi như

tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh và tướng thọ mạng, bởi các tướng ấy đều có diệt, vì có sanh, còn Tướng thật thì không diệt, vì nó không sanh, vậy cái bất sanh bất diệt, mới là Tướng chân thật.

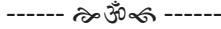
Kế tụng Chú Vãng Sinh là lặp đi lặp lại để nhờ Đức A Di Đà rọi hào quang đến đỉnh đầu ta để hộ niệm cho ta, để cho Chú Vãng Sinh được hiệu lực rằng: Đối lục đạo làm Tịnh độ, khiến hữu tình hay chúng sanh liền chứng lên bậc Thập địa Bồ-tát.

Kế đến Niệm Phật Hồi Hướng, để khể thủ lấy lễ thật chứng; đến rốt lại cũng kết thúc về Tam quy là: Từ thủ chí chung, việc công tác này có bao phép lành, mỗi mỗi đều tập trung về ngôi Tự tánh Tam Bảo, để nguyện cho pháp giới chúng sanh đồng phát khởi cái tâm Vô thượng Bồ Đề, thâm nhập vào trí Phật tròn đủ hạnh lành, biết tất cả chúng chủng.

Thời Công Phu khuya vào ngày Sóc, Vọng sau khi Niệm danh hiệu đức Thích Ca kinh hành, có lễ Chúc Thánh Nghi, là nguyện cầu đức Hộ Pháp Vi Đà, cho đến các hàng Chư thiên Bát bộ, các thần Hộ giáo Già Lam, để nhờ các Ngài ủng hộ ngôi Tam Bảo, và ngăn dẹp những ma chướng bên ngoài, đặng giữ chánh đạo bên trong.



## CHÚ THÍCH HÁN VĂN



阿彌陀經（梵：Sukhāvātī-vyūha）或稱小無量壽經、稱讚淨土佛攝受經，大乘佛教經典之一，為淨土宗所尊崇，被列為淨土三經之一。

大正新脩大藏經第 10 冊 No. 0293 大方廣佛華嚴經入不思議解脫境界普賢行願品。

梵文譯漢版依時代、人物之翻譯順序：

後秦（姚秦）：鳩摩羅什譯佛說阿彌陀經一卷

劉宋：求那跋陀羅譯小無量壽經一卷。（早已散佚，今僅存拔一切業障根本得生淨土陀羅尼往生咒咒文及利益文。）

唐朝：玄奘譯稱讚淨土佛攝受經 一卷。其中以鳩摩羅什譯本最為簡潔流利廣泛流傳於東亞各國。

早殿

全寺僧众于每日清晨(约在寅丑之间)齐集大殿，念诵楞严咒、大悲咒、十小咒、心经等各一遍。其中楞严咒为一堂功课，大悲咒、十小咒、心经为一堂功课，故通常又称为“两堂功课”。楞严咒全称大佛顶首楞严神咒，为日课之首。在念楞严咒之前，一般还要先诵与此相关连的阿难赞佛发愿偈十八句。有寺院规定在事忙时可以不念楞严咒这堂功课，而在节日、祝釐、祈祷、荐亡中，则必须念诵。念诵楞严咒之后，按照规定顺序念诵大悲咒、十小咒和心经，但有多数寺院亦不诵大悲咒

和十小咒，而直接诵心经。心经全称为般若波罗蜜多心经，唐玄奘译，为大部般若之中心，赅六百卷经义，所以名为心经。心经诵毕，唱颂整个般若部的总题“摩诃般若波罗蜜多”三称，然后唱“上来现前清净众，讽诵楞严秘密咒”等十二句回向偈，再唱赞佛偈八句，最后念佛号绕行，归位后称“三菩萨”，如是早殿正文完毕。

### 晚殿

主要念诵佛说阿弥陀经、礼佛大忏悔文和蒙山施食，通常合称为“三堂功课”。晚殿首先诵佛说阿弥陀经，又名一切诸佛所护念经，是净土宗的主要经典之一，经后附诵拔一切业障根本得生净土陀罗尼（往生咒）三遍。其次诵礼佛大忏悔文，此文是宋不动依三十五佛名礼忏文整理，前增五十三佛，后缀法界藏身阿弥陀佛和普贤十大愿偈，共成一百零八顶礼，以表愿断一百零八烦恼之意。按规定，诵礼佛大忏悔文应行礼拜，但实际上除了个人如法礼诵而外，在寺院里多是跪诵而不礼拜。最后诵蒙山施食，并同时行施食仪，即将于中午斋食中取出的少许饭粒施给饿鬼，以达到及幽冥之目的。然后，再诵回向，加赞偈念佛，称“三菩萨”，如是晚殿正文完毕。在一般寺院中，晚殿三堂功课在实际施行中通常是单日念佛说阿弥陀经，双日念礼佛大忏悔文，蒙山施食则是每日均要念诵的。

### 总结

总之，它是在汉传佛教发展的历史中，历经唐宋元明清的一些高僧大德，通过自己的传承实证以撰集、修

订、充实而逐渐定型，并成为十方丛林法定的必修课。它是汉传佛教中圆融大小乘、圆融显密教较为完整如法的修持仪轨，主要是为佛寺僧团集体修持用的。这个课本在“缘起性空”的理论与“上供下施”的实践结合上把僧人的修持纳入了日常的生活和日常的法事活动中，通过规范化的仪轨修持、早晚念诵、六时禅观，再配合参禅、念佛、诵经、听讲、修法等等其它法门的修持，不断增加闻思修行，不断加持戒定慧力，不断清除贪嗔痴障，不断熏修八识种子，日积月累，念兹在兹，功夫逐步深入，层次逐步提高，境界逐步实证，渐修顿悟，改造身心，便可逐步做到在生活中了生死，而又在了生死中生活，弘法利生，自觉觉他，圆满功德，成就悉地。所以它能历千年而传承至今，特别是在北宋以后，唐密两部大法失传，但其中重要的陀罗尼，也赖课诵本（当然还应包括《瑜伽焰口本》等）而广为流传至今。所以对这部《朝暮课诵》本，不但要视同法宝，殷勤尊重它，而且更要奉如法轨，如法修持它，本小居在此基础上又加入密法、净土有关的课诵，从而圆满万行，导归净土。

### 念诵要领

课诵后来演变成音乐性质，忽略了它实际的修行，其实在念诵中有很大大修行作用。

因为人身体障碍、四大的老化全在一口气，所谓习气也是一口气，习气不能转化就是气质不能转化。气质是个真东西，它不改善，身上情爱欲、业力就难克服。这所谓“气”，不是呼吸之气，但要转化它，倒先要从

呼吸之气开始。

佛教的念诵有开口念诵、莲花念诵、金刚念诵、瑜伽念诵。这四种方法：

开口念诵，莲花念诵，金刚念诵，瑜伽念诵。

### 心经

摩诃般若波罗蜜经所说义理在发挥菩萨三三昧相应行中以空相应为第一，行空相应菩萨即不堕二乘，而能严净佛土，成就有情，疾得无上正等正觉。本经依据此义，以行深般若波罗蜜多为空相应行。更进而说由空无所得为方便，遣五蕴执，契证实相。全经文句简约而赅摄般若甚深广大之义，得其心要，故名为《心经》。至于全经结构，先明能观智，即深般若；次辨所观境，即显示诸法实相即空相，遮遣蕴、处、界、缘生、四谛、智、断诸法执；后显所得果，先之以得涅槃果，次之以得菩提果，阐明诸佛皆依甚深般若观慧相应无所得实相，而得一切智智之义。又本经首尾都说到般若能度苦厄，明般若之出现世间，乃为除世间一切苦，亦即大经所赞叹菩萨行般若波罗蜜多，心念慧益一切众生，当以一切智智知一切法，度脱一切众生，除佛智慧，过一切声闻、辟支佛上等等殊胜功德。

### 阿弥陀经

姚秦三藏法师鸠摩罗什译，净土三部经之一。此经略说西方净土依正庄严等事，令人执持名号，一心不乱，即得往生，最为切要。



## 大忏悔文

本大忏悔文是由宋不动法师结合汉藏两地忏悔仪轨之精华，撷取《观药王药上二菩萨经》、《决定毗尼经》、和《普贤行愿品》十大愿偈一部分，集辑而成，是汉地最常见的一种忏悔仪轨。文中把无始劫来以至今日，自作、教他作、见作随喜所有身口意之罪业悉数发露忏悔，并请诸佛加被证明，以达到罪业清净目的。

## 蒙山施食

不动法师之所以要辑这个《蒙山施食仪》，是因为他觉得前面既然已经诵过了弥陀经，修了大忏悔，活着的人已经得到利益了，那还应该要利益六道众生，普利幽冥，因此他就依据秘密部中水施食法，以及救拔焰口饿鬼经等，集成了这个《蒙山施食仪》，想要令后学与幽冥众生普结无生之缘。

## 回向仪

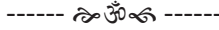
回向仪是由二时回向文，及三归依等部分所组成。二时回向文是别，三归是总。二时回向文有四篇，前二是别回向极乐净土，后二是总回向法界三宝，若总若别，俱使发二利心，愿求实证意思。

## 祝赞仪

祝赞，又叫做祝厘，是祈祷护法诸神，兼报恩意思。本来僧人如果修行精进，持戒精严，自有护法诸神，护戒诸天拥护，诸魔横事不敢扰乱。然末法时代，僧行浇漓，自致横事多端，诚斯谓可怜悯者。好在韦陀等护法诸神，亲承佛嘱，拥护伽蓝，其心戚戚，修行者

若遇灾难，诚心祈祷，必将得到他们护佑。祖师等，传佛心印，轨导后学，恩德莫穷。监斋菩萨，是众食所赖，五祀之一，因此，朔望、或四斋日，当祝赞来报恩。

## LƯỢC GIẢI KINH A DI ĐÀ



### 佛說阿彌陀經

Đức Thích Ca Mâu Ni thuyết kinh A Di Đà: Chỉ rõ y báo, chánh báo của đức Phật A Di Đà có vô lượng công đức thanh tịnh trang nghiêm, để khuyên chúng sanh tu pháp Trì Danh Niệm Phật được vãng sanh lên bậc Bất Thoái, vì có chư Phật ở sáu phương hộ niệm và chư Thượng thiện nhưn đề huề. Những Kinh chuyên nói về pháp tịnh độ là: Kinh Đại bốn Di Đà, kinh Thập Lục Quán và các nghĩa của kinh Tiểu bốn Di Đà này, thấy đều khắp gồm thâu hết ba căn cơ là trình độ những người tu học.

**A Di Đà Phật** (S: Amitāyus, Amitābha; T: Dpag-tu-med, Dpag-yas, J: Amidabutsu, H. 阿彌陀佛): Tôn danh của một vị Phật rất quan trọng trong Phật Giáo Đại Thừa, giáo chủ của thế giới Tây Phương Cực Lạc, còn gọi là A Di Đa Phật (阿彌多佛), A Nhi Đa Phật (阿弭跢佛), thường được gọi là A Di Đà Phật hay A Di Đà Như Lai, gọi tắt là Di Đà. Nguyên bản Sanskrit có hai chữ: Amitāyus có âm dịch là A Di Đa Sưu (阿彌多度), nghĩa là người có thọ mạng vô hạn hay vô lượng thọ; còn Amitābha có âm dịch là A Di Đa Bà (阿彌多婆), là người có ánh sáng vô hạn hay vô lượng quang; nhưng cả hai đều được phiên âm là A Di Đà. Trên thực tế, nguyên ngữ Amitābha được dùng khá phổ biến. Về xuất xứ của danh hiệu A Di Đà Phật này, trong A Di Đà Kinh (阿彌陀經) do Cựu

Ma La Thập (S: Kumārajīva, H. 鳩摩羅什, 344-413) dịch, có đề cập đến. Vị Phật này có ánh sáng vô lượng, tuổi thọ vô lượng, cho nên được gọi là A Di Đà Phật. Tuy nhiên, nếu căn cứ vào bản tiếng Sanskrit A Di Đà Kinh (阿彌陀經) và Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh (稱讚淨土佛攝受經), vị Phật này có tuổi thọ vô số, ánh sáng vô biên, cho nên được gọi là Vô Lượng Thọ Phật và Vô Lượng Quang Phật. Riêng trong Bình Đẳng Giác Kinh (平等覺經) có bài kệ của A Di Đà Phật, còn trong Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh, v.v., có danh hiệu khác là Vô Lượng Thanh Tịnh Phật hiện trú tại thế giới thanh tịnh tên Cực Lạc. Kinh điển lấy tín ngưỡng A Di Đà Phật làm chủ đề có 3 bộ kinh của Tịnh Độ là Vô Lượng Thọ Kinh (S: Sukhāvativyūha-sūtra, H. 無量壽經), Quán Vô Lượng Thọ Kinh (觀無量壽經) và A Di Đà Kinh (阿彌陀經); cho nên trên cơ sở của ba kinh này Tịnh Độ Giáo được thành lập. Theo Vô Lượng Thọ Kinh, quyển thượng, trong đời quá khứ xa xưa thời đức Thế Tự Tại Vương Phật (世自在王佛) trụ thế, có vị quốc vương phát tâm vô thượng, xả bỏ vương vị xuất gia, tên là Bồ Tát Pháp Tạng (S: Dharmākara, H. 法藏, hay Tỳ Kheo Pháp Tạng). Vị này theo tu tập với Thế Tự Tại Vương Phật, phát 48 lời thệ nguyện để cứu độ chúng sanh và sau một thời gian tu hành lâu xa, ngài thành tựu bản nguyện của mình và được thành Phật. Vị Phật này chính là A Di Đà Phật. Cho đến hiện tại ngài vẫn đang thuyết pháp tại thế giới gọi là Cực Lạc (S: Sukhāvātī, H. 極樂), cách đây khoảng 10 vạn ức Phật độ về phía Tây. Ngài thường tiếp dẫn những người niệm Phật vãng sanh về cõi Tây Phương Tịnh Độ, cho nên được gọi là Tiếp Dẫn Phật. Thông thường tượng

A Di Đà Tam Tôn có hai vị Bồ Tát Quan Âm (S: Avalokiteśvara, H. 觀音) và Thế Chí (S: Mahāsthāmaprāpta, H. 勢至) đứng hầu hai bên, cho nên hai vị này cùng với Phật A Di Đà được gọi là Tây Phương Tam Thánh. Theo Bát Nhã Tam Muội Kinh (般若三昧經) quyển thượng cho biết rằng đức Phật A Di Đà có 32 tướng tốt, ánh sáng chiếu tỏa khắp, hùng tráng không gì sánh bằng.

Đặc biệt, theo lời dạy trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh cho thấy rằng thân của đức Phật Vô Lượng Thọ có trăm ngàn sắc màu vàng rực như vàng Diêm Phù Đề (S: Jambūnadasuvarṇa, H. 閻浮檀) của Trời Dạ Ma (S, P: Yāma, H. 夜摩), cao 60 vạn ức na do tha (S: Nayuta, niyuta, H. 那由他) Hằng hà sa số do tuần (S, P: Yojana, H. 由旬). Giữa hai lông mi của ngài có lông mi trắng uyển chuyển xoay về bên phải, tướng lớn nhỏ của lông mi có độ cao gấp 5 lần núi Tu Di (S, P: Sumeru, H. 須彌山). Mắt của ngài trong trắng, rõ ràng, có bề ngang rộng gấp 4 lần nước biển lớn. Thân ngài có 84.000 tướng tốt, trong mỗi mỗi tướng như vậy có 84.000 ánh sáng chiếu khắp mười phương thế giới, thấu nhiếp các chúng sanh niệm Phật. Tại Tây Tạng, Phật A Di Đà được xem như hai vị Phật Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ; nếu ai mong cầu có trí tuệ thì quy y Phật Vô Lượng Quang, ai mong cầu tuổi thọ và phước lạc thì quy y Phật Vô Lượng Thọ.

Trong Mật Giáo, Phật A Di Đà được xem như là Diệu Quang Sát Trí của Đại Nhật Như Lai (S: Vairocana, H. 大日如來), được gọi là Cam Lộ Vương (S: Amṛta-rāja, H. 甘露王). Trong Kim Cang Giới Mạn Trà La (金剛界曼荼羅), ngài được gọi là A Di Đà Như Lai có thân thọ dụng trí tuệ, nằm ở

trung ương vòng nguyệt luân phía Tây. Thân của ngài có sắc vàng ròng, tay bắt ấn Tam Ma Địa (S, P: samādhi, H. 三摩地), chủng tử là hriḥ, mật hiệu là Thanh Tịnh Kim Cang, và hình Tam Muội Da là hoa sen. Trong Thai Tạng Giới Mạn Trà La (胎藏界曼荼羅), ngài được gọi là Vô Lượng Thọ Như Lai, nằm ở phía Tây, trong đài có 8 cánh sen. Thân ngài có sắc màu vàng trắng hay vàng ròng, mắt nhắm lại, thân nhẹ như tà áo, ngồi xếp bằng trên tòa sen báu, tay bắt ấn nhập định, chủng tử là *sam*, mật hiệu là Thanh Tịnh Kim Cang, và hình Tam Muội Da là hoa sen vừa mới hé nở. Tại An Lạc Lâm (安樂林), Bạch Vân Am (白雲菴), thuộc Từ Khê (慈谿), Ninh Ba (寧波), Tỉnh Chiết Giang (浙江省) có câu đối như sau: Nhất cú Di Đà hữu thể hữu tông hữu dụng, tam thiên thế giới tức không tức giả tức trung (一句彌陀有體有宗有用、三千世界即空即假即中, một câu Di Đà, có thể có tông có dụng, ba ngàn thế giới là không là giả là trung). Hay tại Phổ Đà Tự (普陀寺) ở Hạ Môn (廈門), Tỉnh Phúc Kiến (福建省南) cũng có câu đối tán thán công hạnh của đức Phật A Di Đà như: Di Đà thủ tiếp Liên Trì khách, chúng sanh tâm quy Cực Lạc bang (彌陀手接蓮池客、眾生心歸極樂邦, Di Đà tay rước Liên Trì khách, chúng sanh tâm về Cực Lạc bang). Đào Duy Từ (1572-1634) có câu thơ rằng: Những khi khói tỏ yên hà, mảng âu mây cuốn Di Đà Tây Thiên. Hay trong truyện Phan Trần cũng có câu: Tam Quy Ngũ Giới chứng tình, xem câu nhân quả niệm kinh Di Đà.

Thế nên, đối với kinh Tiểu bốn này, các đức Tổ Sư xưa đã chú giải, số sao rất đông, như Tổ Hải Đông làm Di Đà kinh số, Tổ U Khê làm Di Đà viên trung sao, Tổ Vân Thê làm Di Đà

sớ sao, Tổ Linh phong làm Di Đà yếu giải v.v... đều vạch ra nghĩa lý rất rõ ràng, tỷ như ánh thái dương sáng rỡ giữa trời, khắp soi cả mặt đất.

Về danh đề của Kinh đây, riêng chỉ dùng tên người làm Danh, Danh là đề mục của kinh. Với đề mục của kinh này có hai bốn: Một, tên là Phật Thuyết A Di Đà Kinh, hai là Nhất Thế Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh. Ở đây chỉ lược giải về kinh đề của bốn trước là: Phật thuyết A Di Đà Kinh.

**Về Thể của kinh:** Kinh này lấy Thật Tướng làm thể. Thể là cái lý; kinh mà không có lý, thì đâu có thể khế hợp với Phật pháp và căn cơ con người, thành ra đồng với sách tiểu thuyết của thế tục. Thật tướng là cái tâm hiện tiền của chúng ta; nó là cái bản thể vô hình vô tướng, phi diệt phi sanh, mà lại hay rỗng rang sáng tỏ như gương chiếu rõ vật tượng không sót một tí hào. Song, cái có sanh có diệt đó, là những cái bóng luống dối của vọng tưởng trong tâm; cái tâm thật tướng kia, tuy trọn ngày ở nơi vọng, mà trọn ngày nó vẫn là chơn; từ nghe thính thấy sắc, đến cả hành động cử chỉ gì, nó đều rõ suốt rành rẽ tất cả, khôn sáng riêng tỏ, rảnh hảnh ngoài căn, trần; nếu xảy một niệm vừa phân biệt, thì tâm đã bị rượt theo trần cảnh mà, rồi dẫn đến sanh tử vô cùng!

**Về Tông bốn:** Kinh này lấy lòng Tin, lời Nguyện giữ niệm danh Phật làm Tông. Kinh văn dạy: Cần phải tin xưng tụng tán thán kinh đây, và khuyên nên tin. Phải phát nguyện... khuyên nguyện... Giữ niệm danh hiệu.. khuyên hành, là bảo phải thật hành niệm Phật phát nguyện cầu vãng sanh. Sách yếu giải nói: Bất tin thì chẳng đủ dấy nguyện, phi nguyện chẳng đủ dẫn hành, phi thật hành giữ danh để niệm, thì

không sao đủ đầy chỗ nguyện, chứng chỗ tin. Nên biết Tin, Hành và Nguyện là Tông bốn của kinh này.

**Về Công đức:** Kinh này lấy Đắc vãng sanh, Bất thoái chuyển làm Dụng. Dùng lực dụng của ba tư lương, có phần thật chứng của chín phẩm, vì đã được vãng sanh, đều là bậc A Bệ Bạt Trí (dịch: Bất Thối Chuyển) nghĩa là: A Nậu Đa La, Tam Miệu Tam Bồ Đề là quả vị Phật, người đã vãng sanh tu tiến tới quả vị ấy là cứu cánh, chứ chẳng hề ngã lòng thối chí như người tu ở thế giới Ta Bà.

Ở đây nói thêm về Vạn đức công viên của Phật A Di Đà, mà ta thường thấy trước ngực của Phật có hình Vạn Tự.

**Vạn tự** (卍字): chữ Vạn, còn viết là 萬、万、卍; nguyên ngữ tiếng Sanskrit là śrīvatsalakṣaṇa, âm dịch là Thất Lợi Mạt Xoa Lạc Sát Nang (室利靺蹉洛刹囊), ý dịch là Cát Tường Hải Vân (吉祥海雲), Cát Tường Hỷ Toàn (吉祥喜旋), là một trong 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của Phật, là đức tướng thường hiển hiện nơi ngực của chư Phật cũng như các Bồ Tát chứng quả Thập Địa (S: Daśa-bhūmi, H. 十地). Đây cũng là một loại phù hiệu thường thấy ở các tượng Phật cũng như văn vật Phật Giáo. Một số kinh điển Phật Giáo nêu rõ vị trí của chữ Vạn như Đại Bản Kinh (大本經) của Trường A Hàm Kinh (長阿含經, Taishō No. 1) quyển 1 cho biết rằng chữ Vạn thuộc tướng tốt thứ 16: “Thập lục, hung hữu Vạn tự (十六、胸有萬字, thứ mười sáu, trên ngực có chữ Vạn).” Hay Đại Tát Già Ni Càn Tử Sở Thuyết Kinh (大薩遮尼乾子所說經, Taishō No. 272) quyển 6 cũng cho hay rằng: “Sa Môn Cù Đàm hung hữu Vạn tự thị công đức tướng (沙門瞿曇胸有萬字示功德相, nơi ngực của Sa Môn Cù Đàm có chữ Vạn,



thể hiện tướng công đức).” Trong Phương Quảng Đại Trang Nghiêm Kinh (方廣大莊嚴經) quyển 3 giải thích rằng trong 80 vẻ đẹp của đức Phật thì chữ Vạn thuộc về vẻ đẹp thứ 78, thường thấy ở trên tóc: “Phát hữu ngũ Vạn tự (髮有五卍字, tóc có năm chữ Vạn).” Thập Địa Kinh Luận (十地經論) quyển 12 nêu rõ rằng khi Thái Tử Tất Đạt Đa (S: Siddhārtha, P: Siddhattha, H. 悉達多) chưa thành Phật, nơi ngực người có chữ Vạn Kim Cang công đức trang nghiêm. Trong khi đó, Hữu Bộ Tỳ Nại Da Tạp Sự (有部毗奈耶雜事) quyển 29 cho hay rằng nơi lưng của Phật có tướng chữ Vạn. Bên cạnh đó, Đại Bát Nhã Ba La Mật Kinh (大般若波羅蜜多經) quyển 381 cho biết chữ Vạn nằm nơi ngực cũng như tay chân của đức Thế Tôn. Vào thời cổ đại Ấn Độ, chữ Vạn tượng trưng cho sự tốt đẹp. Ngoài đất nước này, Ba Tư, Hy Lạp đều có loại phù hiệu này, thông thường được xem như tượng trưng cho mặt trời, điện quang, lửa, dòng nước chảy, v.v. Xưa kia, Phật Giáo, Bà La Môn Giáo, Kỳ Na Giáo đều có sử dụng chữ Vạn. Người Ấn Độ cổ đại cho rằng phù hiệu chữ Vạn này hiện hữu nơi sợi lông xoắn ở ngực của Phạm Thiên, thần Viṣṇu, Kṛṣṇa, rộng khắp thể hiện tướng cát tường, thanh tịnh, viên mãn. Trong Phật Giáo, chữ Vạn là tướng cát tường ở nơi ngực của đức Phật cũng như chư vị Bồ Tát chứng quả Thập Địa, về sau dần dần trở thành dấu hiệu tiêu biểu cho Phật Giáo. Về tiếng Hán dịch của chữ này, xưa nay có vài thuyết khác nhau. Cư Ma La Thập (S: Kumārajīva, H. 鳩摩羅什, 344-413), Huyền Trang (玄奘, 602-664), v.v., thì dịch là Đức (德). Trong Thập Địa Kinh Luận (十地經論), Bồ Đề Lưu Chi (S: Bodhiruci, H. 菩提流支, 562-727) dịch là Vạn (萬) với ý nghĩa: Vạn đức

viên mãn (萬德圓滿). Trong Tống Cao Tăng Truyện (宋高僧傳) quyển 3, chữ này được dịch âm là vạn, nhưng không có ý dịch. Cho đến năm thứ 2 (693) niên hiệu Trường Thọ (長壽) của Võ Tắc Thiên (武則天, 624-705), Hoàng Hậu bắt đầu quy định chữ này đọc là: Vạn, với ý nghĩa là: Tập trung vạn đức tốt lành. Tiếng Phạn ngữ của chữ Vạn (卍) không phải chỉ có một, tỷ dụ như trong Tân Hoa Nghiêm Kinh (新華嚴經) có đến 17 chỗ xuất hiện chữ này, đều dịch là vạn; nhưng nếu lấy nguyên ngữ đối chiếu, nguyên ngữ của chữ này có 4 loại:

(1) Śrīvatsa, âm dịch là Thất Lợi Mạt Xoa (室利靺蹉), ý dịch là Cát Tường Ưc (吉祥臆), Cát Tường Độc (吉祥犢); như trong Tân Hoa Nghiêm Kinh quyển 48 (Taishō No. 10) có đoạn: “Như Lai hung ức hữu đại nhân tướng, hình như Vạn tự, danh cát tường hải vân (如來胸臆有大人相、形如卍字、名吉祥海雲, nơi ngực của đức Như Lai có tướng của bậc đại nhân, hình như chữ Vạn, tên là mây biển tốt lành).” Trong đó, nguyên ngữ chữ Vạn là śrīvatsa, ý chỉ cho lông tóc xoắn quanh, chồng lên nhau như hình dạng đám mây biển.

(2) Nandy-āvarta, âm dịch là Nan Đề Ca Vật Đa (難提迦物多), ý dịch là Hỷ Toàn (喜旋); như trong Tân Hoa Nghiêm Kinh quyển 27 có đoạn: Kỳ phát hữu toàn, quang tịnh nhuận trạch, vạn tự nghiêm sức (其髮右旋、光淨潤澤、卍字嚴飾, tóc của Ngài xoay về bên phải, ánh sáng thanh tịnh, thấm khắp, chữ Vạn làm cho trang nghiêm). Chữ Vạn trong câu này là nandy-āvarta, chỉ cho tướng tóc của Phật xoay về bên phải.

(3) Svastika, âm dịch là Tắc Phạ Tất Để Ca (塞縛悉底迦), ý dịch là Hữu Lạc (有樂). Như trong Tân Hoa Nghiêm

Kinh quyển 27 có đoạn: “Nguyện nhất thiết chúng sanh đắc như Vạn tự phát, loa văn hữu toàn phát (願一切眾生得如卍字髮、螺文右旋髮, nguyện hết thảy chúng sanh đều được như mái tóc có chữ Vạn, mái tóc xoay về bên phải theo hình tròn ốc).” Chữ Vạn trong câu này là: Svastika, có hàm nghĩa “có niềm an lạc”.

(4) Pūrṇaghaṭa, âm dịch là Nang Già Tra (囊伽吒), ý dịch là Tăng Trưởng (增長). Như trong Tân Hoa Nghiêm Kinh quyển 27 có đoạn: “Nguyện nhất thiết chúng sanh đắc luân tướng chỉ, chỉ tiết viên mãn, văn tướng hữu toàn, nguyện nhất thiết chúng sanh đắc như Liên Hoa Vạn tự toàn chỉ (願一切眾生得輪相指、指節圓滿、文相右旋、願一切眾生得如蓮華卍字旋指, nguyện cho hết thảy chúng sanh có ngón tay tướng bánh xe tròn, kẻ ngón tay tròn đầy, hoa văn tay xoay về bên phải, nguyện cho hết thảy chúng sanh có được ngón tay chữ Vạn như hoa sen).” Nguyên ngữ chữ Vạn trong câu này là pūrṇaghaṭa, chỉ hình tướng đầu bộ hay các kẻ ngón tay tròn đầy. Từ xa xưa, chữ Vạn đã có sự khác nhau về phương hướng xoay có nó.

Trong Ấn Độ Giáo, các vị thần nam tánh thường dùng chữ Vạn (卐, hướng về bên phải) và thần nữ tánh thì dùng chữ Vạn (卐, hướng về bên trái). Đối với Phật Giáo, hiện tồn tại ngôi cổ tháp ở Vườn Lộc Uyển (S: Mṛgadāva, P: Migadāya, H. 鹿苑) là chữ Vạn (卐). Ngôi tháp này được kiến tạo dưới thời A Dục Vương (S: Asoka, P: Asoka, H. 阿育王) để kỷ niệm đức Phật xưa kia đã từng nhập định tại đây. Tại Tây Tạng, phần lớn các giáo đồ của Lạt Ma Giáo đều dùng chữ Vạn (卐). Tại Trung Quốc, trải qua các đời đều dùng cả hai. Trong

bộ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (大正新脩大藏經) của Nhật Bản thì lấy chữ Vạn (卐) làm tiêu chuẩn; tuy nhiên, các bản Đại Tạng Kinh của nhà Tống, Nguyên, Minh đều dùng chữ Vạn (卐). Gần đây, vào khoảng thập niên 40 của thế kỷ 20, Đức Quốc Xã Hitler có dùng đến chữ Vạn (卐). Và cho đến nay, vẫn còn khá nhiều tranh luận về chiều xoay của chữ này theo quan điểm của Phật Giáo.

如是我聞。一時佛在舍衛國，祇樹給孤獨園。與大比丘僧，千二百五十人俱。皆是大阿羅漢，眾所知識。長老舍利弗、摩訶目犍連、摩訶迦葉、摩訶迦旃延、摩訶俱絺羅、離婆多、周利槃陀伽、難陀、阿難陀、羅侯羅、憍梵波提、賓頭盧頗羅墮、迦留陀夷、摩訶劫賓那、薄拘羅、阿冕樓駄，如是等諸大弟子。

**Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Xá Vệ Quốc, Kỳ thụ, Cấp Cô Độc viên. Dữ đại Tỳ kheo tăng, thiên nhị bách ngũ thập nhân câu.**

**Giai thị đại A La Hán, chúng sở tri thức.**

Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Ly Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lô Đà. Như thị đẳng chư đại đệ tử.

*Ta nghe như thế này, một thời đức Phật tại đại thành nước Xá Vệ, vườn ông Cấp Cô Độc, cây Thái Tử Kỳ Đà. Cùng với các đại Tỳ kheo một ngàn hai trăm năm mươi người nhóm họp.*

**Đều là bậc La Hán, được mọi người hay biết. Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Lỵ Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lô Đà. Các vị đại đệ tử như thế.**

**Như thị (如是):** Tín thành tựu, Tổng tướng của kinh này (信成就是總相此經).

**Ngã văn (我聞):** Văn thành tựu, chính A Nan đã nghe và khi Kết tập Ngài trùng tuyên lại.

**Nhất thời (一時):** Thời thành tựu, chỉ thời gian thích hợp Phật thuyết kinh.

**Phật (佛):** Chủ thành tựu, chỉ đức Thích Ca Mâu Ni (釋迦牟尼佛).

**Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên (祇樹給孤独园):** Xứ thành tựu, chỉ trú xứ khởi nói kinh A Di Đà.

**Đại Tỳ kheo tăng thiên nhị bách ngũ thập nhơn câu (大比丘僧。千二百五十人俱):** Chúng thành tựu, chỉ số đại chúng trong hội.

**Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên: (祇樹給孤独园) .** Tức là: Kỳ Hoàn Tinh xá (S. Śravastī, P. Jetavanavihara, H. 祇洹精舍, 祇园精舍): 全称, 祇树给孤独园, 胜林给孤独园, 亦简称, 祇园精。古印度佛教圣地之一。Còn gọi là Kỳ Viên Tinh xá (祇园精舍), là tên gọi của tinh xá nằm ở thành Xá Vệ (S. Śravastī, P. Savatthi, H. 舍衛), kinh đô của nước Kiều Tát La (橋薩羅) vào thời Ấn Độ cổ đại. Lúc bấy giờ Trưởng giả Tu Đạt Đa (P. Sudatta, H. 須達) Còn có tên là Cấp Cô Độc (給孤

獨) ở thành Xá Vệ mua khu vườn của Thái tử Kỳ Đà (P. Jeta, H. 祇陀) để xây dựng tu viện cho giáo đoàn Đức Phật. Tên gọi Kỳ Viên vốn xuất phát từ truyền thuyết này.

Đức Phật đã trải qua hơn 20 năm, vào cuối đời ngài ở tại đây và 7, 8 phần kinh điển hiện tại đều được ngài thuyết giảng tại nơi này. Tuy nhiên, ngay sau khi Đức Phật diệt độ, thì Tinh xá này bị suy tàn. Về sau khi ngài Pháp Hiển (法顯。337 – 422): Vị Tăng đời Đông Tấn (東晉。317 – 420), người xứ Vũ Dương, Bình Dương (Sơn Tây), họ Cung, hoặc nói rằng sư sinh tại Đông Tấn Hàm Khang thứ 6 (340). Sau đó do cảm thán Tăng đoàn và Kinh Luật tàn khuyết, liền cùng với đồng học là Huệ Cảnh, Đạo Chính, Huệ Ứng, Huệ Ngôi... đến Thiên Trúc Cầu Pháp, lúc đó ngài Pháp Hiển tuổi khoảng 60. Thời gian mất 10 năm, đi qua 30 nước, mang về nước rất nhiều Phạn bản kinh Phật. Năm Nghĩa Hy thứ 9 (413), từ Tô Môn Đạp Lạp (Sumatra) trở về nước. Hay ngài Huyền Trang (玄奘。602 – 664), ngài Nghĩa Tịnh (義淨。635 – 713) vào Thế kỷ 7, Nhập Trúc Cầu Pháp thì Tinh xá đã hoàn toàn hoang phế. Hiện tại nó chỉ còn là Di tích rất rộng lớn ở phía Nam vùng Sahet-Maheth thuộc tiểu bang Uttar Pradesh.

Trong quyển Phật Thuyết Văn Thù Sư Lợi Bát Niết Bàn Kinh (佛說文殊師利般涅槃經。Taishō Vol. 14, No. 463) do cư sĩ Nhiếp Đạo Chơn (聶道真) nhà Tây Tấn (西晉) dịch có đoạn: Nhĩ thời Thế Tôn tùng tam muội khởi, tức tiện vi tiểu, hữu ngũ sắc quang tùng Phật khẩu xuất, thử quang xuất thời, Kỳ Hoàn Tinh Xá biến thành lưu ly. (爾時世尊從三昧起, 即便微笑, 有五色光從佛口出, 此光出時, 祇洹精舍變成琉璃。) Bấy giờ Thế Tôn từ tam muội khởi, bèn mỉm cười có

ánh quang năm sắc từ nơi miệng Phật phóng ra, khi ánh sáng này xuất ra, Kỳ Hoàn Tinh xá biến thành ngọc Lưu ly.

Hay như trong Trung Thiên Trúc Xá Vệ Quốc Kỳ Hoàn Tự Đờ Kinh (中天竺舍衛國祇洹寺圖經。Taishō Vol. 45, No. 1899) phần Trung Thiên Trúc Xá Vệ Quốc Kỳ Hoàn Tự Đờ Kinh Tự (中天竺舍衛國祇洹寺圖經序) lại có đoạn đề cập đến Kỳ Hoàn Tinh xá như sau: Vãng giả Thích Tôn tại Đạo Lợi Thiên, thử tượng tại điện vi chư Tỳ kheo giáo giới thuyết pháp, nãi chí chư vương chi bất kiến Phật tư mộ Thích Ca, thử tượng vi vương tam độ thuyết pháp; Kỳ Viên sơ lập giới đàn, thành thời thử tượng lãnh tiền đồ chúng, chí giới đàn sở nhiễu tam tráp dĩ, bộ bộ giai sanh kim sắc thiên diệp liên hoa; mỗi thọ giới thời hoa tự nhiên khai, trung hữu thiên đồng tấu ư thiên nhạc. (往者釋尊在忉利天，此像在殿為諸毘丘教戒，說法乃至諸王之不見佛思慕釋迦，此像為王三度說法。祇園初立戒壇，成時此像領前徒眾，至戒壇所遶三匝已，步步皆生金色千葉蓮花，每受戒時花自然開，中有天童奏於天樂) Xưa kia khi đức Thích Tôn tại cung trời Đạo Lợi, tượng này tại chánh điện vì các Tỳ kheo mà dạy bảo, thuyết pháp, cho đến các vua không thấy được Phật, nhớ nghĩ đến Thích Ca, tượng này cũng vì vua thuyết pháp ba lần; lúc ban đầu Kỳ Viên Tinh xá mới lập giới đàn, khi hình thành tượng này dẫn các đồ chúng trước đây, đến giới đàn nhiễu quanh ba vòng xong, từng bước đều sanh hoa sen ngàn cánh có màu vàng kim; mỗi khi thọ giới, hoa ấy tự nhiên nở ra, bên trong có thiên đồng tấu khúc nhạc trời.

Dựa trên cơ sở này mà chúng ta được biết, Giới Đàn được kiến lập đầu tiên tại Tịnh xá Kỳ Viên (精舍祇園). Như

trong quyển Thích Thị Yếu Lãm (釋氏要覽。Taishō Vol. 54, No. 2127) quyển Thượng có ký lục sự việc của Bồ Tát Lô Chí (菩薩婁至) thỉnh ý đức Phật xin thiết lập giới đàn cho chư vị Tỳ kheo thọ giới và được Phật hoan hỷ chấp thuận: Tây Thiên Kỳ Viên, Tỳ kheo Lô Chí thỉnh Phật lập đàn, vì Tỳ kheo thọ giới Như Lai ư viên ngoại viện Đông Nam trí nhất đàn, thử vi thí dã. (西天祇園, 比丘樓至請佛立壇, 爲比丘受戒如來於園外院東南置一壇, 此爲始也) Kỳ Viên ở Tây Thiên, Tỳ kheo Lô Chí xin Phật thiết lập giới đàn để truyền thọ giới cho Tỳ kheo; đức Như Lai thiết lập một đàn ở phía Đông Nam ngoài Kỳ Viên; đây là (giới đàn trước nhất, truyền thọ giới Tỳ kheo) khởi đầu.

Mười sáu vị trưởng lão: *Đức hạnh và tuổi hạ đều đáng tôn trọng, nên gọi là Trưởng Lão* trong hàng Thanh Văn, trí huệ bậc nhất. Tôn giả Mục Liên thần thông bậc nhất. Tôn giả Âm Quang thân có ánh sáng vàng ròng, truyền tâm ấn của Phật, là Sơ Tổ Thiền Tông, hành Đầu Đà bậc nhất. Tôn giả Văn Sức thuộc dòng Bà-la-môn, luận nghị bậc nhất. Tôn giả Đại Tất trả lời câu hỏi bậc nhất. Tôn giả Tinh Tú, không điên đảo, không tán loạn bậc nhất. Tôn giả Kế Đạo do căn cơ chậm lụt, chỉ trì một bài kệ mà biện tài vô tận, nghĩa trì bậc nhất. Tôn giả Hỷ là em ruột đức Phật, nghi dung bậc nhất. Tôn giả Khánh Hỷ là em họ đức Phật, lại còn là thị giả, đa văn bậc nhất. Tôn giả Phú Chướng là Thái Tử của đức Phật, mật hạnh bậc nhất. Tôn giả Ngư Ty, do đời trước ác khẩu, cảm lấy dư báo này, được chư thiên cúng dường bậc nhất. Tôn giả Bất Động, trụ dài lâu trong thế gian, tiếp nhận cúng dường trong đời Mạt Pháp, là phước điền bậc nhất. Tôn giả Hắc Quang



là sứ giả của Phật, giáo hóa bậc nhất. Tôn giả Phòng Tú hiểu tinh tú bậc nhất. Tôn giả Thiện Dung thọ mạng bậc nhất. Tôn giả Vô Bần cũng là em họ của đức Phật, thiên nhãn bậc nhất. Các vị Thường Tùy Chúng này vốn là Pháp Thân đại sĩ, thị hiện làm Thanh Văn, nhằm làm người tạo ảnh hưởng. Nay nghe pháp môn Tịnh Độ, giữ lấy công đức, đắc lợi ích Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn, tăng trưởng đạo nghiệp, giảm thiểu sanh tử, tự tịnh cõi Phật, còn gọi là Đương Cơ Chúng.

Nhìn xem những vị đệ tử nào được nêu tên ở đầu một bộ kinh, ta liền biết hội giảng kinh ấy mang tánh chất nào. *Đức Lạp câu tôn, cố xưng Trưởng Lão* (德臘俱尊，故名長老。Đức hạnh lẫn tuổi hạ đều đáng tôn trọng, nên gọi là Trưởng Lão).

Mười sáu vị trưởng lão (長老) này đều thị hiện thân phận A La Hán. Có người cho rằng pháp môn Niệm Phật là pháp môn tu học của mấy bà cụ già, chứ phần tử trí thức phải nên học đại kinh, đại luận của Tướng Tông, Tánh Tông! Nếu bây giờ họ xem đến kinh này, nhận thấy bậc trí huệ đệ nhất là ngài Xá Lợi Phất (Śāriputra, 舍利弗，身子尊者聲聞眾中，智慧第一。) còn tiếp nhận pháp môn này, khiến cho những ý tưởng tự phụ thường ngày sẽ bị khuất phục.

Vị thứ hai là Mục Kiền Liên (S. Maudgalyāyana, H. 摩訶目犍連) Thần Thông bậc nhất (目連尊者神通第一). Thần thông hết sức gần giống với khoa học kỹ thuật hiện thời, ngài Mục Liên là chuyên gia.

Vị thứ ba là Ma Ha Ca Diếp (S. Mahā-Kāśyapa, H. 摩訶迦葉): Âm Quang tôn giả, thân hữu kim quang, truyền Phật tâm ấn (飲光尊者身有金光，傳佛心印為初祖，頭

陀行第一。Tôn giả Âm Quang, thân có ánh sáng màu vàng rờng, truyền tâm ấn của Phật làm sơ tổ, hành hạnh Đầu Đà đệ nhất). Trong Phật môn, Thiền Tông được người ta biết đến nhiều nhất. Thoạt đầu, đức Phật truyền pháp cho ngài Ca Diếp, ngài Ca Diếp là Sơ Tổ Thiền Tông. A Nan là Nhị Tổ, truyền đến đời thứ hai mươi tám là Đạt Ma, truyền sang Trung Quốc, truyền đến Lục Tổ Huệ Năng đại sư, Thiền Tông mới được phát huy rực rỡ. Trước kia, người xuất gia đều là mạnh ai nấy tu, đến thời Mã Tổ kiến lập tông lâm, ngài Bách Trượng lập Thanh Quy, đề xướng cộng tu (tu chung với nhau) thì cách dạy học trong Phật giáo mới được chế độ hóa (hình thành một khuôn mẫu, quy củ nhất định). Tông lâm giống như đại học Phật giáo. Thiền Tông nếu chẳng tu Tịnh Độ, chỉ dựa vào một mình pháp tu Thiền sẽ rất khó thành tựu. Do vậy, đến tuổi xế bóng, các tổ sư Thiền Tông chuyên tu Tịnh Độ rất nhiều. Tôn giả Ca Diếp khổ hạnh bậc nhất, khổ hạnh là hạnh Đầu Đà.

Vị thứ tư là Ma Ha Ca Chiên Diên (S. Mahā-Katyayana, H. 摩訶迦旃延。文飾尊者婆羅門種，論議第一), tức tôn giả Văn Sứ, thuộc dòng Bà La Môn, xuất thân là quý tộc, luận nghị (bàn luận, biện bác) bậc nhất.

Vị thứ năm là Ma Ha Câu Hy La (S. Mahā – Kausthila, H. 摩訶俱絺羅，大膝尊者答問第一), tức tôn giả Đại Tất (đầu gối to), vấn đáp bậc nhất. Vị này học rộng, nghe nhiều, là cậu của ngài Xá Lợi Phất. Khi chị của Ngài mang thai Xá Lợi Phất, biện tài vô ngại. Tôn giả mỗi lần tranh luận cùng chị đều thua, trước kia không như vậy. Ngài nghĩ đứa bé trong bụng chị ắt hẳn có đại trí huệ, tương lai khi đứa cháu sanh

ra, ta làm cậu nó mà biện luận không thắng nổi nó, há chẳng ngượng lắm ư? Vì thế, gắng sức đọc sách. Tất cả sách vở tại Ấn Độ, gần như Ngài đọc sạch. Do quá siêng khổ, ngay cả móng tay cũng chẳng rảnh rỗi để cắt, nên lại còn được gọi là Trường Trảo Phạm Chí (thầy tu Bà La Môn móng tay dài).

Vị thứ sáu là Ly Bà Đa (S. Revata, H. 離婆多), tức tôn giả Tinh Tú, là bậc không điên đảo, không tán loạn bậc nhất (星宿尊者, 無倒亂第一). Cha mẹ Ngài cầu đảo với tinh tú mà sanh ra Ngài. Vị này tượng trưng cho Chánh Giác, chẳng mê.

Vị thứ bảy là Châu Ly Bàn Đà Già (S. Śuddhipanthaka, hoặc Cullapatka, H. 周利槃陀伽), tức tôn giả Kế Đạo, do độn căn, chỉ trì một bài kệ, biện tài vô tận, nghĩa trì đệ nhất (繼道尊者因根鈍僅持一偈, 辯才無盡, 義持第一). Vị tôn giả này bẩm tánh rất chậm lụt, trí nhớ kém cỏi lạ lùng. Anh Ngài xuất gia, Ngài cũng muốn xuất gia. Người anh bảo hãy đọc bốn câu kệ, Ngài đọc suốt ba tháng vẫn chẳng nhớ được. Người anh liền bảo hãy về nhà, Ngài khóc lóc, chẳng chịu đi. Đức Phật biết được bèn giữ lại, dạy Ngài học hai câu kệ, niệm câu trên, quên tuốt câu dưới. Niệm câu dưới, quên bằng câu trên. Đức Thế Tôn biết túc mạng, bảo các đệ tử: Người này đời trước là Tam Tạng pháp sư, có thể thuyết pháp, nhưng keo kiệt pháp. Vì thế, đời này mắc quả báo ngu si.

Vị thứ tám là Nan Đà (S. Nanda, H. 難陀), tức tôn giả Hỷ, là em ruột đức Phật, là con của Tịnh Phạn Vương (Śuddhodana), hình dung tuấn tú bậc nhất (喜尊者佛之親弟, 儀容第一). Đức Phật có ba mươi hai tướng, vị này có ba mươi tướng.

Vị thứ chín là A Nan Đà (S. Ānanda, H. 阿難陀), tức tôn

giả Khánh Hỷ, đa văn bậc nhất (慶喜尊者佛之堂弟，復為侍者，多聞第一), là em họ đức Phật, lại vừa là thị giả, cũng là người chủ trì kết tập Kinh Tạng.

Vị thứ mười là La Hầu La (S. Rāhula, H. 羅侯羅), tức tôn giả Phú Chướng, là Thái Tử của Phật, mật hạnh bậc nhất (覆障尊者佛之太子，密行第一). Ngài nhỏ tuổi, hằng ngày chơi đùa bên ngoài, nhưng trong khi vui chơi thành tựu Định - Huệ của chính mình. Ngài là người có hạnh thật sự, chứ không phô trương ngoài miệng.

Vị thứ mười một là Kiền Phạm Ba Đề (S. Gavāmpati, H. 憍梵波提), tức tôn giả Ngưu Ty (Trâu nhơi). Phật nói trong quá khứ, khi ngài là tiểu Sa Di, thấy một vị Tỳ Kheo già tụng kinh, môi mấp máy, bèn cười nhạo là trông giống như một trâu già đang nhơi cỏ. Vị Tỳ Kheo già nói: Ta đã chứng được quả A La Hán, người coi thường ta, tương lai ắt bị quả báo. Ngài vội sám hối, nhưng đến đời thứ hai bèn sanh làm trâu suốt cả năm trăm đời. Đời này may được mang thân người, nhưng mồm vẫn còn tập khí nhai nhóp nhép. Đức Phật dạy Ngài: Ông đừng nên ra ngoài khát thực. Ông đã chứng quả, nếu bị người khác cười nhạo sẽ khiến kẻ ấy mắc tội. Từ nay, ông hãy nên tiếp nhận sự cúng dường của chư thiên (牛司尊者宿世惡口，感此餘報，受天供養第一). Chư thiên có thiên nhãn, biết Ngài đắc đạo, chẳng cười chê Ngài.

Vị thứ mười hai là Tân Đầu Lô Phả La Đọa (S. Pindola Bharadvaja, H. 賓頭盧頗羅墮), tức tôn giả Bất Động, trụ lâu dài trong thế gian, tiếp nhận sự cúng dường trong đời Mạt Pháp, là phước điền bậc nhất (不動尊者久住世間，應末世供，福田第一). Vị tôn giả này thích hiển lộ thần thông,

bị Phật biết được, bèn trừng phạt bằng cách chẳng cho Ngài nhập diệt, mà thường trụ trong thế gian, làm phước điền cho người đời. Vị tôn giả này đã hơn ba ngàn tuổi, chẳng lộ thân phận. Nói đầy đủ hơn là: Tân Đầu Lô Phả La Đọa: (S, P: Piṇḍola-bharadvāja, H. 賓頭盧頗羅墮): Nói đủ là Tân Đầu Lô Phả La Đọa Thệ (賓頭盧頗羅墮逝), gọi tắt là Phả La Đọa (S: Bharadvāja, H. 頗羅墮), Tân Đầu Lô (賓頭盧) hay Tân Đầu; là một trong 16 vị La Hán, cũng gọi Chúng Thường Tùy của Phật. Tôn giả Tân Đầu Lô trụ thế lâu dài, hiện tướng tóc bạc mày dài, nên có tên gọi là Trường Mi Tăng hay Trường Mi Sa Môn. Tên Tân Đầu Lô ý dịch là Bất Động, họ Phả La Đọa, nghĩa là Lợi Căn. Ông vâng lời đức Phật sống lâu trên cõi đời mạng pháp để thọ nhận cúng dường của chúng sanh, giúp cho họ tạo phước điền; nên ông có tên là Phước Điền Đệ Nhất. Nguyên lai ông là vị đại thần của vua Ưu Điền (S, P: Udayana). Đức vua thấy ông siêng năng tinh tấn, nên khuyên ông xuất gia với Phật. Sau khi chứng quả A La Hán, ông trở về nước, thuyết pháp cho nhà vua nghe. Do đó, vua rất kính trọng ông, sớm tối đều đến hỏi han học đạo. đương thời có một vị Đại Thần Bà La Môn ngoại đạo không tin Phật pháp, khi thấy vua Ưu Điền đến tham vấn, Tân Đầu Lô chỉ ngồi một bên mà không đứng dậy chào nghinh đón vua, nhân đó người này dùng kế ly gián xúi giục nhà vua. Vua bèn bảo rằng: Ngày mai khi ta đến tham vấn, nếu ông ấy không đứng dậy nghinh tiếp, ta sẽ giết ngay. Hôm sau, khi Tân Đầu Lô thấy đức vua từ xa đến, bèn đứng dậy đón tiếp và mở lời chào hỏi trước. Thấy vậy, nhà vua ngạc nhiên hỏi duyên cớ vì sao. Tôn Giả đáp: Tôi làm vậy vì nhà vua đó! Vua hỏi: Sao lại vì ta? Đáp:

Trước đây đức vua đến với thiện tâm, hôm nay Ngài đến với ác tâm; nếu tôi không đứng dậy đón tiếp thì Ngài sẽ giết tôi. Ai giết vị La Hán thì sẽ đọa vào Địa Ngục. Vậy nếu tôi đứng dậy đón Ngài thì Ngài sẽ mất vương vị; nhưng thà rằng để Ngài mất vương vị còn hơn là đọa vào Địa Ngục. Đó là lý do vì sao hôm nay tôi đứng dậy đón Ngài. Nghe vậy, đức vua hỏi: Khi nào ta mất vương vị ? Đáp: Trong 7 ngày sau. Quả nhiên 7 ngày sau nhà vua bị nước bên cạnh bắt đi làm tù nhân. Lúc bấy giờ có một vị Trưởng Giả Thọ Đề, dùng loại gỗ Chiên Đàn, làm thành một bình bát, đem đặt trên đầu cây sào cao và lớn tiếng bảo rằng: Bất luận người nào, nếu có thể lấy được bát này mà chẳng dùng gậy thang, bát này thuộc về người ấy. Khi ấy Tân Đầu Lô hiện thần thông lấy bình bát đi. Biết được chuyện này, đức Thế Tôn liền quở trách ông rằng: Tỳ Kheo có thể lạm dụng thần thông để lấy bình bát ngoại đạo được sao? Và hạ lệnh cho ông suốt đời không được trú tại cõi Diêm Phù Đề (S: Jambudvīpa, P: Jambudīpa), cho nên ông đến trú tại Tây Ngưu Hóa Châu (S: Aparā-godhānīya). Về sau, chúng đệ tử thương nhớ Tôn Giả, khẩn cầu đức Phật cho phép ông trở lại cõi Diêm Phù Đề. Nhưng đức Phật lại không cho phép ông nhập Niết Bàn, mà phải thường trụ trên thế gian, hộ trì chánh pháp, thọ nhận sự cúng dường của chúng sanh thời mạt pháp. Vì vậy, tại Trai Đường của các tự viện, thường có một chỗ ngồi ở hàng đầu phía Tây, tức là chỗ của Hòa Thượng Thủ Tòa (trong Thiền Tông, là tên gọi của vị đứng đầu trong chúng), nhưng lại không có ai ngồi. Tuy nhiên tại chỗ đó vẫn thường xuyên có thiết dạn thức ăn, vật uống, chén đũa, v.v., để cúng dường Tôn Giả. Khi cúng

dường Trai Tăng, Tôn Giả sẽ hiện thân Tỳ Kheo đến thọ nhận cúng dường. Cho nên khi chú nguyện cúng dường thường có câu: Nam Mô Tân Đầu Lô Phả La Đa Xà Tôn Giả tác đại chứng minh (南無賓頭盧頗羅墮闍尊者作大證明). Tương truyền có một phú ông nọ phát tâm cúng dường Trai Tăng cho 1000 vị tăng với mục đích cầu phước và mong được La Hán đến thọ nhận. Ông thiết lễ trai đàn trong 3 ngày, đến tối thứ 3 ông nằm mộng thấy một lão Tỳ Kheo mặc áo quần lam lũ, trên trán nổi 3 cục u ghê sợ hiện đến bảo Phú ông rằng: Tôi là Tân Đầu Lô đây!Ồ! ngài là Tân Đầu Lô sao? Ngài có đến dự cúng dường không? Tôn Giả đáp: Có chứ! Ngày thứ nhất, tôi đến thì người giữ cửa không cho vào. Tôi bảo là tôi đến để ban phước cho chủ nhà này. Người canh cổng không tin, bảo rằng áo quần tôi lam lũ thế này, lấy gì có phước mà ban cho người khác. Nói xong người ấy dùng gậy đánh tôi, làm cho trán tôi u lên một cục. Đến ngày thứ hai, tôi lại bị đánh u thêm một cục nữa. Qua ngày thứ ba, tôi tưởng là ngày cuối cùng có thể vào được, nhưng cũng bị đánh thêm lần nữa. Phú ông tỉnh dậy, biết được sự thật, vô cùng tiếc nuối không có phước duyên để đón tiếp Thánh tăng. Lại có một ông quan huyện, nghe đồn cúng dường Trai Tăng nhất định sẽ có Thánh tăng Tân Đầu Lô quang lâm thọ cúng dường. Ông bèn thiết trai cúng dường tại Thiên Đồng Tự (天童寺) ở Ninh Ba (寧波). Đến thời thọ trai buổi trưa, ông chợt thấy một vị Tỳ Kheo mặc áo quần lam lũ, già khum, nước miếng nước mũi chảy nhễ nhại, chẳng chút oai nghi nào, bước đi ngả nghiêng, tiến về phía chỗ ngồi của vị Thủ Tòa. Thông thường vị trí này luôn dành để cúng dường cho Thánh tăng.

Ông quan huyện đến gần xem, nhìn kỹ thấy toàn thân từ trên xuống dưới của vị Tỳ Kheo ấy như nhớp không thể chịu được. Ông bèn dùng tay xách lỗ tai vị kia kéo xuống ngồi hàng ghế cuối cùng. Sau khi thọ trai xong, quan huyện hỏi Thiên Đồng Thiền Sư xem thử hôm nay Thánh tăng có đến tham dự không? Thiền Sư trả lời có. Nghe vậy, quan huyện mừng rỡ hỏi xem đó là ai? Đáp: Đó chính là vị Tỳ Kheo mà ông xách lỗ tai. Lão quan huyện kinh ngạc, run bắn người thốt lên rằng: Quả là có mắt mà không trông. Ta đã làm nhục Thánh tăng rồi! Tội lỗi tày trời! Theo Đại Tống Tăng Sử Lược (大統僧史略) quyển 3, phần Phương Đẳng Giới Đàn (方等戒壇) cho biết rằng khi Luật Sư Đạo Tuyên (道宣 596-667) ở Chung Nam Sơn (終南山) kiến lập Linh Cảm Giới Đàn (靈感戒壇) tại Tinh Xá Thanh Quan Thôn (清官村精舍), có vị tăng lông mày dài, đến trước Giới Đàn tán thán. Như trong Tăng Nhất A Hàm Kinh (增一阿含經 Taishō No. 125) quyển 3 có đoạn: Hàng phục ngoại đạo, lý hành chánh pháp, sở vị Tân Đầu Lô Tỳ Kheo thị (降伏外道, 履行正法, 所謂賓頭盧 hàng phục ngoại đạo, thực hành chánh pháp, đó gọi là Tỳ Kheo Tân Đầu Lô). Cũng lại trong Tăng Nhất A Hàm Kinh (增一阿含經 Taishō No. 125) quyển 44, đức Phật thọ ký cho 4 vị Thanh Văn, trong đó có Tân Đầu Lô rằng: Ngô kim niên dĩ suy hao, niên hương bát thập dư, nhiên kim Như Lai hữu tứ đại Thanh Văn, kham nhiệm du hóa, trí tuệ vô tận, chúng đức cụ túc. Hà đẳng vi tứ? Sở vị Đại Ca Diếp Tỳ Kheo, Quân Đồ Bát Tỳ Kheo, Tân Đầu Lô Tỳ Kheo, La Vân Tỳ Kheo. Nhữ đẳng tứ đại Thanh Văn yếu bất bát Niết Bàn, tu ngô pháp một tận, nhiên hậu nãi đương bát Niết Bàn (吾今年已衰耗, 年向八



十餘，然今如來有四大聲聞，堪任遊化，智慧無盡，衆德具足。何等爲四？所謂大迦葉比丘，君屠鉢漢比丘，賓頭盧比丘，羅云比丘，汝等四大聲聞要不般涅槃，須吾法沒盡，然後乃當般涅槃。Năm nay ta đã suy yếu, tuổi đã hơn tám mươi, tuy nhiên nay Như Lai có bốn vị đại Thanh Văn, có thể đảm nhiệm việc du hóa, trí tuệ vô tận, các đức đầy đủ. Thế nào là bốn? Đó là Tỳ Kheo Đại Ca Diếp, Tỳ Kheo Quân Đờ Bát, Tỳ Kheo Tân Đầu Lô, Tỳ Kheo La Vân. Các người, bốn đại Thanh Văn này chủ yếu không nhập Niết Bàn, đến khi pháp của ta diệt hết, sau đó mới nhập Niết Bàn).

Ngài Tân Đầu Lô Phả La Đọa: (S, P: Piṇḍola-bharadvāja, H. 賓頭盧頗羅墮) là một trong 16 vị đệ tử Thường Tùy của Phật (此等常隨眾, 本法身大士, 示作聲聞). Mỗi vị đại đệ tử đều có sở trường, như vị đầu tiên là ngài Xá Lợi Phất trí huệ bậc nhất, vị thứ hai là Mục Kiền Liên thần thông bậc nhất, không lẽ ngài Xá Lợi Phất chẳng có thần thông hay sao? Ngài Mục Liên chẳng có trí huệ hay sao? Nhìn xem những vị đệ tử nào được nêu tên ở đầu một bộ kinh, ta liền biết hội giảng kinh ấy mang tánh chất nào. *Đức lạp câu tôn, cố xưng Trưởng Lão* (德臘俱尊, 故名長老. Đức hạnh lẫn tuổi hạ đều đáng tôn trọng, nên gọi là Trưởng Lão).

Vị thứ mười ba là Ca Lưu Đà Di (S. Kaludayin, H. 迦留陀夷), tức tôn giả Hắc Quang, là sứ giả của đức Phật, giáo hóa bậc nhất (黑光尊者為佛使者, 教化第一).

Vị thứ mười bốn là Ma Ha Kiếp Tân Na (S. Mahākapphina, H. 摩訶劫賓那), tức tôn giả Phòng Tú (sao Phòng), thông hiểu tinh tú bậc nhất (房宿尊者知星宿第一). Cha mẹ Ngài cầu đảo nơi tinh tú mà sanh ra Ngài. Ngài

thông hiểu thiên văn, là một nhà thiên văn.

Vị thứ mười lăm là Bạc Câu La (S. Vakkula, H. 薄拘羅), tức tôn giả Thiện Dung, tuổi rất cao, khi ấy đã một trăm sáu mươi tuổi. Trong quá khứ, vào thời Tỳ Bà Thi Phật (Vipaśyin), Ngài từng cúng dường một vị Tăng bị bệnh, do xuất phát từ lòng chân thành, cảm được quả báo: Trong chín mươi một kiếp dung mạo đoan chánh, khỏe mạnh, trường thọ, là bậc thọ mạng đệ nhất (善容尊者壽命第一), hiển thị thiện nhân, thiện quả.

Vị thứ mười sáu là A Nậu Lô Đà (S. Aniruddha, H. 阿冕樓駄), tức tôn giả Vô Bần, cũng là em họ của đức Phật, thiên nhãn bậc nhất (無貧尊者亦佛堂弟, 天眼第一). Trong nhiều kiếp lâu xa trước kia, nhằm thời đói kém, có một vị Bích Chi Phật đi khát thực, xin không được thức ăn. Thức ăn cung cấp năng lượng cho thân thể. Sự tiêu hao năng lượng của mỗi người khác nhau, nhưng chín mươi phần trăm bị tiêu hao bởi vọng tưởng. Người xuất gia tâm tịnh, vọng tưởng ít, thường trụ trong Định thì mỗi ngày ăn một bữa là đủ. Bạc La Hán mỗi tuần khát thực một lần, Bích Chi Phật Định lực càng sâu, nửa tháng mới đi khát thực một lần. Khi vị Bích Chi Phật ấy đi khát thực, tôn giả A Nậu Lô Đà bèn đem một phần lương thực của chính mình cúng dường Bích Chi Phật. Do vậy, Ngài cảm được quả báo chín mươi một kiếp chẳng bị nghèo cùng. Đồng thời, Ngài lại là bậc Thiên Nhãn đệ nhất.

Đệ tử Phật do tu tập pháp quán Trung Đạo, hàng phục vô minh, tánh như Kim Cương, không bị bất cứ cái gì làm hư hoại, nên gọi là Kim cương. Thập Kim Cương; cũng gọi là Thập Hồi Hướng. Vì ở trong mười tâm này mà tu hành, có

thể thực hành Ba thứ đại hồi hướng: Hồi sự hướng lý. Hồi nhân hướng quả. Hồi tự hướng tha.

Sự thành công của các A La Hán là khéo vận dụng các tri kiến: Như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải, bất sanh pháp tướng để làm cơ sở giác ngộ giải thoát cho mình.

Có câu rằng: Trần chẳng tương quan, biển cả nương dâu mặc thay đổi. Tâm không sở đắc, thông xanh mây trắng tự vui nhàn.

Điều mà ai cũng biết: Vật chất biểu hiện vô vàn hình thái hiện tượng khác nhau, nhưng không có cái thứ vật chất nào làm cho con người nên tội. Cũng như thế, trần là hiện tượng thu gọn, tổng kết vật chất qua sáu dạng: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trong cái từ **lục trần**, thì đã có thứ nào làm nên tội lỗi cho ai? Cho nên ta kết luận rõ ràng rằng **căn** cũng như **trần** đều không phải là nguyên nhân gây nên tội lỗi. Chẳng những thế mà còn ngược lại: **Căn trần** đều là những dữ kiện để đạt đạo thành tựu **Viên thông**. Thế nhập sâu sắc tự đáy nguồn chân lý đó.

Do con người nhận thức sai lầm vạn hữu, đánh giá thấp hoặc quá cao. Sự sai lầm đó, phủ lên hiện tượng vạn hữu lớp sương mù Biến Kế chấp, làm cho con người không nhận được thực chất Y tha duyên của hiện tượng vạn hữu. Do đó càng không thể biết được nguồn gốc thanh tịnh bản nhiên của Viên thành thật trong bản thể Như Lai Tàng. Do đó vọng sanh quan niệm: **Sanh, diệt, hữu, vô, đoạn, thường, khứ, lai . . .** loạn khởi.

Các Bồ Tát ngược dòng quán chiếu, thấy rõ sự thật Y tha dùng đuốc trí tuệ rọi tan sương mù Biến kế, nhận chân

cái thật tánh Viên thành của thất đại. Thì ra: Địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức vốn là chân không thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới. Không có một pháp nào mang theo, đem đến cho ta một mảy may vương víu một tí tí phiền não khổ đau nào!

Con số 108 là con số tiêu biểu, phiền não nghiệp của chúng sanh mà vốn có. Lục trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp khả dĩ tạo thành ba bậc nhiễm ô. Bậc một, nó làm cho con người đam mê đến độ không còn lý trí. Bậc hai, nó đáp ứng cho con người sự đắc ý vui lòng. Bậc ba, những thứ làm cho con người sanh thương, ghét, chê cần khử trừ triệt hạ.

Vì vậy, khi sáu căn tác động vào sáu trần có khả năng sanh ra 36 món nhiễm ô. 36 món nhiễm ô này xuất hiện trong ba thời: Đã, đang và sẽ. Đó là hệ quả của con số 108 được đặt ra. Ngày đêm sáu thời, mỗi thời trì tụng 108 biến, nhằm nhắc nhở với mọi người: Lòng hãy dạn lòng rằng: Trì chú cốt yếu để hóa giải những phiền não chướng có thể xảy đến, thông qua 6 căn, 6 trần và 6 thức của chính ta.

並諸菩薩摩訶薩，文殊師利法王子、阿逸多菩薩、乾陀訶提菩薩、常精進菩薩，與如是等諸大菩薩。及釋提桓因等，無量諸天大眾俱。

**Tinh chư Bồ Tát Ma Ha Tát, Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, dữ như thị đẳng chư đại Bồ Tát. Cập Thích Đề Hoàn Nhân đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu.**

*Và các vị Bồ Tát Ma Hát, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, cùng với các vị đại Bồ Tát như thế. Và Thích Đề*

***Hoàn Nhân v.v... vô lượng chư thiên đại chúng cùng nhóm họp.***

Trong Tự Phần có Tín - Nguyên - Hạnh, trong đoạn trước là mười sáu vị Thanh Văn nhằm khuyến tín (khuyên phát khởi lòng tin). Ở đây, trong hàng Bồ Tát, hai vị Bồ Tát đầu tiên được nêu tên nhằm khuyến chúng ta phát nguyện. Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử (文殊師利法王子): Phật tử rất nhiều, giống như đế vương cũng đông con, phải chọn ra một người làm Thái Tử để kế thừa ngôi vua trong tương lai. Nhà Phật dùng tỷ dụ này nên có danh xưng Pháp Vương Tử. Trong các vị Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát (S. Mañjuśrī, H. 文殊菩薩) trí huệ bậc nhất. Trong Pháp hội Hoa Nghiêm (華嚴), phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài và Phổ Hiền Bồ Tát đồng thời phát nguyện. Hai vị này là trợ thủ của Tỳ Lô Giá Na Phật (毘盧这那佛) trong thế giới Hoa Tạng, [hai vị Bồ Tát này cùng với Tỳ Lô Giá Na Phật, được gọi là Hoa Nghiêm Tam Thánh. Trong phần trên, A La Hán phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc.

Sau khi sanh về Tây Phương, đoạn dứt hai thứ sanh tử (Biến Dịch và Phần Đoạn), tiếp nhận sự dạy bảo của A Di Đà Phật, viên thành Phật đạo, điều này chúng ta còn có thể hiểu được; chứ Văn Thù và Phổ Hiền là bậc Đẳng Giác Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm, đều là bậc bồ xứ thành Phật sau này, các Ngài sanh về Tây Phương để làm gì? Nếu Tây Phương thế giới chẳng vượt trội thế giới Hoa Tạng, hai Ngài sanh về đó sẽ chẳng có mấy may ý nghĩa chi cả! Do đây, có thể biết rằng: Bất luận tu học pháp môn nào trong Phật pháp, đến cuối cùng, chỗ quy túc vẫn là thế giới Hoa Tạng. Sau khi sanh về Hoa Tạng, gặp Văn Thù, Phổ Hiền, các Ngài lại khuyến hành

giả niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

*Bồ Tát* là tiếng Phạn, gọi tắt của Bồ Đề Tát Đỏa: (Boddhisattva, H. 菩提萨埵). Người Hoa thích đơn giản, văn tự và ngôn ngữ chú trọng đơn giản, trọng yếu, rõ ràng. Huyền Trang đại sư dịch là Giác Hữu Tình (觉有情), dịch theo lối cổ (cách dịch trước thời ngài Huyền Trang) là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh, nhằm chỉ bậc chân chánh phát nguyện tu học, muốn viên thành Vô Thượng Đại Đạo. Ma Ha: (S. Mahā, H. 摩訶) là Đại, những vị thuộc địa vị Tam Hiền gọi là Bồ Tát, Đẳng Địa Bồ Tát gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát (菩薩摩訶薩). Thanh Văn, Duyên Giác chỉ có tâm tự lợi, chẳng chủ động giúp đỡ chúng sanh, nên gọi là Tiểu Thừa. Bồ Tát chủ động hóa độ chúng sanh vô điều kiện, vận dụng cả Bi lẫn Trí. Trong kinh này, những nhân vật đại biểu trong hàng Bồ Tát không nhiều, chỉ kể ra bốn vị. Phật vi Pháp Vương.

Trong hết thầy pháp, Phật đắc đại tự tại, nên gọi là Pháp Vương, đây là tiếng tôn xưng với ý nghĩa tỷ dụ. Văn Thù trí huệ bậc nhất, kế thừa sự nghiệp giáo hóa chúng sanh của đức Phật, vì thế, gọi là Pháp Vương Tử (con đấng Pháp Vương). Sự dạy học và truyền thừa trong Phật pháp coi trí huệ là bậc nhất. Huệ là mục tiêu cuối cùng, tột bậc của Phật pháp. Giới và Định là phương thức, phương pháp; vì thế, Phật học được gọi là “trí huệ chi học” (cái học trí huệ). Trí huệ, thần thông, đức năng của mỗi một vị Bồ Tát đều giống như nhau, bình đẳng, nhưng nhằm biểu thị pháp, mỗi một vị Bồ Tát nêu gương về một sở trường riêng, chẳng hạn như ngài Văn Thù là trí huệ bậc nhất. Pháp môn Niệm Phật này cần phải có trí huệ cao độ thì mới có thể tiếp nhận được.

Chúng ta nghe tới pháp môn này liền sanh đại hoan hỷ, phát đại nguyện, y giáo phụng hành, chính là chọn lựa theo trí huệ cao tột nhất, chẳng khác gì Văn Thù Bồ Tát và ngài Xá Lợi Phất. Trí huệ này là Thật Trí, không phải là trí huệ thông minh của thế gian. Do vậy, ngài Văn Thù được nên tên đầu tiên.

Thích Đề Hoàn Nhân: (S. Śakro-devānām Indrah, H. 釋提桓因) được dịch là Năng Vi Chủ, chính là vua cõi trời Đao Lợi (S. Trāyāstrimśa), tức tầng trời thứ hai trong Dục Giới. Ông này là chúa trời của ba mươi ba vị trời, còn gọi là Đế Thích Thiên, người Trung Quốc thường gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế.

爾時佛告長老舍利弗：從是西方，過十萬億佛土，有世界名曰極樂。其土有佛，號阿彌陀，今現在說法。

**Nhĩ thời, Phật cáo trưởng lão Xá Lợi Phất: Tùng thị Tây Phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc, kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp.**

**Lúc bấy giờ, Phật bảo trưởng lão Xá Lợi Phất: Từ đây đi qua phương Tây mười vạn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc, trong cõi ấy có Phật, hiệu là A Di Đà, nay hiện đang thuyết pháp.**

Trong đoạn kinh văn này có ba sự thật:

- a. Từ thế giới Ta Bà đi qua Tây Phương, trải qua mười vạn ức cõi Phật, có thế giới Cực Lạc.
- b. Trong cõi ấy, quả thật có A Di Đà Phật.
- c. A Di Đà Phật hiện đang thuyết pháp nơi đó.

Nay hiện đang thuyết pháp nhằm phân định trong hai thứ y báo và chánh báo đã có như đã nói trong phần trên, chẳng phải là trong quá khứ, đã diệt, chẳng phải là trong vị lai còn chưa thành, đúng là người nghe kinh rất nên phát nguyện vãng sanh hồng thân cận, nghe pháp, mau thành Chánh Giác. Lại nữa, hai chữ Hữu và chữ Hiện tại chính là phần Tựa nhằm khuyến tín. Thế giới tên là Cực Lạc là *phần Tựa khuyên hãy nên phát nguyện*. Phật hiệu A Di Đà, chính là phần Tựa nhằm khuyến thực hành diệu hạnh Trì Danh.

Lại nữa, A Di Đà là lời Tựa giới thiệu Phật, chữ Thuyết pháp là *lời Tựa giới thiệu Pháp*, hiện tại Hải hội là lời Tựa giới thiệu Tăng. Phật, Pháp, Tăng cùng một Thật Tướng, đó là lời Tựa nói về Thể. Từ đây, khởi lòng tin, phát nguyện, hành trì, là lời Tựa nói về Tông. Tín - Nguyện - Hạnh thành tựu, ắt được vãng sanh, thấy Phật nghe pháp, là lời Tựa nói về Dụng. Chỉ dùng một Phật giới làm cảnh sở duyên, chẳng xen tạp các sự khác, là lời Tựa nói về Giáo Tướng. Tựa Phần lời lẽ vẫn tắt, nhưng các ý bao gồm trọn đủ.

舍利弗，彼土何故名為極樂？其國眾生，無有眾苦，但受諸樂，故名極樂。

又舍利弗，極樂國土，七重欄楯，七重羅網，七重行樹，皆是四寶，周匝圍繞是故彼國名為極樂。

**Xá Lợi Phất! Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc chúng sanh, vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc.**

**Hựu Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, thất trùng lan**



thuần, thất trùng la võng, thất trùng hàng thụ, giai thị tứ bảo, châu táp vi nhiều. Thị cố bỉ quốc, danh vi Cực Lạc.

*Này Xá Lợi Phất! Cõi kia vì có sao tên là Cực Lạc? Chúng sanh trong cõi ấy không có các nỗi khổ, chỉ hưởng những niềm vui, nên gọi là Cực Lạc.*

*Lại này, Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc bảy tầng lan can, bảy tầng lưới giăng, bảy tầng hàng cây, đều bằng bảy báu vây quanh trọn khắp. Vì thế, cõi ấy tên là Cực Lạc.*

Kinh văn, đức Phật gọi ngài Xá Lợi Phất bảo: Cõi ấy vì sao gọi là Cực Lạc? Ngài Xá Lợi Phất trọn chẳng thể đáp được, vì đây là cảnh giới thuộc Phật quả, ngài Xá Lợi Phất chưa thành Phật, không thể đáp được. Do vậy, đức Phật tiếp tục nói, chúng sanh trong thế giới ấy không có các nỗi khổ, chỉ hưởng những niềm vui. Vì thế, gọi là Cực Lạc. Đức Phật dạy trong thế giới này của chúng ta, có năm thứ Thọ: Khổ, Lạc, Ưu, Hỷ, Xả. Thân có hai thứ Thọ là Lạc và Khổ (sướng và khổ), tâm có hai thứ Thọ là Ưu và Hỷ (buồn và vui). Nếu không có bốn thứ Thọ trên đây thì là Xả Thọ. Xả Thọ ngắn ngủi, tạm thời, nếu giữ được một thời gian dài sẽ là Định. Tuy đạt đến Tứ Thiền, Bát Định thì vẫn là Xả Thọ, chưa phải là tam-muội. Nếu vượt qua Bát Định, đạt đến Cửu Thứ Đệ Định thì mới vượt thoát tam giới.

Thất trùng hàng thụ, chữ thất chỉ bốn phương, trên, dưới và chính giữa, tượng trưng cho ý nghĩa viên mãn, hoàn toàn chẳng phải là con số. Ngẫu Ích đại sư nói thất biểu thị Thất khoa đạo phẩm; Tứ bảo biểu thị Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, đều nhằm biểu thị pháp, nhưng sự biểu thị chẳng phải chỉ có vậy.

七重，表七科道品。四寶，表常、樂、我、淨四德。周匝圍繞者，佛菩薩等無量住處也。

Thử đấng trang nghiêm, Đồng Cư độ thị tăng thượng thiện nghiệp sở cảm, diệc Viên Ngũ Phẩm Quán sở cảm. Dĩ duyên sanh thắng diệu Ngũ Trần vi Thế.

Phương Tiện Tịnh Độ, thị tức Không Quán Trí sở cảm, diệc Tương Tự Tam Quán sở cảm. Dĩ diệu Chân Đế, vô lậu Ngũ Trần vi Thế.

Thật Báo Tịnh Độ, thị diệu Giả Quán Trí sở cảm, diệc Phần Chứng Tam Quán sở cảm. Dĩ diệu Tục Đế, vô tận Ngũ Trần vi Thế.

Thường Tịch Quang độ, thị tức Trung Quán Trí sở cảm, diệc Cứu Cánh Tam Quán sở cảm, dĩ diệu Trung Đế, xứng tánh Ngũ Trần vi Thế.

Có những sự trang nghiêm như thế là vì cõi Đồng Cư do thiện nghiệp tăng thượng cảm thành, mà cũng do Ngũ Phẩm Quán trong Viên Giáo cảm thành, cõi Phạm Thánh Đồng Cư lấy Ngũ Trần thù thắng nhiệm màu do duyên sanh làm Thế.

Phương Tiện Tịnh Độ chính là do Không Quán Trí cảm thành, mà cũng do Tương Tự Tam Quán cảm thành. Dùng vô lậu Ngũ Trần trong Chân Đế màu nhiệm để làm Thế.

Thật Báo Tịnh Độ do Giả Quán Trí màu nhiệm cảm thành, mà cũng do Phần Chứng Tam Quán cảm thành, lấy vô tận Ngũ Trần trong Tục Đế màu nhiệm làm Thế.

Thường Tịch Quang do Trung Quán Trí cảm nên, mà cũng do Cứu Cánh Tam Quán cảm nên, dùng Ngũ Trần xứng tánh trong Trung Đế màu nhiệm làm Thế.

又舍利弗，極樂國土有七寶池，八功德水，充滿其中。池底純以金沙布地，四邊階道，金、銀、琉璃、玻璃合成。上有樓閣，亦以金、銀、琉璃、玻璃、磑磑、赤珠、瑪瑙而嚴飾之。池中蓮華，大如車輪，青色青光，黃色黃光，赤色赤光，白色白光，微妙香潔。

**Hữu Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, hữu thất bảo trì, bát công đức thủy, sung mãn kỳ trung. Trì để thuần dĩ kim sa bổ địa, tứ biên giai đạo, kim, ngân, lưu ly, pha lê hợp thành. Thượng hữu lâu các, diệp dĩ kim, ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não, nhi nghiêm sức chi. Trì trung liên hoa, đại như xa luân, thanh sắc thanh quang, hoàng sắc hoàng quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang, vi diệu hương khiết.**

**Lại này Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc có ao bằng bảy báu, nước tám công đức chứa đầy trong ấy. Đáy ao thuần dùng cát vàng trải đất, bực lên, lối đi ở bốn phía đều do vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành. Phía trên có lầu, gác, cũng dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não để trang hoàng. Hoa sen trong ao to như bánh xe, hoa màu xanh tỏa ánh sáng xanh, hoa màu vàng tỏa ánh sáng vàng, hoa màu đỏ tỏa ánh sáng đỏ, hoa màu trắng tỏa ánh sáng trắng, vi diệu, thơm, sạch.**

Đoạn trên nói về chỗ ở, đoạn này nói về chỗ sanh ra. Ao báu bằng vàng, bạc v.v... hợp thành, chẳng giống như phương này ao bằng đất, đá. Nước tám công đức là: 1. Trong lắng. 2. Trong mát. 3. Ngọt ngào, 4. Mềm nhẹ, 5. Tươi nhuận, 6. An hòa, 7. Trừ đói khát. 8. Tăng trưởng các căn.

Bát Công Đức Thủy (八功德水), là nước có đầy đủ 8

loại Công Đức thù thắng; còn gọi là Bát Vị Thủy (八味水), Bát Chi Đức Thủy (八之德水), Bát Định Thủy (八定水). Cõi Tịnh Độ của chư Phật có hồ nước đầy đủ 8 công đức. Tám loại đó là: Lắng sạch, trong lạnh, ngọt ngon, nhẹ mềm, tươi mát, an hòa, trừ đói khát, nuôi lớn các căn. Đồng thời, nơi 7 dòng biển bao quanh núi Tu Di, cũng có đầy đủ nước 8 công đức. Trong Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh (稱贊淨土佛攝受經 Taishō Vol. 12, No. 367) giải thích rằng: Hà đẳng danh vi Bát Công Đức Thủy? Nhất giả trừng tịnh, nhị giả thanh lãnh, tam giả cam mỹ, tứ giả khinh nhuyễn, ngũ giả nhuận trạch, lục giả an hòa, thất giả ẩm thời trừ cơ khát đẳng vô lượng quá hoạn, bát giả ẩm dĩ định năng trưởng dưỡng chư căn Tứ Đại, tăng ích chủng chủng thù thắng thiện căn, đa phước chúng sanh, trường lạc thọ dụng (何等名爲八功德水? 一者澄淨, 二者甘美, 四者輕軟, 五者潤澤, 六者安, 七者飲時除饑渴等無量過患, 八者飲已定能長養諸根四大, 增益種種殊勝善根, 多福衆生長樂受用。 Thế nào là Nước Có Tám Công Đức? Một là lắng sạch, hai là trong lành, ba là ngọt ngon, bốn là nhẹ mềm, năm là tươi mát, sáu là an hòa, bảy là khi uống trừ được vô lượng sai lầm, âu lo như đói khát, v.v., tám là uống rồi được định, có thể nuôi lớn các căn, Tứ Đại, làm cho tăng ích các loại căn lành thù thắng, chúng sanh có nhiều phước sẽ vui mừng thọ dụng lâu dài). Hay trong Hồi Hướng Văn (迴向文 Taishō Vol.85, No.2848) lại có câu: Bát Công Đức Thủy khứ cầu trừ tai, Thất Tịnh Diệu Hoa trang nghiêm pháp thể (八功德水去垢除災, 七淨妙花莊嚴法體 Nước Tám Công Đức khứ nhớt trừ tai, Bảy Hoa Sạch Màu trang nghiêm pháp thể). Lại nữa, trong Phật Thuyết A Di Đà Kinh (佛說阿彌陀經 Taishō

Vol. 12, No. 366) cũng có câu: Hựu Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, hữu thất bảo trì, bát công đức thủy, sung mãn kỳ trung. Trì để thuần dĩ kim sa bố địa, tứ biên giai đạo, kim, ngân, lưu ly, pha lê hợp thành. Thượng hữu lâu các, diệp dĩ kim, ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não, nhi nghiêm sức chi. Trì trung liên hoa, đại như xa luân, thanh sắc thanh quang, hoàng sắc hoàng quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang, vi diệu hương khiết. (又舍利弗，極樂國土有七寶池，八功德水，充滿其中。池底純以金沙布地，四邊階道，金、銀、琉璃、玻璃合成。上有樓閣，亦以金、銀、琉璃、玻璃、磑磑、赤珠、瑪瑙而嚴飾之。池中蓮華，大如車輪，青色青光，黃色黃光，赤色赤光，白色白光，微妙香潔。Lại nữa, Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc có ao bằng bảy báu, nước tám công đức chứa đầy trong ấy. Đáy ao thuần dùng cát vàng trải đất, bậc lên, lối đi ở bốn phía đều do vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành. Phía trên có lầu, gác, cũng dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não để trang hoàng. Hoa sen trong ao to như bánh xe, hoa màu xanh tỏa ánh sáng xanh, hoa màu vàng tỏa ánh sáng vàng, hoa màu đỏ tỏa ánh sáng đỏ, hoa màu trắng tỏa ánh sáng trắng, vi diệu, thơm, sạch). Ngoài ra, trong bài sớ Sái Tịnh có câu: Phù thử thủy giả, Bát Công Đức Thủy tự thiên chơn, tiên tẩy chúng sanh nghiệp cầu trần, biến nhập Tỳ Lô Hoa Tạng giới (phàm loại nước này, là Nước Tám Công Đức, xuất xứ từ nguồn chơn của trời đất, trước hết rửa sạch bụi dơ nghiệp của chúng sanh, chuyển nhập vào thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật).

Khi rót nước cúng Phật, trì niệm kệ chú, gia trì chơn ngôn, mỗi lần tụng chú này 7 biến, nên để tâm quán tưởng,

đây là bình như ý, tuôn ra đầy đủ những thứ trân bảo, trước cúng Phật, sau cúng chư Thiên, kể đến cúng chư quý thần, cho đến cúng ngạ quỷ, súc sanh, thủy đều thọ dụng đầy đủ như ý.

Quán thủy chơn ngôn 灌水真言 : Án phạt tất ba ra ma ni tá ha (唵。罽瑟鉢囉摩尼莎訶). Đây là chơn ngôn khi rót nước vào bình để dâng cúng Phật.

Rót tức là trút vào, chế nước vào bình đã sạch. Cũng ví như tâm đã trong sáng thanh tịnh có thể kham nhận chánh pháp giải thoát. Khi cầm bình đi cúng Phật, phải giữ oai nghi, mỗi khi rót nước cũ ra, nếu đem đi rưới bên ngoài đất sạch cho chúng sanh và quý thần thọ hưởng, thì tay bắt ấn cam lồ (như cúng quá đường) miệng thầm đọc Chơn ngôn Cam Lộ thủy: Nẳng mờ tô rô bà da, đát tha nga đa da đát điệt tha. Án tô rô, tô rô bát ra, tô rô bát ra. Tô rô ta bà ha. 曩謨蘇嚕婆耶。怛他識多耶。怛姪他。唵。蘇嚕蘇嚕。鉢囉蘇嚕。鉢囉蘇嚕。娑婆訶。

Bạc lên, lối đi bằng bốn báu nhằm phân biệt khác [với cõi này, bạc lên, lối đi] bằng gạch, đá. Có tầng bạc gọi là Giai, *đường bằng* phẳng gọi là Đạo. Nhà nhiều tầng là Lâu, lầu cao là Các. Lầu gác bằng bảy báu, khác với phương này, lầu các được dựng bằng đất, gỗ, sơn màu xanh đỏ. Lầu gác là chỗ ở và nơi cử hành pháp hội. Nhưng hễ được sanh vào ao báu, thì khi búp sen nở, liền có thể lên bốn bờ, vào pháp hội, thấy Phật, nghe pháp. Hoa sen to như bánh xe: Kim luân của Chuyển Luân thánh vương to bốn mươi dặm. Hơn nữa, ở đây chỉ nêu ra hoa nhỏ nhất. Nếu căn cứ theo Quán Kinh và pháp hội Vô Lượng Thọ [trong kinh Đại Bảo Tích] thì hoa sen lớn

hay nhỏ thật sự chẳng thể lường được, vì thân tướng [của những người] trong cõi ĐỒNG CƯ khác nhau. Hoa sen màu xanh gọi là Ưu Bát La (Utpala), hoa màu vàng gọi là Câu Vật Đầu (Kumuda), hoa đỏ gọi là Bát Đầu Ma (Padma), hoa trắng gọi là Phân Đà Lợi (Pundarika). Do thân của người sanh về đó có quang minh nên búp sen cũng có quang minh. Nhưng hoa sen trong Cực Lạc màu sắc và quang minh vô lượng, ở đây cũng chỉ là nói đại lược mà thôi. Vi diệu hương khiết, là từ ngữ khen ngợi đại lược bốn đức của hoa sen. Có chất mà không có hình thì gọi là Vi. Vô ngại là Diệu. Không có hình thì không có trần, nên là Khiết. Búp sen như thế thì thân của người được vãng sanh cứ suy theo đó sẽ có thể biết được.

舍利弗，極樂國土成就如是功德莊嚴。

**Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.**

**Này Xá Lợi Phất, cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế.**

Câu này nói rõ các thứ trang nghiêm nơi chỗ ở và chỗ sanh về đều được thành tựu bởi đại nguyện, đại hạnh và công đức xứng tánh của A Di Đà Phật. Vì thế, có thể trang nghiêm trọn khắp bốn thứ Tịnh Độ, có thể nhiếp khắp hết thảy phàm thánh trong mười phương thế giới vãng sanh. Lại nữa, Phật dùng đại nguyện để làm cái nhân nhiều thiện căn cho chúng sanh, dùng đại hạnh để làm cái nhân lắm phước đức cho chúng sanh, khiến những kẻ tin nguyện trì danh trong mỗi niệm thành tựu công đức như thế, [những công đức như thế] đều là đã thành, chứ không phải là trong hiện tại hay tương lai mới thành. Đây chính là dùng các thứ trang

nghiêm của A Di Đà Phật để làm bản chất tăng thượng nhằm dẫn khởi những thứ trang nghiêm trong tự tâm của chúng sanh. Toàn thể Phật chính là chúng sanh, toàn thể Tha chính là Tự. Vì thế, nói: Thành tựu công đức trang nghiêm như thế đấy.

又舍利弗，彼佛國土，常作天樂，黃金為地。晝夜六時，雨天曼陀羅華。其土眾生，常以清旦，各以衣祴，盛眾妙華，供養他方十萬億佛。即以食時，還到本國，飯食經行。

**Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ thường tác thiên nhạc, hoàng kim vi địa, trú dạ lục thời, vũ thiên Mạn Đà La hoa. Kỳ độ chúng sanh, thường dĩ thanh đán, các dĩ y kích, thịnh chúng diệu hoa, cúng dường tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ thực thời, hoàn đáo bốn quốc, phạn thực kinh hành.**

***Lại này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thường tấu nhạc trời, vàng ròng làm đất. Ngày đêm sáu thời tuôn mưa hoa Mạn Đà La. Chúng sanh cõi ấy, thường vào sáng sớm, ai nấy dùng lẵng đựng hoa, đựng các hoa đẹp, cúng dường mười vạn ức Phật ở phương khác. Liền trong khoảng bữa ăn, trở về nước mình, dùng cơm xong đi kinh hành.***

Tây Phương thế giới thường có nhạc trời tấu trên không trung, tùy theo ý thích của từng người mà nghe loại âm nhạc mình yêu thích. Mặt đất và đường đi đều phủ vàng ròng. Trú dạ lục thời, vũ thiên Mạn Đà La hoa (Ngày đêm sáu thời, tuôn mưa hoa Mạn Đà La). Đức Phật thuận theo quan niệm về thời gian của chúng sanh trong cõi này (Ta Bà) mà nói ngày đêm sáu thời chứ thật ra, ở Tây Phương



không có ngày đêm!

Mạn Đà La (Māndārava, Mandāraka) là tiếng Phạn, dịch nghĩa là Thích Ý, tức là thấy và nghe đều đẹp ý mình. Về tình trạng sinh sống của chúng sanh cõi ấy, họ có thần thông rộng lớn, thường vào lúc sáng sớm, ai nấy dùng lẵng đựng hoa đựng các loại hoa đẹp, cúng dường mười vạn ức Phật trong những phương khác. Mười vạn ức, ở đây cũng là nói phương tiện, chứ thật ra chẳng phải chỉ có mười vạn ức, nói như vậy nhằm thích hợp với những người vãng sanh từ thế giới Ta Bà, tình ý rất sâu, chẳng bỏ được quê nhà, mỗi ngày đều có thể quay về nhìn ngó, đồng thời cúng dường mười vạn ức Phật ở những phương khác. Đủ thấy họ có thuật phân thân.

舍利弗，極樂國土，成就如是功德莊嚴。復次舍利弗，彼國常有種種奇妙雜色之鳥，白鶴、孔雀、鸚鵡、舍利、迦陵頻伽、共命之鳥。是諸眾鳥，晝夜六時，出和雅音。其音演暢五根、五力、七菩提分、八聖道分，如是等法。其土眾生，聞是音已，皆悉念佛念法念僧。

**Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm. Phục thứ, xá Lợi Phất! Bỉ quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu tạp sắc chi điểu, bạch hạc, khổng tước, anh vũ, xá-lợi, calăng- tần-già, cộng mạng chi điểu. Thị chư chúng điểu, trú dạ lục thời, xuất hòa nhã âm. Kỳ âm diễn sớng Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, như thị đẳng pháp. Kỳ độ chúng sanh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.**

*Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế đấy. Lại này, Xá Lợi Phất! Cõi ấy thường có các loài chim nhiều màu, kỳ diệu như bạch hạc,*

***chim công, chim vẹt, xá-lợi, ca-lăng tần- già, cộng mạng. Những con chim ấy ngày đêm sáu thời hót tiếng hòa nhã. Tiếng hót ấy diễn nói thông suốt Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần... những pháp giống như vậy. Chúng sanh cõi ấy nghe tiếng ấy rồi, thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.***

Người đời nghiệp vãng sanh hoàn toàn dựa vào công đức gia trì từ bốn nguyện của A Di Đà Phật, điều khó có gì đáng quý hơn là họ có thể tùy ý phân thân qua lại các cõi Phật trong mười phương, cúng Phật, nghe pháp, độ sanh, giống như các vị Pháp Thân đại sĩ chẳng hai, chẳng khác. Như Quán Kinh và Vô Lượng Thọ Kinh đã dạy, phàm ai vãng sanh đều có năng lực gần giống như Phật. Phật có thể từ trong tay biến hiện vật dụng thường ngày, như quần áo, thức ăn và tràng, phan, lọng báu, hoa trời, âm nhạc để cúng Phật và cũng đồng thời lợi ích hết thảy chúng sanh. Mười phương thế giới chẳng có việc này, chỉ riêng Tây Phương là như thế.

Chúng chủng kỳ diệu tạp sắc ý nói các loài chim trong cõi Cực Lạc đã nhiều còn đẹp. Tiếp đó, kinh nêu đại lược sáu loại. Ca Lăng Tần Già, cõi này dịch là Diệu Âm. Chim này khi chưa ra khỏi vỏ trứng, tiếng hót của nó đã vượt trội các loài chim khác. Cộng Mạng là chim có hai đầu một thân, mỗi đầu có thần thức khác biệt, nhưng có chung một báo thân. Hai loại chim này có ở những nơi như Tuyết Sơn v.v... bên Tây Vực. Đều là mượn tên những loài chim được yêu thích, tán thưởng trong cõi này để tạm mô tả những loài chim trong cõi Cực Lạc. Do kinh chép Sáu thời vang tiếng hót, nói về ba mươi bảy đạo phẩm, nghĩa là: Tứ Niệm Xứ gồm một là Thân

Niệm Xứ, hai là Thọ Niệm Xứ, ba là Tâm Niệm Xứ, bốn là Pháp Niệm Xứ.

舍利弗。汝勿謂此鳥。實是罪報所生。所以者何。彼佛國土。無三惡道。舍利弗。其佛國土。尚無惡道之名。何況有實。是諸眾鳥。皆是阿彌陀佛。欲令法音宣流。變化所作。

**Xá Lợi Phất! Nhữ vật vị thử điều thật thị tội báo sở sanh. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc độ vô tam ác đạo. Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà huống hữu thật? Thị chư chúng điều giai thị A Di Đà Phật dục linh pháp âm tuyên lưu, biến hóa sở tác.**

**Này Xá Lợi Phất! Ông đừng nói những con chim ấy là do tội báo mà sanh ra. Vì cớ sao vậy? Cõi nước Phật ấy không có ba đường ác. Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy còn không có danh từ ba đường ác, huống là có thật! Các loài chim ấy là do A Di Đà Phật muốn cho pháp âm được lan truyền rộng khắp mà biến hóa ra.**

Cõi nước Tây Phương cực lạc, những loài chim như vậy hoàn toàn chẳng có sanh mạng, đều do đức A Di Đà Phật biến hóa ra. Toàn thể cấu tạo của Tây Phương là do Tỳ kheo Pháp Tạng đối trước tòa của đức Thế Tự Tại Vương Phật, nương vào oai thần của Phật, tham khảo tình hình trong các thế giới Phật ở khắp mười phương, tập hợp những điểm tốt đẹp nhất để tạo thành. Không riêng gì các loài chim thuyết pháp, thậm chí cây báu, nước chảy đều có thể thuyết pháp, đều do A Di Đà Phật hóa ra. A Di Đà Phật do đại nguyện từ bi, giúp đỡ con người đởi nghiệp vãng sanh, sanh về Cực Lạc thế giới là nơi có hoàn cảnh tu học tốt đẹp và thiện duyên

thù thắng, chẳng đến nổi nảy sanh một vọng niệm nào. Do vậy, Cực Lạc thế giới giống như một lớp học vĩ đại, Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật và mười phương hết thầy chư Phật cổ vũ, khích lệ chúng ta vãng sanh Cực Lạc thế giới là vì nguyên nhân này.

舍利弗。彼佛國土。微風吹動。諸寶行樹。及寶羅網。出微妙音。譬如百千種樂。同時俱作。聞是音者。自然皆生。念佛。念法。念僧之心。

**Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ, vi phong xuy động, chư bảo hàng thụ, cập bảo la võng, xuất vi diệu âm, thí như bách thiên chủng nhạc, đồng thời câu tác. Văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chi tâm.**

***Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật, gió nhẹ thổi động các hàng cây báu và màn lưới báu, phát ra âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn loại nhạc cùng lúc tấu lên. Kẻ nghe âm thanh ấy tự nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.***

Đoạn kinh văn này nói về hàng cây diễn nói pháp trong cõi Cực Lạc. Những con chim nói trong phần trước là loài hữu tình, trong đoạn này nói về loài vô tình.

Tình dữ vô tình, đồng tuyên Diệu pháp. Hữu Tình là động vật, Vô Tình là khoáng vật và thực vật. Tất cả hết thầy vạn vật đều có Tánh, hữu tình chúng sanh có Phật Tánh, còn vô tình chúng sanh có Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là một. Vì là cùng một tánh nên hữu tình chúng sanh có thể thành Phật, mà vô tình chúng sanh cũng có thể thành Phật. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Tình và vô tình, cùng viên thành

Chủng Trí”. Trừ Đại Thừa Phật pháp ra, [trong các giáo pháp khác] chưa từng nghe nói điều này. Trong kinh, đức Phật nói, hữu tình chúng sanh thành Phật, vô tình chúng sanh cũng liên đới thành Phật.

舍利弗。其佛國土。成就如是功德莊嚴。舍利弗。於汝意云何。彼佛何故。號阿彌陀？舍利弗。彼佛光明無量。照十方國。無所障礙。是故號為阿彌陀。

**Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm. Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Bỉ Phật hà cố, hiệu A Di Đà?**

**Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại. Thị cố hiệu vi A Di Đà Phật.**

***Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó. Này Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Vì sao đức Phật ấy hiệu là A Di Đà?***

***Này Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy quang minh vô lượng, chiếu mười phương cõi nước không bị chướng ngại. Do vậy, Ngài có hiệu là A Di Đà Phật.***

Như vậy, hết thảy sự trang nghiêm ấy chính là do trí huệ rất ráo viên mãn nơi quả địa Như Lai tạo thành, mà cũng là do Nhất Thiết Chủng Trí của A Di Đà Phật hiện ra. Giai ngộ nhân tịnh nghiệp sở cảm, duy thức sở biến (đều do tịnh nghiệp của chúng ta chiêu cảm, chỉ là do thức biến): Thế giới Cực Lạc do A Di Đà Phật tạo ra, sau khi chúng ta đến đó cũng sẽ tăng thêm một phần rực rỡ cho A Di Đà Phật, vì tâm tánh của chúng ta và tâm tánh của A Di Đà Phật là một chứ không phải hai. Vì thế gọi là Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ.

Tâm tánh tịch mà thường chiếu nên gọi là quang minh. Nay chứng thấu triệt cái Thể vô lượng của tâm tánh nên quang minh vô lượng. Chư Phật đều chứng thấu triệt tánh thể, quang minh đều chiếu mười phương, đều có thể gọi là Vô Lượng Quang.

Hết thầy chư Phật đều là vô lượng quang, vô lượng thọ. Khi tu nhân, mỗi vị học Phật có nguyện lực khác nhau, mục đích ở chỗ nào, mong sẽ đạt được gì trong tương lai, mỗi người cũng khác nhau. Trên quả địa, tuy đức năng, trí huệ hoàn toàn giống nhau, nhưng nhân duyên độ sanh khác nhau. Sự tu hành của hết thầy chư Phật khi đang tu nhân, trong các kinh Đại Tiểu Thừa, đức Phật đã nói quá nhiều. Nếu so sánh thì quả thật khi tu nhân, A Di Đà Phật đã phát nguyện khác biệt mọi người, chẳng những to lớn mà còn cụ thể. Ngài chẳng những mong thành Phật mà còn mong vượt trỗi chư Phật. Nói là “vượt trỗi” không phải là trí huệ, đức năng mà là vượt trỗi trong phương diện độ sanh.

Như kinh Di Đà dùng số Bảy, kinh Hoa Nghiêm dùng số Mười, đều nhằm biểu thị pháp. Mật Tông thường dùng số mười sáu và hai mươi mốt; đủ thấy trong lúc tu nhân, Tỳ kheo Pháp Tạng đã kết duyên với chúng sanh tội hư không, trọn pháp giới, sâu rộng như thế. Thầy của Ngài là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai giảng kinh thuyết pháp cho Ngài, giảng cho Ngài nghe y báo, chánh báo trang nghiêm, nhân quả thiện ác của mười phương các cõi Phật, lại còn dùng Phật thần lực, biến hiện mười phương các cõi nước cho tỳ-kheo Pháp Tạng đích thân trông thấy. Sau khi Ngài thành Phật, tất cả hết thầy cõi nước đều là khu vực giáo hóa của Ngài. Do vậy, hết thầy chư Phật trong mười phương thế giới đều

khuyên chúng sanh cầu sanh Tịnh Độ.

又舍利弗。彼佛壽命。及其人民。無量無邊阿僧祇劫。故名阿彌陀。舍利弗。阿彌陀佛成佛已來。於今十劫。又舍利弗。彼佛有無量無邊聲聞弟子。皆阿羅漢。非是算數之所能知。諸菩薩衆。亦復如是。

**Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật thọ mạng cập kỳ nhân dân, vô lượng vô biên A Tăng Kỳ kiếp, cố danh A Di Đà. Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp. Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử giai A La Hán, phi thị toán số chi sở năng tri. Chư Bồ Tát chúng diệc phục như thị.**

*Lại này Xá Lợi Phất! Thọ mạng của đức Phật ấy và nhân dân của Ngài là vô lượng vô biên A Tăng Kỳ kiếp, nên có tên là A Di Đà. Nay Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật thành Phật đến nay đã mười kiếp. Lại này, Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy có vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, đều là A La Hán, chẳng thể dùng toán số để biết được. Các hàng Bồ Tát cũng giống như vậy*

Đoạn kinh văn này cho biết trong Tây Phương thế giới, thọ mạng của Phật và nhân dân rất dài, đều là vô lượng; vì thế, gọi là A Di Đà. Sách Yếu Giải viết: Tâm tánh chiếu nhi thường tịch, cố vi thọ mạng. Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thể, cố thọ mạng vô lượng dã. (Tâm tánh chiếu mà thường tịch nên [mệnh danh] là thọ mạng. Nay chứng triệt cái Thể vô lượng của tâm tánh, cho nên thọ mạng vô lượng). Đây là nói theo lý luận, vì sao nhân dân tại Tây Phương vô lượng thọ. Nhà Thiền nói Minh tâm Kiến tánh, thì Kiến có nghĩa là Chứng.

Đệ tử Thanh Văn trong thế giới Tây Phương đều là giả nói. Nếu họ thật sự mang căn tánh Tiểu Thừa sẽ chẳng thể vãng sanh thế giới Cực Lạc! Căn tánh Tiểu Thừa mà nếu hồi Tiểu hướng Đại thì cũng có thể thành tựu.

Người Tiểu Thừa sanh về Tây Phương đều là Bồ Tát, lại còn đều là A Bộ Bạt Trí, là Bồ Tát chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Tạng Giáo và Thông Giáo chẳng nghe danh hiệu Phật trong các phương khác; nay những ai nghe danh hiệu Di Đà, tín nguyện vãng sanh, nói chung đều thuộc về Biệt Giáo và Viên Giáo. Kinh Vô Lượng Thọ tán thán bậc Bồ Tát trong Tây Phương thế giới có trọn đủ vô lượng công đức, từng nêu ra hai mươi ba tỷ dụ, như “trí huệ rộng sâu như biển cả, tam muội bất động như núi Tu Di” v.v.... Đấy đều chẳng phải là những thứ mà Tạng Giáo hay Thông Giáo Bồ Tát có được. Hễ ai đởi nghiệp vãng sanh Tây Phương thì cũng được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì; đồng thời lại được đại chúng đồng tu bạn lữ gia trì. Mỗi một vị Bồ Tát trong Tây Phương thế giới đều yêu mến, bảo vệ mỗi vị Bồ Tát mới sanh về, gia trì vị ấy.

舍利弗。彼佛國土。成就如是。功德莊嚴。

**Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.**

**Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó.**

Đoạn kinh văn tổng kết này giống như đoạn trước, chỉ có ý nghĩa khác nhau. Đoạn trước nói về sự trang nghiêm nơi y báo, còn đoạn này nói về sự trang nghiêm nơi chánh báo. Tu hành trong thế giới Ta Bà bắt đầu từ khi chứng được Sơ



Quả Tu Đà Hoàn, đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới của Kiến Tư thiền não, bắt đầu từ ngày hôm ấy, tu hết một A Tăng Kỳ kiếp mới chứng được quả vị Tam Hiền, tu hết một A Tăng Kỳ kiếp thứ hai mới có thể chứng đến quả vị Thất Địa, tu hết một A Tăng Kỳ kiếp thứ ba mới chứng được quả vị Pháp Vân Địa, lên cao hơn nữa là Đẳng Giác. Tu trọn ba A Tăng Kỳ kiếp thì mới có thể đạt đến địa vị ấy, còn Tây Phương thế giới chỉ cần mười kiếp, trong một đời liền đạt được, chẳng cần phải đợi đến đời thứ hai. Đây chính là Thành tựu như thị công đức trang nghiêm như thế.

又舍利弗。極樂國土。眾生生者。皆是阿鞞跋致。其中多有一生補處。其數甚多。非是算數所能知之。但可以無量無邊阿僧祇說。

**Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, chúng sanh sanh giả, giai thị A Bộ Bạt Trí. Kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ, kỳ số thậm đa, phi thị toán số sở năng tri chi, đản khả dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết.**

**Này Xá Lợi Phất! Chúng sanh sanh về cõi nước Cực Lạc đều là A Bộ Bạt Trí, trong ấy có nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ, chẳng thể tính toán để biết được số lượng, chỉ có thể nói là vô lượng, vô biên, A Tăng Kỳ.**

A Bộ Bạt Trí (S. Avaivartika, H. 阿鞞跋致) cõi này dịch là Bất Thoái: 1. Vị Bất Thoái: Nhập dòng thánh, chẳng đọa vào địa vị phàm phu. 2. Hạnh Bất Thoái: Luôn độ sanh, chẳng đọa vào địa vị Nhị Thừa. 3. Niệm Bất Thoái: Tâm tâm lưu nhập biển Nhất Thiết Trí.

舍利弗。眾生聞者。應當發願。願生彼國。所以者

何。得與如是諸上善人。俱會一處。

**Xá Lợi Phất! Chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà? Đắc dữ như thị chư thượng thiện nhân, câu hội nhất xứ.**

**Này Xá Lợi Phất! Chúng sanh nghe vậy, hãy nên phát nguyện, nguyện sanh vào cõi ấy. Vì cớ sao thế? Được cùng các vị thượng thiện nhân như thế cùng tụ hội một chỗ.**

Đức Thế Tôn kêu ngài Xá Lợi Phất, mà cũng là gọi chúng ta, khuyên dạy chúng ta hãy nên phát nguyện, nguyện sanh vào cõi ấy. Hoa Nghiêm là pháp môn căn bản của các giáo pháp trong suốt một đời đức Phật. Hết thấy các kinh đều là quyển thuộc của Hoa Nghiêm, chỗ quy túc của pháp môn căn bản là Tây Phương Cực Lạc thế giới nhưng mọi người chẳng thể tin tưởng, nói chung là vì thiện căn còn chưa thuần thực.

舍利弗。不可以少善根福德因緣。得生彼國。

舍利弗。若有善男子。善女人。聞說阿彌陀佛。執持名號。若一日。若二日。若三日。若四日。若五日。若六日。若七日。一心不亂。其人臨命終時。阿彌陀佛。與諸聖眾。現在其前。是人終時。心不顛倒。即得往生。阿彌陀佛。極樂國土。

舍利弗。我見是利。故說此言。若有眾生。聞是說者。應當發願。生彼國土。

**Xá Lợi Phất! Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc.**

**Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật,**

nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn, kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.

**Xá Lợi Phất!** Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn, nhược hữu chúng sanh, văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.

*Xá Lợi Phất! Chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh vào nước ấy.*

*Này Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn, khi người ấy lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mặt. Người ấy lúc lâm chung, tâm chẳng điên đảo liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật.*

**Xá Lợi Phất!** Ta thấy điều lợi ấy nên nói lời này. Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện sanh về cõi nước ấy.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất: Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc. Chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh vào nước ấy. Thiện căn là tin tưởng sâu xa, phước đức là phát tâm niệm Phật, thành tựu phước đức lớn nhất trong thế gian lẫn xuất thế gian.

Ngã kiến là mắt Phật thấy thấu suốt đến cùng tận. Thị

lợi là những điều lợi như vượt khỏi cõi Ngũ Trược theo chiều ngang, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, đạt thẳng đến các địa vị Bất Thoái viên mãn. Điều lợi chẳng thể nghĩ bàn về mặt công đức vậy.

Đây là lần thứ hai đức Phật khuyên người nghe hãy nên phát nguyện. Câu ngã kiến thị lợi, này khẩn yếu nhất. Thích Ca Mâu Ni Phật chính mắt thấy được điều lợi ích thù thắng này, thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương thế giới, người vãng sanh bất luận là ai, dẫu là chúng sanh từ ác đạo sanh về Cực Lạc cũng đều chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Hết thảy các cõi Phật không có điều này, do điều này nên Phật mới khuyến khích chúng ta hãy nên vãng sanh.

舍利弗。如我今者。讚歎阿彌陀佛。不可思議功德之利。

**Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, tán thán A Di Đà Phật, bất khả tư nghị công đức chi lợi.**

***Này Xá Lợi Phất! Như ta nay khen ngợi A Di Đà Phật công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật.***

Đức Phật gọi ngài Xá Lợi Phất, nhắc nhở Ngài hãy đặc biệt chú ý: Tiếp theo đây, ta sẽ nói những lời quan trọng. Như ngày nay, ta khen ngợi công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật. Công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn là gì? Trong đoạn Yếu Giải này, đại sư đã nêu ra tường tận. Nói đại lược thì có năm ý:

**1) Siêu thoát tam giới theo chiều ngang, chẳng đợi đoạn Hoặc:** Pháp môn này của chúng ta chẳng cần phải đoạn Hoặc, vượt ngang ra khỏi tam giới<sup>151</sup> nên gọi là

“hoành siêu tam giới”.

**2) Tây Phương có đủ cả bốn cõi, chẳng do chứng đắc dần dần:** Tuy vãng sanh Tây Phương thế giới thuộc Hạ Hạ Phẩm, nhưng cũng viên tịnh tứ độ.

**3) Chỉ trì danh hiệu, chẳng cần tới các phương tiện Thiên, Quán:** Phương pháp tu hành chỉ dựa vào một câu Nam Mô A Di Đà Phật từ Sơ Phát Tâm cho đến khi thành Phật, chẳng cần bất cứ một pháp môn nào khác để phụ trợ. Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương chính là chứng minh cực hay.

**4) Lấy bảy ngày làm kỳ hạn, chẳng cần đến nhiều đời, nhiều kiếp, nhiều năm tháng:** Tịnh Độ Tông đả Phật thất, chính là căn cứ trên kinh Di Đà. Tín nguyện trì danh, bảy ngày liền đắc Niệm Phật tam-muội, quyết định được vãng sanh.

**5) Trì một danh hiệu Phật liền được chư Phật hộ niệm, chẳng khác trì danh hiệu của hết thảy chư Phật:** Đức Phật nói: Không một vị Phật nào chẳng niệm A Di Đà Phật, không một vị Phật nào chẳng giảng kinh A Di Đà. Tựa đề của bộ kinh này là Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

東方亦有阿閼鞞佛。須彌相佛。大須彌佛。須彌光佛。妙音佛。如是等。恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是。稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。

**Đông phương diệc hữu A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới,**

thuyết thành thật ngôn: Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

*Phương Đông cũng có A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, các đức Phật nhiều như cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡn rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thế Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này.*

Phật A Súc Bệ, cõi này dịch là Vô Động, Phật có vô lượng đức, đương nhiên có vô lượng danh hiệu. Tùy theo căn cơ, của chúng sanh hóa độ mà lập một danh hiệu, hoặc dùng nhân, hoặc dùng quả, hoặc Tánh, hoặc Tướng, hoặc hạnh nguyện v.v... để đặt tên. Tuy nêu lên một khía cạnh, nhưng mỗi danh hiệu đều đầy đủ bốn món Tất Đàn. Đối với mỗi danh hiệu, muốn giảng rõ tánh đức được phô diễn bởi danh hiệu ấy thì dù có sống lâu cả kiếp để diễn nói cũng chẳng thể nào nói trọn hết được.

Trong Ngũ Hành, phương Đông thuộc Mộc, phương Nam thuộc Hỏa, phương Tây thuộc Kim, phương Bắc thuộc Thủy, chính giữa thuộc Thổ, rất gần với cách nhìn của người Ấn Độ. Danh hiệu của năm vị Phật này, A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, tượng trưng cho căn bản tu học trong pháp môn.

Vị thứ nhất là: A Súc Bệ Phật, A Súc Bệ (S. Akshobhya, H. 阿閼鞞佛) nghĩa là Bất Động, biểu thị học Phật, đối với bất cứ pháp môn nào, Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Tông Môn

hay Giáo Hạ, Hiển Giáo hay Mật Giáo đều phải bất động. Đây là điều kiện cơ bản nhất. Nếu thứ gì cũng học, ắt sẽ chẳng thành một việc nào! Cần phải *Tám gió thổi chẳng động*, thì mới có tư cách nhập môn nhà Phật (須彌相佛。大須彌佛。須彌光佛。妙音佛)。Đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần tâm chẳng động, lại còn phải tiến hơn một bước nữa là chẳng bị lay động bởi các pháp môn khác. Pháp môn, tông phái rất nhiều, ắt phải thâm nhập một môn.

Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần (善才童子五十三參, năm mươi ba vị thiện tri thức đều là biểu thị pháp, tượng trưng cho nam nữ già trẻ đủ các ngành nghề trong xã hội, phương diện tiếp xúc hết sức rộng, Thiện Tài đều hiểu rõ hết, nhưng đối với sự tu hành của chính mình thì là Một môn thâm nhập. Do chẳng hề dao động, Thiện Tài tu pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Vị thầy thứ nhất của Thiện Tài là Tỳ kheo Đức Vân (S. Meghasri Bhiksu, còn dịch là Tỳ kheo Cát Tường Vân, H. 比丘吉祥雲), là một vị xuất gia. Trong năm mươi ba vị thiện tri thức, chỉ có năm vị là người xuất gia. Tỳ kheo Đức Vân dạy Thiện Tài niệm Phật, môn nào học trước tiên sẽ là chánh yếu; về sau, Thiện Tài gặp những vị thiện tri thức khác, phương pháp tu trì của mỗi vị mỗi khác. Thiện Tài nghe xong đều biểu lộ cung kính cảm tạ, rồi liền cáo từ, biểu thị Chẳng muốn học pháp môn ấy. Mãi cho đến vị thiện tri thức thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương đưa về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thiện Tài là chúng sanh căn cơ đã thuần thực, thành Phật trong một đời.

舍利弗。南方世界。有日月燈佛。名聞光佛。大  
 燄肩佛。須彌燈佛。無量精進佛。如是等恆河沙數諸  
 佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠  
 實言。汝等眾生。當信是。稱讚不可思議功德。一切諸  
 佛所護念經。

**Xá Lợi Phất! Nam phương thế giới hữu Nhật Nguyệt  
 Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu  
 Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, như thị đẳng hằng  
 hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệ  
 tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới thuyết thành  
 thật ngôn: Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán  
 Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm  
 Kinh.**

*Trong các thế giới ở phương Nam có Nhật Nguyệt  
 Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật,  
 Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, các đức Phật  
 nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong  
 nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên  
 đại thiên thế giới, nói lời thành thật: Chúng sanh các người  
 hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thế Nghĩ Bàn  
 Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này.*

Trong đoạn trước đã giới thiệu phương Đông. Phương  
 Đông nhằm tượng trưng cho căn bản tu học Phật pháp. Tại  
 phương Đông nêu đại lược năm vị Phật, vị Phật thứ nhất  
 tượng trưng cho thái độ cơ bản trong sự tu học Phật pháp.  
 Bất luận tu học một pháp môn hay tông phái nào, mấu chốt  
 thành bại chính là Chuyên nhất, bất động. Có nhiều vị đồng  
 tu chẳng thể nói là không dụng công, nhưng xét theo thực



tại thì chẳng có thành tựu, chính là vì cái tâm chúng ta phập phều, chao động, hoàn toàn chẳng trấn định, đúng như cổ đức đã nói: Tâm bị cảnh chuyển. Như thế sẽ trọn chẳng thể tu được. Do vậy, vị Phật thứ nhất là Bất Động Phật dạy chúng ta bất luận trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, điều trước tiên phải học là tâm bất động. Danh hiệu của ba vị Phật tiếp đó nhằm nêu ra mục tiêu tu hành, chúng đặc viên mãn Pháp, Báo, Ứng ba thân. Danh hiệu của vị Phật thứ năm nhằm nêu ra phương pháp tu hành cơ bản trong tông này là Trì Danh Niệm Phật. Phương Nam thuộc Hỏa, tượng trưng cho hiện tượng quang minh. Rất nhiều người hiểu lầm Tịnh Độ Tông, cho rằng Tịnh Độ Tông cầu nhất tâm bất loạn tức là có Định nhưng thiếu Huệ, quả thật chẳng biết một câu A Di Đà Phật chẳng những bao gồm Giới - Định - Huệ mà còn là trí huệ vô thượng. Vị Phật thứ nhất ở phương Nam là Nhật Nguyệt Đăng Phật (S. Candrasuryapradipa Buddha, H. 日月燈佛), mang ý nghĩa Quang minh chiếu trọn khắp, biểu thị tự tánh vốn trọn đủ trí huệ viên mãn, vũ trụ, nhân sinh, quá khứ, hiện tại, vị lai, không gì chẳng hiểu.

Vị Phật thứ hai là Danh Văn Quang Phật (S. Yaśahprabha Buddha, H. 名聞光佛), Danh văn nói theo cách bây giờ là mức độ nổi tiếng. Người tu hành thật sự dụng công, tu đến mức độ khá, quả thật sẽ nổi tiếng. Danh lẫn lợi đều có thể hại người. Nếu thiếu trí huệ, sẽ thường bị mê, hễ mê ắt đọa lạc. “Quang” là trí huệ, đối với họa hại của tiếng tăm, lợi dưỡng đều thấu hiểu rõ ràng, tự mình ắt phải xa lìa danh lợi thì mới chẳng bị hại.

Vị Phật thứ ba là ngài Đại Diệm Kiên Phật (S. Maharciskandha Buddha, H. 大燄肩佛), Diệm (燄) là ngọn

lửa, trí huệ quang minh, biểu thị đột phá cửa ải danh lợi thì công phu sở học ắt sẽ tăng cao. Khi ấy sẽ có đủ hai thứ trí là Căn Bản Trí và Hậu Đắc Trí trên mức độ nông cạn. Hai thứ trí này được biểu thị bằng [hình tượng] hai vai trái và phải, hai trí hiện tiền giúp Phật giáo hóa. Căn Bản Trí là Thật Trí, là Thể của trí huệ. Hậu Đắc Trí là Quyền Trí, là Dụng của trí huệ. Kinh Bát Nhã đã nói: Căn Bản Trí là Bát Nhã vô tri, Hậu Đắc Trí là Không gì chẳng biết. Chúng ta chỉ có vọng tưởng, phân biệt, về căn bản là chẳng có trí huệ, trí huệ là do Định mà có. Nếu cầu trí huệ thì trong bất luận tông phái nào, bậc thiện tri thức chân chánh sẽ dạy người ta trước hết phải cầu vô tri.

Pháp môn Niệm Phật là phải niệm đến mức nhất tâm bất loạn. Nếu đắc nhất tâm, sẽ đắc Căn Bản Trí. Hậu Đắc Trí là tác dụng của Căn Bản Trí. Lục căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, hiểu rõ hết thấy chính là Hậu Đắc Trí. Thật Trí là Tự Thụ Dụng, vô tri. Quyền Trí là Tha Thụ Dụng, không gì chẳng biết. Hai trí đều đắc nên gọi là Đại Diệm Kiên Phật. Chính mình thụ dụng thì vô tri, cũng là Vô thuyết (không nói), không nói mà nói. Không gì chẳng biết là Tha Thụ Dụng, nhằm giáo hóa chúng sanh nên có biết, có nói, nói mà chẳng nói. Chính mình vĩnh viễn ở trong cảnh giới thanh tịnh, vắng lặng, giúp đỡ chúng sanh, hòa quang đồng trần, sống động, hoạt bát, thì mới có thể giáo hóa hết thấy chúng sanh. Nhà Phật thường nói Tục Phật huệ mạng, hoằng pháp lợi sanh (tiếp nối huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh). Không có hai thứ trí huệ này sẽ chẳng làm được, chỉ có tâm từ bi xuông thì cũng chẳng sử dụng được.

Vị Phật thứ tư là Tu Di Đẳng Phật (s. Merupradipa Buddha, h. 須彌燈佛). Tu Di Đẳng là tỷ dụ, biểu thị tu Huệ,

chuyển Thức thành Trí. Núi Tu Di do bốn thứ báu hợp thành, biểu thị chuyển tám Thức thành Tứ Trí. Năm Thức trước, tức Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, là *Lãnh thọ* (tiếp nhận). Thức thứ sáu (Ý Thức) là phân biệt. Thức thứ bảy (Mạt Na Thức) là chấp trước. Thức thứ tám ghi ấn tượng, tồn trữ thành chủng tử (hạt giống) trong cái kho A Lại Da Thức. Cổ đức nói: May là những chủng tử ấy chẳng có thể tích; nếu không, tội cùng hư không đều chẳng thể chứa đựng hết. Mỗi ngày chứa thêm chủng tử; sau khi chết, chủng tử nào có tánh chất mạnh mẽ sẽ lôi thần thức đi thọ báo trước. Khởi tâm động niệm lúc bình thường có quan hệ lớn nhất, tạo ảnh hưởng sẽ đầu thai vào đường nào. Trong lục đạo, xả thân này, thọ thân khác đều tuân theo quy luật này. Đức Phật nói mười pháp giới đều là hoàn cảnh sống của chúng ta. Nhân tố trọng yếu nhất của Phật Pháp Giới là Tánh bình đẳng; nếu trong tâm khởi lên một niệm sẽ là chẳng bình đẳng. Điều kiện làm Bồ Tát là hành Lục Độ, điều kiện làm Duyên Giác là mười hai nhân duyên, [điều kiện làm] Thanh Văn là Tứ Đế. Đấy là Tứ Thánh Pháp Giới (Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn) ở ngoài tam giới. Điều kiện của Thiên Giới là Thập Thiện. Chỉ tu Thập Thiện thì chỉ có thể sanh vào các tầng trời thuộc Dục Giới. Từ Sắc Giới Thiên trở lên còn phải tu thêm Tứ Vô Lượng Tâm, tức từ, bi, hỷ, xả. Điều kiện của Nhân Đạo (loài người) là Ngũ Giới. Nho Gia nói Ngũ Thường, tức Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, gần giống với Ngũ Giới. Thực hiện [những điều ấy] viên mãn thì đời sau chẳng mất thân người. Sốt sáng tu nhiều điều lành, nhưng lại có tập khí rất lớn, ngạo nghễ, ngã mạn,

sẽ sanh vào A Tu La đạo. Keo kiệt, tham lam là ngã quỷ đạo. Ngu si là súc sanh đạo. Nóng giận là địa ngục đạo. Trong tương lai chúng ta sẽ phải sanh vào đường nào, chính mình khi trở về nhà, hãy lắng lòng suy nghĩ thì sẽ nhận biết, chẳng cần phải hỏi ai khác!

Theo pháp môn Niệm Phật thì là chuyển Thức thành Trí. Thân lễ kính A Di Đà Phật, miệng xưng niệm A Di Đà Phật, tâm tưởng A Di Đà Phật, chuyển Thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí. Từ đấy trở đi, chẳng còn suy nghĩ lung tung nữa, biết hết thủy pháp đều là Không, như mộng, huyễn, bọt, bóng, chuyển Mạt Na Thức thành Bình Đẳng Tánh Trí, chẳng chấp trước hết thủy pháp, tâm địa bình đẳng. Chuyển A Lại Da Thức thành Đại Viên Kính Trí, không gì chẳng biết. Vị Phật thứ năm tức vị Phật cuối cùng [ở phương Nam] là Vô Lượng Tinh Tấn Phật (S. Anantavirya Buddha, H. 無量精進佛), dạy chúng ta phương pháp tu hành. Thiện căn của Bồ Tát chỉ có một thứ là tinh tấn, thành tựu đại trí huệ. Chương ngại lớn nhất đối với tu hành là giải đãi. Thế gian có ba thứ thiện căn là không tham, không sân, không si; hết thủy thiện pháp sanh từ những điều này. Thiện căn của Bồ Tát chỉ có một thứ là tinh tấn.

舍利弗。西方世界。有無量壽佛。無量相佛。無量幢佛。大光佛。大明佛。寶相佛。淨光佛。如是等。恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是。稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。

**Xá Lợi Phất! Tây Phương thế giới hữu Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại**

Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

*Trong các thế giới ở phương Tây có Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật, các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lười rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này.*

Những vị Phật có cùng danh hiệu với A Di Đà Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng biết là bao nhiêu! Vì rộng độ chúng sanh, các vị Phật khen ngợi lẫn nhau. A Di Đà Phật cũng khen ngợi Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng tán thán mười phương thế giới chư Phật. Phương Nam biểu thị tu huệ, phương Tây biểu thị tu phước. Trì danh niệm Phật là phước huệ song tu.

Vị Phật thứ nhất là Vô Lượng Thọ Phật (S. Amitayus Buddha, H. 無量壽佛), Vô Lượng Thọ tượng trưng cho phước thọ. Trong các thứ phước đức, Thọ là bậc nhất. A Di Đà dịch là Vô Lượng, chẳng những thọ mạng vô lượng, mà quang minh, trí huệ, đức năng, thần thông của Ngài đều vô

lượng. Trong các thứ vô lượng, thọ mạng là cao tốt nhất. Nếu không có tuổi thọ thì hết thảy những thứ khác cũng như không.

Vị thứ hai là ngài Vô Lượng Tướng Phật (S. Amitalakšana Buddha, H. 無量相佛). Tướng biểu thị phú quý. Những thầy bói trong và ngoài nước, hễ xem tướng đều phân biệt phú quý hay bần tiện. Tướng chuyển theo tâm. Tướng tốt đẹp nhất trong thế gian là Phật tướng. Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ. Hãy nên biết: Tướng là quả báo, có quả ắt phải có nhân. Chẳng hạn như ba đời không nói dối, đầu lưỡi có thể liếm đụng chót mũi. Kinh dạy: Bồ Tát sau khi thành Phật còn phải tu phước trong một trăm kiếp, tu tướng hảo trang nghiêm. Nhiếp thọ chúng sanh không chỉ cần phải có Huệ mà còn phải có Phước. Có người học vấn rất giỏi, nhưng giảng kinh chẳng ai thích nghe, là vì vô phước. A Nan trông thấy tướng hảo của Phật liền phát nguyện xuất gia. Phật có vô lượng tướng, tướng có vô lượng hảo, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo chính là tướng được thị hiện nơi thân Liệt Ứng của Phật Thích Ca.

Vị thứ ba là Vô Lượng Tràng Phật (S. Amitadhvaja Buddha, H. 無量幢佛). Thời cổ có tràng, phan. Tràng (幢, dhvaja) hình tròn, còn Phan (幡, patākā hoặc ketu) thì dẹp. Tràng giống như ống thông gió ở phi trường.

Vị Phật thứ tư là Đại Quang Phật (S. Mahaprabha Buddha, H. 大光佛) biểu thị Căn Bản Trí, vị Phật thứ năm là Đại Minh Phật (Mahanirbhasa Buddha) biểu thị Hậu Đắc Trí. Hai thứ trí huệ, Đại quang là Tự Thụ Dụng, Đại Minh (大明佛) là Tha Thụ Dụng. Đối với hết thảy pháp, pháp nào Phật

cũng hiểu rõ, nhưng chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, tợ hồ hoàn toàn không biết, chưa khởi tâm, chưa động niệm, vạn pháp bình đẳng, vạn pháp giống hệt như một, đấy chính là hiện tượng của Căn Bản Trí. Nếu có người hướng về Phật thưa hỏi, Phật liền giải đáp tận cội nguồn của chuyện được hỏi ấy. Đó là Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết.

Vị Phật thứ sáu là Bảo Tướng Phật (S. Ratnalakṣana Buddha, H. 寶相佛). Bảo (寶) có nghĩa là tôn quý thù thắng. Từ Vô Lượng Thọ Phật đến Bảo Tướng Phật là phước đức vô lượng vô biên. Thuyết minh đại khái đức hiệu của sáu vị Phật là “nếu không có phước sẽ chẳng thể độ chúng sanh”. Phật còn như thế, huống là từ Bồ Tát trở xuống!

Vị Phật thứ bảy, tức vị Phật cuối cùng trong phương Tây, là Tịnh Quang Phật (S. Suddharaśmiprabha Buddha, H. 淨光佛), dạy chúng ta phương pháp tu phước: Phải tịnh, phải quang minh. Tịnh là tam nghiệp thanh tịnh, tâm địa phải chánh đại quang minh. Thanh tịnh nhất định phải đoạn sạch mười ác nghiệp. Tuy tu Thập Thiện nghiệp, nhưng chẳng chấp vào tướng tu thiện, tam luân thể không, thì gọi là Tịnh nghiệp.

Trong hết thảy các bức vẽ hình Phật, phía trên có viết ba chữ bằng tiếng Phạn là: Án, Da, Hồng (Aum, Ah, Hum), nghĩa là Tam nghiệp thanh tịnh. Um (Aum) là thân, Da (Ah) là khẩu, Hồng (Hum) là ý. Ba nghiệp thanh tịnh, tâm địa đương nhiên chánh đại quang minh, không có tư hào ác niệm và ngã chấp. Có Ngã sẽ có riêng tư, tâm địa chẳng quang minh. Ngã đã không có, nào còn có Ngã Sở? Phá được Ngã Chấp thì mới thật sự chánh đại quang minh. Trong Tứ Thánh Pháp

Giới có tình hình như vậy. A La Hán, Bích Chi Phật phá được Ngã Chấp, lục đạo phàm phu đều có Ngã Chấp. Có tâm riêng tư sẽ chẳng bình đẳng. Có sai biệt sẽ sanh phiền não, nghiệp chướng. Muốn tu đại phước đức, phải dụng công nơi tam nghiệp thanh tịnh và tâm địa quang minh thì mới có thể thành tựu viên mãn phước đức xứng tánh. Vị Phật cuối cùng nhằm giáo hóa phương pháp tu hành.

Chư Phật trong các thế giới ở phương Tây cũng đều ở trong cõi nước của mỗi vị, giống như Phật Thích Ca, vì hết thầy chúng sanh mà tuyên giảng kinh A Di Đà, tán thán y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương thế giới, khuyến khích mọi người hãy tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh Độ. Do vậy, hết thầy chư Phật đều nói kinh này, kế cơ, kế lý. Phật Thích Ca thuyết pháp trong thế giới này bốn mươi chín năm, thời gian không dài, kinh điển được Ngài giảng có hạn. Những kinh chưa giảng rất nhiều, là vì những kinh khác đều chẳng kế cơ, có giảng cũng vô ích. Chỉ có pháp môn này đối với hết thầy căn cơ đều có ích, thích hợp trọn khắp hữu tình trong pháp giới, nên không có vị Phật nào chẳng giảng kinh A Di Đà.

舍利弗。北方世界。有皞肩佛。最勝音佛。難沮佛。日生佛。網明佛。如是等。恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是。稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。

**Xá Lợi Phất! Bắc phương thế giới hữu Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trử Phật, Nhật Sanh Phật, Võng Minh Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các**



ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

*Trong các thế giới ở phương Bắc có Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trở Phật, Nhật Sanh Phật, Võng Minh Phật, các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: Chúng sanh các ngươi hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thế Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này.*

Tại phương Bắc cũng kể tên năm vị Phật, biểu thị sự hóa độ người khác. Trong phần trước, phương Nam là tu Huệ, phương Tây là tu Phước. Có đại trí huệ, có đại phước đức. Khi ấy, phải làm chuyện hóa độ chúng sanh, khiến cho họ phá mê khai ngộ, lìa khổ, được vui. Sau khi phước và huệ đầy đủ, nhất định phải học theo chư Phật Như Lai, lấy hoằng pháp lợi sanh làm thiên chức.

Vị Phật thứ nhất là Diệm Kiên Phật (S. Arciskandha Buddha, H. 燄肩佛). Đại Diệm Kiên Phật trong phần trước là hai thứ trí huệ vừa mới tu thành, còn vị Diệm Kiên Phật này là phước huệ viên mãn, gánh vác gia nghiệp của Như Lai, hoằng pháp lợi sanh.

Vị thứ hai là Tối Thắng Âm Phật (S. Vaishvana ranirghosha Buddha, H. 最勝音佛). Chúng sanh trong mười phương thế giới căn tánh khác nhau. Chúng sanh trong thế giới này nhĩ căn lanh lợi nhất, như trong kinh Lăng Nghiêm, Văn Thù Bồ

Tất vì thế giới này chọn lựa pháp Viên Thông đã nói: Thủ phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn (此方真教體清淨在音聞 Chân giáo thể phương này, thanh tịnh nơi nghe tiếng). Khổng lão phu tử dạy học dùng âm thanh, Phật Thích Ca cũng giống như vậy. Không có kinh sách, văn tự, hoàn toàn dựa vào lời nói. Trong các kinh, kinh A Di Đà thù thắng nhất. Kinh Vô Lượng Thọ tuy xưng tụng là kinh bậc nhất về Tịnh Độ, giới thiệu viên mãn y báo chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương thế giới, nhưng nguyên tắc cơ bản nhất là kinh A Di Đà, vì Tín - Nguyện - Hạnh là điều kiện vãng sanh quan trọng nhất. Một lần, rồi hai lần, rồi lại ba lần khuyên lơn, khích lệ chúng ta, xót lòng rất miêng giáo huấn. Kinh văn tuy không nhiều, lời lẽ đơn giản, nhưng ý bao trùm. Tối Thắng Âm chính là dạy chúng ta hãy niệm Phật, tuyên nói kinh này.

Vị Phật thứ ba là Nan Trử Phật (S. Dushpradharsha Buddha, H. 難沮佛), Trử (沮) là trở ngại, [Nan Trử (khó thể gây chướng ngại)] bao hàm ý nghĩa ủng hộ chánh pháp, dũng mãnh tinh tấn, hàng phục ma chướng. Ma chướng xảy đến là do đời đời kiếp kiếp tạo ác nghiệp vô lượng vô biên, kết oán cừu với chúng sanh quá nhiều, cho nên họ thường tới xâm phạm hãm hại. Lúc đức Phật tại thế cũng có nhiều ma nạn. Học Phật chẳng phải là thuận buồm xuôi gió. Lục Tổ Huệ Năng đại sư từng lánh nạn suốt mười lăm năm trong đám thợ săn, chẳng dám lộ diện. Ngài là người đặc đạo, là bậc Pháp Thân đại sĩ minh tâm kiến tánh mà còn như thế. Trong thế gian hiện thời, yêu ma quỷ quái chỗ nào cũng có, ắt phải có Định - Huệ để hàng phục ma oán, khắc phục hết

thầy những thử thách khó khăn. Nan Trử Phật vừa được nêu lên trên đây, tượng trưng cho ý nghĩa hoàng dương, bảo vệ chánh pháp, chẳng bị ma vương ngoại đạo, hết thầy chướng ngại ngăn trở, nhiễu loạn.

Vị Phật tiếp đó, là vị thứ tư, Nhật Sanh Phật (S. Adityasambhava Buddha, H. 日生佛), tượng trưng sự dạy học tăng trưởng. Nhật tượng trưng trí huệ. Chỉ có đột phá hết thầy chướng ngại, khó khăn thì trí huệ mới tăng trưởng, chánh pháp mới có thể thường trụ thế gian, lợi ích chúng sanh.

Vị Phật cuối cùng, thứ năm, là Võng Minh Phật (S. Jaliniyaprabha Buddha, H. 網明佛). Võng (網) là cái lưới, hình dung chúng sanh trầm luân trong biển khổ, Bồ Tát dùng lưới vớt lên để cứu độ họ. Vô lượng pháp môn đến cuối cùng nhất định phải dẫn về Cực Lạc.

舍利弗。下方世界。有師子佛。名闍佛。名光佛。達磨佛。法幢佛。持法佛。如是等。恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是。稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。

**Xá Lợi Phất! Hạ phương thế giới hữu Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.**

*Trong các thế giới ở phương dưới có Sư Tử Phật, Danh*

**Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràn Phật, Trì Pháp Phật, các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: Chúng sanh các ngươi hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này.**

Trong các thế giới ở phương dưới nêu tôn danh của sáu vị Phật, tượng trưng cho ý nghĩa phổ độ giáo hóa chúng sanh.

Vị Phật thứ nhất là Sư Tử Phật (S. Simha Buddha, H. 師子佛), dụ đức Phật thuyết pháp. Sư tử là vua trong các loài thú, gầm một tiếng, trăm loài thú đều run sợ. Phật thuyết pháp thì hết thảy tà môn ngoại đạo đều bị hàng phục.

Vị Phật thứ hai là Danh Văn Phật (S. Yaśa Buddha, H. 名聞佛), nói về mức độ nổi tiếng của Phật, Bồ Tát. Như tại Trung Quốc “gia gia Quán Thế Âm, hộ hộ Di Đà Phật” (nhà nhà Quán Thế Âm, nhà nhà Di Đà Phật), mọi người đều biết. Vị Phật này tượng trưng cho bậc nhân thiên đại sư, có năng lực, có trí huệ giáo hóa hết thảy chúng sanh, như Quán Âm, Địa Tạng, Văn Thù, Phổ Hiền, cho đến các vị tổ sư các tông phái đều là thay Phật hành hóa.

Vị Phật thứ ba là Danh Quang Phật (S. Yaśaprabhava Buddha, H. 名光佛). Quang tượng trưng trí huệ, ứng cơ thuyết pháp, pháp âm vang xa, khiến cho hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, được thụ dụng chân thật nơi Phật pháp, tức là hễ có thực chất thì danh tiếng sẽ đồn về.

Vị Phật thứ tư là Đạt Ma Phật (S. Dharma Buddha, H. 達

磨佛), tượng trưng cho sự thừa, đặc biệt chỉ Tịnh Độ Tông. Tịnh Độ Tông là do A Di Đà Phật trực tiếp truyền xuống. A Di Đà Phật truyền cho chư Phật, tổ sư các tông đều là đời đời truyền cho nhau, chỉ riêng Tịnh Độ Tông chẳng có. Lịch đại tổ sư của Tịnh Độ Tông là những vị đại đức xuất gia, cả đời chuyên tu chuyên hoằng dương Tịnh Độ Tông, người đời sau suy tôn các Ngài là Nhất đại tổ sư. Tại Trung Quốc, từ thoát đầu là Huệ Viễn đại sư mãi cho đến thời Dân Quốc, trong lịch sử, những vị chuyên tu, chuyên hoằng dương gồm mười ba vị, vị cuối cùng là Ấn Quang đại sư. Tổ sư Tịnh Độ Tông có sự thừa từ Phật, Trước khi đức Phật diệt độ đã chỉ dạy hậu thế một phương pháp ổn thỏa, tốt đẹp là “*Tứ Y Pháp*”; nếu người đời sau tuân thủ Tứ Y Pháp thì sẽ chẳng khác gì khi đức Phật còn tại thế.

**Thứ nhất là “y pháp, bất y nhân”** (tuân theo pháp, đừng tuân theo người nói pháp).

**Thứ hai là “y nghĩa, bất y ngữ”** (tuân theo ý nghĩa, đừng tuân theo lời nói). Ngôn ngữ nói dài, nói ngắn, nói sâu, nói cạn, đều chẳng sao hết, hễ ý nghĩa đúng là được rồi, không cần phải chấp trước. Kinh Phật bằng tiếng Phạn từ Ấn Độ truyền sang, có rất nhiều bản dịch. Như kinh Vô Lượng Thọ có đến mười hai bản dịch, đã bị thất truyền bảy bản, hiện thời lưu truyền trong cõi đời chỉ có năm loại. Lại như kinh A Di Đà, ngài La Thập và Huyền Trang mỗi vị đều có bản dịch riêng, văn tự khác nhau, nhưng ý nghĩa chẳng khác gì. Vì thế, chớ nên tranh luận về mặt văn tự.

**Thứ ba “y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa”**. So sánh hết thầy kinh, nếu kinh nào có thể giúp con người liễu sanh tử

thì là “*liễu nghĩa*”. Có một số người chí nguyện chẳng cao, chỉ cầu phước báo nhân thiên, Phật liền giảng những kinh điển liên quan tới Ngũ Giới, Thập Thiện để thuận theo ý nguyện của họ.

**Thứ tư** “y Trí, bất y Thức”. Trí là lý trí, Thức là tình thức. Điều này dạy chúng ta nên vận dụng thái độ nào để chọn lựa pháp môn tu học. Lục đạo, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, mỗi một giai đoạn đều là giai đoạn sau vượt trội giai đoạn trước, giai đoạn sau là liễu nghĩa, giai đoạn trước là bất liễu nghĩa. Chẳng hạn như đem Bồ Tát so với Phật thì Phật là liễu nghĩa, Bồ Tát là chẳng liễu nghĩa. Kinh A Di Đà là liễu nghĩa nhất trong các môn liễu nghĩa, là Đại Thừa nhất trong các pháp Đại Thừa. Nay ta đã tiếp nhận pháp môn liễu nghĩa rất ráo này thì bất cứ pháp môn nào khác cũng nhất định phải nên triệt để buông xuống, chính mình phải có lý trí, đừng chịu ảnh hưởng của người khác. Kinh A Di Đà là tiểu bản của kinh Vô Lượng Thọ, là bản tinh túy nhất. Kinh Vô Lượng Thọ là kinh Di Đà được giảng cặn kẽ. Vì thế, cổ nhân gọi là Đại Bản và Tiểu Bản. Tịnh Độ là chỗ quy túc của Hoa Nghiêm, mà cũng là tổng kết của Hoa Nghiêm. Bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của cụ Hạ gồm bốn mươi tám phẩm, trong ấy lấy phẩm thứ sáu “bốn mươi tám nguyện” làm bậc nhất. Trong bốn mươi tám nguyện, tuân theo cách giảng của cổ nhân thì nguyện thứ mười tám là bậc nhất. Nguyện thứ mười tám là “*mười niệm ắt sanh*”. Do điều này, có thể thấy rõ: Trì danh niệm Phật là bậc nhất. Niệm một tiếng A Di Đà Phật chính là niệm hết thầy chư Phật. Một chính là hết thầy, hết thầy chính là một. Đọc một bộ kinh A Di Đà giống như

đọc vô lượng vô biên kinh luận của mười phương tam thế chư Phật đã giảng. Những kinh luận khác đều có thể buông xuống.

Vị thứ năm Pháp Tràng Phật (S. Dharmadhva Buddha, H. 法幢佛). Pháp Tràng là làm mẫu cho chúng sanh.

Vị Phật thứ sáu là Trì Pháp Phật (S. Dharmadhara Buddha, H. 持法佛), học nhân Tịnh Tông ắt phải tùy thuận giáo huấn chân thật của chư Phật, quyết chí cầu vãng sanh, vĩnh viễn không ngờ vực.

舍利弗。上方世界。有梵音佛。宿王佛。香上佛。香光佛。大鍤肩佛。雜色寶華嚴身佛。娑羅樹王佛。寶華德佛。見一切義佛。如須彌山佛。如是等。恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是。稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。

**Xá Lợi Phất! Thượng phương thế giới hữu Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thọ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.**

***Trong các thế giới ở phương trên có Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật,***

***Sa La Thụ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật, các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chưởng Thế Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này.***

Trong phương trên, nói ra danh hiệu của mười vị Phật. Mười biểu thị đại viên mãn, giác hạnh viên mãn, một đời thành Phật, nói như vậy để tổng kết. Phải hơn bốn mươi năm tôi mới nhận biết giá trị của Tịnh Độ, quả thật chẳng dễ dàng. Có người gặp được pháp môn này, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, thật đáng tiếc!

Vị Phật thứ nhất là Phạm Âm Phật (Brahmahghosa Buddha). Phạm Âm là thuyết pháp thanh tịnh. Trong sáu phương Phật, danh hiệu những vị Phật ở phương Đông thể hiện thái độ cơ bản để tu học, mục tiêu mong cầu và cương lĩnh của phương pháp tu hành. Danh hiệu các vị Phật ở phương Nam chỉ rõ pháp môn này nương vào trí huệ sẵn có trong tâm tánh, có đại trí huệ thì mới có thể chọn lựa pháp môn này. Danh hiệu những vị Phật ở phương Tây dạy chúng ta tu phước, niệm Phật là biến phước đức do A Di Đà Phật đã tu trong vô lượng kiếp thành phước đức của chính mình. Trong một câu Phật hiệu có tin thật, nguyện thiết, trì danh, một mà ba, ba nhưng một thì gọi là “tương ứng”. Phước huệ thành tựu sẽ gánh vác sự nghiệp giáo hóa chúng sanh của Như Lai. Đến phương dưới là thực hiện sự nghiệp phổ biến, giáo hóa rộng rãi, cho đến phương trên là viên mãn



rốt ráo. Vị Phật thứ nhất biểu thị sự thuyết pháp thanh tịnh. Nếu trong lời thuyết pháp mà còn có danh văn, lợi dưỡng sẽ chẳng thanh tịnh. Làm nhiều chuyện lợi ích chúng sanh, nhưng trong tâm sạch sẽ, chẳng có tí nhiễm trước nào. Kinh Kim Cang dạy: “Nhược Bồ Tát hữu Ngã Tướng, Nhân Tướng, Chúng Sanh Tướng, Thọ Giả Tướng, tức phi Bồ Tát” (Nếu Bồ Tát có tướng Ta, tướng Người, tướng Chúng Sanh, tướng Thọ Giả thì chẳng phải là Bồ Tát). Đây là lời khai thị thuộc nửa phần đầu kinh Kim Cang. Nửa phần sau là nói đến “Ngã Kiến”. Kiến (見) là ý niệm. Làm hết thấy thiện hạnh, nhưng tâm giống như chẳng có chuyện gì [thì gọi là không có Ngã Kiến, cho đến không có Tứ Kiến].

Vị Phật thứ hai là Tú Vương Phật (Nakshatraraja Buddha). Chữ Tú (宿) đọc âm Tú (秀). Tinh Tú là những chòm sao ta thấy vào ban đêm. Trong ấy, tinh cầu lớn nhất là mặt trăng, tượng trưng pháp Đại Thừa thù thắng nhất do đức Phật đã giảng, là con đường tắt nơi vô thượng đạo.

Vị Phật thứ ba là Hương Thượng Phật (S. Gandhottama Buddha), tượng trưng cho con đường tắt trong các pháp Đại Thừa, tức Thiền Tông. Phẩm thứ năm, tức phẩm Sám Hối trong Lục Tổ Đàn Kinh chính là truyền dạy phương pháp tu học trong Thiền Tông. Năm phần Pháp Thân Hương là Giới Hương, Định Hương, Huệ Hương, Giải Thoát Hương và Giải Thoát Tri Kiến Hương. Thiền Tông là pháp Đại Thừa nhất trong các pháp Đại Thừa, tượng trưng cho con đường gần nhất trong những con đường.

Vị Phật thứ tư là Hương Quang Phật (Gandhaprabhasa Buddha), tượng trưng cho Tịnh Tông. Trong Niệm Phật Viên

Thông Chương, Đại Thế Chí Bồ Tát gọi Tịnh Tông là Hương Quang Trang Nghiêm. Điểm đặc sắc của Tây Phương là quang minh và hương báu, bất cứ vật chất nào cũng đều tỏa hương.

Vị Phật thứ năm là Đại Diệm Kiên Phật (Maharciskandha Buddha). Danh hiệu này đã được giải thích trong phần trước, nhưng ở đây mang ý nghĩa khác với phần trước. Danh hiệu trong phần trước biểu thị hai thứ trí huệ Quyền Trí và Thật Trí của chính mình đã thành tựu, có thể gánh vác gia nghiệp của Như Lai. Ở đây, danh hiệu này biểu thị giai đoạn viên mãn, đem pháp môn thù thắng nhất truyền cho những người hữu duyên trong đại chúng, để họ được thụ dụng chân thật. Người vô duyên cũng phải truyền, nếu đời này họ chẳng thụ dụng được thì một phen thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Trong A Lại Da Thức của người ấy có chủng tử danh hiệu A Di Đà Phật. Thậm chí đến vô lượng kiếp sau, gặp được duyên, cũng có thể vãng sanh. Gặp hết thủy chúng sanh, hãy đều nên truyền “*vô thượng đẳng pháp*” (pháp không còn gì cao hơn được) cho họ. Niệm Phật niệm ra tiếng khiến cho người ta nghe thấy là “truyền trao”. Người khác trông thấy liền niệm một tiếng A Di Đà Phật, họ đã gieo cái nhân thành Phật.

Vị Phật thứ sáu là Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật (Ratnakusuma- sampushpitagatra Buddha). Khi Phật còn tại thế, kinh giảng về sự “viên mãn trong một đời” thì chỉ có một bộ kinh Hoa Nghiêm, lấy sự tu hành của Thiện Tài làm mẫu. Thiện Tài Bồ Tát viên mãn trong một đời, quả thật là do mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc của Phổ Hiền Bồ

Tát nên mới có thể viên mãn trong một đời. “*Tạp Sắc Bảo Hoa*” hình dung một vườn hoa lớn, tỷ dụ Phật nói vô lượng vô biên pháp môn, không sót một pháp nào đều được bao gồm trong ấy.

Vị thứ bảy là Sa La Thụ Vương Phật (Sālendraraja Buddha). Cây Sa La (Sāla) mọc tại Ấn Độ, hết sức cứng chắc. Ở đây, “Sa La Thụ” biểu thị sự chứng đắc kiên cố rất ráo viên mãn, tức là Phật quả trong Viên Giáo, thật sự là Đại Pháp Vương, và cũng biểu thị Mật Tông, chỉ rõ “Tịnh - Mật bất nhị”. Tịnh và Thiền là pháp Bất Nhị, một câu “A Di Đà Phật” chính là cảnh giới vô thượng thậm thâm vi diệu Thiền mà cũng là thậm thâm Mật. Danh hiệu A Di Đà Phật thuần túy là tiếng Phạn, chẳng phiên dịch thành tiếng Hoa, là vô thượng mật chú, là pháp môn Đại Tổng Trì, bao gồm hết thầy Đại Thừa, Thiền Tông, Mật Tông cũng như Tiểu Thừa, viên tu, viên chứng.

Vị Phật thứ tám là Bảo Hoa Đức Phật (Ratnotpalaśri Buddha), biểu thị Báo Thân viên mãn.

Vị Phật thứ chín là Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật (Sarvathadarsha Buddha), biểu thị trăm ngàn ức Hóa Thân, như kinh Kim Cang đã nói: Như Lai ngũ nhãn viên minh, ứng khắp các căn cơ, chính là “*kiến nhất thiết nghĩa*” thấy hết thầy các nghĩa.

Vị Phật thứ mười là Như Tu Di Sơn Phật (Sumerukalpa Buddha), biểu thị Pháp Thân thanh tịnh, là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ. Ba vị Phật cuối cùng biểu thị Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Hóa Thân, một Thể ba thân, cùng với ba vị Phật ở phương Đông trước sau hô ứng.

Mười phương thế giới vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, không một vị Phật nào chẳng khen ngợi Tây Phương Cực Lạc thế giới, khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn. Công đức chẳng thể nghĩ bàn ấy nếu dựa trên kinh này thì có thể nêu ra ba điều về mặt Sự:

- Thứ nhất là hoàn cảnh y báo của Tây Phương thế giới là chẳng thể nghĩ bàn.

- Thứ hai là chánh báo tức Phật Di Đà và những người vãng sanh Cực Lạc từ mười phương thế giới thành tựu chẳng thể nghĩ bàn.

- Thứ ba là thuyết pháp chẳng thể nghĩ bàn. Người đời thường mong cầu Phật, Bồ Tát ban ân che chở, nếu chúng ta đọc bộ kinh này, chiếu theo lý luận và phương pháp tu hành được dạy trong kinh điển, chắc chắn sẽ được hết thảy chư Phật hộ niệm.

*“Tôn long ư giáo thừa”*: Giáo là mười hai phần giáo, còn Thừa là tam thừa Phật pháp (Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa). Trong hết các kinh, kinh này được tôn xưng long trọng nhất. *“Cử dương ư hải hội”*: Hết thảy các đạo tràng giảng kinh của chư Phật trong tận hư không, trọn pháp giới, không đạo tràng nào chẳng giảng kinh A Di Đà.

舍利弗。於汝意云何。何故名為一切諸佛所護念經。舍利弗。若有善男子。善女人。聞是經受持者。及聞諸佛名者。是諸善男子。善女人。皆為一切諸佛之所護念。皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。是故舍利弗。汝等皆當信受我語。及諸佛所說。

**Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Hà cố danh vi Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh? Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thị kinh, thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả, thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân giai vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm, giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thị cố Xá Lợi Phất! Nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ cập chư Phật sở thuyết.**

***Này Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Vì sao gọi kinh này có tên là: Kinh được hết thủy chư Phật hộ niệm? Này Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh này mà thọ trì cùng nghe danh hiệu của chư Phật thì các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đều được hết thủy chư Phật hộ niệm, đều chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thế, Xá Lợi Phất! Các ông hãy nên tin nhận lời ta và lời chư Phật nói.***

Xá Lợi Phất tuy là bậc đại trí, nhưng Phật hỏi Ngài: Ý ông nghĩ sao? thì Xá Lợi Phất cũng chẳng đáp được một câu. Do vậy, đức Phật giải thích: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân; chữ Thiện này chỉ những người thiện căn, phước đức chín muồi, nghe xong sẽ hoan hỷ, tin sâu chẳng ngờ, lòng chân thành tiếp nhận, phát nguyện cầu sanh, hạng người ấy sẽ được chư Phật hộ niệm, “đều chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”, Đây là lợi ích do chính mình chứng được. Nếu chúng ta nghĩ mình phiền não nặng nề, sợ rằng chẳng thể chứng được trọn vẹn ba món Bất Thoái bèn là nghi ngờ chính mình, tự đánh mất lợi lành.

Tiểu đoạn thứ nhất trong phần Lưu Thông là *Khuyến Tín Lưu Thông* đã xong.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát khai thị một tiêu chuẩn: Niếp trọn sáu căn, tịnh niệm liên tục, đấy là Nhất Hạnh Tam muội, còn kinh này gọi là *Nhất tâm bất loạn*. Nhất tâm bất loạn cũng là Niệm Phật tam muội.

Bất luận là ai dù chỉ trì danh chứ chẳng tụng kinh cũng đều được Phật hộ niệm, không cần phải hoài nghi! Theo như cách Phật đã giảng trong các kinh Đại Thừa thì thông thường phải là bậc Sơ Địa của Biệt Giáo trở lên hoặc là từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên, những vị ấy đều là bậc Pháp Thân đại sĩ thì mới được Phật hộ niệm. Vì họ đã phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, tâm thanh tịnh, bình đẳng, hết thảy chướng ngại đều không có, từ đấy trở đi, tâm tâm lưu nhập biển Tát Bà Nhã (Nhất Thiết Trí). Nhưng trong tông này (Tịnh Độ Tông) thì lại khác, nhờ được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, mười phương chư Phật cũng gia trì. Nếu chẳng tu pháp môn này sẽ không được A Di Đà Phật gia trì, những vị Phật khác cũng chẳng quan tâm tới. Sau khi đọc cuốn Yếu Giải, mới thấy một câu Phật hiệu chẳng thể không niệm. Hễ niệm Phật dù chưa đạt tới địa vị Tương Tự, vẫn nhất định được chư Phật hộ niệm. Một câu A Di Đà Phật này là chủng tử thành Phật, trong một đời được nghe một câu A Di Đà Phật, nhưng đời này chưa thể vãng sanh thì đời sau hay đời sau nữa, hoặc đời khác nữa, được mang thân người, lại gặp pháp môn này, chủng tử trong A Lại Da Thức sẽ dấy lên hiện hành, có thể tin, có thể nguyện, có thể hành, người ấy cũng sẽ nhất định vãng sanh. A Nậu Đa La,

dịch là Vô Thượng, Tam Miệu Tam Bồ Đề, dịch là Chánh Đẳng Chánh Giác, nói theo cách bây giờ là Trí huệ viên mãn rất ráo. Chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, chính là tên gọi khác Thành Phật ngay trong một đời.

舍利弗。若有人。已發願。今發願。當發願。欲生阿彌陀佛國者。是諸人等。皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。於彼國土。若已生。若今生。若當生。是故舍利弗。諸善男子。善女人。若有信者。應當發願。生彼國土。

**Xá Lợi Phất! Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng, giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ư bỉ quốc độ, nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh. Thị cố Xá Lợi Phất! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.**

***Này Xá Lợi Phất! Nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh về cõi Phật A Di Đà thì những người ấy đều đắc bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đối với cõi ấy hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh. Vì thế Xá Lợi Phất! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân nếu có lòng tin, hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy.***

Đoạn này thuộc phần Khuyến Nguyện Lưu Thông. Đại sư nói, người đã phát nguyện đã vãng sanh, người hiện đang phát nguyện thì trong một đời này nhất định vãng sanh, phát nguyện trong tương lai thì tương lai nhất định vãng sanh. Từ ngữ *Đương phát nguyện giả*, chỉ cho chúng ta trong hiện tại,

cũng giống như người trong quá khứ, nhằm chỉ rõ lời phát nguyện xuất phát từ lòng tin không hư dối, tin tưởng sâu xa, không hoài nghi tí nào. Không có lòng tin sẽ chẳng thể phát nguyện. Thông thường có chân tín, chánh tín và mê tín. Có không ít pháp sư đại đức khuyên người khác niệm Phật, nhưng chính họ không niệm, họ nghĩ còn có những pháp môn khác cao hơn. Đấy gọi là *Chánh Tín*.

Trong ba món tư lương, Tín đặc biệt quan trọng. Nếu ai thật sự chịu phát nguyện vãng sanh, người ấy tất nhiên có lòng tin rất sâu, ắt sẽ chịu thật thà niệm Phật, điều này thuộc về Hạnh. Khuyên nên tin tưởng, khuyên nên hành trì, mỗi phần đức Phật chỉ khuyên một lần, nhưng lại khuyên hãy phát nguyện đến ba lần. Đủ thấy, đức Phật hết sức coi trọng nguyện.

Lần thứ nhất là trong đoạn thứ hai của phần Chánh Tông, Phật nói xong sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo, chúng sanh vãng sanh về đó đều đắc Bất Thoái, đức Phật khuyên Chúng sanh vãng giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc.

Lần thứ hai là trong đoạn cuối của phần Chánh Tông: Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ, ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn. Nhược hữu chúng sanh vãng thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ (Người ấy lúc lâm chung, tâm chẳng điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật. Ta thấy điều lợi này, nên nói lời như sau: Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện, nguyện



sanh về cõi ấy). Còn trong đoạn này là lần khuyên thứ ba, lại nói:

Nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ (Nếu ai có lòng tin, hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy). Chẳng ngại phiền rộn, chẳng sợ trùng lặp, đức Bổn Sư lòng từ bi khẩn thiết, thật sự mong chúng ta ngay trong một đời sẽ vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi viên thành Phật đạo, thỏa mãn hoằng nguyện độ sanh. Chúng sanh vô biên thế nguyện độ, phiền não vô tận thế nguyện đoạn, thuộc về Khổ Đế và Tập Đế. Pháp môn vô lượng thế nguyện học, Phật đạo vô thượng thế nguyện thành, thuộc về Diệt Đế và Đạo Đế. Tứ Hoằng Thế Nguyện hể phát thì đại Bồ Đề tâm liền viên mãn. Ở đây, Tứ Hoằng Thế Nguyện chính là vô thượng Bồ Đề tâm.

舍利弗。如我今者。稱讚諸佛不可思議功德。彼諸佛等。亦稱讚我不可思議功德。而作是言。釋迦牟尼佛。能為甚難希有之事。能於娑婆國土。五濁惡世。劫濁。見濁。煩惱濁。眾生濁。命濁中。得阿耨多羅三藐三菩提。為諸眾生。說是一切世間難信之法。

**Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, xưng tán chư Phật bất khả tư nghị công đức, bỉ chư Phật đẳng diệc xưng tán ngã bất khả tư nghị công đức, nhi tác thị ngôn: Thích Ca Mâu Ni Phật năng vi thậm nan hy hữu chi sự, năng ư Sa Bà quốc độ, ngũ trược ác thế, kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược trung, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị chư chúng sanh, thuyết thị nhất thiết thế gian nan tín chi pháp.**

*Này Xá Lợi Phất! Như ta nay khen ngợi chư Phật có công đức chẳng thể nghĩ bàn, các vị Phật ấy cũng khen ngợi*

***công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta, mà nói như thế này: Thích Ca Mâu Ni Phật làm được chuyện rất khó, là có thể ở trong đời ác năm thứ trước là kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước, đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì các chúng sanh nói pháp mà hết thảy thế gian khó tin tưởng này.***

Đoạn kinh văn này là **Khuyến hạnh lưu thông**. Chữ Chư Phật trong câu trước chỉ A Di Đà Phật. Bỏ chữ Phật đấng là A Di Đà Phật và mười phương vô lượng vô biên chư Phật đều cùng tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật ở trong đời ác ngũ trước: Kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước, đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì chúng sanh nói ra pháp mà hết thảy thế gian khó thể tin tưởng này.

Mười phương tam thế hết thảy chư Phật Như Lai có cùng một tâm nguyện phổ độ chúng sanh viên thành Phật đạo. Công đức, trí huệ, năng lực của chư Phật đều bình đẳng, nhưng để thực hiện sự giáo hóa lại có dễ, khó khác biệt. Khó hay dễ là dựa trên đối tượng được giáo hóa mà nói, kẻ căn tánh lanh lợi sẽ dễ giáo hóa, chứ căn tánh đã chậm lụt mà nghiệp chướng lại nặng nề thì khó lắm. Đối với kẻ chướng nặng, nếu chẳng lập nhiều phương tiện chỉ dạy, thì họ chẳng có hy vọng gì thành Phật. A Di Đà Phật hóa hiện Tịnh Độ ở Tây Phương thế giới chính là vì những kẻ như vậy mà lập bày ra. Có những kẻ hiểu lầm tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới để chuyên độ những hạng vô tri vô thức, làm sao có thể sánh bằng các pháp môn Đại Thừa. Đọc kinh Vô Lượng Thọ sẽ biết ngay, vốn là vì thiện căn, phước đức đã tích lũy trong

nhieu đời nhiều kiếp mới thành tựu. Tiếp đó, luận về sự khó - dễ nơi hoàn cảnh. Tây Phương thế giới thành Phật dễ dàng, Ta Bà khó khăn. Mỗi một người sanh về Tây Phương đều được bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, Phật quang phổ chiếu, trí huệ tăng trưởng, nghe pháp dễ khai ngộ. Cổ đức nói, hoàn cảnh giữa hai thế giới có nhiều điểm khác nhau:

1) Ở Tịnh Độ thường xuyên thấy Phật. Người đời nghiệp vãng sanh, dẫu là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh ở trong hoa sen mười hai kiếp hoa sen mới nở, thấy Phật, ngộ Vô Sanh, nhưng ở trong hoa sen cũng có thể thấy Ứng Hóa Thân của A Di Đà Phật và chư Phật, cũng như thấy Văn Thù, Phổ Hiền v.v... các vị thượng thiện nhân. Hoa nở thấy Phật là thấy được Báo Thân Phật, khi hoa chưa nở thì thấy Ứng Hóa Thân, khi hoa nở thì người ấy cũng đồng thời có năng lực đến mười phương thế giới hóa độ chúng sanh hữu duyên.

2) Thường nghe pháp. Ba kinh Tịnh Độ đều nói trong Tây Phương thế giới, sáu trần đều thuyết pháp, nên chúng sanh trong Cực Lạc chẳng bị mê hoặc mà cũng chẳng thể thoái chuyển. Trong thế giới Ta Bà nghe pháp rất khó.

3) Ở Tịnh Độ, các vị thượng thiện nhân tụ hội một chỗ, những thứ được tiếp xúc đều giúp cho hành nhân đạt thành tựu, không bị chướng ngại; còn thế giới Ta Bà chướng ngại trùng trùng.

4) Tịnh Độ không có ma sự, cõi này các loài ma chướng nhiễu loạn.

5) Người sanh vào Tịnh Độ đều thọ mạng vô lượng, Ta Bà thì thọ mạng ngắn.

6) Tịnh Độ chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, Ta Bà tiến ít, lùi nhiều. Sanh sang đời khác, phải học lại từ đầu.

7) Tịnh Độ quyết định một đời thành Phật, Ta Bà thành Phật phải mất ba đại A tăng kỳ kiếp.

Cuối cùng lại nói: Vì chúng sanh đời trước nói các pháp Đốn khác còn dễ, nói pháp Tịnh Độ là pháp Đốn vượt khỏi tam giới theo chiều ngang rất khó. Vì chúng sanh trong đời trước nói pháp Thật Tướng Niệm Phật và Quán Tưởng Niệm Phật đã chẳng dễ dàng, may ra còn có người chịu tiếp nhận, chứ nói pháp môn bậc nhất không cần phải tu chứng nhọc nhằn, chỉ trì danh hiệu, nhanh chóng vượt lên Bất Thoái càng là sự khó nhất trong các sự khó. Vì đây là cảnh giới của chư Phật, Thiện Tài đồng tử tu pháp môn Niệm Phật, Thiện Tài là học trò đặc ý của ngài Văn Thù. Ngài Văn Thù phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, truyền pháp cho Thiện Tài ắt cũng là pháp môn Niệm Phật. Về sau, Thiện Tài đi tham học, vị thầy thứ nhất (Tỳ kheo Cát Tường Vân) dạy Ngài pháp môn Niệm Phật, đến vị cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, khiến cho Thiện Tài thành Phật viên mãn ngay trong một đời.

**Kiếp Trước** là lúc các pháp như bản tự hội. Trong thuở Kiếp Trước, nếu chẳng có hạnh mang theo nghiệp vượt thoát theo chiều ngang, ắt chẳng thể độ được

**Kiến Trước** là năm thứ Lợi Sử tà kiến tăng trưởng mạnh mẽ, tức là Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, và các tà kiến. Tối tăm, chìm đắm, nên gọi là Trước. Trong thời Kiến Trước, nếu chẳng cậy vào hạnh phương tiện, ắt chẳng thể độ được).

**Phiền Nảo Trược** là năm thứ Độn Sử phiền não mê hoặc tăng trưởng mạnh mẽ, tức là tham, sân, si, mạn, nghi, gây phiền não, rối loạn, nên gọi là Trược. Trong thuở Phiền Nảo Trược, nếu không dùng hạnh tâm phàm chính là tâm Phật, ắt chẳng thể độ được).

**Chúng Sanh Trược** là do Kiến Hoặc, cảm vờn Ngũ Ấm thô tệ hòa hợp, giả gọi là chúng sanh. Sắc lẫn tâm đều thô lậu, hèn kém, nên gọi là Trược. Trong thuở Chúng Sanh Trược, nếu không do hạnh Ưa Thích và Chán Lìa, ắt chẳng thể độ được).

**Mạng Trược** là nhân và quả đều kém cõi, tuổi thọ ngắn ngủi, thậm chí chẳng đầy trăm tuổi, nên gọi là Trược. Trong thuở Mạng Trược, mà chẳng dùng hạnh chẳng tổn kiếp số, chẳng cần phải nhọc nhằn tu tập, ắt chẳng thể độ được).

Có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha thì một tiếng A Di Đà Phật sẽ chuyển Kiếp Trược thành hải hội thanh tịnh, chuyển biến ngay lập tức. Chuyển Kiến Trược thành vô lượng quang, chuyển biến kiến giải sai lầm thành sự quán sát trí huệ. Chuyển Phiền Nảo Trược thành Thường Tịch Quang, chuyển hết thảy phiền não thành Đại Định. Chuyển Chúng Sanh Trược thành hóa sanh trong hoa sen, chuyển Mạng Trược thành vô lượng thọ. Khó ở chỗ người ta chẳng chịu tin tưởng. Hết thảy chư Phật đều cảm thán pháp này là pháp khó tin, ai có thể tin tưởng thì chính là người thật sự có phước. Phạm phu hoàn toàn chẳng thể thấu hiểu nghĩa lý của pháp này, đây là đại phước báo viên mãn rất ráo chẳng thể nghĩ bàn.

Tận hư không, khắp pháp giới tuyên dương phổ biến

pháp môn này, bất luận tu học bất cứ pháp môn nào, Thiền Tông, Giáo Hạ, Mật Tông, Giới Luật, sau khi tu thành tựu, đến cuối cùng đều về thế giới Hoa Tạng, Hoa Tạng là chỗ quy túc chung. Đến được thế giới Hoa Tạng rồi sẽ gặp Văn Thù, Phổ Hiền. Văn Thù, Phổ Hiền dạy mọi người niệm Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc viên thành Phật đạo.

Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. Đây là cảnh giới của Phật, rất nhiều vị Bồ Tát chẳng biết. Chúng sanh trong chín pháp giới nếu không được bốn nguyện và oai thần của Phật gia trì, sẽ đều chẳng tin tưởng. Chử chư chúng sanh riêng chỉ những kẻ tạo ác trong đời ác ngũ trược. Theo Thiện Đạo đại sư, chử chư chúng sanh trong Quán Kinh chỉ ba bậc vãng sanh thuộc hạ. Ba phẩm thuộc bậc Thượng là đại tâm phàm phu, ba phẩm thuộc bậc Trung là phàm phu tu thiện trong thế gian, ba phẩm thuộc bậc Hạ là phàm phu tạo ác. Chử nhất thiết thế gian, chỉ chung các hữu tình thế gian trong chín pháp giới.

*Đoạn Khuyển Tín Lưu Thông trong phần trước là lời dặn bảo của chư Phật. Trong đoạn này là đức Bốn Sư dặn bảo. Trong lời dặn bảo riêng này, chỉ nói đại lược, nhưng ý nghĩa vẫn giống như trong phần dặn bảo chung của mười phương chư Phật. Trong phần trước, chư Phật đã nói chúng sanh các người, cho nên biết Văn Thù, Ca Diếp v.v... đều thuộc trong số những người được đức Phật căn dặn.*

Trong phần Lưu Thông, ba tiểu đoạn Tín, Nguyện, Hạnh đến đây là hết. Tiếp theo đây là lời đức Giáo Chủ khen ngợi để kết thúc. Phần sáu phương Phật tán thán trong phần trước chính là vô lượng vô biên chư Phật Như Lai dặn dò chúng ta,

còn khuyên phát nguyện, khuyên hành trì là lời Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni dặn bảo. Lời dặn dò nằm trong phần kinh văn này, kinh văn khá giản lược, chỉ gồm hai từ ngữ Nhữ đẳng chúng sanh và Nhất thiết thế gian, nhưng bao gồm thánh phàm trong chín pháp giới. Văn Thù là thượng thủ của hàng Bồ Tát, Ca Diếp là thượng thủ trong hàng A La Hán, đều là đối tượng để Phật căn dặn.

舍利弗。當知我於五濁惡世。行此難事。得阿耨多羅三藐三菩提。為一切世間。說此難信之法。是為甚難。

**Xá Lợi Phất! Đương tri ngã ư ngũ trước ác thế, hành thử nan sự, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị nhất thiết thế gian, thuyết thử nan tín chi pháp, thị vi thậm nan.**

**Này Xá Lợi Phất! Hãy nên biết: Ta ở trong đời ác ngũ trước, làm chuyện khó khăn này, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì hết thầy thế gian, nói pháp khó tin này, thật là rất khó.**

Niệm một tiếng A Di Đà Phật, chính là pháp để Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong đời ác ngũ trước chính là dựa trên đoạn kinh văn ngắn ngủi này. *Đoạn lớn thứ nhất trong phần Lưu Thông là Phổ Khuyến hết.*

Tín nguyện trì danh nhất hạnh, bất thiệp thi vi: Là chẳng dùng tới phương tiện, chẳng dùng những pháp môn nào khác để phụ trợ; chẳng dùng Thiền mà cũng chẳng dùng chú. Dùng ngay một câu Phật hiệu này bèn có thể chuyển biến trọn vẹn ngũ trước.

佛說此經已。舍利弗。及諸比丘。一切世間。天人阿修羅等。聞佛所說。歡喜信受。作禮而去。

**Phật thuyết thử kinh dĩ, Xá Lợi Phất, cập chư Tỳ kheo, nhất thiết thế gian, thiên, nhân, A Tu La đấng, văn Phật sở thuyết, hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ.**

*Đức Phật nói kinh này xong, ngài Xá Lợi Phất và các vị Tỳ kheo, hết thủy thế gian, trời, người, A Tu La v.v... nghe lời Phật dạy, hoan hỷ tin nhận, làm lễ, lui ra.*

Pháp môn chẳng thể nghĩ bàn, khó tin, khó biết, không một ai có thể nêu câu hỏi. Đức Phật dùng trí huệ xét soi căn cơ, biết duyên thành Phật của chúng sanh đã chín, bèn không ai hỏi tự nói, khiến cho mọi người được bốn thứ lợi ích, giống như trận mưa đúng thời khiến cho muôn loài tăng trưởng. Vì thế, đặng chúng hoan hỷ tín thọ. Thân tâm vui sướng gọi là hoan hỷ. Chẳng nghi ngờ mảy may, gọi là tín. Lãnh nhận chẳng quên mất, gọi là Thọ. Cảm kích ân đức lớn lao, gieo toàn thân quy mạng, gọi là tác lễ. Vâng theo lời dạy tu trì, thẳng tiến chẳng lui sụt, gọi là nhi khứ.



## LƯỢC GIẢI HỒNG DANH BẢO SÁM



南無洪名會上佛菩薩

大慈大悲愍眾生。大喜大捨濟含識。  
相好光明以自嚴。眾等至心歸命禮。

Dưới thời nhà Tống có vị tăng người Thiên Trúc (Ấn Độ) tên Bất Động Thượng Sư (不動上師), người đời thường gọi là Cam Lộ Đại Sư (甘露大師) hay Kim Cang Thượng Sư (金剛上師), tinh thông các học vấn của Hiển Giáo (顯教) cũng như Mật Giáo (密教).

Bổn tánh sáng suốt, thanh tịnh, hòa hợp vẫn chân không, không tăng, không giảm, hay động tịnh gì; chỉ bởi một niệm vọng nổi lên, thành thử phát sanh ra nghiệp duyên cả mười giới (bốn thánh sáu phàm). Do đó, hễ tâm sanh thì món món pháp sanh mà món pháp sanh thì món món tâm sanh. Cái tâm nó chẳng phải khởi thì thôi, mà hễ nó phát khởi thì là có nghiệp. nên Kinh Địa Tạng nói: Dấy tâm động niệm, đâu chẳng là tội! Kinh ấy lại nói: Làm ác kết nghiệp ác, làm thiện kết quả thiện. Nhân đó từ khi sanh ra đời nhần đến nay, mỗi niệm chẳng dừng, chỗ kết tội nghiệp; nặng dường quả đại địa! Nếu chẳng y như pháp sám hối thì khó thể tiêu trừ.

Nên ngài Bất Động Pháp Sư (不動上師), y nơi thánh giáo, nhóm chép các hiệu Phật, suốt soạn lời sám hối, khéo sắp văn nguyện cầu, để làm chân qui giúp ích cho lớp người

sám hối và thệ nguyện. Đại Thừa Sám Pháp: Phép sám hối của đại thừa. Gọi đủ là Sám Ma, dịch là Hối Quá, gọi là Sám Hối, sám thì sám trừ nghiệp trước đời quá khứ, hối thì chẳng tạo tội mới đời vị lai.

Lại, Sám là pháp trắng, hối là pháp đen, nghĩa là với pháp trắng thì phải tu, với pháp đen thì pháp bỏ. Pháp trắng là tịnh nghiệp, là trí thể của Phật giới, pháp đen là nhiễm nghiệp là phiền hoặc của chín giới. Bởi vì tất cả chúng sanh đều bởi mê hoặc mà tạo nghiệp, do nghiệp rồi với lấy khổ. Hoặc tức là phiền não của hoặc, nghiệp tức là các nghiệp thiện ác về hữu lậu và vô lậu. Khổ tức là cái khổ quả về hai món sanh tử của chúng sanh trong chín giới. Do ba điều: Hoặc, Nghiệp, Khổ đó, mà chịu mãi sanh tử, luân hồi trong ba cõi sáu đường.

Có ba cách sám hối: Một là Tác Pháp Sám Hối, hai là Thủ Tướng Sám Hối, ba là Vô sanh sám hối. Nghiệp là do vọng niệm sanh khởi, nhưng quán xét hiện tiền một niệm đây, nó chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở chính giữa, ba chỗ ấy đã không có, thì tội lỗi là vô chủ, nên nói: Tâm mất tội cũng mất, thế gọi là chân sám hối.

Với ba cách sám trên; nếu người lợi căn tu sám thì cả ba đều thành ra đại thừa; nếu dùng một tâm ba trí, để chiếu một cảnh ba đế, để lý như như, trí chiếu rõ rõ. Sám một tội mà các tội đều sám luôn, mà các tội thể đều được giải thoát, thế kêu là pháp tánh diệu sám, tức là pháp sám của bực tối thượng thượng căn. Phổ Hiền Quán Kinh nói: Nếu người muốn sám hối, ngồi ngay xương sống, tưởng niệm cái thực tướng, các tội như sương móc, huệ nhật hay

tiêu trừ. Đó gọi là Pháp Tánh Diệu Sám.

大慈大悲愍眾生。大喜大捨濟含識。  
相好光明以自嚴。眾等至心歸命禮。

**Đại từ đại bi thương chúng sanh**  
**Đại hỷ đại xả giúp mọi loài**  
**Tướng tốt rực rỡ trang nghiêm thân**  
**Chúng con dốc lòng thành kính lễ.**

Đó là tán dương ngợi khen công đức thân tâm của chư Phật. Hai câu trước khen Phật tâm. Câu ba Khen thân Phật. Câu bốn cả chúng cúi lạy. Từ, Bi, Hỷ, Xả là bốn cái tâm không lường.

Do bốn cái tâm đức ấy, thể nó đều giáp pháp giới, nên nói là Đại. Nghĩa là từ tâm của Phật tùy nơi căn có rộng ra thuyết pháp phổ thí phước vui Niết bàn. Nên nói là Đại từ, Phổ biến vớt cái khổ sanh tử, nên nói là Đại bi. Chúng sanh được sự hữu ích, thì Phật tùy hỷ vui mừng, nên nói là Đại hỷ. Không ác nào chẳng bỏ, không thiện nào chẳng làm, nên nói là Đại xả.

Phật đủ ba duyên từ bi, nên nói đại từ đại bi. Tánh đã diệt sự mừng bỏ, mà đâu chẳng hỷ xả, nên nói là đại hỷ đại xả. Đề lớn của bốn tâm, lớn mà không còn chi lọt ra ngoài, với bề dọc thì tột ba đời, với bề ngang thì giáp mười phương, nên nói là Tứ vô lượng tâm.

Ngài Bất Động Pháp Sư nhóm chép văn đây, nguyên làm một trăm tám lạy, để tiêu biểu dứt một trăm tám điều phiền não.

南無皈依金剛上師。

### Nam Mô Quy Y Kim Cang Thượng Sư

Cung kính cúi lạy ngôi Kim Cang Thượng Sư.

**Kim Cang Thượng Sư:** Đó là lạy Thầy cả ngôi Tam Bảo vô thượng. Phản tà pháp là **Quy**, nương chánh đạo là **Y**, nghĩa là phản với điều sanh diệt, tà kiến của thế gian, y nơi vô thượng Tam Bảo của xuất thế gian, để cầu giải thoát. Kim Cang Thượng Sư đó, là đức Tỳ Lô Giáo chủ, tức là ngôi Nhứt thể Tam Bảo của tự tánh, làm đức Du Già Đại Bí Mật Giáo Chủ, vì ngôi Vô tận Tam Bảo do đây xuất sanh. Lại, bốn phương bốn Phật, tất cả Thánh Hiền đều chẳng do trong tâm Tỳ Lô Kim Cang đây để phát sinh ra. Tiếng Phạn: Vairocana Buddha, H. 毘盧这那佛): Còn gọi là Tỳ Lô Xá Na (毘盧舍那佛), hay Lô Xá Na (盧舍那), âm dịch là Tỳ Lô Giá Na (毘樓这那), Tỳ Lô Chiết Na (毘盧折那), Phệ Lô Giá Na (吠盧遮那); ý dịch là Biến Nhất Thiết Xứ (遍一切處), Biến Chiếu (遍照), Quang Minh Biến Chiếu (光明遍照), Đại Nhật Biến Chiếu (大日遍照), Tịnh Mãn (淨滿), Quảng Bác Nghiêm Tịnh (廣搏嚴淨), Đại Nhật Như Lai (大日如來). Các kinh điển giải thích về đức Phật này như Hoa Nghiêm Kinh (華嚴經), Phạm Võng Kinh (梵網經), Quán Phổ Hiền Bồ Tát Hành Pháp Kinh (觀普賢菩薩行法經), Đại Nhật Kinh (大日經), v.v.. dịch: Biến nhất thể xứ (毘盧这那遍一切處 khắp tất cả chỗ), tức là Pháp thân Phật (法身佛). Nghĩa là thể của pháp tánh rất thanh tịnh giáp tròn, vì là lấy Pháp giới làm thân. Pháp tánh có Bốn giác thường chiếu, tức là Tự tánh Phật bảo; Pháp tánh có vốn đủ các pháp, tức là Tự tánh pháp bảo; Bốn giác cùng các pháp viên dung không hai, tức là Tự tánh Tăng bảo. Nhất

thể Tam Bảo là vị Thượng Sư tôn của tất cả Hiền Thánh. Nên trong Khế Kinh nói: Pháp là Thầy của chư Phật.

Thật thế, nay muốn cầu sám hối; ắt phải quy y trước đã. Bốn phương bốn Phật Tứ phương, tứ Phật, tức là nhất tâm tứ trí, cả bốn trí đều do trong Thể thanh tịnh pháp giới trí để lưu xuất, mà Kim Cang Thượng Sư tức là Trung phương Tỳ Lô Giá Na thanh tịnh pháp giới trí. Lại tên là pháp tánh, tánh toàn là Trí, trí khắp pháp giới, không pháp nào chẳng đủ, tất cả hiền, thánh, đâu chẳng quán xét pháp tánh đây để thành tựu. Kinh nói: Thầy của chư Phật là Pháp. (Khoa Du già nói: Ta cùng pháp giới tất cả chúng sanh, từ nay bắt đầu kể đi, nhấn đến trong thời gian chưa chứng Bồ Đề, thệ nguyện quy y Kim Cang Tam Bảo).

南無皈依佛南無皈依法南無皈依僧。

### **Quy Y Phật, Quy Y Pháp, Quy Y Tăng**

Đó là cúii lạy ngôi Biệt tướng Tam Bảo. Nhất thể Tam Bảo thì thuần là lý tánh; ngôi Biệt tướng Tam Bảo, là sự tướng. Danh tuy có ba, Tánh chỉ một thể, thể dù là một, mà dụng là phân thành Tam Bảo, vì đâu chẳng khắp ích cho chúng sanh.

**Phật:** Giác chiếu, với nghĩa phân có ba : 1. Giác chiếu được cái thể tâm thanh tịnh, vẫn vô sanh, gọi là Giác tự; 2. Do tự giác đó, hay khiến chúng sanh giác hiểu tự tâm, gọi là Giác tha; 3. Tự tánh tròn tột, chúng sanh tròn độ, với hạnh thì tròn đầy, tuy vắng mà tròn soi, tuy soi mà tròn vắng, gọi là Giác mãn. Với ba giác đã tròn, ấy gọi là Phật, tức là chư Phật ở thập phương thế giới.

**Pháp:** Pháp tắc, cả thiện ác của ba giới, là pháp thể

gian; lẽ vô sanh của Tam thừa; là pháp xuất thế gian. Thế bình đẳng, tâm từ bi, là pháp của Phật giới, cốt lại: Pháp thập giới thập như nó bao quát hết cả, vì Phật thuyết ba tạng các Kinh, đều nói các pháp của Thập Như Thị.

**Tăng:** Hòa hợp, chúng nhóm họp, hoặc nhiều hay ít, vì phải hành đạo hòa hiệp, tức như các Thánh: Bồ Tát, Duyên giác, Thanh văn và là người phàm đi xuất gia học Phật. Đối với ngôi Biệt tướng Tam Bảo, người mà năng quy y đó, thì vẫn lia được khổ tam đồ, ắt đặng quả vô thượng Phật đạo.

我今發心不為自求，人天福報，聲聞，緣覺乃至權乘諸位菩薩。唯依最上乘發菩提心。願與法界衆生，一時同得阿耨多羅三藐三菩提。

南無皈依十方盡虛空界一切諸佛。

南無皈依十方盡虛空界一切尊法。

南無皈依十方盡虛空界一切賢聖僧。

南無如來應供正徧知明行足，善逝世間解，無上士，調御丈夫，天人師，佛世尊。

南無普光佛。

南無普明佛。

南無普淨佛。

南無多摩羅跋栴檀香佛。。。。

**Ngã kim phát tâm bất vị tự cầu nhân, thiên phước báo, Thanh Văn, Duyên Giác nãi chí quyền thừa chư vị Bồ Tát, duy y tối thượng thừa phát Bồ Đề tâm, nguyện dữ pháp giới chúng sanh, nhất thời đồng đắc A nậu đa la, Tam miệu tam Bồ Đề.**

*Con nay phát tâm sám hối đây, chẳng vì cầu cho mình sẽ hưởng phúc báo ở nhân gian và thiên thượng, hay là quả Thánh Thanh văn, Duyên giác, nhần đến các vị Bồ Tát của quyền thừa; mà duy chỉ nương nơi bậc Tối Thượng Thừa, phát tâm Bồ Đề, để nguyện cùng pháp giới chúng sanh, đồng một thời đều đắc bậc vô thượng chánh đẳng chánh giác. (Tức là đại đạo của Phật quả; viên giáo, bậc Sơ trụ, Biệt giáo mới đầy đủ đắc đạo Vô thượng Chánh đẳng Biến chánh giác.*

**Ngã Kim:** Con nay là người bái sám chính tự mình xưng hô, đây là phổ vị chúng sanh mà phát nguyện. **Phát tâm:** Dấy cái tâm tu chứng lên quả Phật vô thượng chánh đẳng biến chánh giác. **Bất vị tự cầu:** Phi như các thánh Nhị thừa chuyên vì tự cầu cho mình ra khỏi tam giới, mà là con nay khắp vì pháp giới chúng sanh một giờ đồng thành đạo Phật, **Nhân gian thiên thượng:** Nói trời và người là đã khắp trùm lục đạo, do lục đạo duy người và trời là hưởng phúc thắng hơn các đạo kia, nên riêng nói lên nhân gian thiên thượng. Song, các Trời còn có cái khổ năm suy tướng hiện, nhần đến trời Phi phi tướng ở trên đảnh thượng giới, sống rất lâu tám vạn đại kiếp, đến khi hưởng hết phúc còn đoạ làm thân con chồn có cánh biết bay (là ông Uất Đầu Lam Phất đó), huống chi loài người và Tu La, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục? Bởi vì chúng sanh ở Địa ngục, chịu các khổ: Lửa đốt, giá lạnh v.v... không một giờ tạm ngừng, chúng sanh ở trong Ngạ quỷ cả trăm ngàn muôn kiếp, chẳng hề nghe đến cái tên nước cháo, thường chịu những khổ đói khát! Chúng sanh trong loại Bàn sanh, thường chịu mọi khổ giựt mình sợ hãi vì bị ăn tươi nuốt sống lẫn nhau! các Thần A tu la thường chịu cái khổ

ưa chiến đấu bị chặt tay chặt chân. Chúng sanh giữa nhân đạo, thì thường chịu mọi điều thống khổ: Sanh lão bệnh tử ưu bi phiền não. Dầu là tu chứng đến các Thánh: Thanh văn, Duyên giác, đã ra khỏi ba giới, hết sanh tử phiền não, nhưng còn sa trệ nơi Niết Bàn không tịch, không thể ra nơi cảnh giả để độ sanh. **Duy y tối thượng thừa phát Bồ Đề tâm, nguyện dữ pháp giới chúng sanh, nhất thời đồng đắc A nậu đa la, Tam miệu tam Bồ Đề.** Dầu là bậc quyền thừa Bồ Tát, đã phát khởi cái đại tâm phổ hoá chúng sanh, nhưng còn có cái vô minh hoặc chưa phá được, thì chưa phải cứu cánh. Con nay phát tâm bái sám đây, hẳn có chút công đức nào bằng mây lông hạt bụi, cũng phổ nguyện các pháp giới chúng sanh một giờ đồng đắc đạo Phật tam miệu tam Bồ Đề.

**Nam mô Quy y thập phương tận hư không biến pháp giới, nhất thiết chư Phật.**

**Nam mô Quy y thập phương tận hư không giới, nhất thiết tôn Pháp.**

**Nam mô Quy y thập phương tận hư không giới, nhất thiết chư hiền thánh Tăng.**

*Cung kính cúi lạy mười phương tột cõi hư không tất cả chư Phật.*

*Cung kính cúi lạy mười phương tột cõi hư không tất cả tôn Pháp*

*Cung kính cúi lạy mười phương tột cõi hư không tất cả HiềnThánh Tăng.*

Đây là quy y các ngôi Tam Bảo nhiều đến vô cùng vô tận.



**Mười phương:** Đông, Nam, Tây, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, Thượng Phương, và Hạ Phương. Như từ phương Đông thẳng đi với hư không chẳng khá hết, thế giới chẳng khá hết, một thế giới là một đức Phật, thì với chư Phật chẳng khá hết, mà với pháp bảo và Tăng bảo cũng chẳng khá hết. Đó là kể một phương đông, còn chín phương kia cũng như thế. Thế thì với: Mười phương hư không, và ngôi Tam Bảo nữa có thể cùng tận! **Tất cả:** Là lời khắp gồm. Con nay vận cái tâm làm pháp quán tưởng quy y tất cả vô tận ngôi Tam Bảo, để cầu cho ta với chúng mau thành quả vô thượng Bồ Đề.

Tự Tánh Chân Không, trong ngàn vắng lặng, lại bỗng mê mờ đi là mà ra cái ngoan không mù tối; với tự tánh mỗi sự viên dung, lại bỗng mê mờ đi làm ra cái thế giới phân cách khác lạ nhau! Nếu hay giác ngộ trở lại, thì hiện tiền một niệm đó, vốn là tinh minh tức là nghĩa vô tận chư Phật; hiện tiền một niệm đó, thể nó vốn trống vắng tức là nghĩa vô biên hư không; hiện tiền một niệm đó nó đủ các sự công đức, tức là nghĩa viên dung thế giới. Ngài Trí Giả Đại Sư nói: Thoạt vậy một niệm, tức đủ pháp mười giới mười Như, ngoài một niệm ra không còn những gì bằng một sợi tóc sợi lông nữa. Chúng ta hiện tiền phát cái tâm quảng đại, để khắp lạy vô tận pháp giới Tam Bảo, thì với vô tận pháp giới, và vô lượng Tam Bảo, chỉ ở trong Nhất Niệm Tâm, không thiếu không dư. Như thế quán tâm lạy tụng, thì nghiệp đời trước hoàn toàn tiêu diệt, tỷ như nước sôi đổ vào khối nước đá. Kính lạy các đức Như Lai đủ cả mười hiệu: Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hành túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều

ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn. Đó là xưng dương đánh lễ mười hiệu của chư Phật (88 vị Phật).

**Nam mô Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.**

Như Lai: (S, P: Tathāgata, H. 如來): Âm dịch là Đa Đà A Già Đà (多陀阿伽陀), Đa Tha A Già Độ (多他阿伽度), Đa Đà A Già Độ (多陀阿伽度), Đát Tát A Kiệt (怛薩阿竭), Đát Tha Nga Đa (多陀阿伽陀), Đa A Kiệt (多陀阿伽陀); còn gọi là Như Khứ (如去), là một trong 10 danh hiệu của đức Phật, tôn xưng của vị Phật. Nếu phân tích Phạm ngữ Tathāgata, có 2 loại: Tathā-gata (如去 Như Khứ), Tathā-āgata (如來 Như Lai). Như Khứ có nghĩa là cõi đạo chơn như mà đạt đến quả Phật Niết Bàn (佛涅槃). Theo cách giải thích sau có nghĩa là do chơn lý mà đến để thành chánh giác. Đức Phật cõi chân lý mà đến, do chơn như mà hiện thân, nên được gọi là Như Lai. Một số kinh điển giải thích về thuật ngữ này như sau. Trong Thanh Tịnh Kinh (清淨經) của Trường A Hàm (長阿含) quyển 12 có đoạn: Phật ư sơ dạ thành tối chánh giác, cập mạng hậu dạ, ư kỳ trung gian hữu sở ngôn thuyết, tận giai như thật, cố danh Như Lai; phục thứ, Như Lai sở thuyết như sự, sự như sở thuyết, cố danh Như Lai (佛於初夜成最正覺, 及末後夜, 於其中間, 所有言說, 盡皆如實, 故名如來。復次, 如來所說如事, 事如所說, 故名如來。Đức Phật vào đầu đêm thành chánh giác tối thượng, cho đến cuối đêm, trong khoảng thời gian giữa ấy, những lời nói của Ngài, hết thảy đều như thật, nên được gọi là Như Lai; lại nữa, các việc do Như Lai nói ra, việc đúng như lời nói,

nên được gọi là Như Lai). Đại Trí Độ Luận (大智度論) quyển 24 thì định nghĩa là: Như thật đạo lai, cổ danh vi Như Lai (如實道來。故名爲如來。 đến với đạo như thật, nên có tên là Như Lai); hoặc quyển 55 thì cho là: Hành Lục Ba La Mật, đắc thành Phật đạo, ... cổ danh Như Lai (行六波羅蜜, 證成佛道。。。故名爲如來。 thực hành Sáu Ba La Mật, chứng thành Phật đạo, ... nên có tên là Như Lai). Hay như theo Thành Thật Luận (成寔論) quyển 1 là: Như Lai giả, thừa như thật đạo lai thành chánh giác, cổ viết Như Lai (如來者。乘如實道來成正覺。故名如來。 Như Lai là mang đạo như thật đến đây và thành chánh giác, nên được gọi là Như Lai). Chuyển Pháp Luân Luận (轉法輪論) giải thích rằng: Như thật nhi lai, cổ danh Như Lai; ... Niết Bàn danh Như, tri giải danh Lai, Chánh Giác Niết Bàn cổ danh Như Lai (如實而來, 故名如來。涅槃名如, 知解名來。正覺涅槃故名如來。 Như thật mà đến, nên có tên là Như Lai; Niết Bàn gọi là Như, hiểu biết gọi là Lai; vì vậy Chánh Giác Niết Bàn được gọi là Như Lai). Đại Nhật Kinh Sớ (大日經疏) cũng có giải thích tương tự như vậy: Như chư Phật thừa như thật đạo lai thành chánh giác, kim Phật diệc như thị lai, cổ danh Như Lai (如諸佛乘如實道來成正覺, 今佛亦如是來, 故名如來。 như các đức Phật mang đạo như thật đến đây và thành chánh giác, nay Phật cũng đến như vậy, nên có tên là Như Lai). Bí Tạng Ký Bản (秘藏記本) của Mật Giáo thì cho rằng: Thừa như nhi lai, cổ viết Như Lai (乘如而來, 故曰如來。 cỡi đạo như thật mà đến nên có tên là Như Lai). Trong tác phẩm Giáo Hành Tín Chứng (教行信證) quyển 4 của Thân Loan (親鸞 Shinran, 1173-1262) Nhật Bản có định nghĩa về Như Lai rằng: Chơn

như tức thị nhất như, nhiên giả Di Đà Như Lai tòng Như Lai sanh thị hiện Báo Ứng Hóa chủng chủng thân giả (真如即是一如, 然者彌陀如來, 從如來生, 示現報應化種種身也). chơn như tức là nhất như, tuy nhiên, Di Đà Như Lai từ Như Lai sanh ra, thị hiện các loại thân như Báo Thân, Ứng Thân, Hóa Thân). Ngoài ra, còn có bản chú giải Trường Bộ Kinh (長部經, 波利語) bằng tiếng Pāli là Sumaṅgala-vilāsīnī có nêu 9 nghĩa của Như Lai, hay Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận (十住毘婆沙論) thì giải thích 11 nghĩa, v.v. Tại Chánh Điện của Dũng Tuyền tự (湧泉寺), thuộc Phúc Châu (福州府), Tỉnh Phúc Kiến (福建省), Trung Quốc có câu đối rằng: Bảo tướng hiện Như Lai nhân chứng Bồ Đề không Ngũ Uẩn, kim thân Quán Tự Tại tu La Hán ngộ Tam Thừa (寶相現如來因證菩提空五蘊, 金身觀自在果修羅漢悟三乘). tướng báu hiện Như Lai nhân chứng Bồ Đề không Năm Uẩn, thân vàng Quán Tự Tại tu La Hán ngộ Ba Thừa). Hay như tại Huệ Tế Tự (慧濟寺) thuộc Phổ Đà Sơn (普陀山), Tỉnh Chiết Giang (浙江省) cũng có câu đối: Tự Tại tự quán Quán Tự Tại, Như Lai như kiến kiến Như Lai (自在自觀觀自在, 如來如見見如來). Tự Tại tự quán Quán Tự Tại, Như Lai như thấy thấy Như Lai).

Mười hiệu đây là hiệu phổ thông của chư Phật, vì Phật nào cũng đồng xưng thế. Còn như hiệu Di Đà hiệu Thích Ca v.v... là hiệu riêng của chư Phật, vì mỗi đức Phật danh đều khác. Từ đây sắp xuống, chính là lễ bái 89 đức Phật (vì thêm đức A Di Đà, thành số tám mươi chín Phật), phân làm ba phần: 1/53 Phật, 2/35 Phật, 3/1 đức A Di Đà Phật.

Kinh Quán Dược Vương Dược thượng nhị Bồ tát nói:

Bấy giờ ông Dược thượng Bồ tát làm hành giả xưng nói đời quá khứ, danh hiệu của 53 Phật, thưa với chúng rằng Các pháp tử! đời quá khứ có Phật tên là Phổ quang, kể có Phật tên là Phổ Minh, kể có Phật tên là Phổ Tịnh v.v... nhần đến kể có Phật tên Nhất Thế Pháp Tràng Mãn Vương. Ông Dược Thượng Bồ tát thuyết kể danh hiệu của 53 đức Phật về đời quá khứ rồi, lặng thinh ngồi định.

Bấy giờ ông Dược Thượng liền từ trong định, đặng thấy bảy đức Phật Thế Tôn từ quá khứ. Đức thứ nhất là Tỳ bà Thi Phật khen rằng: Hay thay, hay thay! Dược thượng Người tuyên nói 53 Phật danh, bèn là về quá khứ lâu xa, các Ngài vẫn lớp cũ đã ở tại cõi ta bà này, từng giáo hoá cho chúng sanh được thành thực, mà các Ngài đã vào cõi Niết bàn rồi. Thế có Thiện nam tín nữ và bao chúng sanh khác, được nghe danh đức của 53 Phật đây, thì người ấy suốt trăm nghìn muôn ức kiếp số A Tăng Kỳ, chẳng đoạ xuống ba ác đạo. Hoặc có người xưng niệm danh hiệu của 53 đức Phật đây, thì người ấy luôn luôn sanh ra chỗ nào cũng thường gặp mười phương chư Phật... Nên người lễ kính, trong mỗi niệm liền đặng trừ diệt các tội. Kể với Phật trước là đức Thi Khí, đức Tỳ Xá Phù, đức Câu Lưu Tôn, đức Câu Na Hàm Mưu Ni, đức Ca Diếp, các đức Như lai trên đây, tiếp tục nhau, cũng vẫn tán dương 53 đức Phật như thế, và cũng khen rằng: Thiện nam Tín Nữ nào, năng nghe được danh đức của 53 Phật đây, và năng xưng niệm danh hiệu, và năng kính lễ nữa, năng trừ diệt tội chướng, cũng như trên đã nói.

Bấy giờ đức Thích Ca Mâu Ni Phật bảo đại chúng rằng: Với vô số kiếp về trước, ta vẫn từng ở nơi đời Mạt pháp của

Đức Phật Diệu Quang, ta xuất gia hành đạo, được nghe danh hiệu của 53 đức Phật, nghe rồi hoan hỷ chấp tay, dạy cho người khác đồng nghe và giữ làm, người khác nghe rồi, lại đi lần lượt truyền trao cho kẻ nhau, từ một đến nhiều, cứ mãi như thế... do nhân duyên công đức đó, liền siêu rồi được vô số kiếp sanh tử trọng tội, đã thành một 1.000 Phật ở đời quá khứ, đời hiện tại 1.000 Phật và đời vị lai một nghìn đức Phật, thực thế. Ma ta là Thích Ca Thế Tôn đây, với trong 1.000 Phật đời hiện tại.

南無普光佛。南無普明佛。南無普淨佛。

南無多摩羅跋栴檀香佛。。。

1. Kính lạy đức Phổ Quang Phật: Hoá thân hàng trăm ngàn ức, ánh trí huệ khắp chiếu.

2. Kính lạy đức Phổ Minh Phật: Báo thân tròn đầy, đượ tuệ khắp sáng.

3. Kính lạy đức Phổ Tịnh Phật: Pháp thân khắp giáp hư không, xưa nay vẫn thường thanh tịnh.

4. Kính lạy đức Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Phật: Đa Ma La Bạt, dịch: Ly cấu. chiên đàn dịch: Dữ dục. nghĩa là: Lìa như được thuốc, đầy đủ hương màu, viên mãn công đức thanh tịnh.

5. Kính lạy...

**Nam mô Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật.**

南無法界藏身阿彌陀佛。

Kính lạy đức Pháp giới Tạng Thân A Di Đà Phật. Xâu kết hai phần nghĩa của Phật danh trước để quy về đức A Di Đà.

Quán Kinh nói: Thân pháp giới của chư Phật Như Lai, vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh. Nay pháp thân của A Di Đà Phật đây, nó bao trùm cả mười phương vi trần sát độ, thế là cái kho thân pháp giới vô tận công đức vậy. Với 88 Phật sau thêm A Di Đà Phật là từ trước đến đây, các công đức lay Phật, đều kết về cõi nước Cực Lạc.

Nguyên do bốn nguyện đức A Di Đà Phật có Bốn mươi tám phát thệ rộng sâu, nên một mình ngài phát nguyện thù thắng hơn hết cũng là cơ duyên của chúng sanh ở cõi ta bà này, những chỗ người ta tu tạo thiện căn phước đức nhân duyên lành nào, được công đức gì nếu quy hướng về đó, thì cái đại đạo dễ thành tựu. Thế nên người mà ra làm việc Phật đó, còn gọi Hồi Ta Bà hướng Tịnh Độ, đều nương nơi đức Phật A Di Đà làm chỗ quy hướng tiến thú đến Bồ Đề diệu quả như vậy.

Đối với lý đó, Sư Thư Ngọc giải có bốn ý nghĩa : 1) Với danh hiệu A Di Đà Phật, khi mà một tiếng xưng lay, hay diệt được tội nặng đường sanh tử từ tám mươi ức kiếp, vì ngũ nghịch tam đồ thảy đều siêu thoát. 2) Đức Di Đà tuy ở tây phương mà vẫn cũng cõi thuyền đại nguyện đến độ cõi ta bà, vì mười niệm còn được vãng sanh thay. 3) Từ thành Phật nhần lại đến nay đã mười kiếp, vì hiện giờ vẫn đương thuyết pháp, để phổ độ chúng sanh mười phương. 4) Đức Thích Tôn cùng với các đức Như Lai ở mười phương đồng tán thán đức A Di Đà. Vì có bốn ý nghĩa đó, nên thêm danh hiệu đức Vô Lượng Thọ là thế. 89 đức Phật đã rồi. dưới đây là phát lộ sám hối. Như thế tám mươi chín đức Phật; lại gồm cả mười phương, hết thảy thế giới như vi trần, các đức Thế Tôn nhiều

cũng Vô lượng, các Ngài thường trú nơi thế gian, thường phóng hào quang, hằng độ chúng sanh, cúi xin các đức Thế Tôn đây phải thương nhớ chúng con.

*Sám hối Phát nguyện văn:*

**Như thị đẳng nhất thiết thế giới chư Phật, Thế Tôn thường trụ tại thế, thị chư Thế Tôn, đương từ niệm ngã. Nhược ngã tửu sanh, nhược ngã tiền sanh, tùng vô thí sanh tử dĩ lai, sở tác chúng tội.**

Đó là ngưỡng cầu chư Phật duỗi lòng từ thương nhớ, với chư Phật ở tất cả thế giới, đó là khắp bề ngang, thường trú ở đời; đó là tốt bề dọc. Pháp Thân của chư Phật, thường trú giáp khắp, ánh từ quang xưa nay thường soi. ngật vì chúng sanh lấy nghiệp tự ngăn, trọn ngày thường ở trong thân Phật, mà không thấy được Phật! Dụ như người tối mắt, ở dưới ánh sáng của mặt nhật, mà chẳng thấy được màu sắc, bởi vì bị vọng tưởng chấp trước, sa đắm nơi đường mê đã lâu rồi mà chẳng biết lối ra. Nay hân hạnh gặp giáo lý của Phật, phải cầu thỉnh chư Phật ở đời để dung thứ cho ta Sám Hối. Hoặc con từ đời này, hoặc con từ đời trước, từ vô thí sanh tử lại nay có làm các tội; Hoặc tự làm hoặc sai người làm, hoặc thấy người làm mà mình vui mừng theo.

Đó là chung phát lộ đời trước đời này những chỗ tạo tác các tội lỗi, tiền sanh lại còn đời trước đời trước nữa, đời đời không hết, nên nói là từ đời Vô thí (không đầu, là không thể được biết từ đâu là đầu, vì luân hồi nhiều kiếp quá), như thế kiếp số nhiều như vi trần, mỗi đời tạo tác tội nhiều không ngần mé, luôn cả đời nay những chỗ gây tội hoặc nhớ



hoặc quên, nay đối trước Phật, tận tình thổ lộ cầu xin sám hối. với chỗ mà nói là các tội đó: Chúng tại gia thì các tội mười ác, năm nghịch, tội lớn tội nhỏ; chúng xuất gia thì các tội của Tánh giới, Giá giới, Kinh giới, Trọng giới.

**Nhược tự tác, nhược giáo tha tác, kiến tác tùy hỷ.**

Mình làm: Chính tự thân mình ra làm tội. Sai người làm: Chỉ bảo kẻ khác làm tội. Thấy người làm mà mình vui mừng theo: Do thấy kẻ khác làm tội, hoặc nghe người làm tội mà mình ưa thích theo sanh quan niệm hoan hỷ, khuyên khen thúc đẩy, cách này, thế nọ để giúp thành việc làm tội. hoặc là: Tự làm, thì thuộc thân tội, dạy làm, là thuộc về khẩu tội, theo mừng là thuộc về ý tội. Rút lại mà nói, thì tự làm dạy làm, mừng làm, mỗi mỗi đều lẫn gồm cả ba nghiệp thân, khẩu và ý. Nên nay đối trước chư Phật, hết lòng kể bày không mảy giấu che. **Tánh giá kinh trọng, Phạm tánh giới tội trọng**, là nghĩa chẳng khá đối, nghĩa là bốn trọng giới : Sát, đạo, dâm vọng nó làm căn bản cho các giới khác. Bất luận chịu ưa hay chẳng chịu ưa, hễ phạm đến thì hiện tại đời chịu cái nạn của pháp luật nước nhà, khi chết rồi đoạ vào tam đồ, không cải hay cứu gì được, phải đợi chịu khổ đến hết rồi, tội mới tiêu diệt. Với giới đây, khi Phật chưa ra đời, mà chúng sanh đã tự có sẵn, nên không luận tăng tục, nhưng tăng mà phạm đến, thì lại thêm có cái tội trái lời Phật cấm.

Ngũ Thiên (五篇): 5 thiên giới luật; còn gọi là Ngũ Phạm (五犯), Ngũ Phạm Tụ (五犯聚), Ngũ Chúng Tội (五眾罪), Ngũ Chung Chế (五種制); tức Ba La Di (S: pārājika, 波羅夷), Tăng Tàn (S: Saṃghāvaśeṣa, H. 僧殘), Ba Dật Đề (S: pāyattika, H. 波逸提), Ba La Đề Đề Xá Ni (S: pratideśanīya, H. 波羅提提

舍尼), Đột Cát La (S: duṣkṛta, H. 突吉羅); tổng quát 250 giới của Tỳ Kheo và 348 giới của Tỳ Kheo Ni.

(1) Ba La Di, ý dịch là đoạn đầu (斷頭), là tội nặng nhất trong giới luật; người phạm tội giống như bị đứt đầu, vĩnh viễn bị đui ra khỏi tăng đoàn, tức 4 tội Ba La Di của Tỳ Kheo, và 8 tội Ba La Di của Tỳ Kheo Ni.

(2) Tăng Tàn là tội nặng sau Ba La Di; người phạm tội giống như bị người làm cho tàn hại, chỉ còn lại cổ họng mà thôi; người phạm tội phải nhờ tăng chứng vì người ấy mà tiến hành pháp sám hối để hóa giải tội lỗi. Đó là 13 tội Tăng Tàn của Tỳ Kheo, 17 tội Tăng Tàn của Tỳ Kheo Ni.

(3) Ba Dật Đề, ý dịch là đọa; nghĩa là người phạm tội này thì sẽ bị đọa vào Địa Ngục Nóng Lạnh; tức là 30 tội Xả Đọa (捨墮) và 90 tội Đơn Đọa (單墮) của Tỳ Kheo, 30 tội Xả Đọa và 178 tội Đơn Đọa của Tỳ Kheo Ni.

(4) Đề Xá Ni, ý dịch là tác hướng bỉ hối (作向彼悔), nghĩa là người phạm tội này thì nên hướng vị Tỳ Kheo khác mà chí thành sám hối thì sẽ được hóa giải tội lỗi; tức là 4 tội Đề Xá Ni của Tỳ Kheo, 8 tội Đề Xá Ni của Tỳ Kheo Ni.

(5) Đột Cát La, ý dịch là ác tác (惡作), nghĩa là những sai phạm do hai nghiệp thân và miệng tạo ra. Giới này khó giữ mà dễ phạm, nên thường phải thận trọng, ghi nhớ; tức là 2 pháp Bất Định, 100 Chúng Học, 7 tội Diệt Tránh của Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni. Năm Thiên này cộng thêm tội Thâu Lan Giá (s: sthūlātyaya, 偷蘭遮), gọi là Lục Tụ (六聚). Như trong Sa Di Luật Nghi Yếu Lược Thuật Nghĩa (沙彌律儀要略述義, 卅 Tục Tạng Kinh Vol. 60, No. 1119) có đoạn: Sa Di thập chi giới tướng, thị Ngũ Thiên Tam Tụ chi cơ, nhị thập tứ môn uy

nghi (沙彌十支戒相、是五篇三聚之基、二十四門威儀, mười chi giới tướng của Sa Di là cơ sở của năm thiên ba tụ, là hai mươi bốn cửa oai nghi). Hay trong Tăng Yết Ma (僧羯磨, Taishō Vol. 40, No. 1809) lại có đoạn: Thử Yết Ma giả, tắc thiệu long chi chánh thuật, khuông hộ chi hoảng quy, tông tự quy ư Ngũ Thiên, lạp tràng khởi ư Tứ Phần (此羯磨者、則紹隆之正術、匡護之宏規、宗緒歸於五篇、濫觴起於四分, pháp Yết Ma này, là phương thuật để phát triển, là quy tắc để hộ trì, nối dõi quy về năm thiên, đầu nguồn phát xuất nơi Tứ Phần).

Tam Tụ (三聚): có 4 nghĩa chính. (1) Còn gọi là Tam Định Tụ (三定聚); tức là (a) Chánh Định Tụ (正定聚), (b) Tà Định Tụ (邪定聚), (c) Bất Định Tụ (不定聚). Đại Trí Độ Luận (大智度論, Taishō Vol. 25, No. 1509) quyển 84 dạy rằng cái có thể phá được diên đảo là Chánh Định, cái không phá được diên đảo thì gọi là Tà Định; có được nhân duyên thì có thể phá được, không có nhân duyên thì không phá được, gọi là bất định. Lại theo thuyết của Thích Ma Ha Diễn Luận (釋摩訶衍論, Taishō Vol. 32, No. 1668) quyển 1 cho biết rằng 10 vị Thánh là Chánh Định Tụ, 3 vị Hiền là Bất Định Tụ, phàm phu là Tà Định Tụ. (2) Lấy ngã (我) và pháp (法) phân làm 3 loại lớn; gồm: (a) Lấy nhân duyên lìa hợp mà nói, phàm cái có đủ tánh chất của sanh diệt thì gọi là Hữu Vi Tụ (有爲聚); (b) Phàm cái không có đủ tánh chất của sanh diệt thì gọi là Vô Vi Tụ (無爲聚); (c) Quy nạp cả hai tụ này không theo nguyên tắc nào, gọi là Phi Nhị Tụ (非二聚). (3) Tất cả các pháp Hữu Vi được phân làm 3 loại: (a) Sắc Pháp (色法), chỉ cho Bốn Đại đất, nước, lửa, gió cấu thành nên vật chất; (b) Tâm Pháp (心法), tức các loại tác dụng tinh thần; (c) Không Sắc Không Tâm, đã không

phải sắc pháp cũng chẳng phải tâm pháp, như trong 75 pháp do Pháp Tướng Tông lập ra, 14 pháp Bất Tương Ứng Hành (不相應行) đều thuộc về pháp của Không Sắc Không Tâm. (4) Từ gọi tắt của Tam Tụ Tịnh Giới (s: tri-vidhāni sīlāni, 三聚淨戒); chỉ cho giới pháp của Đại Thừa Bồ Tát; còn gọi là Bồ Tát Tam Tụ Giới (菩薩三聚戒), Tam Tụ Thanh Tịnh Giới (三聚清淨戒), Tam Tụ Viên Giới (三聚圓戒), Tam Tụ Giới (三聚戒). Tụ (聚) ở đây nghĩa là chủng loại. Vì ba loại giới pháp này vô cấu nhiễm, trong sạch, nhiếp hết các giới của Đại Thừa, viên dung vô ngại, nên gọi là Tam Tụ Tịnh Giới, Tam Tụ Viên Giới. Ba loại giới ấy gồm: (a) Nhiếp Luật Nghi Giới (s: saṃvara-sīla, 攝律儀戒), còn gọi là Tự Tánh Giới (自性戒), Nhất Thiết Bồ Tát Giới (一切菩薩戒), xả đoạn hết thảy các điều ác, nhiếp trọn các pháp môn dừng ác của luật nghi; là giới của 7 chúng thọ trì, tùy theo sự khác nhau về tại gia, xuất gia mà phân biệt thành 5 giới, 8 giới, 10 giới, cụ túc giới; cũng có thể tổng quy thành 3 loại là Biệt Giải Thoát Giới (別解脫戒), Định Cộng Giới (定共戒), Đạo Cộng Giới (道共戒). Hơn nữa, giới này là nhân của Pháp Thân, vì Pháp Thân vốn tự thanh tịnh; do đối với điều ác thì che giấu, nên không được lộ ra, nay lìa đoạn các điều ác, thì công thành đức hiện rõ. (2) Nhiếp Thiện Pháp Giới (s: kuśala-dharma-saṃgrāhaka-sīla, 攝善法戒), còn gọi là Thọ Thiện Pháp Giới (受善法戒), Nhiếp Trì Nhất Thiết Bồ Đề Đạo Giới (攝持一切菩提道戒), nghĩa là tu tập tất cả các pháp lành. Đây là pháp môn tu thiện, thuộc về giới luật nghi do vị Bồ Tát tu tập, lấy việc thiện của thân, miệng, ý để hồi hướng vô thượng Bồ Đề, như thường siêng năng tinh tấn, cúng dường Tam Bảo, tâm không phóng dật, giữ gìn nhiếp hộ cửa các căn và thực hành Lục Độ Ba La Mật,

v.v.; nếu phạm tội thì như pháp sám hối để nuôi dưỡng các pháp lành. Đây chính là nhân của Báo Thân, nhờ dừng điều ác và tu tập việc thiện, nên tạo duyên thành Báo Phật (報佛). (3) Nhiếp Chúng Sanh Giới (s: sattvārtha-kriyā-sīla, 攝眾生戒), còn gọi là Nhiêu Ích Hữu Tình Giới (饒益有情戒), Tác Chúng Sanh Ích Giới (作眾生益戒); nghĩa là lấy tâm từ bi để nhiếp thọ lợi ích chúng sanh; đây là pháp môn làm lợi lạc cho chúng sanh. Bồ Tát Địa Trì Kinh (菩薩地持經, Taishō Vol. 30, No. 1581) quyển 4 nêu ra 11 loại làm lợi lạc, gồm: (1) Các việc làm lợi ích do chúng sanh làm đều cùng làm bạn; (2) Các nỗi khổ do bệnh hoạn của chúng sanh chưa sinh khởi cũng như đã sinh khởi, và người khan bệnh, cùng làm bạn; (3) Vì chúng sanh nói các pháp thế gian, xuất thế gian, hay dùng phương tiện khiến cho họ có được trí tuệ; (4) Biết ơn và báo ơn; (5) Các loại sợ hãi của chúng sanh, thấy đều cứu giúp; (6) Thấy có chúng sanh bần cùng, khổ khổ, bèn cung cấp cho họ những thứ họ cần; (7) Đức hạnh đầy đủ, thọ trì nương tựa, như pháp mà dạy nuôi chúng; (8) Trước dùng lời an ủi, tùy thời mà đến thăm, ban cho thức ăn uống, nói những lời tốt lành của thế gian; (9) Đối với người có thật đức, thì ca tụng, vui mừng; (10) Đối với người tạo điều sai lầm, không tốt, lấy từ tâm mà trách la, phạt xử nghiêm minh, khiến họ hối lỗi, sửa đổi; (11) Lấy oai lực thần thông, thị hiện đường ác, khiến cho chúng sanh kia sợ hãi, xa lìa điều ác, vâng tu theo Phật pháp, hoan hỷ tin mừng, sanh tâm hy hữu. Ba Tu Tịnh Giới này là giới thông cả tăng lẫn tục của Đại Thừa. Tăng sĩ Đại Thừa ban đầu thọ Nhiếp Luật Nghi Giới, tức thọ 250 giới, đây gọi là biệt thọ (別受); sau lại thọ chung Ba Tu Tịnh Giới này, gọi là thông thọ (通受). Như trong Đạt Ma Đại Sư

Phá Tướng Luận (達磨大師破相論, 卅 Tục Tạng Kinh Vol. 63, No. 1220) có đoạn: Cầu giải thoát giả, năng chuyển Tam Độc, vi Tam Tụ Tịnh Giới, chuyển Lục Tặc vi Lục Ba La Mật, tự nhiên vĩnh ly nhất thiết chư khổ (求解脫者、能轉三毒、爲三聚淨戒、轉六賊爲六波羅蜜、自然永離一切諸苦, người cầu giải thoát, có thể chuyển Ba Độc thành Ba Tụ Tịnh Giới, chuyển Sáu Tặc thành Sáu Ba La Mật, tự nhiên mãi lìa hết thảy các khổ).

**Phạm giá giới tội khinh,** Vì là chỗ Phật ngăn cấm, sau khi phạm có thể sám hối, nhưng sau khi sám rồi, chẳng đáng tái phạm. Như giới Tửu trong năm giới, sáu giới, sau trong Mười giới của Sa di, các giới Tăng Tàn trong giới Tỳ kheo, Sáu giới sau trong mười trọng của Phạm Võng, và các giới Bốn mươi tám khinh, đều là những điều do Phật cấm. **Nhược tháp, nhược tăng, nhược tứ phương tăng vật. Nhược tự thủ, nhược giáo tha thủ, kiến thủ tùy hỷ.** Đối với của ngôi Pháp, ngôi Tăng, bốn phương tăng nếu mình lấy, dạy người lấy thấy lấy tùy hỷ. Đây là riêng phát lộ những tội từ trước, hoặc đời nay, lấy tài vật gì của ngôi Tam Bảo.

Tháp – S. Stùpa, P. Thùpa, H. 塔 : Dịch âm là Tốt Đồ Bà (窣堵婆, 窣睹婆) Cũng gọi là Đâu Bà 兜婆, Suất Đô Bà, Tốt Đô Bà, Tốt Đồ Ba, Tẩu Đẩu Bà (率都婆, 窣堵婆, 窣都婆, 窣睹波, 藪斗婆). Nói tắt là Tháp Bà, Đâu Bà, Phù Đồ, Tháp (塔婆, 兜婆, 浮屠, 塔, 佛塔). Trong sách Ma Ha Tăng Kỳ Luật (摩訶僧祇律), quyển 33; Pháp Hoa Nghĩa Sớ (法華義疏), quyển 11... có phân biệt rõ rằng nơi nào có Xá Lợi của Phật thì gọi là Tháp, nơi nào không có là Chi Đề. Căn cứ vào đó, 8 ngôi tháp có an trí Xá Lợi Phật khi Ngài Bát Niết Bàn

như: Câu Thi Na Yết La (拘尸那揭羅), Ba Bà (波波), Giá La (遮羅), La Ma Già (羅摩伽), Tỳ Lưu Đề (毘留提), Ca Tỳ La (迦毘羅), Tỳ Xá Ly (毘舍離), Ma Kiệt Đà (摩揭陀)... là Tốt Đồ Ba, là Phật Tháp; còn các ngôi tháp nơi Đức Phật đản sinh ở Ca Tỳ La Vệ (S. Kapilavastu, P. Kapilavatthu, H. 迦毘羅衛), nơi thành đạo dưới cây Bồ Đề ở Phật Đà Già Da (S. Buddhagaya, H. 佛陀伽耶), nơi Chuyển Pháp Luân ở Vườn Lộc Uyển (鹿苑), nơi đại thần thông của Tinh Xá Kỳ Viên (精舍祇園), nơi có ba đường bậc cấp báu (khi Đức Phật từ cung Trời Đao Lợi 忉利 xuống) ở gần Khúc Nữ Thành (曲女城), nơi tuyên thuyết kinh điển Đại Thừa ở núi Kỳ Xà Quật (耆闍崛山), nơi Cư sĩ Duy Ma Cát (維摩詰) thị hiện tướng bệnh ở Am La Vệ Lâm (菴羅衛林), nơi Đức Phật nhập Niết Bàn ở rừng Sa La Song Thọ (娑羅雙樹), được gọi là Bát Đại Linh Tháp (八大靈塔) tám ngôi tháp linh thiêng) đều thuộc về Chi Đề.

Theo kinh Niết Bàn, Đức Phật có dạy cách xây tháp tôn thờ xá lợi như sau:

- Tháp thờ xá lợi Phật có mười ba tầng.
- Tháp thờ Bích chi Phật có mười một tầng.
- Tháp thờ A la hán có bốn tầng
- Tháp thờ chuyển luân thánh vương thì không có tầng, vì vua Chuyển Luân chưa thoát khỏi luân hồi trong Tam giới nên không có tầng.

Xá Lợi: S. Sarira, P. Sarira, H. 舍利 Dịch âm là Thật Lợi (實利), Thiết Lợi La (設利羅), Thất Lợi La (室利羅); ý dịch là Tử Thi (死屍), Di cốt, Di thân (遺骨, 遺身). Thường từ này dùng để chỉ cho Di cốt của Đức Phật, nên có tên là Phật cốt (佛骨), Phật Xá Lợi (佛舍利). Về sau chỉ cho phần xương

cốt lưu lại sau khi hỏa thiêu của các vị cao tăng, bảo tháp nơi an trí xá lợi Phật, được gọi là Xá Lợi Tháp (舍利塔), bình có an trí xá lợi thì gọi Xá Lợi Bình (舍利瓶), pháp hội cúng dường xá lợi Phật thì gọi là Xá Lợi Hội (舍利會). Như trong Hợp Bộ Kim Quang Minh Kinh (合部金光明經) quyển 8 định nghĩa rằng: Thử xá lợi giả, thị giới, định, huệ chi sở huân tu, thậm nan khả đắc, tối thượng phước điền 此舍利者, 是戒定慧之所熏修, 甚難可得最上福田 Xá Lợi này được huân tu do giới định tuệ, thật khó có được, là ruộng phước tối thượng.

Nói về Xá lợi, có hai loại:

- Toàn thân xá lợi: theo kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Phật Đa Bảo đã viên tịch lâu xa, những toàn thân thể xá lợi của ngài còn ngồi trong tháp Đa Bảo. Ngài nguyện trong các đời sau, hễ có vị Phật nào giảng kinh Pháp Hoa thì toàn thân xá lợi của ngài hiện đến nghe.

- Toái thân xá lợi (xá lợi nát ra): là xá lợi từng viên sau khi Trà tỳ như nhục thân của Đức Phật.

Xá Lợi còn có hai loại: 1). Sanh thân xá lợi: Tức là Ứng hóa thân của Đức Phật Thích Ca thị hiện, xuất gia tu hành, Giới, Định, Tuệ, thành Phật, giảng pháp, rồi tịch diệt, lưu lại Xá lợi, người trời tôn thờ. 2). Pháp thân xá lợi: Là tất cả Tam Tạng Kinh Điển còn đang hiện hữu trong cõi Trời người (Giáo pháp còn, giống như Đức Phật tại thế).

Hay nói ngôi Tháp, thì kiêm có luôn cả các ngôi: Tự, miếu, am viện. Tiếng phạn Stupa, Tuý Đổ Ba, dịch: Mả vuông, dịch là: Mồ tròn, Linh Miếu. Trong Kinh A Hàm ghi rõ bốn chỗ dựng Tháp, nghĩa là chỗ Phật giảng sanh, chỗ chuyển



pháp luân, chỗ nhập niết bàn, bốn chỗ đó đều nhân nêu rõ đức của Phật, và phụng thờ Xá Lợi của Phật, nên dựng ngôi Tháp, lại Tự, Viện, Miếu, Am và Tháp của chư Tổ, đều là chỗ phụng thờ ngôi Tam Bảo, chỉ nên cúng dường, chẳng nên lấy một phân, một hào gì cả. Ngôi Tăng là các đức Thầy trong hàng: Tam sư, Thất chứng Trú trì, Thầy tế độ, Thầy y chỉ, và đức Thầy mà ta thụ nghiệp, quý Thầy ấy đều là đáng làm Sư Phạm cho người, ta chỉ nên cúng dường, chớ không nên trộm lấy sự vật chi của các đấng ấy. **Vật của tứ phương Tăng, là tài vật của các nhà Tăng từ tứ phương đem lại, hoặc tài vật của nhà Thí chủ đã cúng cho các nhà Tăng ở bốn phương.** Có hai nghĩa tứ phương: 1/ Chỉ cho Tăng chúng còn hiện tiền nơi mười phương; 2/ Hoặc quá khứ hay vị lai mà có ảnh hưởng đến tăng chúng nơi tứ phương, do vì tài vật của chiêu đề thường trú thể nó rất tốt cả ba đời cũng chỉ nên cúng, chớ chẳng nên lấy những gì bằng một mảy lông.

Trong Đại Phương Đẳng Kinh, ông Hoa Tu Bồ Tát nói: Với những tội ngũ nghịch thập ác, ta cũng có thể cứu được, chỉ với cái tội trộm lấy tài vật của tăng chúng, thì ta chẳng thể cứu đặng. Kinh Bửu Lương chép: Thà tự ăn lấy thịt trong thân thể của mình, chớ không nên trộm lấy tài vật của Tam Bảo. Luận Trí độ nói: Kẻ trộm dầu đèn của Phật sẽ đọa vào địa ngục Hắc Ám, sau hết tội địa ngục, đầu thai làm người đui mắt; kẻ trộm hương của Phật, phải đọa địa ngục Nê Lê, kiếp sau làm người hôi dơ; kẻ trộm tràng phan về làm áo, kiếp sau mắc báo bị thứ ghê độc ác thường chảy nang huyết. Thiếc Sơn Quỳnh Thiền Sư nói: Phạm của cái trong Chùa ít nhất là: Một gói trà, một hột gạo, một phân một ly, đều là

của thí chủ vì cầu phúc đức, nên đem đến cúng chùa, nếu ta có được thí cho, cũng nên đem cúng ngôi Tam Bảo, đâu đặng riêng dùng. Đạo Thế Pháp Sư nói: Nếu người nào lấy tài vật của Chùa, để đem riêng cho nơi nhà người bạch y xài dùng, thì bị Long thiên bát bộ giận trách, cả kẻ cho người dùng đều mắc tội lỗi.

Sách Cao Phong Di Sự chép: Ngài Ngưỡng Sơn Vĩ Thiền Sư, bẻ một mọt măng của Chùa, sau nhập định, thấy mọt măng hiện trước mặt, phải lo bồi thường và sám hối, cái hiện tượng mới diệt. Sách Bửu Giám chép: Chùa núi Vận Cái, Ngài Ngung Thiền sư làm chức giữ núi, nhân vì lấy tiền trai tăng đem làm Tăng đường, sau khi thác, Ngài Tân trú trì, là Trí thiền sư, nửa đêm đương ngồi thoạt nghe mùi lửa cháy, kể thấy ông Ngung mang cái gong bằng lửa, nói đủ lại chuyện trước, năn nỉ yêu cầu bán Tăng đường, để lấy tiền thiết lễ trai phạn cúng chúng, mới có thể thoát khổ báo, Ngài Trí Hiền Thiền Sư y lời lập đàn trai tăng đêm đó thấy ông Ngung đến tạ ơn.

**Ngũ vô gián tội, nhược tự tác, nhược giáo tha tác, kiến tác tùy hỷ.** Đối với tội Ngũ Nghịch Vô Gián: Hoặc tự mình làm, hoặc dạy người làm, hoặc thấy người làm mà mình vui theo.

Đây là riêng phát lộ từ xưa đến nay đã gây tội. Ngũ vô gián tức là địa ngục lớn A Tỳ làm những điều ngũ nghịch, thất nghịch là cái nhân tội Vô Gián, sau đọa xuống Địa ngục A Tỳ là cái quả tội Vô Gián, như: Giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hiệp Tăng, làm thân Phật ra máu, đó là năm nghịch; lại thêm giết Hòa thượng, giết A xà lê, tức gọi là Bảy điều nghịch.

Nghịch là giữa cõi đời, cái ân đức rất lớn là duy có cha mẹ, nên Kinh nói: Thương thương, Cha, Mẹ sanh ta khó nhọc, muốn trả đức ấy, như vói lên trời cao không cùng. Do vì mười tháng cưu mang, ba năm bú sù, nuôi nâng nên người kẻ làm con, lẽ phải: Vói mùa đông làm sao cho cha mẹ được ấm, mùa hạ làm cho được mát mẻ, sự hiếu dưỡng có phương pháp, như thế trọn đời, còn chẳng xiết trả đặng thay! mà nay trở lại nghịch mạ, lại thâm chí làm điều giết hại, thế thì trời đất nào dung được nữa!

A La Lán bậc tu hạnh trang nghiêm đã dứt hết phiền não, của kiến hoặc, tư hoặc, siêu ra ngoài tam giới sanh tử, đáng được thụ lãnh sự cúng dường của người và trời, để làm ruộng phước cho thế gian, vì người và trời nếu cung kính cúng dường sẽ đắc phúc vô lượng. Thế mà nay lại làm phản giết hại đó, quyết đọa Vô Gián.

Tăng chúng đang hòa hợp đồng làm cái đạo pháp nhiệm mầu, mà có người ác nghịch nào, hoặc đem điều phi pháp ngoài đời đến để làm lụy cho chúng Tăng, khiến cho đạo pháp bất thành, hoặc mắng, chê làm cho trong chúng lìa cách, không còn hòa hợp nữa, đến đổi thôi bỏ sự hành đạo, chúng phải giải tán, thế thì kẻ ác quyết đọa vào Vô gián.

Phật xuất hiện ra cõi đời, để hóa độ vô lượng chúng sanh, để làm ngọn đèn tam giới, để làm từ phụ cả bốn loài, đối với Phật, người vô duyên muôn kiếp cũng khó gặp. Lẽ ra chúng ta phải hướng về Phật để cầu tu học vô thượng; nay lại phản nghịch, huỷ báng, thậm chí làm cho thân Phật ra máu (sau khi Phật nhập diệt, làm những điều: Hủy đồ tượng của Phật, đập phá tượng đồng, và huỷ tượng Thánh, phá

hoại chùa tháp v.v... đều đồng là tội xuất Phật thân huyết), người ấy sau khi mạng chung, vĩnh kiếp đọa mãi ở ngục Vô Gián nơi mười phương thế giới!

Hoà Thượng dịch: Lực Sanh, do vì lấy sức trí tuệ, khiến người sanh trưởng cái đạo chánh diệu A Xà Lê dịch: Quý Phạm Sư, do vì năng làm khuôn phép cho kẻ hậu học, nên noi gương bắt chước. Lại dịch: Chánh hạnh, do vì hay uốn ngay đệ tử, để trực tâm, trực hành theo. Đây có năm phần A Xà Lê. Sanh thành thân ta là Cha Mẹ; dạy ta khôn biết là thầy bạn; cha mẹ dùng tình ái để sanh thành ta, đó là cái ân hữu hạn ở thế gian, thầy bạn vì đạo Thánh nên dạy ta, đó là cái ân vô hạn, thành Phật ngoài thế gian. Dẫn đến đầu đội trọn đời, còn chẳng hết ân được, nay lại phản nghịch sát hại, thì ắt là vĩnh đọa Vô Gián. Thú Quả Vô Gián, Thụ khổ vô gián, Thời vô gián, Mạng vô gián, Hình vô gián.

Địa Ngục: (S. naraka, niraya, P. niraya, J. jigoku, H. 地獄): Dịch là Nại Lạc Ca (捺落迦), Na Lạc Ca (那落迦), Nại Lạc (捺落), Nê Lê Da (泥犁耶), Khổ Cụ (苦具), Khổ Khí (苦器), Vô Hữu (無有); là một trong Ngũ Thú (五趣), Lục Thú (六趣), Ngũ Đạo (五道), Lục Đạo (六道), Thất Hữu (七有), Thập Giới (十界); cho nên có tên gọi là Địa Ngục Đạo (地獄道), Địa Ngục Thú (地獄趣), Địa Ngục Hữu (地獄有), Địa Ngục Giới (地獄界). Địa Ngục hay Âm Gian được con người xem như là địa phương nơi linh hồn người chết sẽ trở về sau khi từ già cõi đời này. Quan niệm về Địa Ngục phân bố thế giới rộng hay hẹp tùy theo quan niệm tín ngưỡng của mỗi tôn giáo khác nhau. Theo Phật giáo, Địa Ngục được chia thành như sau: (1) Tám Địa Ngục Lớn, còn gọi là Tám Địa Ngục Nóng (八熱地獄

Bát Nhiệt Địa Ngục), gồm: Đẳng Hoạt (S. Saṃjīva, 等活) Hắc Thằng (S. Kāla-sūtra, 黑繩), Chúng Hợp (S. Saṃghāta, 衆合) Khiếu Hoán (S. Raurava, 叫喚), hay Hiệu Khiếu (號叫), Đại Khiếu Hoán (S. Mahā-raurava, 大叫喚 hay Đại Khiếu 大叫), Tiêu Nhiệt (s: tapana, 焦熱 hay Viêm Nhiệt 炎熱), Đại Tiêu Nhiệt (s: pratapana, 大焦熱), A Tỳ (S. Avīci, H. 阿鼻地獄 (梵音: Avīci Niraja) 也称無間地獄, 阿鼻 (Avīci) 是梵文音譯, 是無間的意思, 表示受苦無間斷, 阿鼻地獄是民間最熟悉的地獄). (2) Tám Địa Ngục Lạnh (八寒地獄 Bát Hàn Địa Ngục), gồm: Át Bộ Đà (S. Arbuda, H. 頰部陀) Ni Lạt Bộ Đà (S. Nirarbuda, H. 尼刺部陀), Át Chiết Tra (S. Atata, H. 頰嘶吒, hay A Tra Tra 阿吒吒), Hoắc Hoắc Bà (S. hahava, H. 臙臙婆 hay A Ba Ba 阿波波, HỒ HỒ Bà (S. Huhuva, H. 虎虎婆), Miệt Bát La (S. Utpala, H. 喞鉢羅), Bát Đặc Ma (S. Padma, H. 鉢特摩), Ma Ha Bát Đặc Ma (S. Mahāpadmā. H. 摩訶鉢特摩). Ngoài ra, trong Tám Địa Ngục Lớn ấy, mỗi Địa Ngục đều có 16 Địa Ngục quyến thuộc (tức 16 Địa Ngục nhỏ), hợp cả Địa Ngục lớn và nhỏ lại, tổng cộng có 136 Địa Ngục.

Có 5 ý nghĩa về Vô Gián: (1) Thú Quả Vô Gián (趣果無間 chiêu thọ nghiệp quả không qua đời khác, tức báo ứng ngay đời này); (2) Thọ Khổ Vô Gián (受苦無間 chịu khổ không gián đoạn); (3) Thời Vô Gián (時無間 trong một kiếp, chịu khổ báo không gián đoạn); (4) Mạng Vô Gián (命無間 thọ mạng chịu khổ liên tục, không gián đoạn); (5) Hình Vô Gián (形無間 thân hình của chúng sanh và sự lớn nhỏ của Địa Ngục tương đồng mà không có kẽ hở). Do chúng sanh tạo các loại nghiệp nhân bất đồng, mỗi loại Địa Ngục chiêu cảm quả báo bất đồng. Về vị trí của Địa Ngục, có 3 thuyết khác nhau: (1) theo

Trường A Hàm Kinh (長阿含經) quyển 19, Đại Lôu Thán Kinh (大樓炭經) quyển 2, Phẩm Nê Lê (泥犁品), Địa Ngục nằm chung quanh biển lớn, trong khoảng giữa của Đại Kim Cang Sơn và Đại Kim Cang Sơn thứ hai. (2) theo Lập Thế A Tỳ Đàm Luận (立世阿毘曇論 Taishō Vol. 32, No. 1644) quyển 1, Địa Động Phẩm (地動品), Địa Ngục nằm ngoài Thiết Vi Sơn (S. Cakravāda - parvata, P. Cakkavāla - pabbata, H. 鐵圍山), chỗ hẹp nhất là 80.000 do tuần; chỗ rộng nhất là 160.000 do tuần. (3) Theo Đại Tỳ Bà Sa Luận (大毘婆沙論) quyển 172, Câu Xá Luận (具舍論) quyển 11, v. v. . . Vô Gián Địa Ngục nằm cách khoảng 20.000 do tuần dưới Nam Thiệm Bộ Châu (S: Jampudīpa, H. 南瞻部洲); các Địa Ngục khác nằm chồng chất lên nhau theo thứ tự, hay nằm một bên. Hơn nữa, còn có Cô Địa Ngục (孤地獄), Biên Địa Ngục (邊地獄), không lệ thuộc vào các Địa Ngục lớn nhỏ bên trên, hoặc nằm trong Tứ Châu (S. Catvāro dvīpāḥ, P. Cattāro dīpā, H. 四洲) bên sông núi, hay ở dưới lòng đất, trên không v. v... Trong tập Di Sơn Nhiên Thiên Sư Phát Nguyện Văn (怡山然禪師發願文) của Truy Môn Cảnh Huấn (緇門警訓 Taishō Vol, 48, No. 2023) quyển 6 có đoạn rằng: Nê Lê khổ thú, Ngạ Quỷ đạo trung; hoặc phóng đại quang minh, hoặc hiện chư thần biến, kỳ hữu kiến ngã tướng, nãi chí văn ngã danh, giai phát Bồ Đề tâm, vĩnh xuất luân hồi khổ. 泥犁苦趣, 餓鬼道中, 或放大光明, 或現諸神變。其有見我相, 乃至聞我名, 皆發菩提心, 永出輪回苦。Địa Ngục nẻo khổ, Quỷ Đói đường trong; hoặc phóng ánh quang minh, hoặc hiện các thần biến, nếu có thấy tướng ta, cho đến nghe tên ta, đều phát Bồ Đề tâm, mãi thoát luân hồi khổ). Hay trong Thiệm Huệ đại Sĩ Ngũ

Lục (善慧大士語錄 Tục Tạng Kinh Vol. 69, No. 1335) quyển 3, phần Đệ Tứ Chương Minh Vô Tướng Hư Dung lại có câu: Như Lai Pháp thân vô biệt xứ, phổ thông Tam Giới khổ Nê Lê. Tam Giới Nê Lê bốn phi hữu, vi diệu thù phục đắc tri hê. 如來法身無別處，普通三界苦泥犁，三界泥犁本非有，微妙誰復得知蹊。 Như Lai Pháp thân đâu chốn khác, thông cùng Ba Cõi khổ Nê Lê, Ba Cõi Nê Lê vốn không có, vi diệu ai lại biết nẻo về). Hoặc như trong Vĩnh Bình Điển Tòa Giáo Huấn (永平典座教訓) có đoạn: Ngã nhược sanh Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, Tu La đẳng chi thú, hựu sanh tự dư chi Bát Nạn thú, tuy hữu cầu tăng lực chi phí thân, thủ tự bất khả tác cúng dường Tam Bảo chi tịnh thực. 我若生地獄，餓鬼，畜生，修羅等之趣，又生自餘之八難趣，雖有求僧力之覆身，手自不可作供養三寶之淨食。 Ta nếu sanh vào các đường Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, Tu La, hay sanh vào các đường Tám Nạn khác, tuy có cầu năng lực chư tăng che chở thân, nhưng tay không thể tự mình lấy thức ăn thanh tịnh cúng dường Tam Bảo).

**Nghiệp Chướng** (S: karmāvaraṇa, H. 業障): còn gọi là nghiệp lụy (業累), là một trong 3 chướng, một trong 4 chướng; nghĩa là ác nghiệp do ba nghiệp thân, miệng và ý của chúng sanh tạo ra có thể gây chướng ngại chánh đạo, nên có tên gọi như vậy. Theo Bắc Bản Đại Bát Niết Bàn Kinh (大般涅槃經, Taishō Vol. 12, No. 374) quyển 11, A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa Luận (阿毘達磨大毘婆沙論, Taishō Vol. 27, No. 1545) quyển 115, A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (阿毘達磨俱舍論, Taishō Vol. 29, No. 1558) quyển 17, v.v., trong các ác nghiệp, lấy 5 nghiệp Vô Gián làm nghiệp chướng, làm trở

ngại lớn nhất đối với sự tu hành Thánh đạo. Đó là: (1) hại mẹ, (2) hại cha, (3) hại bậc A La Hán, (4) phá sự hòa hợp của tăng, (5) làm thân Phật chảy máu với ác tâm. Trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh (大方廣佛華嚴經, Taishō Vol. 10, No. 279) quyển 2, Phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm (世主妙嚴品) thứ 1, có câu: Nhược hữu chúng sanh nhất kiến Phật, tất sử tịnh trừ chư nghiệp chướng (若有眾生一見佛、必使淨除諸業障, nếu có chúng sanh một lần thấy được Phật, tất khiến cho trừ sạch các nghiệp chướng). Hay trong Pháp Uyển Châu Lâm (法苑珠林, Taishō Vol. 53, No. 2122) quyển 60, phần Đại Phương Đẳng Kinh Thất Phật Thuyết Diệt Tội Chú (大方等經七佛說滅罪咒), lại có đoạn: “Như thị thần chú, cụ đại uy lực, năng thọ trì giả, nghiệp chướng tiêu trừ (如是神咒、具大威力、能受持者、業障消除, thần chú như vậy, đủ oai lực lớn, người thường thọ trì, nghiệp chướng tiêu trừ).” Hoặc trong Giáo Ngoại Biệt Truyền (教外別傳, 卍 Tục Tạng Kinh Vol. 84, No. 1580) quyển 4, phần Ngưu Đầu Sơn Pháp Dung Thiền Sư (牛頭山法融禪師), cũng có đoạn rằng: Nhất thiết phiền não nghiệp chướng, bốn lai không tịch, nhất thiết nhân quả giai như mộng huyễn, vô Tam Giới khả xuất, vô Bồ Đề khả cầu (一切煩惱業障、本來空寂、一切因果皆如夢幻、無三界可出、無菩提可求, hết thảy phiền não nghiệp chướng, xưa nay rỗng lặng, hết thảy nhân quả đều như mộng huyễn, chẳng Ba Cõi phải ra, chẳng Bồ Đề phải tìm).

Địa Tạng (S: Kṣitigarbha, J: Jizō, H. 地藏): tức Địa Tạng Bồ Tát (地藏菩薩, Jizō Bosatsu), âm dịch là Khất Xoa Đế Nghiệt Bà (乞叉底蘓婆), Chỉ Sư Đế Yết Bà (枳師帝揭婆), ý



dịch là Trì Địa (持地), Diệu Tràng (妙幢), Vô Biên Tâm (無邊心). Kể từ khi đức Thế Tôn nhập diệt cho đến khi Phật Di Lặc (S: Maitreya, P: Metteyya, H. 彌勒) xuất hiện, ngài thường hiện hình tướng Thanh Văn, phân chia thân mình khắp Sáu Đường để cứu độ hết thảy chúng sanh từ trên trời cho xuống dưới Địa Ngục, sau đó mới thệ nguyện thành Phật. Tên gọi của ngài có 6 loại như:

(1) Kim Cang Nguyện Địa Tạng (金剛願地藏): vị Bồ Tát thường cứu độ chúng sanh trong cõi Địa Ngục, tay trái cầm tràng phan và tay phải bắt Ấn Thành Biện (成辨印);

(2) Kim Cang Bảo Địa Tạng (金剛寶地藏): Đức Địa Tạng chuyên cứu độ chúng sanh trong đường Ngạ Quỷ, tay trái cầm viên ngọc báu, và tay phải bắt Ấn Cam Lộ (甘露印) hay Ấn Thí Vô Úy (施無畏印);

(3) Kim Cang Bi Địa Tạng (金剛悲地藏): Đức Địa Tạng chuyên cứu độ chúng sanh trong đường Súc Sanh, vai trái mang cây Tích Trượng (s: khakkhara, khakharaka, 錫杖), bàn tay phải ngửa ra theo hình thức tiếp đón;

(4) Kim Cang Tràng Địa Tạng (金剛幢地藏): Đức Địa Tạng chuyên cứu độ chúng sanh trong cõi Tu La, tay trái cầm tràng phan hay cây kiếm, tay phải bắt Ấn Thí Vô Úy (施無畏印);

(5) Phóng Quang Địa Tạng (放光地藏): Đức Địa Tạng chuyên cứu độ chúng sanh trong cõi người, tay trái cầm cây Tích Trượng, tay phải bắt Ấn Dĩ Nguyện (與願印);

(6) Dự Thiên Hạ Địa Tạng (預天賀地藏): Đức Địa Tạng chuyên cứu độ chúng sanh trên cõi trời, tay trái cầm viên

ngọc báu, tay phải bắt Ấn Thuyết Pháp (說法印).

Tại Nhật Bản, tín ngưỡng Địa Tạng phổ biến rộng rãi từ giữa thời Bình An (平安, Heian) trở đi; người ta tôn thờ ngài hai bên đường lộ, đặc biệt trong Thiền Tông thì Lục Địa Tạng Tôn (六尊地藏) được tôn trí tại các nghĩa trang. Bên cạnh đó, còn có tín ngưỡng về Địa Tạng Giữ Con (子守地藏), Địa Tạng Nuôi Con (子育地藏), Địa Tạng Sinh Con An Toàn (子安地藏). Ngoài ra còn có Diên Mạng Địa Tạng (延命地藏), Thắng Quân Địa Tạng (勝軍地藏), v.v.

Tại Phổ Tế Tự (普濟寺) trên Phổ Đà Sơn (普陀山), Tỉnh Chiết Giang (浙江省) cũng như tại Thập Phương Đại Giác Tự (十方大覺寺) Phố Cơ Long (基隆市) Đài Loan (臺灣) có câu đối tán dương công hạnh của Đại Tạng Bồ tát rằng: Địa ngục tức không chúng sanh hữu tận nguyện vô tận, nhân luân tối quý hiếu đạo viên thành Phật tự thành (地獄即空衆生有盡願無盡, 人倫最貴孝道圓成佛自成) Địa ngục liền không chúng sanh dẫu hết nguyện không hết, nhân luân cao quý hiếu đạo tròn thành Phật tự thành).

**Thập bất thiện đạo, nhược tự tác, nhược giáo tha tác, kiến tác tùy hỷ.**

*Với mười điều chẳng lành: Tự mình làm, hoặc dạy người làm, hoặc thấy kẻ khác làm mình ưa vui theo.*

Đó là riêng phát lộ từ về xưa đã gây mười điều ác. Và chẳng, làm điều trái lẽ thì nó gồm thâu ở trong mười sự bất thiện tức là thập ác. Trái lại thập thiện, thì có những trường hợp dứt dữ làm lành chẳng đồng nhau: hoặc chạm cảnh sanh tâm, buông lung cái tình hoặc ấy, thì thân khẩu ý tức thành mười điều chẳng lành. Nếu vừa gặp cảnh liền ăn năn xét

lại, thuận theo lẽ sáng biết thành thật, thì thân, khẩu, ý tức là mười lành. Song, thiện ác đều do nơi tâm mà phát khởi, nên tâm hành mười thiện, thì cảm đặng quả về ba đường thiện là Trời, người và thần A tu la; còn tâm hành mười ác, thì cảm lấy ba ác đạo là Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sanh. Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Mười điều bất thiện đây, là cái nhân của địa ngục; vậy với thập thiện đạo, chúng ta cần phải học tu, thì với ác thú kia, chúng ta vẫn không đoạ lạc đến.

Thập ác, Dứt ác Làm mười điều ác là cái nghiệp nhân sẽ đoạ xuống ba đường dữ là địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh; hành mười điều thiện là cái nghiệp nhân sẽ lên ba đường lành là Trời, Người, thần A Tu La. Dứt ác, tức là không tạo ác nữa, mà cũng chẳng hành thiện, đấy chỉ gọi là cái nghiệp nhân của nhơn đạo mà thôi. Lại có thể: Đã chẳng sát sanh mà lại phóng sanh, chẳng trộm cắp còn làm bố thí, chẳng dâm ô mà làm tịnh hạnh, chẳng nói dối, mà nói chân thật, chẳng nói lời thêu dệt, mà nói lời chắc ngay, chẳng nói lời miêng lưỡi đôi chiều, mà nói lời giải hoà dứt tranh chấp, chẳng nói lời thô ác, mà nói lời nhu nhuyễn, ý chẳng tham lam, và tu pháp quán bất tịnh, ý chẳng sân hận mà tu pháp quán từ bi, ý chẳng ngu si mà tu pháp quán nhân duyên. Nói tóm: Nếu đã dứt thập ác mà hành thập thiện, đó là nhân để siêu lên 6 cõi trời dục.

**Sở tác tội chướng, hoặc hữu phú tàng, hoặc bất phú tàng, Với chỗ làm tội chướng, hoặc có che giấu, hoặc chẳng che giấu.**

Đây là nói một tự làm, hai dạy người làm, ba thấy làm vui theo, trước hoặc che chẳng che. Trên kia nói chỗ ra làm

các nghiệp: Lại e mình mất tài lợi danh dự, nên che giấu mà chẳng phát lộ ra; hoặc muốn vạch bày cái ác của người khác, để rõ điều ngay của mình, nên với chỗ làm đều tỏ bày mà không che giấu. Hoặc với lỗi lớn thì che, lỗi nhỏ thì tỏ bày. Hoặc ban đầu che mà sau lại tỏ bày, hoặc trước tỏ bày mà sau lại che. Hoặc can đảm nhỏ khiếm nhược mà che, hoặc can đảm lớn can cường mà tỏ bày. Hễ có làm ác mà che đó là tội lớn, chẳng che đó là tội nhỏ. Như một cái nghiệp sát đã là trọng rồi, nếu mà giấu che đi, thì lại thêm cái tội có giấu che nữa. Thế nên đối trước ngôi Tam Bảo và trước mặt chúng nhân, phải trực tâm thổ lộ hết ra, không mảy giấu che, mới có thể cho sám hối. Duy thức nói: Kẻ giấu tội, sau ắt ăn năn buồn, vì chẳng được an ổn. Kinh Lăng Nghiêm chép: Người nay muốn nghiên cứu đạo vô thượng Bồ Đề để phát minh chân tánh, thì phải trực tâm trả lời những chỗ ta hỏi, người phải biết, các đức Như Lai xưa, nguyên đều lấy cái trực tâm mà đắc thành đạo.

Ứng đạo Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh chư dư ác thú, biên địa, hạ tiện cập miệt lệ xa. *Phải đạo: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, bao nhiêu ác thú khác, chốn biên địa, dòng hạ tiện, và những kẻ miệt lệ xa.*

Đây là chung kể bày nơi văn trước về chỗ tạo hoặc nghiệp, phải theo cái nghiệp thế nào mà rước lấy cái quả báo thế nấy. Lẽ tất nhiên phải tùy cái nghiệp đó hoặc khinh hay trọng mà phải lãnh cái quả báo đoạ ở nơi ác thú ấy, nên từ địa ngục sắp xuống bảy câu đó, là những chỗ chịu quả báo đấy. Chốn biên địa, là những chỗ đất ruộng muối, giống Khương, giống Hồ, bên biển ngoài góc cùng, mấy hòn hoang

đảo. Giữa nước nhà là những nơi trung tâm thủ đô thành thị, vì trước tiên có nhiều Thánh hiền ra đời giáo hoá, có lễ nhạc, văn nhã, là những nước có chánh giáo rục rở tốt đẹp. Các chốn biên địa, từ xưa nay không có Thánh nhân ra đời giáo hoá gì nên người ở các xứ ấy, chẳng biết lễ nghĩa, tối, ngông, ngậy, dữ, là cái chỗ dã man ưa làm những điều giết hại loạn luân. Kẻ hạ tiện, là như làm nô bộc bị chủ sai khiến, và bị người ta khinh khi coi hèn. Miệt Lệ Xa dịch là: Ác kiến, nghĩa là những kẻ sống vô nhân quả, đó là phá hai điều Giới và Kiến: Cái tội phá Ái giới, còn có thể sám hối đặng; chớ phá cái Kiến giới thì chẳng cho sám hối.

**Như thị đặng xứ, sở tác tội chướng, kim giai sám hối.**

Như thế từ trước nói: Lấy tài vật của Tháp, của Tăng, gây tội ngũ vô gián, các tội Thập ác, dĩ chí mắc quả báo phải ở vào các chỗ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và các xứ Bát nạn... *chỗ ra làm tội chướng đó, con nay gieo mình trước chư Phật, để mỗi mỗi phát lộ xin* đều Sám Hối tất cả.

Nay đã có lòng tin, mà chẳng gói giấu các điều tì vết, thì với chỗ ra làm các tội phá kiến giới, ái giới chẳng chẳng sám hối. Quán Kinh nói: Vì khen ngợi uy đức của A Di Đà Phật người này nghe rồi, dứt đặng tội sanh tử từ tám mươi ức kiếp, địa ngục lửa dữ hoá làm gió mát, gió thổi hoa trời, trên hoa có đức Hoá Phật đến rước tiếp người này. Lại nói : Chí tâm xưng mười niệm: Nam mô A Di Đà Phật, vì xưng danh của Phật, với trong mỗi niệm trừ được tội trong đường sanh tử từ tám mươi ức kiếp, thấy hoa sen vàng hiện ở trước mặt, với trong một niệm, liền sanh sang nước cực lạc. Đó chỉ xưng và lạy có một đức Phật, mà công đức còn được như thế,

huống chi lại xưng và lạy cả danh của 89 Phật?

**Kim chư Phật, Thế Tôn đương chứng tri ngã**, đương ỨC NIỆM NGÃ, NGÃ PHỤC Ứ CHƯ PHẬT THẾ TÔN TIỀN, tác như thị ngôn:

*Nay chúng con ngửa cầu cả 89 Đức Phật và cùng tận pháp giới hết thấy chư Phật Thế Tôn sẽ lấy trí lực chứng minh cho chúng con, lấy mắt từ xem biết cho chúng con, lấy tâm từ bi ghi nhớ tưởng niệm chúng con, khiến chúng con sám hối, đem lại được thanh tịnh như xưa. Con lại đối trước chư Phật Thế Tôn, thốt lời trình các căn lành dưới đây:*

**Nhược ngã thử sanh, nhược ngã dư sanh, tăng hành bố thí, hoặc thủ tịnh giới, nãi chí thí dữ súc sanh, nhất đoàn chi tự, hoặc tu tịnh hạnh.**

*Nếu con đời này, hoặc con ở trong các đời khác, đã hành pháp bố thí, giữ được giới thanh tịnh, nhẫn đến trong thời gian đó, đã làm được các việc: Cúng hương, rải hoa, nhang đèn, quét đất, cúi đầu, chấp tay, đánh lễ, tán thán, tụng kinh, trì chú, tu thiền, cho đến ít nhất là một vắt cơm đem cho súc sanh và các loại nhỏ, hoặc đời khác đã từng tu tịnh hạnh.*

**Sở hữu thiện căn, thành tựu chúng sanh. Sở hữu thiện căn, tu hạnh Bồ Đề. Sở hữu thiện căn, cập vô thượng trí. Sở hữu thiện căn, nhất thiết hiệp tập giáo kế trừ lượng, giai tất hồi hướng, A nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề.**

**Như quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, sở tác hồi hướng, ngã diệc như thị hồi hướng, chúng tội giai sám hối, chư phước tận tùy hỷ, cập thỉnh Phật công đức, nguyện thành vô thượng trí. Khứ lai hiện tại Phật, Ứ CHÚNG SANH TỐI**

**thắng, vô lượng công đức hải, ngã kim quy mạng lễ.**

*Đời nay đời trước, chỗ làm thiện căn, đều bắt chước chư Phật hồi hướng về đạo Phật. Nay, xưa từng làm thiện căn là cái nhân tu, còn tam miệu tam bồ đề là quả Phật. Các tội đều sám hối, các phước đều tùy hỷ và công đức thỉnh Phật, nguyện thành trí vô thượng trước sau, nay các Phật rất hơn với chúng sanh, vô lượng biến công đức con nay nghiêng mình lạy.*

Chính ở sau phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, trong Kinh Hoa Nghiêm, là các bài kệ lập tụng lại mười nguyện lớn. Nay đã đối trước Phật phát lồ sám hối, ắt phải lập phát nguyện lớn để cầu lên quả Phật. song, với nguyện, duy có nguyện của đức Phổ Hiền là rất lớn, nay ta ắt phải bắt chước đó, để cầu cho chóng chứng quả Phật. Nên ngài Bất Động Pháp Sư sao lục lại khắc in ra, để cho rộng cái tâm nguyện của các hành nhân vậy thôi.

**Sở hữu thập phương thế giới trung**

**Tam thế nhất thiết nhân sư tử**

**Ngã dĩ thanh tịnh thân, ngữ, ý**

**Nhất thiết biến lễ tận vô dư**

**Phổ Hiền hạnh nguyện oai thần lực**

**Phổ hiện nhất thiết Như Lai tiền**

**Nhất thân phục hiện sát trần thân**

**Nhất nhất biến lễ sát trần Phật**

*Chỗ có thế giới trong mười phương. Ba đời tất cả nhân Sư tử. Con dùng thân khẩu ý thanh tịnh, tất cả khắp lạy hết không còn. Sức uy thần hạnh nguyện Phổ Hiền, khắp hiện*

*trước tất cả Như Lai. Một thân lại hiện thân sát trần. Mỗi mỗi khắp lại Phật sát trần.*

Kính lạy chư Phật nhiều bằng số vô tận ở mười phương. Con dùng ba nghiệp thanh tịnh để khắp lạy vô tận chư Phật. Sức uy thần hạnh nguyện của đức Phổ Hiền, ngài hiện thân ra nhiều bằng số vi trần, lạy khắp giáp cả chư Phật nhiều bằng số vi trần, nay cũng bắt chước theo đó. Kinh Niết Bàn phẩm Sư Tử nói: Sư Tử vừa ra khỏi hang, bốn chơn nó vầu xuống đất, đập đuôi rống tiếng, các loài thuỷ tộc, phải chim lặn xuống vực sâu, loài thú trên bờ đều núp trốn hang lỗ, loài phi cầm sa rớt xuống, các con thanh hương tượng lớn sợ chạy té phẩn. Tỷ dụ Phật ra đời, dùng viên âm nói pháp như sấm vang lớn, rúng dẹp chúng thiên ma, ngăn bạt bọn ngoại đạo, bèn là sư tử giữa loài người, nên gọi là Nhân sư tử.

Tổ Vĩnh Gia nói: Sư tử rống, nói không sợ, loài thú vừa nghe đầu óc vỡ, voi xanh vụt chạy mất hơi hăng, trời trong lặng nghe đều mừng rỡ. Thân khẩu ý thanh tịnh: cái thân không cử động bậy, duy cử động theo Phật pháp mà hành động; cái khẩu không nói bậy, duy nói theo Phật pháp mà nghĩ suy. Đã tịnh ba nghiệp tức là với trên thì kế nơi thân tâm thanh tịnh viên mãn của chư Phật, chư Phật đã vô lượng mà hoá thân của Phổ Hiền cũng vô lượng, các Hoá Phổ Hiền đều ở trước chư Phật, mà cái thân ở các chỗ lại hoá ra vô lượng thân nữa. mỗi mỗi thân khắp lạy vô lượng Phật; như thế một thân nữa, mỗi mỗi khắp lạy vô lượng Phật; như thế một thân giáp tội pháp giới, mà vô lượng thân mỗi mỗi giáp cùng pháp giới. Thế thì Phật ta như một, viên dung vô tận. Phật là cái cảnh chỗ lạy (Sở lễ) ta là người lạy (Năng lễ), chư



Phật tánh không ta cũng tánh không lấy cái không đây hợp nhập với cái không kia, lẽ cảm ứng lẫn nhau, chẳng thể nghĩ bàn (Bất khả tư nghĩ), Phật ta tuy không mà chẳng ngần ngại gì với hoá vô lượng thân lạ vô lượng Phật, sáng sáng lẫn ánh nhau, trọn thân không ngại. dường như cái võng bằng lưới ngọc của Thiên Đế Thích: Tia tia lấp lấp ngọc ngọc suốt nhau viên dung viên dung vô tận vô tận. Đây là Sáu tướng Viên dung của Hoa Nghiêm.

Mười nguyện chúa lớn, mỗi nguyện đều đủ sáu tướng như một Phổ Hiền là chung. Hoá thân vô lượng là riêng, mỗi tướng không khác gọi đồng, mỗi thân lạ mỗi Phật gọi khác, trọn nên công đức rằng thành, tiêu về một niệm rằng hoại. Ngoài ra, còn nghĩa chi chi nữa, thì cứ so nghĩ theo đây có thể biết được tất cả, đây là Mười Huyền Môn (Hoa Nghiêm Kinh).

Qua chủ thuyết Duyên Khởi, tôn chỉ Nhất Chân pháp giới, giáo pháp Tam thời Ngũ giáo, mục đích chúng sanh đã, đang và sẽ thành Phật, đến phương diện tu tập Ba lớp quán pháp giới, siêu việt lý chơn thường thành tựu Mười Huyền nghĩa và Sáu Tướng viên dung.

Như chúng ta tu tập Chân không quán, thành tựu Kiến tư đoạn diệt giới. Tu tập Lý sự vô ngại quán, tỏ ngộ Vô ngại pháp giới. Tu tập Châu biến hàm dung quán, chứng nhập Nhất chơn pháp giới.

Nói về Bốn pháp giới, như chúng ta thấy hiện tượng nước nóng nước lạnh (Sự pháp giới) tuy khác nhau về sự tướng nhưng đồng thể ở tính chất ướt (Lý pháp giới) và thể tánh ấy luôn luôn hiển hiện khắp vũ trụ vạn hữu, cho nên sự

tướng ấy tức là lý thể, cũng như nước tức là sóng, sự lý dung hòa lẫn nhau không có chướng ngại (Lý Sự vô ngại pháp giới) muôn vật đồng một thể pháp tánh mà hiển hiện và lý sự đã vô ngại thì sự với sự tự nó cũng đã dung hòa (Sự Sự vô ngại pháp giới). Đó là Bốn Pháp Giới, dựa trên Bốn pháp giới vô ngại của Đổ Thuận thiền sư, Ngài Trí Nghiễm thuyết minh Viên dung vô ngại pháp môn, còn được gọi là Thập huyền duyên khởi vô ngại môn:

- 1 – Đồng thời cụ túc tương ưng môn.
- 2 – Nhất đả tương dung bất đồng môn.
- 3 – Chư pháp tương tức tự tại môn.
- 4 – Nhân đà la võng cảnh giới môn.
- 5 – Vi tế tương dung an lập môn.
- 6 – Bí mật ẩn hiển câu thành môn.
- 7 – Chư Tàng thuần tạp cụ đức môn.
- 8 – Thập thể cách pháp dị thành môn.
- 9 – Duy tâm hồi chuyển thiện thành môn.
- 10 – Thác sự hiển pháp sanh giải môn.

(Phóng nhi tắc ca la pháp giới, thâm nhi tắc tại nhứt vi trần). Do đó sự huyền diệu tâm qua pháp giới vô ngại, hàng phàm phu nhị thừa không có thể nghĩ bàn. Nên gọi Mười môn huyền nghĩa.

Sáu tướng viên dung: Tổng tướng, Biệt tướng, Đồng tướng, Dị tướng, Thành tướng và Hoại tướng. Một pháp bao hàm nhiều đức tướng, đã nhiều đức tướng thì không phải là một, mỗi đức tướng có mỗi ý nghĩa riêng nhưng vẫn hợp

thành một cái chung và cái chung đó nhờ lực dụng mà đều hòa lẫn nhau tạo thành những cá thể; những bộ phận cá thể nương nhau mà thành, đến khi mỗi cá thể tự đứng riêng biệt thì đó là Hoại tướng của một vật. Như vậy Tổng và biệt là nói về thể của các pháp, Đồng và dị là nói về tướng của các pháp và Thành và hoại là nói về dụng của các pháp.

Từ đó cho biết Sáu Tướng Viên Dung của Hoa Nghiêm: Tổng, Đồng, Thành là căn cứ tên phương diện bình đẳng mà lập danh tức viên dung môn, Biệt Dị Hoại là y cứ nơi phương diện sai biệt của các pháp mà lập danh, tức Hạnh bố môn; nhưng ngoài Tổng không có Biệt, ngoài Đồng không có Dị và ngoài Thành không có Hoại. Cho nên Hạnh bố tức Viên dung, đó là chỗ cứu cánh diệu dụng của duyên khởi vậy.

**Ư nhất trần trung trần số Phật**

**Các xứ Bồ Tát chúng hội trung**

**Vô tận pháp giới trần diệc nhiên**

**Thâm tín chư Phật giai sung mãn.**

**Các dĩ nhất thiết âm thanh hải**

**Phổ xuất vô tận diệu ngôn từ.**

**Tận ư vị lai nhất thiết kiếp**

**Tán Phật thậm thâm công đức hải.**

*Với trong một bụi Phật số bụi. Trong hội chúng bồ tát các chỗ. Không hết pháp giới bụi cũng thế. Tin sâu chư Phật đều đầy đầy, đều dùng tất cả tiếng tăm lớn, khắp ra không hết lời nói màu, tột qua vị lai tất cả kiếp, khen Phật biển công đức rất sâu.*

Thân của chư Phật nhiều bằng số vi trần, đều khắp giữa pháp hội ở nơi các giới, đức Phổ Hiền hoá ra vô lượng thân,

đều dùng lời nói nhiều bằng số vô tận, tốt qua đời vị lai để tán thán Phật có nhiều công đức. Mỗi mỗi Phổ Hiền nhiều vô lượng, mỗi mỗi thốt ra vô lượng tiếng giọng như biển không hết, mỗi mỗi âm thanh thốt ra vô lượng lời nói hay, mỗi mỗi lời nói tốt qua đời vị lai để rộng ra tán dương biển công đức của chư Phật.

**Dĩ chư tối thắng diệu hoa man  
 Kỹ nhạc đồ hương cập tán cái  
 Như thị tối thắng trang nghiêm cụ  
 Ngã dĩ cúng dường chư Như Lai  
 Tối thắng y phục tối thắng hương  
 Mạc hương thiêu hương dữ đặng chúc  
 Nhất nhất giai như Diệu Cao tụng  
 Ngã tất cúng dường chư Như Lai  
 Ngã dĩ quảng đại thắng giải tâm  
 Tâm tín nhất thiết tam thế Phật  
 Tất dĩ Phổ Hiền hạnh nguyện lực  
 Phổ biến cúng dường chư Như Lai.**

*Dùng các tràng hoa tốt rất hơn. Nhạc hay, hương hoa và tàng lọng. Như thế đồ trang nghiêm rất hơn, Con đem cúng dường các Như Lai. Y phục rất hơn, hương rất tốt, hương bột, hương xông và đèn đuốc, mỗi mỗi đều như núi Tu Di. Con đều cúng dâng các Như Lai. Con dùng tâm hiếu hơn rộng lớn, tin sâu tất cả Phật ba đời, thấy dùng đức hạnh nguyện Phổ Hiền, khắp giáp cúng dường các Như Lai.*

Tuyên dương rộng tu pháp cúng dường. Tám câu

trước: Đem năm món trần bối tối thẳng để cúng dâng. Bốn câu sau: Y theo đức Phổ Hiền vận cái tâm quảng đại để thân ra khắp cùng. **Tràng hoa**: Cái mao bằng bông, bằng ngọc, y phục là sắc trần và xúc trần. Nhạc hay (kỹ nhạc, là nhạc do người khéo tấu lên nay đây quán Tâm sở thành ra nhạc, bây nay thanh tịnh không đấm) là Thanh trần. Hương thoa các thứ hương khác là Hương trần. Tàng, lọng, đèn, đuốc v.v... là Sắc trần. Thiếu món vị trần đó, là ắt bao hàm đủ trong năm món trần đây, mỗi mỗi lớn như núi Diệu Cao nhóm (Tu Di, dịch: Diệu Cao. Do bốn thứ báu hợp thành, nên nói là Diệu, vượt khỏi lên trên các núi, nên nói là Cao), đều khắp ở vô lượng Phật, nên nói là rất hơn. Ta nay đều học làm theo hạnh nguyện của đức Phổ Hiền, vận tâm quảng đại mà thân ra phổ biến cúng dâng.

Kinh nói: Mây hoa, mây mao, mây âm nhạc trời, mây tàng lọng trời, mây y phục trời, món món hương trời, hương thoa, hương xông, hương bột, mỗi mỗi cao như núi chúa Tu di, đốt mỗi mỗi đèn, đèn tô, đèn dầu, mỗi mỗi ngọn đèn như núi Tu di, mỗi mỗi dầu đèn như nước biển cả, lấy như vậy thảy mỗi mỗi đồ cúng, thường làm lễ cúng dâng.

Năm trần như thế, tức là Lý tam đế; vận tâm tức là Tâm tam quán: Chính khi quán tưởng cảnh trần, quày lại xét tự tâm mà không cái tâm tướng, ngũ trần mà không trần tướng, đó là cái Không quán, quán nơi Chân đế. Quán tâm rờ rờ, năm trần rõ ràng, đó là cái Giả quán, quán nơi Tục đế. Tâm thì phi rờ rờ, phi chẳng rờ rờ, trần thì phi rõ ràng, phi chẳng rõ ràng, không và tục chẳng hai, chân với giả như một, đó là cái trung quán, quán nơi trung đế. Đế và Quán viên dung,

tâm cảnh tương tức, tâm thuần là pháp, cùng pháp tương ưng, thế là chân tinh tấn, là gọi chân pháp cúng dường Như Lai. Kinh Tịnh Danh nói: Trong các món cúng dường, chỉ có Pháp Cúng Dường là thù thắng hơn hết.

**Ngã tích sở tạo chư ác nghiệp**

**Giai do vô thí tham sân si**

**Tùng thân, ngữ, ý chi sở sanh**

**Nhất thiết ngã kim giai Sám Hối**

*Con trước chỗ gây các nghiệp ác, đều bởi vô thí tham, sân, si. Từ thân, khẩu ý mà sanh ra, tất cả con nay đều Sám Hối.*

Sám hối nghiệp chướng bởi ba nghiệp gây ra từ vô lượng thí đến nay. Những đời đã qua về trước. Do từ đời vô thí khởi niệm, vọng tưởng, hành động, nhứt đến ngày nay, mà chịu sanh tử đã vô lượng. Chính chỗ mà người xưa đã bảo: Kiếp trần sa lại kiếp trần sa, đèn hết trần sa, kiếp chưa rồi. Đều do nơi cái ý thức phát khởi ra ba độc là tham, sân, si rồi nó dẫn dắt đến thân nghiệp khẩu nghiệp, lan rộng ra mãi tạo nghiệp chẳng thôi! Như ý thức nó dấy một niệm tham, thì nó lôi cuốn đến thân nghiệp, tạo tác sát sanh, thâm đạo, dâm dục thảy các tội.

**Thập phương nhất thiết chư chúng sanh**

**Nhị thừa hữu học cập vô học**

**Nhất thiết Như Lai dữ Bồ Tát**

**Sở hữu công đức giai tùy hỷ**

*Mười phương thế giới chỗ có tất cả chúng sanh sáu đường, và Nhị thừa các Thanh Văn, Duyên giác: Tam quả nhứt là bực Hữu học, và Tứ quả nhứt đi là bực Vô học. Lại*

*tốt mười phương tất cả Như lai, cùng mười phương tất cả Bồ tát. Hoặc Thánh hoặc Hiền chỗ có làm các công đức mà con đều phát tâm tùy thuận hoan hỷ.*

Đó là tùy hỉ các công đức của các bậc Thánh Hiền. Giữa lục đạo, duy có Nhân đạo và Thiên đạo là nhiều thiện, còn bốn đạo kia chỉ là ác cả, nhưng hoặc đã có căn từ kiếp trước, nay cũng có thể hành thiện được. Nghiên cứu chân như, dứt diệt mê hoặc là bậc Hữu học; chân đã cùng, hoặc đã tận là bậc Vô học.

Kinh nói: Nguyên các đức Như Lai từ thuở mới phát tâm vì tất cả trí, mà riêng tu phúc huệ, chẳng tiếc thân mạng, trải qua nhiều số kiếp: Bất khả thuyết, bất khả thuyết Phật sát cực vi trần. Như thế tất cả khổ hạnh mà người đời khó làm được, nhẫn đến trọn nên đạo quả vô thượng, kịp đến vào Niết Bàn, chia bủa Xá Lợi, chỗ có công đức, ta đều tùy hỷ. Tất cả Thánh: Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, chí của các Ngài cầu chứng Bồ Đề, chỗ tu công đức, ta đều tùy hỷ. Há chỉ Thánh Hiền mà thôi, song những chúng ở trong tất cả thế giới nơi mười phương kia, như sáu thú, bốn sanh cả thủy giống loài chỗ có công đức, nhẫn đến ít nhất là việc lành bằng một mảy lông, ta đều tùy hỉ, mà cái tâm tùy hỉ đây, tâm niệm nào, tâm niệm nào, cũng đều khắp cả nơi pháp giới.

**Thập phương sở hữu Thế gian đấng**

**Tối sơ thành tựu Bồ Đề giả**

**Ngã kim nhất thiết giai khuyến thỉnh**

**Chuyển ư vô thượng Diệu pháp luân**

Mười phương chỗ có Phật khắp soi, rốt trước thành

tự đạo Bồ Đề, tất cả con nay đều khuyến thỉnh, chuyển nơi xe pháp màu vô thượng.

Chuyển Pháp Luân: 轉法輪 Lăn bánh xe pháp. Giáo pháp của Đức Phật gọi là Pháp Luân. Luân là chỉ cho xe báu của Chuyển luân Thánh vương, gồm có hai nghĩa: đi khắp và dẹp trừ, nghĩa là xe của vua Chuyển Luân đi khắp trong bốn châu thiên hạ, dẹp trừ những bợn oán địch. Cũng thế, giáo pháp của Đức Phật đi khắp trong các cõi chúng sanh và dẹp trừ bợn giặc phiền não, nên Giáo pháp dụ cho bánh xe; còn Chuyển (lăn) là dụ cho việc nói giáo pháp.

Nói khác, **Pháp Luân có ba nghĩa**: 1). Nghiền nát ngũ trược phiền não; 2). Có khả năng chuyển chúng sanh từ bến mê sang bờ giác; 3). Biểu thị viên mãn đầy đủ các công đức.

Pháp là phương pháp, phép tắc; Luân nghĩa là bánh xe; Chuyển tức là triển chuyển nghĩa xoay vần, lăn chuyển không dứt. Bởi các Pháp do Đức Phật thuyết giảng đều từ trong tâm tánh tuôn trào ra, rồi lại luân lưu vào tâm khảm chúng sanh, khiến cho chúng sanh thức tỉnh mà lìa bỏ bến mê quay về bến giác, nên gọi là Luân. Chữ Luân còn bao hàm ý nghĩa Tồi phục - Tồi tà làm bể nát, phá tà quy chánh.

Trong mười phương chỗ có, Thế gian đặng: Đền hay phá tan bóng tối nơi thế gian, tỷ dụ Phật đem đèn khắp khai thị cho chúng sanh. Như lai không ra đời, muôn kiếp thường mờ tối. Rốt trước thành tự đạo Bồ Đề: Tức là đấng mới thành Phật. Như đức Thích Ca năm lên 30 tuổi thành Phật, đó là về Tích môn sơ thành. Còn luận về bốn môn thì Ngài vẫn đã thành Phật lâu rồi từ kiếp số trần điếm. nay vì chúng sanh nên hoá độ hiện Tích môn, và nói sơ thành Phật. Nay



đây bất luận là sơ thành Phật, hay cứu thành Phật, ta thấy đều khuyến thỉnh, để chuyển xe Diệt Pháp vô thượng.

**Chư Phật nhược dục thị Niết Bàn  
Ngã tất chí thành nhi khuyến thỉnh  
Duy nguyện cứu trụ sát trần kiếp  
Lợi lạc nhất thiết chư chúng sanh**

*Chư Phật nếu muốn thị hiện Niết Bàn. Con rất lòng thành mà khuyến thỉnh, cầu xin ở lâu kiếp sát trần, lợi lạc tất cả các chúng sanh.*

Mười phương ba đời nhiều như số vô tận, ba giác tròn đầy nói là Phật. Niết Bàn dịch là: Viên Tịch, Diệt Độ (圓寂, 滅度), là Diệt ba hoặc phiền não, Độ hai bên sanh tử (phần đoạn, biến dịch). Hay: Viên tịch, là với đức mãn Viên, với chướng rớt Tịch (nghĩa bất động và nghĩa tịnh cực). Niết Bàn涅槃 (Nirvana): Có chỗ gọi là nê hoàn, nê bạn hay Niết bàn na, các nhà dịch có nhiều nghĩa khác nhau: Diệt, Diệt độ, Diệt tịch, Bất sanh, Vô vi, An lạc, Giải thoát... Niết bàn còn một tên khác là Ba Lị Nật Phược Nẫm (Parinirvana) dịch là Viên tịch, đầy đủ phước trí, hoàn toàn vắng lặng sạch tất cả các thứ phiền não trần lao. Niết bàn có bốn thứ khác nhau:

1. Bản Lai Tự Tánh Thanh Tịnh Niết Bàn (本來自性清淨涅槃): Mặc dù chúng ta bị khách trần phiền não mà tự tánh vẫn thường thanh tịnh, rỗng rang như hư không, xa lìa các tướng phân biệt, bật sự nói năng, dứt đường suy nghĩ. Cái tánh ấy xưa nay vẫn thường vắng lặng (Niết Bàn này thuộc về phàm phu).

2. Hữu Dư Y Niết Bàn (有餘依涅槃): Hàng Nhị thừa do đoạn hết được phiền não mà hiển ra Chân như. Hữu dư y là

còn nương nơi thân hữu lậu. Nghĩa là đối với các phiền não đã đoạn hết mà vẫn còn thân hữu lậu.

3. Vô Dư Y Niết Bàn (無餘依涅槃): Hàng Nhị thừa đã đoạn được phiền não chướng và cũng đã đoạn được báo thân hữu lậu rồi. Nghĩa là chân như sau khi ra khỏi sanh tử mà được hiển bày.

4. Vô Trụ Xứ Niết Bàn (無住處涅槃): Chân như do đoạn sở tri chướng mà được hiển bày. Đây là Niết Bàn của chư Phật. Hàng Nhị thừa vì chưa đoạn được sở tri chướng nên chẳng hiểu được lẽ: Sanh tử chẳng khác Niết Bàn.

Lại nữa, Niết là chẳng sanh, Bàn là chẳng diệt. Thị: Có chúng sanh làm cơ cảm, thì Phật phi sanh mà thị hiện sanh ra, với cơ hữu duyên hoá độ hết rồi, thì Phật phi diệt mà thị hiện ra diệt, do vì nếu Phật ở lâu mãi nơi đời, thì chúng sanh nó lấy làm thường, quen lờn mà chẳng mến kính, sở dĩ Phật thị hiện diệt độ, thì hoặc có chúng sanh phát chí tu học dũng mãnh, thế nên phải thị hiện diệt độ vậy thôi. Kinh nói: Chỗ có các đức Phật Như lai nhiều bằng số tất cả Phật sát cực vi trần ở trong tột cõi pháp, cõi hư không mười phương ba đời, khi các Ngài sắp muốn thị hiện vào Niết bàn thì kim thân là mình vàng lu mờ ánh chói, ngọc hào, là lông trắng (giữa chạng mày) lui kém vẻ ngời, ngay bấy giờ ta do vì cái sức hạnh nguyện của Phổ Hiền, lòng chí thành khuyến thỉnh các Ngài chớ vào Niết Bàn.

Kinh lại nói: Kính xin Phật ở lâu nơi đời, trải qua nhiều kiếp bằng số cực vi trần trong tất cả Phật sát, để nói pháp màu bằng số vi trần, giáo hoá chúng sanh, đều trồng căn lành, xông gậy trọn nên, nở hoa trí huệ, kết trái Bồ Đề, lần

hồi làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, đồng tròn nhưt thể chủng trí. Chỗ có lạy kính chư Phật, xưng tán Như Lai rộng tu cúng dàng, dùng các phước ấy thường phải thỉnh Phật ở đời, thỉnh chuyển pháp luân, sám hối nghiệp chướng, tùy hỷ công đức... từ trên đến đây, bảy nguyện chỗ có các thiện căn công đức, đâu chẳng hồi hướng cho chúng sanh nơi chín cõi, khắp nguyện đồng thời và đến đạo Phật mà sau thời mới thôi (là bát giá). Ba câu trước là để xâu kết bảy nguyện trên kia; câu rốt là để hồi hướng cho chúng sanh kịp đạo Phật. nghĩa là chung kết công đức căn lành cả bảy nguyện, thấy đều hồi hướng chúng sanh, phổ nguyện chúng sanh đồng thành Phật đạo.

**Sở hữu lễ tán cúng dường phước  
Thỉnh Phật trụ thể chuyển pháp luân  
Tùy hỷ sám hối chư thiện căn  
Hồi hướng chúng sanh cập Phật đạo.  
Nguyện tương dĩ thử thắng công đức  
Hồi hướng vô thượng chân pháp giới  
Tánh tướng Phật pháp cập tăng già  
Nhị đế dung thông tam muội ấn  
Như thị vô lượng công đức hải  
Ngã kim giai tất tận hồi hướng**

Từ nguyện lễ bái, đến nguyện tùy hỷ, chỗ có công đức, thấy đều hồi hướng cho tất cả chúng sanh, nguyện cho chúng sanh thường được yên vui, không bao điều bịnh khổ, dẫu nó muốn làm ác pháp, thấy đều bất thành, chỗ tu thiện nghiệp đều mau thành tựu, ngăn đóng tất cả các ác thú, mở bày đường chánh Niết bàn cho Nhân thiên hẳn đến thành

tự vô thượng Bồ Đề. Bát giả thường tùy Phật học, cứu giả hằng thuận chúng sanh, đều hàm nhiếp ở đây.

Tám Nguyên trước, là thuộc về sự; câu dưới, là hồi hướng về pháp giới, là thuộc về lý. Chí muốn thành mãn, rằng nguyện phát tâm rộng lớn, tánh tâm không vọng rằng chân, đến cả mười pháp giới, duy lấy nhất tâm làm thể, rằng chân pháp giới, làm Tổng tướng nhất tâm, để vạn pháp về đến. Từ tâm pháp giới, dẫn nguyện pháp giới, lấy nguyện pháp giới, quy về tâm pháp giới, tâm là lý, chứng lý đây, thì cả pháp giới đều chẳng viên dung, là có phải thế. Tánh: Đồng thể Tam Bảo, và Biệt tướng Tam Bảo là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo của Tăng già, thành tự Tam Muội Ấn.

**Sở hữu chúng sanh thân, khẩu, ý  
 Kiến hoặc đàn báng ngã pháp đẳng  
 Như thị nhất thiết chư nghiệp chướng  
 Tất giai tiêu diệt tận vô dư  
 Niệm niệm chí châu ư pháp giới  
 Quảng độ chúng sanh giai bất thối  
 Nãi chí hư không thế giới tận  
 Chúng sanh cập nghiệp phiền não tận  
 Như thị tứ pháp quảng vô biên.  
 Nguyện kim hồi hướng diệt như thị**

*Chỗ có chúng sanh thân, khẩu, ý. Thấy lầm chê bai chấp ngã, pháp, như thế tất cả các nghiệp chướng, thấy đều tiêu diệt hết không còn, mỗi niệm trí giáp nơi pháp giới, rộng độ chúng sanh đều chẳng lui.*

Đó là hồi tự hướng tha. Kinh Lăng Nghiêm nói: Tâm, Phật và Chúng sanh là ba ấy không sai khác. Thế, thì kia tạo

nghiệp, đâu chẳng ở trong tâm ta, thì tâm ta cũng ở nơi trong nghiệp thức kia, sở dĩ trí lực của ta có thể diệt được nghiệp kia, chuyển khiến chúng sanh, mỗi niệm đem tâm vào cái trí lực, để chứng cái lý pháp giới của chư Phật, tâm vẫn cái quyền trí để độ chúng sanh trong pháp giới tiến đến bậc bất thối. Nhấn đến: Một pháp Hư không thế giới hết, hai pháp chúng sanh, và ba pháp nghiệp, bốn pháp phiền não đều hết như thế bốn pháp thế nó rộng lớn không ngần, nguyện con nay đầy đại nguyện công đức của Phổ Hiền để hồi hướng cũng như thế xứng tánh rộng lớn không hết.

Ngoài ra còn có chỗ làm, nhấn đến công đức dù nhỏ nhất bằng một tí một hào, mà thế nó đều giáp khắp, tỷ như một nhểu nước biển dù ít, mà nó cũng trọn đủ mùi mặn của đại hải. Ta nay y theo hạnh nguyện hồi hướng của Phổ Hiền, cũng đều xứng tánh viên mãn, thì bốn pháp đều là Thanh tịnh Châu biến Viên dung.

**Nãi chí hư không thế giới tận**  
**Chúng sanh cập nghiệp phiền não tận**  
**Như thị tứ pháp quảng vô biên.**  
**Nguyện kim hồi hướng diệc như thị**

Cho đến, cõi hư không có hết, nguyện ta mới hết, bởi cõi hư không chẳng thể hết, nên mười nguyện của ta đây không có tội hết. Như thế, nhấn đến bao giờ cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não của chúng sanh hết, thì nguyện của ta mới hết, mà cõi chúng sanh, nhấn đến phiền não không có hết, thì mười nguyện của ta đây không có hết, cũng mỗi niệm nối nhau, không có ngăn dứt thân, ngữ, ý ba nghiệp không có nhàm chán.

**Cúi lạy đức Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát (3 lần)**

南無大行普賢菩薩摩訶薩(三稱)

Cúi lạy đức Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát. Tu lễ cúng vô tận, để cúng Phật nhiều vô tận, nên gọi là Đại. Cái hạnh siêng làm, muôn kiếp chẳng mỏi, nên nói là Hạnh. Hạnh nhấy pháp giới, gọi là Phổ; ngôi gần bậc cực Thánh, gọi là Hiền. Không ngần ấy phước tốt, chẳng vượt đặng hạnh môn, chư Phật, Bồ Tát, từ nơi hạnh môn mà lưu xuất. Nên trên pháp hội Hoa Nghiêm, đưa ngài Phổ Hiền Bồ Tát lên làm trưởng tử, do vì hạnh nguyện xứng tánh giáp khắp, nên nói là Nguyện vương. Nếu chúng sanh y theo mười nguyện đây mà tu, thì đương thể cùng kế họạ chúng đắ đồng như chư Phật.

## LƯỢC GIẢI MÔNG SƠN THÍ THỰC



### 晚課蒙山施食儀

蒙山施食是蒙山产甘露，清冽甜美。宋代不动上师居住在四川蒙山修道，时称甘露大师。夫蒙山施食者，乃是甘露大师为了普济幽灵，集瑜伽焰口经及密宗诸部编辑而成。之后被编入禅门日诵因是诸方寺院道场每日晚课必备课诵仪轨。

**Mông Sơn** (蒙山): Tên gọi của một ngọn núi, nằm tại huyện Danh Sơn (名山縣), Tỉnh Tứ Xuyên (四川省), Trung Quốc. Dưới thời nhà Tống có vị tăng người Thiên Trúc (Ấn Độ) tên Bất Động Thượng Sư (不動上師), người đời thường gọi là Cam Lộ Đại Sư (甘露大師) hay Kim Cang Thượng Sư (金剛上師), tinh thông các học vấn của Hiển Giáo (顯教) cũng như Mật Giáo (密教), đầu tiên đến nước Tây Hạ (西夏), dừng chân trú tại Hộ Quốc Tự (護國寺), chuyên dịch các kinh điển Mật Giáo. Về sau ngài Bất Động Pháp Sư chuyển đến Mông Sơn này, dịch lại bản Du Già Thí Thực Nghi Quỹ (瑜伽施食儀軌) của Kim Cang Trí (金剛智), lấy tên là Du Già Diệm Khẩu (瑜伽焰口), hay còn gọi là Tiểu Thí Thực Pháp (小施食法). Đây là nghi thức tụng niệm và hành trì không thể thiếu. Như ngài Linh Hựu ở non Quy soạn Văn Cảnh Sách, mà có tên Quy Sơn Cảnh Sách. Cũng như vậy với lòng kính ngưỡng uy đức của ngài Bất Động mà người sau gọi ngài Mông Sơn,

Đến thời cận đại này có Hưng Từ Đại Sư (興慈大師) của Thiên Thai Tông (天台宗) chủ xướng pháp môn Mông Sơn Thí Thực (蒙山施食), thêm vào thập phương pháp giới và lục đạo chúng sanh, nên có tên gọi là Đại Mông Sơn Thí Thực (大蒙山施食).

Ảnh hưởng tinh thần đó, sau này, Mông Sơn Đức Dị (蒙山德異, 1231- ?), vị tăng của phái Dương Kỳ (楊琦) thuộc Lâm Tế Tông (臨濟宗) Trung Quốc sống dưới thời nhà Minh, có viết cuốn Mông Sơn Hòa Thượng Lục Đạo Phổ Thuyết (蒙山和尚六道普說). Thông thường, trong thời khóa công phu chiều của Thiền môn Việt Nam có phần Mông Sơn Thí Thực Văn (蒙山施食文) cũng phát xuất từ đây. Truyền thống cúng thí thực âm linh cô hồn cũng rất thịnh hành tại Việt Nam từ xưa cho đến nay; cho nên có một số văn bản khoa nghi được dùng cho nghi thức chẩn tế như Trung Khoa Du Già Tập Yếu (中科瑜伽集要) và các tác phẩm mang tính văn học như Thập Giới Cô Hồn Quốc Ngữ Văn (十界孤魂國語文) của vua Lê Thánh Tông (梨聖宗, tại vị 1460-1497), Chúng Sanh Thập Loại Tế Văn (衆生十類祭文) của thi hào Nguyễn Du (阮攸, 1765-1820), v.v...

Cam Lộ (S. Amṛta, P. Amata, H. 甘露): Cam Lồ (甘露); âm dịch là A Mật Rị Đa (阿蜜唎哆, 阿蜜哩多), A Mật Lật Đa (阿蜜栗多), y dịch là Bất Tử (不死 không chết), Bất Tử Dịch (不死液 chất dịch bất tử), thiên tửu (天酒 rượu trời), là loại thuốc thần diệu bất tử, rượu linh trên trời. Trong kinh Phệ Đà (Veda) có nói rằng rượu Tô Ma (蘇麻酒 Soma) là loại do các vị thần thường hay uống, khi uống nó vào có thể không già, không chết vì của ngọt như mật, cho nên gọi là Cam



Lộ. Người ta còn lấy Cam Lộ để vì cho pháp vị nhiệm màu của Phật pháp, có thể trường dưỡng thân tâm của chúng sanh. Trong Mật Giáo gọi nước quán đảnh của hai bộ Bất Nhị Chơn Ngôn (不二真言) là Bất Tử Cam Lộ (不死甘露). Trong Chú Duy Ma Kinh (注維摩經 Taishō Vol.38, No.395) quyển 7 có đoạn rằng: Chư Thiên dĩ chủng chủng danh dược trữ hải trung, dĩ bảo sơn ma chi, linh thành Cam Lộ, thực chi đắc tiên, danh bất tử dược (諸天以種種名藥著海中, 以寶山摩之令成甘露, 食之得仙, 名不死藥). Các vị Trời dùng nhiều loại thuốc hay đổ vào trong biển, lấy núi báu mài với thuốc ấy, khiến thành Cam Lộ, ăn nó vào thành tiên, gọi là thuốc bất tử). Tại Giang Thiên Thiền Tự (江天禪寺) ở Trấn Giang (鎮江), Giang Tô (江蘇), Trung Quốc có hai câu đối tương truyền do Hoàng Đế Càn Long (皇帝乾隆 tại vị 1735 -1795) ban tặng là: Cam Lộ thường lưu công đức hải, hương vân diêu ánh Phổ Đà Sơn (甘露常流功德海, 香雲遙映普陀山) Cam Lộ thường chảy công đức biển, mây hương xa sáng Phổ Đà Sơn). Trong Tỳ Ni Nhật Dụng Thiết Yếu (毗尼日用切要 Taishō No.1115) quyển 1 có bài kệ Tẩy Bát (洗鉢 Rửa chén) có liên quan đến Cam Lộ như: Dĩ thử tẩy bát thủy, như thiên Cam Lộ vị, thí dữ chư quỷ thần, tất giai hoạch bảo, mãn. Án, ma hưu ra tất tà ha (以此洗鉢水, 如天甘露味, 施與諸鬼神, 悉皆獲飽滿. 唵, 摩休囉悉莎訶. Lấy nước rửa bát này, như vị Cam Lộ trời, ban cho các quỷ thần, tất đều được no đủ. Án, ma hưu ra tất tà ha).

行者可以在午下晚上四點到五, 六點或至亥時之間, 挑一個固定時間來作施食, 效果是最好。施食時候, 行者先將七粒米、水及其他飲食放在佛前, 先上佛

前香，再上施食台香，然後在佛前依以下儀軌進行。施食前最好是能夠先誦一部阿彌陀經，可以讓施食更加吉祥圓滿。

《蒙山小施食儀。标准本》

1. 华嚴經偈
2. 破地獄真言
3. 普召請真言
4. 解怨結真言
5. 迎請三寶
6. 秉受三飯
7. 懺悔三業
8. 發愿
9. 地藏菩薩滅定業真言
10. 觀世音菩薩滅業障真言
11. 開咽喉真言
12. 三昧耶戒真言
13. 變食真言
14. 甘露水真言
15. 一字水輪真言
16. 乳海真言
17. 七寶如來名
18. 結愿
19. 正施
20. 施無遮真言
21. 普供養真言
22. 般若心經

23. 往生淨土神咒
24. 普回向真言
25. 贊佛偈
26. 金剛薩埵百字明咒
27. 回向文

(宋代不動上師居住在四川蒙山修道時稱甘露大師)。

**Nam mô Diệm Nhiên Vương Bồ Tát, Ma ha tát.  
Mãnh hỏa diệm diệm chiếu thiết thành,  
Thiết thành lý diệm nhiệt cô hồn,  
Cô hồn nhược yếu sanh Tịnh độ,  
Thính tụng Hoa Nghiêm bán kệ kinh**

**Tiêu Diệm Đại Sĩ** (焦面大士): Còn gọi là Tiêu Diệm Đại Quỷ Vương (焦面大鬼王), Diệm Nhiên Đại Sĩ (面燃大士), Diệm Nhiên Quỷ Vương (面燃鬼王), Diệm Nhiên (面燃、面然); người đời thường gọi là Ông Đại Sĩ (大士爺), Đại Sĩ Vương (大士王); là vua của loài Ngạ Quỷ (S: preta, P: peta, H. 餓鬼) có khuôn mặt đỏ, hay khuôn mặt bốc cháy; là vị thần nổi tiếng của Phật Giáo cũng như Đạo Giáo. Vị này còn có tên gọi khác là Diệm Khẩu Quỷ Vương (焰口鬼王), có thân hình gầy ốm, miệng luôn bốc cháy lửa và cổ họng nhỏ như cây kim, do vì đời trước tham lam, keo kiệt, bòn xén nên bị quả báo như vậy. Vị quỷ vương này thống lãnh tất cả chúng Ngạ Quỷ và người ta cho đó là Hóa Thân (S: Nirmāṇa-kāya, J: Keshin, H. 化身) của Bồ Tát Quán Thế Âm (S: Avalokiteśvara, H. 觀世音). Trong Lăng Nghiêm Kinh Tông Thông (楞嚴經宗通, 卅 Tục Tạng Kinh Vol. 16, No. 318) có nêu rõ điều này: Du Già Diệm Khẩu Tiêu Diệm Quỷ Vương, tức Quan Âm Đại Sĩ

sở hóa (瑜珈餓口焦面鬼王、卽觀音大士所化, Tiêu Diện Quỷ Vương trong khoa Du Già Diệm Khẩu là do Quan Âm Đại Sĩ hóa hiện). Đạo Giáo gọi vị này là U Minh Giáo Chủ Minh Ty Diệm Nhiên Quỷ Vương Giám Trai Sứ Giả Vũ Lâm Đại Thần (幽冥教主冥司面燃鬼王監齋使者羽林大神), tôn xưng là Phổ Độ Chơn Quân (普渡眞君); thế gian thường gọi là Ông Phổ Độ (普渡公). Không ít các địa phương vào dịp Tết Trung Nguyên (中元節), trước khi vái lạy tổ tiên, người ta thường bái tế Diệm Nhiên Đại Sĩ. Mọi người đều tin rằng vào dịp tháng 7 Âm Lịch, các vong linh trên dương thế đều do vị Thần này quản lý; cho nên tại Đài Loan còn có miếu thờ Ông Đại Sĩ. Nguồn gốc Tiêu Diện Đại Sĩ được tìm thấy qua một số kinh điển của Phật Giáo như Phật Thuyết Cứu Bạt Diệm Khẩu Ngạ Quỷ Đà La Ni Kinh (佛說救拔焰口餓鬼陀羅尼經, Taishō Vol. 21, No. 1313), Phật Thuyết Cứu Diệm Nhiên Ngạ Quỷ Đà La Ni Thần Chú Kinh (佛說救面然餓鬼陀羅尼神咒經, Taishō Vol. 21, No. 1314), Du Già Tập Yếu Cứu A Nan Đà La Ni Diệm Khẩu Quỷ Nghi Kinh (瑜伽集要救阿難陀羅尼焰口軌儀經, Taishō Vol. 21, No. 1318), Du Già Tập Yếu Diệm Khẩu Thí Thực Khởi Giáo A Nan Đà Duyên Do (瑜伽集要焰口施食起教阿難陀緣由, Taishō Vol. 21, No. 1319), v.v, với câu chuyện kể rằng có một đêm nọ trong khi đang hành Thiền định quán chiếu những lời dạy của đức Phật, vào canh ba tôn giả A Nan (S, P: Ānanda, H. 阿難) chợt nhìn thấy một con quỷ đói thật hung tợn tên là Diệm Khẩu (S: Ulkā-mukha, H. 焰口) có thân hình gầy ốm, miệng rục cháy lửa và cổ họng nhỏ như cây kim. Con quỷ ấy đến trước mặt tôn giả thưa rằng ba ngày sau mạng của tôn giả sẽ hết và sanh vào thế giới Ngạ Quỷ (ma đói). Nghe vậy, tôn giả A Nan vô

cùng ngạc nhiên và lấy làm sợ hãi, bèn hỏi con quỷ kia xem có cách nào thoát khỏi tai họa ấy không. Con quỷ trả lời rằng: Vào sáng ngày mai nếu tôn giả có thể cúng dường thức ăn và nước uống cho trăm ngàn ức chúng Ngạ Quỷ nhiều như cát sông Hằng, cho vô số đạo sĩ Bà La Môn, cho chư thiên và các vị thần cai quản việc làm của con người, cho quá cố các vong linh, dùng cái học của nước Ma Kiệt Đà (s, p: Magadha, H. 摩揭陀) để cúng dường cho họ 49 hộc thức ăn và nước uống, và vì họ mà cúng dường cho Tam Bảo, như vậy tôn giả sẽ được tăng thêm tuổi thọ, cùng lúc đó sẽ làm cho chúng tôi thoát khỏi cảnh khổ đau của Ngạ Quỷ và sanh lên cõi Trời. Sau khi A Nan bạch lên đức Thế Tôn sự việc như vậy, Ngài chỉ cho nghi thức hành trì và thiết Cúng Thí Thực. Trên cơ sở của nguồn gốc này, nghi lễ Cúng Thí Thực hay Chấn Tế cho âm linh cô hồn Ngạ Quỷ ra đời cho đến ngày nay. Vì vậy, trong các đàn tràng Chấn Tế thường có thiết bàn thờ Tiêu Diện Đại Sĩ. Theo Đạo Giáo, Tiêu Diện Đại Sĩ được xem như là hóa thân của Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn (太乙救苦天尊), chủ tể thống lãnh các quỷ, hộ trì hai cõi âm dương. Vị này thường trú dưới núi Ốc Tiêu (沃焦), làm thống soái các loài quỷ ở cõi âm, được hưởng hương hỏa cúng cấp của con người. Hình tượng của Ngài thường được vẽ với trên đỉnh đầu có hai sừng, mặt xanh, răng nanh nhọn hoắt, cao lớn uy vũ; trên đầu lại có hình tượng Quan Thế Âm Bồ Tát. Trong bài Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh của Nguyễn Du có đoạn rằng: Nhờ đức Phật thần thông quảng đại, chuyển pháp luân tam giới thập phương, như như Tiêu Diện (Tiêu Diện) Đại Vương, linh kỳ một lá dẫn đường chúng sinh. Trong Du Già Diệm Khẩu Chú Tập Toàn Yếu Nghi Quỹ (瑜伽餤口註集纂要

儀軌, 卅 Tục Tạng Kinh Vol. 59, No. 1084) quyển Hạ có đoạn: “Dĩ thử phổ thí công đức, hồi hướng Thiết Vi Sơn nội, Diện Nhiên Đại Sĩ, thống lãnh Tam Thập Lục Bộ, vô lượng vô biên, hằng hà sa số, chư Ngạ Quỷ chúng (以此普施功德、迴向鐵圍山內、面燃大士、統領三十六部、無量無邊、恒河沙數、諸餓鬼眾, lấy công đức thí thực này, hồi hướng trong núi Thiết Vi, Diện Nhiên Đại Sĩ, thống lãnh Ba Mươi Sáu Loại, vô lượng vô biên, hằng hà sa số, các chúng Ngạ Quỷ). Hay cùng điển tịch trên lại có đoạn rằng: Kim tắc Vô Già Hội khải Quan Âm, hiện Tiêu Diện chi hình, đại thí môn khai, Tôn giả thiết Ma Già chi học, thỉnh Thất Như Lai nhi tác chứng (今則無遮會啟觀音、現焦面之形、大施門開、尊者設摩伽之斛、請七如來而作證, nay tất Vô Già Hội nghinh Quan Âm, hiện Tiêu Diện hình tướng, cửa Thí Thực bày, Tôn giả thiết học cúng Ma Già, thỉnh Bảy Như Lai chứng minh). Hoặ như trong Tùy Duyên Tập (隨緣集, 卅 Tục Tạng Kinh Vol. 57, No. 975) tập I có câu: Diệm Khẩu nhất học nhĩ, ngộ tắc Đề Hồ, bất ngộ tức vi độc dược, Tiêu Diện nhất sĩ tại, thức tức Bồ Tát, bất thức tức thị Quỷ Vương (餓口一斛耳、悟則醍醐、不悟卽爲毒藥、焦面一士哉、識卽菩薩、不識卽是鬼王, học cúng Diệm Khẩu ấy, ngộ là Đề Hồ, chẳng ngộ tức là thuốc độc; Tiêu Diện Đại Sĩ, biết là Bồ Tát, chẳng biết tức là Quỷ Vương).

**Nhược nơn dục liễu tri,  
Tam thế nhất thiết Phật,  
Ưng quán Pháp Giới Tánh,  
Nhất thiết duy tâm tạo.**

華嚴經偈：若人欲了知 三世一切佛  
 應觀法界性 一切唯心造  
 破地獄真言：唵 伽囉帝耶 娑婆訶  
 普召請真言：南無部部帝唎伽哩哆哩 怛哆  
 誡哆耶。解怨結真言：唵 三陀囉 伽陀 娑婆訶  
 南無大方廣佛華嚴經  
 南無常住十方佛  
 南無常住十方方法  
 南無常住十方僧  
 南無本師釋迦牟尼佛  
 南無大悲觀世音菩薩  
 南無冥陽救苦地藏王菩薩  
 南無啓教阿難陀尊者 (三遍)

**Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm:** (S. Buddhāvataṃsaka-mahāvaiṣṭyasūtra, J. Daihō kōbutsu Kegonkyō, H. 大方廣佛華嚴經), thường gọi tắt là Kinh Hoa Nghiêm (S. Avataṃsakasūtra hoặc gaṇḍavyūha, C. Hua-yen-ching, J. Kegonkyō, H. 華嚴經), Tạp Hoa Kinh (雜華經) là một bộ kinh Đại thừa, lập giáo lý căn bản của Hoa Nghiêm Tông (J. Kegonshū, H. 華嚴宗).

Hoa Nghiêm Tông của Trung Hoa và Nhật Bản đều y cứ vào bộ kinh này, lập ra Diệu Nghĩa gọi là Pháp Giới Duyên Khởi (法界緣起) và Sự Sự Vô Ngại (事事無礙), v.v... để làm Tông chỉ. Theo tựa đề kinh mà luận, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm lấy pháp dụ cho nhân quả, nêu lên danh xưng gọi là Lý Trí Nhân Pháp (理智人法 lý trí người và pháp); cho nên yếu chỉ của kinh đều ở trong đây.

Từ Đại 大 : Là chỉ thể tánh bao la vô cùng vô tận của

pháp giới. Không sao có thể đo đạc trắc lượng được biên cương của pháp giới vô hình, ngay như vũ trụ cũng chỉ là một điểm trong pháp giới. **Phương** 方 : Nghĩa là phép tắc, nguyên lý, chân lý, pháp bất biến của pháp giới. Những chân lý này lúc nào cũng hiển nhiên, đúng đắn, chân chính không lệch lạc, thí dụ như lý nhân quả, lý nhân duyên nghiệp báo, lý luân hồi. Chân lý chính là tướng trạng của pháp giới. Chân lý thì vô hình nhưng nó chi phối sự vận hành của tất cả mọi sự, mọi hiện tượng. **Quảng** 廣 : Chỉ sự ứng dụng của pháp giới thì rộng lớn, trùm khắp vũ trụ, châu biến khắp nơi đâu đâu cũng vô ngại. Không đâu ra ngoài phạm vi pháp giới. Bóng dáng của pháp giới (chân tâm của ta) thì gần kề và hiển hiện khắp nơi nhưng ta chẳng thấy đặng. Vì sao? Vì ta bị vọng tưởng, dục vọng che khuất trí huệ nên không thấu hiểu pháp giới. Nếu ai thể nhập pháp giới thì trong một bụi trần ấy có thể dung nạp vô biên thế giới, trong một sát na dạo khắp vũ trụ. Đó là ứng dụng của pháp giới. **Phật** 佛 : Chữ này có hai nghĩa, một là trí giác ngộ, hai là người giác ngộ. Giác ngộ sự huyền diệu của pháp giới, của thể, tướng và dụng trong ba chữ đại phương quảng. Sự giác ngộ này là chìa khóa để nhập pháp giới, của đại giải thoát, tự tại vô ngại. Sự giác ngộ này biểu hiện bằng Thập trí hay Thập lực trí của đức Phật. Trong tên kinh, chữ Phật với ý giác ngộ là nghĩa chính, còn nghĩa người giác ngộ là nghĩa phụ, bởi vì đặc tính của pháp giới thì vô nhân vô ngã. **Hoa** 華 : là thí dụ nhân hạnh thành tựu vạn đức tròn đầy; vì thế để khai diễn muôn hạnh nhân vị lấy thâm nghĩa của hoa để trang sức cho quả vị Phật, nên có tên là **Phật Hoa Nghiêm** (佛華嚴). Vào ngày thứ 14 sau khi thành đạo dưới cội cây Bồ Đề, kinh này được đức Như Lai



thuyết cho các Bồ Tát thượng vị như Văn Thù (S. Mañjuśrī, H. 文殊 . Dịch âm tiếng Phạn gọi là Mạn Thù Sư Lợi, Mạn Thù Thất Ly. Hán dịch là Diệu Cát Tường, Diệu Âm, Phổ Thụ, Nhu Thụ, Kính Thụ...), Phổ Hiền (S. Samantabhadra, J. fugen, H. 普賢 . Phạn dịch âm là Tam Mạn Đà Bạt Đà La, hoặc Tam Mạn Đà Bạt Đà), v.v... về pháp môn tự nội chứng. Giáo nghĩa của Kinh Hoa Nghiêm là bánh xe pháp căn bản trong các giáo pháp, vì vậy có tên là Xưng Tánh Bản Giáo (稱性本教); lại nữa, giáo pháp này thuộc về pháp môn Đốn Giáo (頓教), nên được gọi là Sơ Đốn Hoa Nghiêm (初頓華嚴). Mặc dù kinh này xuất phát từ Ấn Độ, nhưng vẫn chưa phát huy toàn bộ huyền chỉ tối cao của Kinh; cho đến khi Trung Hoa thành lập Hoa Nghiêm Tông, áo nghĩa kinh này mới đạt đến tột đỉnh chân nghĩa.

Về Phạn bản của kinh này từ xưa đến nay vẫn có nhiều thuyết khác nhau. Theo bản Hoa Nghiêm Kinh Truyền Ký (華嚴經傳記 Taishō Vol. 51, No. 2073) quyển 1 của ngài Pháp Tạng (法藏 643-712) chùa Sùng Phước (崇福寺) ở tại Kinh Triệu (京兆) cho biết rằng Bồ Tát Long Thọ (S. Nāgārjuna, H. 龍樹 Dịch âm 那伽闍樹那) thấy kinh này ở Long Cung, có 3 bản Thượng, Trung, Hạ. Trong bản Thượng và Trung số kệ tụng rất nhiều, với sức phàm tình thì không thể nào lãnh hội thọ trì được; nên ẩn tàng không truyền ra, và bản được truyền thọ cho đến nay là bản Hạ, có đến mười vạn câu kệ (100.000) và 48 phẩm (hay 38 phẩm). Về sau Bồ Tát Thế Thân (S. Vasubandhu, H. 世親) viết ra Thập Địa Kinh Luận (十地經論 Taishō Vol. 26, No. 1522) để giải thích phẩm Thập Địa của Kinh Hoa Nghiêm. Các luận sư khác như Kim Cang Quân (金剛軍), Kiên Huệ (堅慧), v.v., cũng có các luận chú về Phẩm

Thập Địa. Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký (華嚴經探玄記 Taishō Vol. 35, No. 1733) quyển 1, lại chia kinh Hoa Nghiêm thành 6 bản là Hằng Bản (恒本), Đại Bản (大本), Thượng Bản (上本), Trung Bản (中本), Hạ Bản (下本) và Lược Bản (略本).

Ngoài ra, Hoa Nghiêm Kinh Chỉ Quy (華嚴經旨歸 Taishō Vol. 45, No. 1871), Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Sớ (大方廣佛華嚴經疏 Taishō Vol. 35, No. 1735) quyển 3 lại nêu ra 10 tên khác của kinh như Dị Thuyết Kinh (異說經), Đồng Thuyết Kinh (同說經), Phổ Nhãn Kinh (普眼經), Thượng Bản Kinh (上本經), Trung Bản Kinh (中本經), Hạ Bản Kinh (下本經), Lược Bản Kinh (略本經), Chủ Bạ Kinh (主伴經), Quyển Thuộc Kinh (眷屬經), Viên Mãn Kinh (圓滿經). Lại theo Đại Trí Độ Luận (大智度論 Taishō Vol. 25, No. 1509) quyển 100, phạn bản của Bất Khả Tư Nghì giải Thoát Kinh (不可思議解脫經 tức Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh 四十華嚴經), có tất cả mười vạn câu kệ. Tuy nhiên Nhiếp Đại Thừa Luận Thích (攝大乘論釋 Taishō Vol. 31, No. 1595) quyển 15 của ngài Thiên Trúc Tam Tạng Chân Đế (S. Paramārtha, H. 真諦 天竺三藏 499-569) thời nhà Lương lại cho rằng Hoa Nghiêm Kinh có trăm ngàn bài kệ, nên có tên là Bách Thiên Kinh (百千經).

Bản hiện còn có 3 loại: (1) **Lục Thập Hoa Nghiêm** (六十華嚴 Taishō Vol. 9, No. 278), 60 quyển do Ngài Phật Đà Bạt Đà La (S. Buddhahadra 佛馱跋陀羅 359 – 429) dịch từ năm 418-420 hay 421 (niên hiệu Nghĩa Hy (義熙) thứ 14 đến niên hiệu Nguyên Hy (元熙) thứ 2 hoặc Nguyên Sơ (元初) thứ 2 thời Đông Tấn (東晉); còn gọi là Cựu Hoa Nghiêm (舊華嚴), Cựu Dịch Hoa Nghiêm Kinh (舊譯華嚴經), Cựu Kinh (舊經),

Tấn Kinh (晉經); gồm có 7 xứ, 8 hội, 34 phẩm (七處, 八會, 三十四品). Hoa Nghiêm Tông lấy 8 hội phân thành Phần Trước và Phần Sau; 7 hội của phần trước được thuyết trong thời gian 21 ngày sau khi đức Phật thành đạo; 1 hội của phần sau được thuyết vào thời kỳ sau. Trong khi đó, Bồ Đề Lưu Chi (S. Bodhiruci, H. 菩提流支, 562-727) lại cho rằng 5 hội trước, thuyết vào 7 ngày sau khi Phật thành đạo; còn 2 hội sau được thuyết vào tuần thứ 2. Trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Sớ (大方廣佛華嚴經疏), quyển 4, ngài Trừng Quán (澄觀 738-839) cho rằng trong 9 hội của Tân Hoa Nghiêm (新華嚴, tức Bát Thập Hoa Nghiêm, theo thuyết Thất xứ, Cửu hội), 5 hội đầu được thuyết vào tuần đầu tiên; hội thứ 6 và 8 tuần thứ 2; và hội thứ 9 có Phẩm Nhập Pháp Giới (入法界品) thì thuộc về sau này.

Về việc phiên dịch Kinh Hoa Nghiêm, theo Xuất Tam Tạng Ký Tập (出三藏記集 Taishō Vol. 55, No. 2145) quyển 9, Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký (華嚴經探玄記 Taishō Vol. 35, No. 1733), quyển 1, v.v... Phạn bản Kinh Hoa Nghiêm nguyên lai có mười vạn (100.000) câu kệ, do Chi Pháp Lãnh (支法領) nhà Đông Tấn mang từ nước Vu Điền (S. Ku-stana, H. 于闐) vào ba vạn sáu ngàn (360.000) câu kệ, từ tháng 3 năm 418 (Nghĩa Hy thứ 14 đời vua An Đế (安帝 tại vị 397-419); rồi được ngài Phật Đà Bạt Đà La dịch thành 60 quyển, nên gọi Lục Thập Hoa Nghiêm. Đây là bản dịch đầu tiên, nhưng vì trong bản dịch này Phẩm Nhập Pháp Giới còn khuyết văn, cho đến năm 680 (Vĩnh Long (永隆元年) nguyên niên, đời vua Huyền Tông, 玄宗 712-756) nhà Đường mới được dịch bổ sung. Bản chú sớ này thì rất nhiều, như Hoa Nghiêm Kinh Sớ (華嚴經疏, 7 quyển) của Huệ Viễn (慧遠 334-416), Hoa

Nghiêm Kinh Sưu Huyền Phân Tề Thông Trí Phương Quỹ (華嚴經搜玄分齊通智方軌, 5 quyển) của ngài Trí Nghiễm (620-668), Hoa Nghiễm Kinh Thám Huyền Ký (華嚴經探玄記, 20 quyển) của ngài Pháp Tạng (法藏 643-712), v.v... (2) **Bát Thập Hoa Nghiễm** (八十華嚴 Taishō Vol. 10, No. 279), 80 quyển, do ngài Thật Xoa Nan Đà (S. Śīksāmanda, 實叉難陀 652-710) nhà Đường dịch; còn gọi là Tân Hoa Nghiễm (新華嚴), Đường Kinh (唐經), gồm 7 chỗ, 9 hội, 39 phẩm (七處, 九會, 三十九品), là bản Dịch dịch của Lục Thập Hoa Nghiễm. Một vài điển dị đồng giữa hai bản Lục Thập Hoa Nghiễm và Bát Thập Hoa Nghiễm có thể nêu ra như sau: Bản của Bát Thập Hoa Nghiễm do Ngài Thật Xoa Nan Đà, mang từ nước Vu Điền vào Trung Quốc thể theo lời thỉnh cầu của Võ Tắc Thiên (武則天, tại vị 684-705); bắt đầu dịch từ năm Chứng Thánh nguyên niên (證聖元年), tại Biến Không Tự (遍空寺), đến năm Thánh Lịch thứ hai (聖曆二年) thì hoàn tất. Tương truyền trong khoảng thời gian này đích thân Võ Hậu đến Dịch Trường, tự tay đề tên phẩm kinh. Đây được xem như là bản dịch thứ hai, so với bản Cựu Dịch Lục Thập Hoa Nghiễm, bản dịch thuật này có văn từ lưu loát, nghĩa lý tròn đầy, cho nên được lưu thông và thịnh hành và quan trọng hơn được xem là kinh điển chính của Tông Hoa Nghiễm, là bản Bát Thập Hoa Nghiễm này.

Ngoài ra, bản dịch tiếng Tây Tạng có 45 phẩm, trong đó 44 phẩm đầu tương đương với 38 phẩm trước của kinh này và phẩm thứ 45 tương đương với phẩm 39 của Bát Thập Hoa Nghiễm. Về các bản chú sớ của Bát Thập Hoa Nghiễm, có Lược Sớ San Định Ký (華嚴略疏刊定記 15 quyển) của ngài Tuệ Uyển (慧苑); Hoa Nghiễm Kinh Sớ (華嚴經疏 30 quyển)

của ngài Thần Tú (神秀 605-706); Hoa Nghiêm Kinh Sơ (華嚴經疏 60 quyển) của ngài Trừng Quán (澄觀 738-839); Hoa Nghiêm Kinh Luân Quán (華嚴經論貫 1 quyển) của ngài Phục Am (復菴); Hoa Nghiêm Kinh Cương Yếu (華嚴經綱要 80 quyển) của ngài Hám Sơn – Đức Thanh (憨山 Hānshān 德清, 1546-1623)... (3) **Tứ Thập Hoa Nghiêm** (四十華嚴) 40 quyển, do ngài Bát Nhã (般若) thời nhà Đường dịch; gọi đủ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Bất Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm (大方廣佛華嚴經入不思議解脫境界普賢行願品, Taishō Vol. 10, No. 293); gọi tắt là Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm (普賢行願品) còn có tên là Trinh Nguyên Kinh (貞元經). Bản dịch này được truyền vào nước Ni Ba La (尼波羅) tức Ni Bạc Nhĩ (尼泊爾, Nepal); là một trong 9 bộ kinh Đại thừa. Nội dung bộ kinh thuật lại việc Thiện Tài Đồng Tử (S. Suddhamaśresthi-dāraka, H. 善財童子) từng đi tham vấn 53 (五十三參) vị Thiện Tri Thức và thành tựu hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền. Đặc biệt, trong bản Tứ Thập Hoa Nghiêm có nêu rõ 10 hạnh nguyện của ngài Phổ Hiền. Về vấn đề phiên dịch bản Tứ Thập Hoa Nghiêm, vào năm Trinh Nguyên thứ 11 (貞元十壹年 795) đời vua Đức Tông (德宗, tại vị 779-805) nhà Đường, do Sư Tử Vương (師子王) của nước Ô Đờ (S. Odra, H. 烏荼) Thiên Trúc (天竺), phái sứ giả tiến cống Phạn bản Hoa Nghiêm vốn tự tay nhà vua nước Ô Đờ viết. Được ngài Bát Nhã Tam Tạng (般若三藏) người nước Kế Tân (罽賓, tức Ca Tất Thí (S. Kāpiśa, H. 迦畢試) dịch tại Chùa Sùng Phúc (崇福寺), thành Trường An (城長安). Hai ngài Trừng Quán và Viên Chiếu (澄觀與圓照) giám định dịch Tứ Thập Hoa Nghiêm tại chùa Giám Hư (鑑虛寺) năm Trinh Quán thứ 14 thì hoàn tất

công việc phiên dịch. Bản của kinh này hiện được bảo tồn tại thư viện của các nước như: Anh, Pháp, Ấn Độ... Bản dịch của Kinh này có La Ma Già Kinh (羅摩伽經) 3 quyển, của ngài Thánh Kiên, thời Đông Tấn; Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Pháp Giới Phẩm (大方廣佛華嚴經入法界品) 1 quyển, của ngài Địa Bà Ha La (, 613-687) nhà Đường; Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Pháp giới Phẩm Tứ Thập Nhị Tự Quán Môn (大方廣佛華嚴經入法界品四十二字觀門) 1 quyển của ngài Bất Không Tam Tạng (S. Amoghavajra, H. 不空三藏, 705-774) thời nhà Đường... Về bản chú sớ của Tứ Thập Hoa Nghiêm, có các bản như: Hoa Nghiêm Kinh Hạnh nguyện Phẩm Sớ (華嚴經行願品疏, 10 quyển) của ngài Trừng Quán; Hoa Nghiêm Kinh Biệt Hạnh Sớ (華嚴經別行疏, 2 quyển) của Trọng Hy (仲希); Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Hạnh nguyện Tu Chứng Nghi (華嚴經普賢行願修證儀, 1 quyển) của ngài Tịnh Nguyên (淨源 1011-1088)... Ngoài ra còn có một số bản tán vịnh Thiện Tài Đồng Tử tham phương cầu học các vị thiện tri thức (善財童子參方求學五十三善知識) như Đại Phương Quảng Hoa Nghiêm Nhập Pháp giới Phẩm Tán (大方廣華嚴入法界品贊) của Dương Kiệt (楊傑); Văn Thủ Chỉ Nam Đồ Tán (文殊指南圖贊) của Duy Bạch (惟白)...

Tám mươi quyển, của Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm (大方廣佛華嚴經), bản dịch của Ngài Shikshananda (實叉難陀 Thật Xoa Nan Đà, 652-710). Theo sự thỉnh cầu của bà Võ Tắc Thiên hoàng đế (武則天皇帝, tại vị 684-705), Ngài Shikshanada đã đem nguyên bản tới Trung Quốc phiên dịch. Từ tháng 3 năm Chứng Thánh nguyên niên

(證聖元年695), Ngài ở chùa Biện Không khởi bút dịch đến tháng 10 năm Thánh Lịch thứ hai (聖曆二年 699) thì dịch xong thành 39 phẩm, 80 cuốn, 4 vạn 5 ngàn (45.000) bài kệ, gồm việc thuyết pháp tại 7 chỗ (đồng Cựu dịch), 9 hội (8 hội đồng Cựu dịch, thêm vào 1 hội Phổ Quang Đường). Tục thường gọi là Đường Kinh, Bát Thập Hoa Nghiêm hoặc Tân Kinh 大周新譯大方廣佛華嚴經 để phân biệt với Cựu Kinh của ngài Buddhahadra (Phật Đà Bạt Đà La, 佛馱跋陀羅 359 – 429). Bản dịch này đầy đủ nhất, dài nhất và lời văn lưu loát, thông dụng nhất.

Địa Ngục: (S. naraka, niraya, P. niraya, J. jigoku, H. 地獄): Dịch là Nại Lạc Ca (捺落迦), Na Lạc Ca (那落迦), Nại Lạc (捺落), Nê Lê Da (泥犁耶), Khổ Cụ (苦具), Khổ Khí (苦器), Vô Hữu (無有); là một trong Ngũ Thú (五趣), Lục Thú (六趣), Ngũ Đạo (五道), Lục Đạo (六道), Thất Hữu (七有), Thập Giới (十界); cho nên có tên gọi là Địa Ngục Đạo (地獄道), Địa Ngục Thú (地獄趣), Địa Ngục Hữu (地獄有), Địa Ngục Giới (地獄界). Địa Ngục hay Âm Gian được con người xem như là địa phương nơi linh hồn người chết sẽ trở về sau khi từ giã cõi đời này. Quan niệm về Địa Ngục phân bố thế giới rộng hay hẹp tùy theo quan niệm tín ngưỡng của mỗi tôn giáo khác nhau. Theo Phật giáo, Địa Ngục được chia thành như sau: (1) Tám Địa Ngục Lớn, còn gọi là Tám Địa Ngục Nóng (八熱地獄 Bát Nhiệt Địa Ngục), gồm: Đẳng Hoạt (S. Saṃjīva, 等活) Hắc Thằng (S. Kāla-sūtra, 黑繩), Chúng Hợp (S. Saṃghāta, 衆合) Khiếu Hoán (S. Raurava, 叫喚), hay Hiệu Khiếu (號叫), Đại Khiếu Hoán (S. Mahā-raurava, 大叫喚 hay Đại Khiếu 大叫), Tiêu Nhiệt (s: tapana, 焦熱 hay Viêm Nhiệt 炎熱), Đại Tiêu

Nhiệt (s: pratapana, 大焦熱), A Tỳ (S. Avīci, H. 阿鼻地獄 (梵音: Avīci Niraja) 也称無間地獄, 阿鼻 (Avīci) 是梵文音譯, 是無間的意思, 表示受苦無間斷, 阿鼻地獄是民間最熟悉的地獄). (2) Tám Địa Ngục Lạnh (八寒地獄 Bát Hàn Địa Ngục), gồm: Át Bộ Đà (S. Arbuda, H. 頰部陀) Ni Lạt Bộ Đà (S. Nirarbuda, H. 尼刺部陀), Át Chiết Tra (S. Atata, H. 頰嘶吒, hay A Tra Tra 阿吒吒), Hoắc Hoắc Bà (S. hahava, H. 臃臃婆 hay A Ba Ba 阿波波), Hổ Hồ Bà (S. Huhuva, H. 虎虎婆), Miệt Bát La (S. Utpala, H. 唵鉢羅), Bát Đặc Ma (S. Padma, H. 鉢特摩), Ma Ha Bát Đặc Ma (S. Mahāpadmā. H. 摩訶鉢特摩). Ngoài ra, trong Tám Địa Ngục Lớn ấy, mỗi Địa Ngục đều có 16 Địa Ngục quyến thuộc (tức 16 Địa Ngục nhỏ), hợp cả Địa Ngục lớn và nhỏ lại, tổng cộng có 136 Địa Ngục.

Quán Phật Tam Muội Hải Kinh (觀佛三昧海經) quyển 5 có nêu rõ 18 loại Địa ngục nhỏ như 18 Địa Ngục Lạnh (十八寒地獄 Thập Bát Hàn Địa Ngục), 18 Địa Ngục Tối Tăm (十八黑闇地獄 Thập Bát Hắc Ám Địa Ngục), 18 Địa Ngục Nóng Ít (十八小熱地獄 Thập Bát Tiểu Nhiệt Địa Ngục), 18 Địa Ngục Vòng Tròng Dao (十八刀輪地獄 Thập Bát Dao Luân Địa Ngục), 18 Địa Ngục Vòng Tròn Kiếm (十八劍輪地獄 Thập Bát Kiếm Luân Địa Ngục), 18 Địa Ngục Xe Lửa (十八火車地獄 Thập Bát Hoả Xa Địa Ngục), 18 Địa Ngục Phân Sôi (十八沸屎地獄 Thập Bát Phỉ Thỉ Địa Ngục), 18 Địa Ngục Vạc Nước Sôi (十八鑊湯地獄 Thập Bát Hoạch Thang Địa Ngục), 18 Địa Ngục Sông Tro (十八灰河地獄 Thập Bát Hôi Hà Địa Ngục), 18 Địa Ngục Đá Nhọn (十八尖石地獄 Thập Bát Tiêm Thạch Địa Ngục), 18 Địa Ngục Hang Tháp (十八鐵窟地獄 Thập Bát



Thiết Quạt Địa Ngục), Địa Ngục Uống Nước đồng (十八飲銅地獄 Thập Bát Ẩm Đồng Địa Ngục), v. v. . . Có 5 ý nghĩa về Vô Gián:

(1) Thú Quả Vô Gián (趣果無間 chiêu thọ nghiệp quả không qua đời khác, tức báo ứng ngay đời này);

(2) Thọ Khổ Vô Gián (受苦無間 chịu khổ không gián đoạn);

(3) Thời Vô Gián (時無間 trong một kiếp, chịu khổ báo không gián đoạn);

(4) Mạng Vô Gián (命無間 thọ mạng chịu khổ liên tục, không gián đoạn);

(5) Hình Vô Gián (形無間 thân hình của chúng sanh và sự lớn nhỏ của Địa Ngục tương đồng mà không có kẻ hở). Do chúng sanh tạo các loại nghiệp nhân bất đồng, mỗi loại Địa Ngục chiêu cảm quả báo bất đồng.

Về vị trí của Địa Ngục, có 3 thuyết khác nhau: (1) theo Trường A Hàm Kinh (長阿含經) quyển 19, Đại Lôu Thán Kinh (大樓炭經) quyển 2, Phẩm Nê Lê (泥犁品), Địa Ngục nằm chung quanh biển lớn, trong khoảng giữa của Đại Kim Cang Sơn và Đại Kim Cang Sơn thứ hai. (2) theo Lập Thế A Tỳ Đàm Luận (立世阿毘曇論 Taishō Vol. 32, No. 1644) quyển 1, Địa Động Phẩm (地動品), Địa Ngục nằm ngoài Thiết Vi Sơn (S. Cakravāda - parvata, P. Cakkavāla - pabbata, H. 鐵圍山), chỗ hẹp nhất là 80.000 do tuần; chỗ rộng nhất là 160.000 do

tuần. (3) Theo Đại Tỳ Bà Sa Luận (大毘婆沙論) quyển 172, Câu Xá Luận (具舍論) quyển 11, v. v. . . Vô Gián Địa Ngục nằm cách khoảng 20.000 do tuần dưới Nam Thiệm Bộ Châu (S: Jampudīpa, H. 南贍部洲); các Địa Ngục khác nằm chồng chất lên nhau theo thứ tự, hay nằm một bên. Hơn nữa, còn có Cô Địa Ngục (孤地獄), Biên Địa Ngục (邊地獄), không lệ thuộc vào các Địa Ngục lớn nhỏ bên trên, hoặc nằm trong Tứ Châu (S. Catvāro dvīpāḥ, P. Cattāro dīpā, H. 四洲) bên sông núi, hay dưới lòng đất, trên không v. v.. Trong tập Di Sơn Nhiên Thiên Sư Phát Nguyện Văn (怡山然禪師發願文) của Truy Môn Cảnh Huấn (緇門警訓 Taishō Vol, 48, No. 2023) quyển 6 có đoạn rằng: Nê Lê khổ thú, Ngạ Quỷ đạo trung; hoặc phóng đại quang minh, hoặc hiện chư thần biến, kỳ hữu kiến ngã tướng, nãi chí văn ngã danh, giai phát Bồ Đề tâm, vĩnh xuất luân hồi khổ. 泥犁苦趣, 餓鬼道中, 或放大光明, 或現諸神變。其有見我相, 乃至聞我名, 皆發菩提心, 永出輪回苦。Địa Ngục nẻo khổ, Quỷ Đói đường trong; hoặc phóng ánh quang minh, hoặc hiện các thần biến, nếu có thấy tướng ta, cho đến nghe tên ta, đều phát Bồ Đề tâm, mãi thoát luân hồi khổ). Hay trong Thiện Huệ đại Sĩ Ngữ Lục (善慧大士語錄 Tạng Tạng Kinh Vol. 69, No. 1335) quyển 3, phần Đệ Tứ Chương Minh Vô Tướng Hư Dung lại có câu: Như Lai Pháp thân vô biệt xứ, phổ thông Tam Giới khổ Nê Lê. Tam Giới Nê Lê bốn phi hữu, vi diệu thù phục đặc tri hề. 如來法身無別處, 普通三界苦泥犁, 三界泥犁本非有, 微妙誰復得知蹊。 Như Lai Pháp thân đâu chốn khác, thông cùng

Ba Cõi khổ Nê Lê, Ba Cõi Nê Lê vốn không có, vì diêu ai lại biết nẻo về). Hoặc như trong Vĩnh Bình Điển Tòa Giáo Huấn (永平典座教訓) có đoạn: Ngã nhược sanh Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, Tu La đặng chi thú, hựu sanh tự dư chi Bát Nạn thú, tuy hữu cầu tăng lực chi phí thân, thủ tự bất khả tác cúng dường Tam Bảo chi tịnh thực. 我若生地獄，餓鬼，畜生，修羅等之趣，又生自餘之八難趣，雖有求僧力之覆身，手自不可作供養三寶之淨食。 Ta nếu sanh vào các đường Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, Tu La, hay sanh vào các đường Tám Nạn khác, tuy có cầu năng lực chư tăng che chở thân, nhưng tay không thể tự mình lấy thức ăn thanh tịnh cúng dường Tam Bảo).

**Thiết Vi 鐵圍** : Là địa ngục bằng sắt. Tiếng Phạn gọi là Cakravāda-parvata, dịch âm Thước Ca La, Pali: Cakkavaflapabbata, Hán dịch là Thiết Luân Vi Sơn (鐵輪圍山), Luân Vi Sơn (輪圍山), Kim Cang Vi Sơn (金剛圍山), Kim Cang Sơn (金剛山), Luân Sơn (輪山). Đây là ngọn núi thứ 9 trong 9 núi lấy Tu Di Sơn làm trung tâm. Đây là ngọn núi sắt, có địa ngục bằng sắt, kiên cố, đầy đau khổ, nằm trong núi Thiết Vi u tối. Trung tâm của Tứ Đại Châu (\*) 四大州, có núi Tu Di, ngoài ra còn có 8 biển lớn, xung quanh của cái biển thứ 8 có dãy núi Thiết Vi bao quanh biển đó, nước của biển này rất mặn và rất sâu, rộng vô cùng. Trong lòng của núi Thiết Vi có nhiều địa ngục u tối, lớn có, nhỏ có, ánh sáng mặt trời, mặt trăng không soi vào được nên tối tăm. Chúng sanh bị nghiệp quả đọa vào địa ngục này, rất là đau khổ, khó thể diễn tả được. Có thuyết cho rằng trong núi này có Đại Thiết Vi Sơn

(大鐵圍山) và Tiểu Thiết Vi Sơn (小鐵圍山), giữa hai ngọn núi này có vùng đất âm dương không bao giờ đến được, nơi ấy gọi là Động Hắc Sơn Quỷ (洞黑山鬼). Như trong Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện (地藏菩薩本願經, Taishō No. 412), Phẩm Địa Ngục Danh Hiệu (地獄名號品第五) thứ 5 có giải thích về núi này như sau: Diêm Phù Đề Đông phương hữu sơn, hiệu viết Thiết Vi, kỳ sơn hắc thúy, vô nhật nguyệt quang (閻浮提東方有山, 號曰鐵圍, 其山黑邃, 無日月光). Phương Đông cõi Diêm Phù Đề có núi tên là Thiết Vi, núi ấy đen ngòm, không có ánh sáng mặt trời mặt trăng). Trong Tăng Nhất A Hàm Kinh (增壹阿含經 Taishō No. 125) quyển 34 cho biết thêm rằng: Cận Tu Di Sơn nam hữu Đại Thiết Vi Sơn, trường bát vạn tứ thiên lý, cao bát vạn lý (近須彌山, 南有大鐵圍山, 長八萬四千里, 高八萬里 gần phía Nam núi Tu Di có núi Đại Thiết Vi, dài tám vạn bốn ngàn dặm, cao tám vạn dặm).

(\*) Tứ Đại Bộ Châu: 四大部洲, 又称四洲、四大洲、四天下, 是佛教中认为的在须弥山周围咸海中的四大洲, 分别为东胜神洲、西牛贺洲、南瞻部洲和北俱卢洲, gọi tắt là Tứ châu: Nói đủ là Tứ Châu Thiên Hạ, tức là Bốn châu gồm: Nam Diêm Phù Đề, Nam Thiệm Bộ Châu (Jambudvīpa), Tây Cù Da Ni, Tây Ngưu Hóa Châu (Aparagodāniya), Bắc Uất Đan Việt, Bắc Câu Lô Châu (Uttara kuru), Đông Phát Bà Đề, Đông Thắng Thần Châu (Pūrva vidēha).

Bốn cõi thế, phân ra làm bốn châu, cũng là Tứ đại châu, Tứ thiên hạ:

1. Bắc Câu Lô Châu (北俱卢洲 - Uất Đan Việt): Bắc Câu Lô Châu ở về hướng Bắc núi Tu Di, người cõi ấy bình đẳng an vui, sống lâu một ngàn tuổi. Ấy là hàng chư Tiên cho nên

cõi ấy được dịch là Thăng Xứ.

2. Nam Thiện Bộ Châu (南瞻部洲- Diêm Phù Đề): Đây là cõi chúng ta ở, nằm về phương nam núi Tu Di. Trung tâm châu này có cây Diêm Phù Đề, chính ở cõi này Đức Phật giáng sanh, và ở cõi này có nhiều nhà tu hành hơn hết trong bốn châu.

3. Tây Ngưu Hóa châu (西牛贺洲- Cô Da Ni): Châu này ở phương tây núi Tu Di, cõi này sanh sản rất nhiều Trâu (ngưu) người ta dùng trâu thế cho tiền bạc trong việc buôn bán, vì vậy nên gọi là Ngưu hóa, Cô Da Ni là theo tiếng phạn. Cõi này dân sống đến 500 tuổi.

4. Đông Thắng Thần Châu (东胜神洲- Phất Vu Đại, Phất Bà Đề): Cõi này ở phương Đông núi Tu Di, người ở cõi này thân hình tốt đẹp hơn hết nên cũng kêu cõi ấy là Thắng Thân Châu, cũng viết theo Phạn: Phạn Bà Đề. Trong cuốn Phật giáo ở Cao Miên chép rằng: Đông Thắng Thân Châu bề vòng là: 21.000 do tuần, cõi này hình tròn. Dân và chư thần sống đến 600 tuổi.

Trong Kinh Lalitavistara có chép: Trước khi vào mẫu thai Đức Bồ Tát có xem xét các châu. Ngài không giáng sanh cõi Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu Bắc Cu Lô Châu mà Ngài giáng sanh vào Nam Thiện Bộ Châu mà thôi.

### 摩訶般若波羅蜜多心經

Kinh Tịnh Danh nói: Hội pháp thí ấy là không hề phân cách trước sau, đồng nhứt thời cúng dường tất cả chúng sanh. Niệm thêm chú Tâm Kinh đó là muốn tỏ bày ra cái công thí thực hòa lẫn vào nơi biển Bát Nhã vô tận tạng. Bởi Tâm Kinh là tinh yếu của Bát nhã. Bát Nhã tức là trí huệ phá chấp

trước nơi công đức pháp ái làm thực sự nên dùng Bát Nhã Tâm Kinh để rửa sạch bụi lòng, hòa lẫn vào biển Như Lai tạng.

**Tâm:** Trong đạo Phật, khái niệm Tâm được diễn đạt bằng nhiều danh từ khác nhau:

1. Trong thuyết Ngũ uẩn, thì sắc uẩn bao gồm tất cả các Sắc pháp, còn thụ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn bao gồm tất cả Tâm pháp. Đó là theo Thuyết Ngũ Uẩn, một trong những thuyết xưa nhất và căn bản nhất thì tất cả các hành động tâm lý không ở ngoài cảm thụ (Ph. Sensations), tưởng tượng, tri giác (Ph. Perceptions), hành dục (Ph. Voitions) và thức phân biệt, hay biết (Ph. Conscience discriminative).

2. Trong thuyết 12 nhân duyên, ở chi Danh sắc, danh đại biểu cho Tâm pháp, sắc đại biểu cho Sắc pháp. Vì sao gọi Tâm pháp là danh? Bởi lẽ các tâm pháp không có hình tướng như Sắc pháp, cho nên chỉ có thể dùng tên để gọi chúng mà thôi.

3. Trong tông Duy Thức, những hoạt động tâm lý được phân tích cặn kẽ hơn và được bao gồm trong hai nhóm hoạt động chính, nhóm Tâm vương và nhóm Tâm sở. Nói hoạt động của Tâm vương và Tâm sở theo Duy Thức tông, nói tất cả mọi hoạt động của tâm. Hoạt động của tâm vương là hoạt động chủ đạo. Hoạt động của tâm sở là hoạt động phụ thuộc của Tâm vương. Vương, nghĩa là vua. Còn sở là sở hữu. Tâm sở có nghĩa là những pháp sở hữu của Tâm vương.

Duy Thức tông phân biệt có 8 Tâm vương và 51 Tâm sở. Nói tóm lại, thứ nhất, đạo Phật không quan niệm tâm lý là một cái gì thuần nhất, giản đơn theo kiểu như khái niệm

linh hồn... thứ hai, đạo Phật xem Tâm pháp thuộc pháp hữu vi, nghĩa là những pháp sinh diệt, có tạo tác chứ không phải như khái niệm một linh hồn linh thiêng bất tử theo như một số tôn giáo khác quan niệm.

Nếu định nghĩa tâm một cách khái quát nhất thì trong các kinh điển Phật giáo, chữ Tâm thường được dùng theo sáu nghĩa:

1. **Nhục đoàn tâm:** Quả tim vật chất, làm chức năng bơm máu đi khắp cơ thể.

2. **Tập khởi tâm:** Tức là thức thứ 8 (đệ bát thức; S. Alaya vijnana), Hán dịch là Tạng thức là toàn bộ tâm thức, cơ sở của mọi hoạt động tâm lý.

3. **Tư lương tâm:** Tư lương là dẫn đo, suy nghĩ. Tâm thức tư lương là tâm thức thứ bảy (Mạt na thức). Tác dụng của nó là liên tục, không phút nghỉ dừng, chấp thức thứ tám (Tạng thức) là Ta (cái ta riêng biệt). Thức thứ bảy là khái niệm mà Tâm lý học phương Tây chưa từng biết. Vì tác dụng của nó là chấp ngã, cho nên nó là cơ sở của những phiền não cơ bản xoay xung quanh cái Ta, như Ngã si (si mê về cái Ta), ngã kiến (thấy sai lầm có cái Ta riêng biệt), Ngã ái (đam mê yêu thương cái Ta), và Ngã mạn (đặt cái Ta cao hơn tất cả).

Một từ khác dùng để chỉ tâm thức thứ bảy là Ý, chỉ tướng trạng của thức này là sinh diệt nối tiếp nhau không bao giờ bị gián đoạn (có bao giờ ta quên ta là ta đâu!). Đồng thời, thức thứ bảy là nơi nương tựa, nơi y chỉ của thức thứ sáu (ý thức) cho nên sách Phật cũng gọi thức thứ bảy là Ý căn (căn năng của ý thức).

4. **Liễu biệt tâm:** Ý thức và Năm thức trước (nhãn thức, nhĩ thức, thiệt thức, tỷ thức, thân thức) có tác dụng duyên với ngoại cảnh và phân biệt nhận thức chúng.

5. **Kiên thực tâm:** Chân tâm, cái tâm không hư vọng, đó là Phật tính, cái mầm mống giác ngộ vốn sẵn có trong mỗi chúng ta.

6. **Tinh yếu tâm:** Như nói Bát Nhã Ba la mật đa Tâm Kinh. Tâm ở đây nghĩa là cái tinh yếu, cái cốt lõi. Bộ kinh Bát Nhã rất dài có đến 600 cuốn (Hán dịch) nhưng một cuốn kinh nhỏ là Bát Nhã ba la mật đa Tâm Kinh đã thu tóm được toàn bộ tinh hoa của bộ Bát Nhã trong hai ba trang sách, cho nên gọi là Tâm kinh.

### 往生淨土往神咒

Lại niệm chú Vãng Sanh đó là để mong nhờ Phật A Di Đà và các Thánh Chúng phóng quang tiếp dẫn mau chóng bực thánh nơi cực lạc quốc. Khấp kết Thần chú Phổ hồi hướng (普廻向真言: 唵娑摩囉。娑摩囉。彌摩曩。哈囉摩訶。咱哈囉吽), đem công đức thí thực hồi hướng cho tất cả chúng hữu tình, ngõ hầu đều phát cái tu tâm chứng lên quả vị vô thượng Bồ Đề để làm việc Tự lợi và Lợi tha đặng sớm sanh về nước Cực Lạc, đồng chứng bậc Phật thừa.

Đối với chúng hữu tình nào không có thiện căn, thì khiến trồng căn lành; chúng đã có thiện căn, thì khiến làm cho tăng trưởng căn lành. hầu chớ quyến luyến nơi luân hồi, mà đều mau thành Phật đạo.

願晝吉祥夜吉祥，晝夜六時恆吉祥。  
一切時中吉祥者，願諸三寶哀攝受。



願晝吉祥夜吉祥，晝夜六時恆吉祥。  
 一切時中吉祥者，願諸上師哀攝受。  
 願晝吉祥夜吉祥，晝夜六時恆吉祥。  
 一切時中吉祥者，願諸護法常擁護。

Nguyện ngày cát tường, đêm cát tường.  
 Ngày đêm sáu giờ thường cát tường,  
 Tất cả trong giờ người cát tường  
 Cúi xin Thượng Sư thương nhận cho  
 Nguyện cầu Tam Bảo thường nhận cho  
 Hộ Pháp thiện thần thường ủng hộ.

Bài kệ đây là nguyện dăng công đức thí thực, để mong các ngôi Tam Bảo và các thần Hộ Pháp thường xuống cho cái điềm lành vậy.

四生登於寶地，三有托化蓮池，  
 河沙餓鬼證三賢，萬類有情登十地。

Bốn loài chúng sanh lên đất báu  
 Ba hữu nương hóa sanh ao sen  
 Đông nhiều Ngạ quỷ chứng Tam hiền  
 Muôn loại hữu tình lên Thập địa.

Đây là gom kết công đức thí thực để phổ nguyện cho tất cả quần sanh, liền sanh về tịnh độ đồng chứng lên quả Thánh. Bốn sanh, Ngạ quỷ, Hữu tình là thân chánh báo giữa thế gian; Tam hữu là cõi y báo của thế gian. Đất báu, ao sen là cõi y báo của nước Cực lạc, Tam hiền, Thập địa là ngôi Thánh ở nước Cực lạc, tức là thân chánh báo bên Cực lạc. Bốn sanh (四生): Noãn sanh, Thai sanh, Thấp sanh, Hoá sanh.

Ba hữu (三有): Tức là ba giới, do vì chúng sanh trong ba giới đều mẫn chấp lấy sanh tử thì có báo ứng về thiện ác nhân quả, nên nói ba hữu. Ngạ quỷ: Đây là cử về chúng bị nghiệp chướng thâm trọng mà nói là ngạ quỷ chứ thiệt ra thì phàm là trời đất, tất cả thần kỳ và các chúng ly muội vân vân, đâu chẳng thuộc về quỷ đây thống nhiếp.

Lục đạo (六道): Sáu ngã, chúng sanh trong sáu đường, đều có cái tình niệm, do nơi tình niệm, nên chấp trước cả sáu trần, bởi thế, chẳng dứt đặng sanh tử nên nói là Hữu tình (有情). Nương công đức thí thực, chúng siêu về Cực Lạc quốc, liền lên địa vị Thánh nhân.

Đất báu (寶地): Hoàng kim vi địa. Ao sen: Thất bảo trì, đều đã có rõ chép ở Kinh Di Đà. Tam Hiền bên Biệt giáo, chưa phá được vô minh hoặc, nên xưng là Hiền, còn Thập địa đã phá được từ phần vô minh, chứng được Phật tánh trung đạo, nên xưng là Thánh. Tam hiền bên Viên giáo, đều phá được từ phần vô minh, mà xưng là Hiền, còn Thập địa Viên giáo đã phá được nhiều phần vô minh, tiến sâu vào pháp tánh mà xưng là Thánh. Song, từ phá được từ phần vô minh hẳn đi, đều là thân chứng pháp tánh, là bậc thâm vị đại Bồ Tát. Nay với Cực Lạc Tịnh Độ đây, có thể khiến nhất thời đơi nghiệp vãng sanh, lại có thể chóng siêu lên Tam hiền, thập Thánh. Đây là nương nơi Kinh chú pháp hiển mật, gia dĩ pháp viên quán, cảm đức từ của Phật nên mới có thể mau chứng như vậy.

Kinh Lăng Nghiêm nói: Thai sanh là nhân nơi tình mà có; Noãn sanh là nhân nơi tưởng mà sanh; Thấp sanh là do nơi hiệp mà ứng hiện; Hoá sanh là do nơi lìa mà cảm thông.

Ba giới sáu đạo chỉ có bốn cách sanh đó là thân hết cả.

阿弥陀佛赞佛偈赞佛偈：

阿彌陀佛身金色，相好光明無等倫。

白毫宛转五须弥，紺目澄清四大海。

Bài kệ đây rút ra ở sách Tịnh Độ Tu Chứng Nghĩa, tác giả là ngài Trạch Anh Pháp sư, Pháp sư nguyên con nhà họ Du, ở sông đồng, huyện Đồng Lô, phủ Nghiêm châu, tỉnh triết gian. Thân mẫu Ngài nằm mộng thấy hai mặt nhật rơi ngay vào bụng, sau hai năm, sanh hai con trai lớn lên đều đi xuất gia cả, người lớn tên là Tử Khâm, theo thụ nghiệp nơi chùa Tịnh Trú, huyện Tiến Đàng, tỉnh Chiết Giang, thứ nam tức là Ngài Trạch Anh vậy. Vào học đạo nơi chùa Thụ Minh, phủ Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Triều vua Thần Tông, trong niên hiệu Hy Ninh (1068-1077) nhà Tống, Ngài tham cứu lễ thần ngộ nơi lầu thí thủy bửu các, ngộ sâu được đạo lý của pháp Chỉ quán.

Song cõi kia cõi đây, hai Phật lớn nhỏ sai khác nhau. Chỉ bởi, cõi kia là Tịnh Độ, mà chúng sanh thì thân lượng rộng lớn. Còn cõi kia là Uế Độ, nên thân lượng của chúng bé nhỏ chẳng đầy một trượng. Do đấy, Phật hiện Ứng Thân chỉ có một trượng sáu thước. Nếu cõi đây, bậc Đại Bồ Tát chỗ thấy báo thân của Phật cũng đầy khắp cả cõi hư không. Song thế cũng không nhất định có cái thân lớn bên nước Cực Lạc mà đây là rõ cái thân lượng của đức Di Đà là đặc biệt thù thắng vậy.

光中化佛無数亿，化菩薩衆亦無边。

Hào quang hóa Phật không kể ỨC,

Hoá Bồ Tát chúng cũng không ngần.

Đây là khen số hóa thân Phật rất nhiều của đức A Di Đà. Trong hào quang có hoá Phật, hoá Bồ Tát ấy vô số vô lượng vô biên. Quán kinh nói: Phật kia hào quang vòng tròn rộng bằng như trăm ức đại thiên thế giới, trong ánh viên quang có trăm muôn ức na do tha hằng hà sa số hóa Phật, mỗi mỗi đức hóa Phật cũng có đông nhiều vô số hóa Bồ Tát để làm thị giả. Số là viên quang là hào quang nơi báo thân của Di Đà trong hào quang đức Hóa Phật là chủ, Hóa Bồ Tát là bạn. Nghĩa là một hoá Phật làm chủ thì ắt có hai hóa Bồ Tát làm bạn. Chủ đều là Di Đà bạn đều là Quan Âm, Thế Chí. Song, Viên quang đây khắp chiếu pháp giới, mà hóa chủ hóa bạn cũng khắp pháp giới, chủ lẫn với bạn, bạn lẫn với chủ, Báo Thân Phật là chủ giữa chủ, báo thân Bồ Tát là bạn giữa bạn. chủ bạn lẫn khắp, số một không ngại với số nhiều.

四十八愿度众生，九品咸令登彼岸。

Bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh  
Chín phẩm đều khiến lên bờ giác.

Câu trên là tán dương chỗ nhân địa của Phật kia phát nguyện. Câu dưới là khen ngợi việc độ sanh trong thời chứng quả Di Đà. Kinh Đại Di Đà chép: Trước vô lượng vô số kiếp có đức Thế Tự Tại Vương Phật ra đời hóa độ chúng sanh.

Bấy giờ có vị Đại Quốc vương đến nghe thuyết pháp, bỗng liền giác ngộ, bèn buông xả ngôi vua mà xuất gia làm Tỳ kheo, hiệu là Pháp Tạng. Liền đối trước Phật phát bốn mươi tám nguyện lớn. Thuở ấy quả đại địa rung động, trên thiên không mưa hoa báu xuống, và có tiếng khen rằng: Quyết

định thành Phật.

Do đó từ vô lượng kiếp đã hành Bồ Tát đạo, công đức tròn đủ, thành Phật hiệu là A Di Đà, cõi nước tên là Cực lạc, trong nước có ao bằng thất bửu, nước ao có tám chất công đức ở trong. Trong ao có hoa sen nhiều đến vô lượng phẩm, ở đây nói chỉ có chín phẩm đó.

Thâu nạp hóa sanh cho chúng sanh niệm Phật ở mười phương về đó, tùy căn cơ mà lên nơi chín phẩm. Cõi Ta bà là bờ bên đây, cõi Cực Lạc là bờ bên kia, phiền não dòng chính giữa. Nếu hay niệm Phật không luận là bậc trí, ngu, chỉ niệm mà đắc nhất tâm bất loạn, thì qua khỏi giữa giòng phiền não, siêu khỏi cái thân sanh tử của Ta Bà, bước lên đài hoa sen Cực Lạc chứng quả vô thượng Bồ Đề nên nói: Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn.

南無西方極樂世界大慈大悲阿彌陀佛。

Nam mô Tây Phương Cực lạc thế giới đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật. Nam mô A Di Đà Phật. Từ trước đến đây, với bao công đức đã tu giờ đây phải niệm Phật Di Đà để cầu thực chứng.

南無大悲觀世音菩薩。

Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát. Quán Thế Âm: Cũng tên là Quán tự tại: Quán là cái trí năng quán, năng và sở viên dung, có không gồm xướng, chiếu tột chánh tánh, xét thấu gốc ngọn, nên xưng là Quán Thế Âm là cảnh sở quán, muôn hình tượng lưu động, cách biệt nhau chẳng đồng, tiếng của các loài kêu cứu khác giọng, đều nhờ đức hồng từ, đồng thời phổ cứu nên nói là Thế Âm.

南無大力大勢至菩薩。

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát. Kinh Tư ích chép rằng: Hễ cái chân bước đến chỗ nào đó, là rúng động ba ngàn cả ngàn thế giới và cung điện của Thiên Ma vương, nên gọi là Đại Thế Chí. Quán Kinh nói: Dùng ánh trí khắp soi tất cả chúng sanh, khiến lia tam đồ, đắc thế lực vô thượng. Thế nên gọi Bồ Tát đây tên là Đại Thế Chí.

南無清淨大海衆菩薩

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải chúng Bồ Tát Do cái niệm Phật thanh tịnh cảm được hoa sen hoá sanh, nên nói rằng Thanh Tịnh. những đấng cả ba thừa sanh lên chín phẩm các Thánh hiền này nhiều đến vô lượng gọi là: Đại Hải Chúng.

淨土發願文

Nhất tâm quy mạng, Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, nguyện dĩ tịnh quang chiếu ngã, từ thệ nhiếp ngã. Ngã kim chánh niệm, xưng Như Lai danh vị Bồ Đề đạo, cầu sanh tịnh độ.

Phật tích bốn thệ: Nhược hữu chúng sanh, dục sanh ngã quốc, chí tâm tín nhạo, xưng ngã danh hiệu, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ chánh giác, dĩ thử niệm Phật như duyên, đắc nhập Như Lai, đại thệ hải trung, thừa Phật từ lực, chúng tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng, nhược lâm dục mạng chung, tự tri thời chí, thân vô bệnh khổ, tâm bất tham luyến, ý bất điên đảo, như nhập thiên định. Phật cập Thánh chúng, thủ chấp kim đài, lai nghinh tiếp ngã, ư nhất niệm khoảnh, sanh Cực Lạc quốc, hoa khai kiến Phật, tức văn Phật thừa, đốn khai Phật huệ, quảng độ chúng sanh, măn Bồ Đề nguyện, quảng độ chúng sanh măn

Bồ Đề nguyện.

一心歸命極樂世界阿彌陀佛。願以淨光照我、慈誓攝我。我今正念稱如來名，為菩薩道，求生淨土。佛昔本誓：若有眾生，欲生我國，志心信樂，乃至十念，若不生者，不取正覺。以此念佛因緣，得入如來大誓海中。承佛慈力，眾罪消滅，善根增長。若臨命終，自知時至，身無病苦，心不貪戀，意不顛倒，如入禪定；佛及聖眾，手執金臺，來迎接我，於一念頃，生極樂國。花開見佛，即聞佛乘，頓開佛慧，廣度眾生，滿菩提願。十方三世一切佛，一切菩薩摩訶薩，摩訶般若波羅密。

### 淨土發願文

*Sám Nhứt Tâm Quy Mạng.*

Một lòng cúi lạy đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc. Nếu muốn cầu sanh về Cực Lạc, trước phải thu tóm sáu căn với ngoại cảnh năm thức trước chẳng duyên theo, với nội tâm, ý thức không tán loạn, gọi là Nhứt tâm. Nhứt kỳ quả báo, gọi là thọ mạng với cái thọ mạng thì người ta ai cũng khó xả ra được, thế mà may người tu niệm Phật chẳng cung tiếc đến, duy nhứt tâm đem thân mạng quy y về Phật kia, để cầu chứng lên quả Vô Thượng Bồ Đề mà thôi.

Xin đem ánh tịnh soi con, thệ từ thân con. Đây là cầu Phật đem ánh tịnh quang và lời từ thệ sai và thân này vậy. Tịnh Quang: Phật kia ngài có cái ánh trí căn bản vốn tự thanh tịnh khắp soi pháp giới. Từ thệ: Là bốn mươi tám lời thệ nguyện của đức Phật Di Đà. Nhiếp ngã: Là thân nạp mà chiếu cố đến con. Chúng ta ai cũng do từ vô thi bị phiền não nó kết

thành nghiệp chướng đã quá ư lâu chắc, phi cầu Phật quang Từ thệ ngầm giúp thêm cho, thì tự mình đâu có thể dẹp dứt được, nên duy nhứt phải nguyện cầu. Con nay chính niệm xưng danh Như lai vì đạo Bồ Đề cầu sanh tịnh độ. Đây là rõ cái lý do cầu Phật vậy.

Trong Kinh Di Đà đã chỉ rõ niệm Phật bảy ngày đắc nhất tâm bất loạn, liền có thể hiện đời dùng chứng quả, dầu đời nay chẳng đặng nhất tâm thì đời kế đó, hoặc đời thứ ba cũng ắt sanh tịnh độ. Người mà có thể điều nhiếp được sáu căn, lấy cái tâm pháp giới, niệm Phật pháp giới, thế Phật duy tâm, mà tâm tâm cũng duy Phật, thì cảnh tịnh độ, đâu phải rời ngoài gang tấc ư? Phật xưa đã thệ: Nếu có chúng sanh muốn sanh nước ta chăm lòng tin ưa, nhĩn đến mười niệm, bằng chẳng vãng sanh ta không thành Phật. Đây là cử lên nhắc lại lời nguyện xưa của Phật để cho chúng sanh tin chắc.

Bốn thệ: Thuở xưa, hồi Phật còn làm quốc vương hy sanh ngôi nước, xả bỏ vinh hoa, đi tu làm vị Tỳ kheo, tên là Pháp Tạng, đối trước Phật Thế Tự Tại Vương, phát bốn mươi tám lời thệ nguyện, để rộng độ chúng sanh, đồng sanh về cực lạc. Nay dẫn lại lời thệ nguyện trên đó, tức là nguyện thứ mười tám. Chí **tâm**: Chăm lòng hoặc niệm Phật, mỗi ngày niệm lấy số mười niệm, ắt đặng vãng sanh.

Thập niệm: Mười niệm tức là mười hơn niệm Phật. Nghĩa là tùy cái hơi hoặc vấn hay dài, cứ hết một hơi (niệm đặng mấy câu cũng được) là một niệm, như thế, niệm mười hơi gọi là mười niệm, nhưng mỗi câu tùy tiếng và hơi thốt ra nơi miệng nghe vào nơi tai, chăm chú nơi tâm chẳng rời là cốt yếu, vậy là đủ mười niệm tức mười hơi.



Với các hiệu: Quán Âm Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi niệm hiệu niệm một hơi. Niệm các Thánh Hiệu rồi, kể đọc bài Hồi Hương Văn, hoặc đọc bốn câu: Nguyên sanh tây phương tịnh độ trung v.v.. cũng được.

Chánh giác: Tức là Phật vậy. Chính bởi pháp niệm Phật đây, khắp hợp cả ba căn đều là nguyện hạnh của đức pháp Tạng cảm thông nên có thể chí tâm chóng hiệu nghiệm như thế. Do nhân duyên niệm Phật đây, dặng vào trong biển thệ nguyện lớn của Như lai. Vâng sức từ của Phật, các tội tiêu diệt, căn lành thêm lớn. Nếu đến mạng chung, tự biết giờ đến thân, không đau khổ, tâm chẳng tham tiếc ý không điên đảo như vào thiền định. Đây là công niệm Phật đã thâm, nên cảm được hiệu nghiệm. Câu đầu là vâng ý trên, để dấy nghĩa dưới. Từ Đắc nhập... nhẫn xuống, đều nói sự cảm nghiệm. Nhân duyên. Chánh niệm là nhân Phật từ là Duyên. Biển đại thệ tức là bốn mươi tám nguyện lớn. Vì mỗi nguyện nguyện nào giáp khắp pháp giới như biển rộng không bờ mé. Nếu người mà bình thời chẳng tu niệm, trọn đời, chỗ tạo các nghiệp đều mạng chung thì cứ chỗ tạo nghiệp thế nào, nó hiện ra cảnh thế nấy, hễ cảnh phức tạp thì tâm tán loạn! Lại, hoặc người trong nhà vì ân tình mà quyến luyến, làm cho ý thức của kẻ sắp từ trần phải điên đảo! Lại từ vô thì đến nay, những chỗ đã làm các tội, hoặc lúc này, chúng đều hiện ra. Thế tất phải tùy theo nghiệp cảnh đoạ xuống Tam đồ.

Phật và các Thánh chúng, tay cầm đài hoa. Sen vàng đến đón tiếp con với chừng một niệm sanh về Cực Lạc quốc, tức qua bờ bên kia giải thoát. Bờ bên kia là Bỉ Ngạn: (S. Pārimaṃ, Tīram, Baryavasāna, H. 彼岸): Bờ bên kia, từ đối

xứng với Thử ngạn (此岸 bờ bên này), chỉ cho cảnh giới ly tưởng. Cõi mê muội cõi được xem như là bờ bên này, tức là cảnh giới sanh tử; thế giới giác ngộ là bờ bên kia, cảnh giới Niết Bàn (涅槃境界). Vì vậy, sang đến bờ bên kia được gọi là Đáo bỉ ngạn (S. Pāramitā, 到彼岸 âm dịch là Ba La Mật Đa, 波羅密多). Tại Nhật Bản, có Bỉ Ngạn Hội (Higane, H. 彼岸會), pháp hội tiến hành trong vòng 7 ngày, giữa Xuân phân và Thu phân, tương truyền do Thánh Đức Thái Tử (Shōtoku Taishi, 聖德太子) sáng lập. Từ đầu thời Bình An (平安 Heian, 794-1185), pháp hội này đã được tiến hành long trọng trong triều đình và đến thời Giang Hộ (Edo, 江戸 1600-1867) thì trở thành lễ hội trong năm. Trong thời gian 7 ngày này, tín đồ Phật tử cũng đến lễ chùa, viếng thăm mộ phần ông bà tổ tiên. Với ý nghĩa bỉ ngạn là thế giới giác ngộ và thử ngạn là thế giới mê lầm, Bỉ Ngạn Hội được xem như là hành sự của Phật Giáo hướng về thế giới giác ngộ. Hơn nữa, phát xuất từ việc quán tưởng mặt trời trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh (觀無量壽經); cũng như vào dịp Xuân phân và Thu phân, khi mặt trời lặn về hướng Tây thì quán tưởng cõi Tây Phương Tịnh Độ (西方淨土) của đức Phật A Di Đà (阿彌陀佛). Pháp hội này biến dung từ việc sung bái tổ tiên của Nhật Bản, trở thành pháp yếu cúng dường tổ tiên. Như trong Đại Trí Độ Luận (大智度論 Taishō Vol. 25, No. 1509) quyển 12, giải thích rằng: Dĩ sanh tử vi thử ngạn, Niết Bàn vi bỉ ngạn (以生死爲此岸, 涅槃爲彼岸 lấy sanh tử làm bờ bên này, Niết Bàn là bờ bên kia). Hay trong tác phẩm Ngô Thuyền Lục (吳船錄) quyển Thượng của Phạm Thành Đại (范成大 1126-1193) nhà Tống cũng có câu: Nhất thiết chúng sanh, đồng đăng bỉ ngạn (一切衆生, 同登彼岸 tất cả chúng sanh, cùng lên bờ giác).

Hoặc trong tác phẩm Kim Liên Ký (金蓮記), chương Cấu Gian (話妍), của Trần Nhữ Nguyên (陳汝元) nhà Minh, lại có đoạn: Tá cư Diệu Giác Thiền Lâm, từ tầm bỉ ngạn, tạm bạn Viên Thông Quán Chủ, cộng khả mê đồ (借居妙覺禪林, 徐尋彼岸, 暫伴圓通觀主, 共啟迷途 mượn chốn Diệu Giác Thiền Lâm, mong tìm bờ giác, bạn với Viên Thông Quán Chủ, cùng mở đường mê). Đây là cảm được Phật đến tiếp dẫn vậy. Hoá thân Phật của đức Di Đà.

Thánh chúng: Tức là Quán Thế Âm, Đại Thế Chí và thanh tịnh đại hải chúng. Số là người niệm Phật mà được chánh niệm thì duyên đời đã tàn tạ, duyên tịnh liền thành thực, với khi mạng chung, tự nhiên thấy chánh tay Phật cầm Kim đài, cùng các Thánh chúng và tràng phan bay, âm nhạc của chư thiên đồng đến nghinh tiếp, chỉ trong một niệm, liền về tới Cực lạc.

Hoa nở thấy Phật liền nghe Phật thừa, chóng mở Phật huệ. Đây là hoa nở chứng được chân nhân vậy. Hoa nở: Hoa bốn tâm nở ra. Phật thừa: Nhứt Phật thừa, tức kinh Pháp Hoa, tử dụ xe đại bạch ngưu. Phật huệ: Là Quyền trí, Thực trí của Phật, tức Kinh Pháp Hoa bảo Khai Thị Ngộ Nhập Tri Kiến của Phật.

Trong quyển Luận Đường Về Tịnh Độ (Luận Đường Về Tịnh Độ qua Truyện Tây Du Ký – cùng soạn giả), quyển 3 có đoạn: Đối với Hành giả Tâm thanh tịnh Vô vi, liền thể nhập và liễu ngộ giáo pháp Bất Khả Tư Nghì, Tuyệt Diệu Pháp, Pháp Bất Khả Thuyết; cũng gọi là Chánh Pháp nhãn tạng, Niết Bàn diệu tâm, Bất lập văn tự, Giáo ngoại biệt truyền. Giáo pháp này Thầy Trò tam tạng đã nhận lãnh, mà không cần tốn một xu!

Chúng nhập Bản tánh vô sanh, Như Lai tạng tánh, Vô minh thật tánh, Phật tánh, Nhất tâm chơn như... Như phần lược giảng tại hồi thứ 55, 56, và 57 nói về Lục Nhĩ Kiến Hầu, chỉ có Tôn Hành Giả thật và Tôn Hành Giả mới thật sự biết mình là ai. (ngoại trừ Như Lai). Còn tâm cũng thế, tâm vẫn là một (một Tôn Hành Giả), nếu đến mắt thì thấy, còn đến tai thì nghe v.v... tùy duyên phát hiện, vì còn vọng hoặc, lậu nghiệp nên sinh ra Lục Nhĩ Kiến Hầu.

Thế nhập Như Lai Tàng tánh, Bốn tánh nhưt như, là đến chỗ cao siêu tuyệt diệu, thành tựu Phật thân, chứng đắc Phật trí, diệu dụng Phật thừa, vượt ngoài suy nghĩ, luận bàn (bất khả tư nghì) của phàm phu nhị thừa; nếu còn suy nghĩ luận bàn được thì không phải là cao siêu tuyệt diệu. Bởi thế nên Đức Thích Ca đóng cửa thất tại nước Ma Kiệt Đà, ông Duy Ma Cật ngậm miệng tại thành Tỳ Xá Ly, Tổ Bồ Đề Đạt Ma ngồi ở động Thiếu Thất tại chùa Thiếu Lâm, day mặt vô vách chín năm, không nói một lời, cũng đều vì cái chân lý cao siêu tuyệt diệu, không thể luận bàn này vậy.

Phật trí bao la trùm khắp, sẵn có trong tất cả muôn loài. Ở trong loài nào thì nó là chủ nhân ông của loài đó.

Trong Đại Thừa Kim Cang Kinh Luận, Đức Phật nói:

Ở trong loài người thì gọi là Tâm tánh.

Ở trong loài trời thì gọi là Thiên tánh.

Ở trong hiền thánh thì gọi là Thánh tánh.

Ở trong Bồ Tát thì gọi là Phật tánh.

Ở trong Phật thì gọi là Thanh tịnh pháp thân”.

Nó bao la như vũ trụ, nó rộng sâu như biển cả. Vì vậy, dùng biển cả dụ cho Phật trí (biển Phật trí).

Trong sách Luận Đường Về Tịnh Độ (往生淨土論), quyển 3, nói về Hữu Tự Chân Kinh (有字真經) có đoạn: *Đờng một thể tánh chơn tâm*, nhưng trong mỗi con người tu hành cầu sanh Tịnh độ, luôn luôn xuất hiện hai con người trong từng bước đi giải thoát: Một con người của thanh tịnh, vô trước vượn thẳng đến giải thoát (nhận giáo pháp Bất Tư Nghì, tức Vô Tự chân kinh); một con người của tập khí sinh tử, làm trí tuệ giải thoát (không đủ khả năng nhận thọ pháp Bất Tư Nghì, nên buộc lòng nhận thọ Hữu Tự kinh văn). Hữu Tự kinh ứng với chúng sanh trong cuộc đời tương đãi, có sanh tử khổ đau – Niết Bàn an lạc, thật bất thật – không bất không, phiền não nhiễm ô – Bồ Đề tịch tịnh v.v.. đối đãi đa dạng trong cuộc đời, tạo nên biết bao đau khổ cho con người, nếu còn phân biệt thật giả có không, tức là còn sống bằng tâm sanh diệt đối đãi phiền não mê lầm. Vì tâm vô minh vọng động, chấp đây thật là Phật, kia thật là chúng sanh. Đó là điên đảo. Như người đang thức (dự chơn tâm) bỗng chốc buồn ngủ (dự vô minh). Khi ngủ chiêm bao thấy có hư không, thế giới, chúng sanh và mình (dự vô minh sanh ra thế giới, chúng sanh và tự ngã), rồi chấp cái thân và tâm trong chiêm bao kia là mình, mà bỏ cả cảnh thức tỉnh rộng lớn này đi v.v.. Tất cả hiện tượng vạn hữu hình thành từ chất liệu của bốn khoa và bảy đại. Rằng hiện tượng vạn hữu do ngũ uẩn tổ hợp mà thành. Từ ngũ uẩn lập ra 12 thứ sắc pháp. Từ ngũ uẩn lập ra 8 pháp tâm vương. Từ ngũ uẩn triển khai 51 thứ tâm sở. Từ ngũ uẩn diễn biến ra 24 thứ pháp bất tương ưng. Từ ngũ uẩn lập 95 pháp hữu vi và cũng từ ngũ uẩn mà lập 6 thứ vô vi pháp. Tất cả ngàn ấy thứ đều là hiện tượng của Như Lai Tàng,

từ chủng tử trong Như Lai Tàng duyên khởi biểu hiện mà ra, hay dòng sông tâm thức biến hành.

*Tán Lễ Tây Phương:*

(原出自宋。慈雲遵式。〈往生淨土決疑行願二門〉第二卷)

Tán lễ tây phương, Cực lạc thanh lương,  
 Liên trì cứu phẩm hoa hương,  
 Bửu thụ thành hàng,  
 Thường văn thiên nhạc kiên tương,  
 A Di Đà Phật đại phóng từ quang,  
 Hóa độ chúng sanh vô lượng giáng cát tường,  
 Hiện tiền chúng đặng ca dương  
 nguyện sanh an dưỡng.  
 Hiện tiền chúng đặng ca dương,  
 đồng sanh an dưỡng.

*Khen lạy Cực Lạc Thế Giới:*

*Kính lạy phương tây Cực Lạc vui vầy:  
 Hoa sen chín phẩm thơm lây, vật báu hàng cây.  
 Trời thường trời nhạc vang đầy,  
 hào quang Phật ánh sáng lớn thay!  
 Chúng loại không lường độ hoài, xuống đềm hay.  
 Bây giờ đại chúng khen bày:  
 Nguyện sanh nơi Cực Lạc.  
 Bây giờ đại chúng hướng tâm,  
 nguyện đồng sanh an dưỡng.*

是日已過命亦隨滅，如少水魚斯有何樂。大衆當勤精進，如救頭然但念無常，慎勿放逸。

Thị nhật dĩ quá mạng diệc tùy giảm,  
 Như thiếu thủy ngư, tư hữu hà lạc?  
 Đại chúng đương cần tinh tấn,  
 Như cứu đầu nhiên,  
 Đản niệm vô thường, thận vật phóng dật.

*Bài kệ răn khuyên Đại chúng:*

*Ngày nay lại đã qua rồi  
 Mạng căn huyết mạch lần hồi khô khao  
 Đường như cá cạn ở ao  
 Khổ thêm thì có chút nào vui đâu?  
 Đại chúng dốc lòng tinh tiến,  
 Cần tu tợ lửa đốt đầu,  
 Lòng luôn nhớ nghĩ vô thường,  
 Cần trọng chớ làm việc quấy.*

Kinh Xuất Diệu chép rằng: Biển nam bồng sóng vọt tràn lên rất dữ ngập đầm lên đất liền. bấy giờ có con cá lớn, trôi vào chỗ nước cạn, chúng tự bảo với nhau rằng: Chúng ta bị cái nạn đây, thì ngay khi nước tràn lan chưa giựt rút, nên phải ngược làn sóng để trở lại nơi biển cả, nhưng lại bị những thuyền ghe trở ngại, chẳng vượt qua được. Con cá thứ nhất rán hết sức nhảy vọt qua khỏi tàu; con kế đó lại nương cỏ rêu để lướt qua được; con thứ ba khí lực đã đuối sức rồi, bị kẻ cài lưới bắt đặng!

Phật thấy thế bèn nói bài kệ trên đó. Số loài cá nương nước sống, xem như nhà cửa lầu đài mà ở, nếu nước khô phải chết cũng như loài người nương nơi sanh mạng mà sống, nếu mạng giảm thì phải vong! thân mạng nó theo nơi sáng bóng của ngày đêm giờ phút mà giảm mòn qua, hình

hài nó theo tám điều khổ mà thiên chuyển, những cơn: Vô thường già, bịnh nó cho phép người hện đầy tử như cá ở chỗ nước cạn nào có vui chi.

Như trong kinh Bát Đại Nhân Giác, điều giác ngộ thứ nhất, đức Phật dạy: Cảnh thế gian vô thường, cõi nước thật mỏng manh. Thân tứ đại khổ không, ngũ ấm vốn vô ngã, luân sanh diệt đổi dời, luống dối không có chủ. Tâm nguồn sanh tội ác, thân nhiều việc chẳng lành. Như vậy mà quán sát, lần thoát ly sanh tử.

Cảnh đời đều vô thường, có hợp tức có tan, chớ sanh lòng sầu khổ, tướng thế gian là vậy phải chuyên tu tinh tấn sớm cần cầu giải thoát, dùng ánh sáng trí tuệ diệt trừ các vô minh nghi ám. Cảnh đời luôn hư giả, không có gì là bền chắc, các ông thường phải nhất tâm siêng cầu đạo Giải thoát. Đức Phật là bậc giác ngộ hoàn toàn, lời dạy của Ngài là những phương pháp hướng dẫn cho mọi người tu, chuyển nghiệp ác thành nghiệp thiện, chuyển mê mờ đăm trước thành giác ngộ sáng suốt. Nên chúng ta phải cần cầu học tu theo Phật, để được giác ngộ, ra khỏi mê lầm luân chuyển tử sanh.

Kinh Đại Bát Niết Bàn, quyển thứ 15, phẩm thứ 8 (Thánh Hạnh), rằng đây là một bộ kinh đồ sộ vào bậc nhất nhì trong kinh tạng Phật giáo, gồm cả thảy 42 quyển, đề cập đến hầu hết các phần tinh yếu của giáo lý Đại thừa... có kể một câu chuyện. Xưa có một người bị trúng mũi tên độc. Những thân nhân của người ấy vội vàng chạy đi mời thầy thuốc đến để nhổ tên ra, tìm thuốc giải độc và băng bó vết thương. Nhưng ông ta nhất quyết ngăn lại và muốn mọi người phải cho ông ta biết là tên độc ấy từ đâu bắn tới, tên ấy do ai bắn, tên ấy



làm bằng chất liệu gì... cũng như hàng loạt câu hỏi khác. Con người ngu si tội nghiệp ấy, chỉ vì muốn thỏa mãn những thắc mắc không cần thiết của mình, mất thời gian cho việc cứu chữa, cuối cùng phải bỏ mạng.

Từ lâu chúng ta mê lầm, mê mình mê vật, được thì mừng vui, mất thì buồn khổ. Song, người đời đầu có ai được hoai, đa số là mất nhiều hơn được, rồi đây sẽ mất luôn mạng sống của mình nữa! Mọi sự đau khổ cứ dồn dập! Người thân mất, ai mà không buồn, không rơi nước mắt. Chỉ khi nào thấu đạt được lý vô thường là một lẽ thật, chừng đó mới hết buồn hết khổ. Người thâm nhập được lý vô thường của Phật dạy, gặp thuận duyên hay nghịch cảnh, biết việc gì đến là phải đến, nên an nhiên bình thản đón nhận không loạn động bất an.

Học Phật là học đạo giác ngộ, chúng ta đem lời Phật dạy áp dụng ngay vào đời sống hằng ngày, đó là chúng ta tu để được giác ngộ như Phật. Kiếp người khổ, không ngoài những cái khổ mà Phật đã nêu là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, thương yêu xa lìa khổ, thù oán gặp gỡ khổ, mong cầu không được khổ, năm ấm hưng thịnh khổ. Đã giác ngộ thế gian là vô thường thì khi già mình không thấy khổ, khi bệnh mình không thấy khổ... Như vậy, già đến biết người có trẻ ắt có già, bệnh đến biết có thân ắt có bệnh, nó đến mặc nó, không lo buồn sợ sệt. Nhờ có tỉnh giác, mà chúng ta tự cứu mình thoát bao nhiêu cái khổ trong cuộc sống hiện tại. Người Phật tử muốn được kết quả an vui tự tại, thì ngay khi học Phật, liền đem lời Phật dạy ứng dụng vào đời sống

hàng ngày, bằng cách quán xét, nhận thức, huân tu. Như vậy lâu ngày, đối trước cảnh khổ mà người không tu đau khổ thống thiết, chúng ta vẫn bình thản an nhiên không bị chi phối. Tu như vậy ngay trong hiện đời sẽ hết khổ, chớ không phải chờ về Cực Lạc mới hết khổ. Nguyện về Cực Lạc cho hết khổ mà không lo tu tỉnh, đó chỉ là nguyện suông thôi.

Trong thực tế quanh ta, chuyện sống chết cũng không ít trường hợp diễn ra hoàn toàn không báo trước. Hôm nay gặp nhau, ngày mai không còn nữa. Vừa mới chuyện trò vui vẻ cùng nhau, phút chốc đã nghe tin dữ... Những chuyện như thế, quả thật không lạ lùng gì đối với bất cứ ai. Tuy nhiên, điều lạ lùng nhất là rất ít người thường xuyên nghĩ đến, nhớ đến thực tế ấy! Nếu người ta luôn nhớ đến điều này, cuộc sống hẳn đã tốt đẹp hơn nhiều lắm, bởi chẳng mấy ai lại còn có hứng thú để lao vào những cuộc tranh chấp hơn thua, gây gổ cùng nhau khi biết rằng cuộc sống quý giá này vốn rất mong manh, ngắn ngủi, là vô thường, là khổ - không, là vô ngã... Thế nên, phải thường giác ngộ tẩm thân là thuyền bè, là phương tiện... lại tạm bỏ vô thường, mà cần tinh tấn nỗ lực tu tập để đạt đến chân thường, vượt khỏi bờ bến này khổ đau trầm luân sanh tử, sang bờ bên kia an lạc giải thoát Niết Bàn.

自皈依佛。當願眾生。  
體解大道。發無上心。  
自皈依法。當願眾生。  
深入經藏。智慧如海。

自皈依僧。當願眾生。  
統理大眾。一切無礙。

和南聖眾 (終)

*Ba bài kệ Tự quy y Tam bảo:*

Tự về nương Phật, cầu cho chúng sanh  
Giải rõ đạo cả phát tâm vô thượng.

Tự về nương Pháp, cầu cho chúng sanh  
Thấm nhập kinh tạng, trí huệ như biển.

Tự về nương Tăng, cầu cho chúng sanh,  
Thống nhiếp các trí, tất cả không ngại.

Ba bài kệ trên đây; các câu đầu là Tự quy y ngô: Nhất  
Thế Tam Bảo, các câu kế đó, là quy y ngô: Biệt Tướng Tam  
bảo.

**Hoà nam – Thánh chúng (Lễ bái các vị Thánh chúng).**



### ***Cảm tán Mông Sơn Bất Động Pháp Sư Công Đức:***

Đời Tống nước Tây Hạ, chùa Hộ Quốc Nhân Vương, bộ Kim Cang, chức Pháp sư, tên Bất Động chép (tức là: Mông Sơn Cam Lộ Pháp Sư, trước tác Thí Thực Văn, cũng Ngài đó). Nhà Tống: Vua Thái Tổ họ Triệu, tên Khuôn Dẫn, xuất thân thành Lạc Dương làm quan nhà Châu chức Quy Đức Quân Tiết Độ Điện Tiền Đô điểm giản, về sau, nhân trận Trần Kiều việc binh biến chuyển, được các tướng sĩ đồng tôn lên, bèn được nhà Châu nhường ngôi mà có cả thiên hạ, đóng đô nơi Biện lương, đó là triều Bắc Tông Truyền đến vua Khâm Tôn kể có chín vị quân chủ, mà hai vua là Huy Tôn, Khâm Tôn đều bị nước Liêu Kim bắt cầm về phía bắc, em Khâm Tôn là Khương Vương đến thành nam kinh tức vị là vua Cao Tôn. Vua Cao Tôn lại sợ giặc Kim dấy binh, nên chạy qua Lâm an dựng thủ đô, ấy là Triều Nam Tống, truyền được bảy chủ rồi mất nước.

Tây Hạ: Từ ban đầu nhà Đường, phía Tây Bắc biện hộ họ Thác Bạt đến hàng phục, rớt nhà Đường ông Thác Bác Tư Cung trấn nơi Hạ Châu, bình định được giặc Hoàng Sào nên có huân công, cho quốc tánh là họ Lý, là chức Tiết Độ Sứ nơi châu Hạ châu Tuy, cháu con mỗi đời được noi theo tước hàm (như Công, Hầu, Bá, Tử, Nam), đến đời Thạch về sau, chưa hề vào triều ra mắt. Mãi đến đời Tống Thái Tổ, ông Lý Kế Bổng đem đất bốn châu: Hạ, Ngân, Tuy và Hiệu, hiến cho nhà Tống, lại các anh em họ Tần oán giận, tình nguyện lưu lại ở luôn nơi Kinh sư của Tống, Thái Tổ ban cho quốc tánh là họ Triệu, tên Bảo Trung, cho làm sứ nơi năm châu là: Hạ,

Tuy, Ngân, Hựu, Mật. Thuở vua Chân Tôn, em ông BỔNG là ông Kế Thiên đến hàng đầu, vua cho quốc tách là Triệu Bảo Các, trao cho chức Ná Sát sứ Châu Ngân, Quán không được bao lâu, y lại làm phản; cháu nội của y là ông Ngươn Hạo là một tay rất khéo dụng binh, tự xưng Hoàng đế, quốc hiệu là Hạ, tức là Tây Hạ. Vua Tống Nhân Tôn dùng hai ông Hoàng Kỳ, Phạm Trọng Yêm làm kinh lược từ đó bờ cõi đất Thiểm Tây mới được tạm yên. Sau đến thời Vua Lý Tôn bị đại binh của Bắc triều diệt đi, nước Tây Hạ bèn mất. Chùa Hộ Quốc Nhân Vương vị trí tại Hạ châu; Bộ Kim Cang là một trong năm bộ Du Già (sẽ rõ biểu đồ tứ phương tứ Phật sau). Bất Động là danh của Pháp sư, người bên Tây vực, có công tu pháp Kim Cang Bộ rất thuần thực, và đem pháp ấy hoằng truyền ra. Sau đã qua đến nước Hạ Châu (Tây Hạ), được vị quốc chủ ở đây trọng đãi, thường tụng Kinh Hộ Quốc Nhân Vương rất linh nghiệm, do vì có lòng hộ quốc hựu dân nên Hạ chủ tặng biển ngạch chùa là Hộ Quốc Nhân Vương Tự.

Bất Động Pháp Sư y theo Kinh Tam Thập Ngũ Phật Danh, Lễ Sám Văn trước thêm Năm mươi ba Phật, sau kế tiếp Phổ Hiền Thập Đại Nguyên, cộng thành một trăm lễ tám lạ, yếu chỉ đoạn trừ một trăm lễ tám điều phiền não. Văn Mông Sơn cũng do Ngài trích lục từ kim khẩu Phật thuyết chép ra. Thật hy hữu thay! Đã trên trăm năm lại đây và đến sau này nữa, các Chùa chiền am viện ở nơi nơi chốn chốn, nhiều lãnh thổ xa xôi, đều tuân làm thường khoá. Với cái công huân hậu đức của Bất Động Pháp Sư như thế thật không thể nghĩ bàn.

## THƯ MỤC THAM KHẢO



- Hòa Thượng Thích Thiện Tài, *Tồng Lâm Nghi Thức (bốn tập)*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2004.

- Hòa Thượng Thích Thiện Tài, *Tồng Lâm Nghi Thức (trọn bộ)*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2020.

- Thích Thiện Tâm, soạn giả *Niệm Phật Thập Yếu*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2009.

- Hòa Thượng Thích Hoàn Quan, *Phật Tổ Ngũ Kinh*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2007.

- Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, *Phật Học Phổ Thông*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2009.

- HT. Thích Thanh Kiểm, *Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2006.

- HT. Thích Từ Thông, *Pháp Hoa Kinh Thâm Nghĩa Đề Cương*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2010.

- HT. Thích Chơn Hỷ, *Thiền Lâm Nghi Thức*, tập 1 - 4. NXB. Văn Hóa - Văn Nghệ, Tp. HCM 2013.

- HT. Thích Chơn Hỷ, *Thiền Lâm Nghi Thức*, tập 5. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2016.

- HT. Thích Từ Thông, *Đại Bát Niết Bàn Kinh, Trục Chỉ Đề Cương*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2010.

- Thượng Tọa Thích Trí Hải, *Giáo Trình Kinh Hoa Nghiêm*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2016 (tái bản).

**Bản Hán Ngữ:**

01). 大正藏第 26 冊 No. 1519 妙法蓮華經憂波提  
CBETA 電子佛典 2014.04, 依大正藏所編輯

02). 明代行法有《瑜伽焰口施食科儀》。其後天機  
禪師刪其繁蕪，成為《修習瑜伽集要施食壇儀》。世簡  
稱為《天機焰口》。

03). 大正藏第 09 冊 No. 0262 妙法蓮華經CBETA電子  
佛典 2014.04, 依大正藏所編輯

04). 大正藏第 09 冊 No. 0263 正法華經CBETA 電子佛  
典2014.04, 依大正藏所編輯

05). 梵網經菩薩戒畧疏, 卅 Tục Tạng Kinh, No. 695

06). 大正藏第 09 冊 No. 0269 佛說法華三昧經CBETA  
電子佛典 2014.04, 依大正藏所編輯

07). 大智度論 Taishō Vol. 25, No. 1509

08). 梵網經菩薩戒本疏, 卅 Tục Tạng Kinh. No. 684 –  
Chánh, No. 1813

09). 大方廣佛華嚴經疏 Taishō Vol. 35, No. 1735

10). 佛說救拔焰口餓鬼陀羅尼經 CBETA 電子版, 大  
正新脩大正藏經 Vol. 21, No. 1313

11). 敕修百丈叢林清規Taishō Vol. 48, No. 2025



**Đạo hữu NGUYỄN THANH HUY  
và Gia đình  
Ấn tổng 500 quyển**

**LƯỢC GIẢI NHỊ THỜI KHÓA TỤNG**

# LƯỢC GIẢI NHỊ THỜI KHÓA TỤNG

Biên dịch: TT. THÍCH TRÍ HẢI



## NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi – Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội  
ĐT: (04) 37822845 – Fax: (04).37822841  
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
Giám đốc

## ThS. NGUYỄN HỮU CỐ

Biên tập : Nguyễn Thị Thanh Thủy  
Sửa bản in : Thích Nguyên Độ  
Trình bày : TN. Hạnh Tâm  
Bìa : Nguyễn Ngọc Phúc

Liên kết xuất bản:

## TT. THÍCH TRÍ HẢI

Chùa Thiền Lâm, Châu Thành, Đồng Tháp. ĐT: 0919191386

---

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm

Tại **CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM**

Trụ sở: 128/7/7 Trần Quốc Thảo, P. 7, Q. 3, Tp. HCM

Nhà máy in: Lô B5-8 Đường D4, KCN. Tân Phú Trung, Củ Chi, Tp.HCM

Số ĐKXB: 3661 - 2020/CXBIPH/ 01 - 103/TG

Quyết định XB số: 359/QĐ - NXBTG, ngày 02/ 10/ 2020

Số ISBN: 978-604-61-7210-9

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2020



